N° 72 Juin 1928

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT NHÀ DANH-SĨ NƯỚC PHÁP :
ÔNG PIERRE LOTI

Mới đây có điện bên Tây sang báo rằng ông Hàn-lâm PIERRE LOTI đã tạ-thế, năm nay thọ 73 tuổi.

Lại có điện tiếp theo nói rằng Chính-phủ Đại-Pháp định làm lễ quốc-táng và phái riêng một chiếc tàu chiến để rước linh-cữu ông tự nơi nhà riêng ra một cái cù-lao ngoài bể, là chỗ ông đã tự chọn để an-táng ở đấy.

Sau cùng có cái điện nữa nói rằng Quốc-Hội nước Thổ-nhĩ-kỳ, cảm cái ơn ông thủa bình-sinh vẫn có lòng bênh-vực yêu-mến người Thổ nước Thổ, quyết-nghị đóng một tấm bia kỷ-niệm bằng đá vào cái nhà ông thường ở khi sang chơi Kinh-đô Thổ-nhĩ-kỳ.

Thế-giới lúc này giữa là buổi đa-sự, những điện-tín hằng ngày toàn là thuật những việc quốc-tế quan-trọng : nào là việc chiếm-cứ sông *Ruhr*, nào là việc bồi-khoản nước Đức, nào là việc Hội-nghị *Lausanne*, nào là việc giao-thiệp Anh-Pháp, nào là việc giặc-giã nước Tàu, nào là việc « quá-khích » nước Nga, toàn là những việc tầy-đình cả, quan-hệ đến cuộc chiến-hòa trong thiên-hạ ; có mấy khi rảnh mà báo cho ta biết những tin-tức về văn-giới học-giới các nước. Vậy mà lần này báo tin ông Hàn-lâm LOTI chết, rõ-ràng như thế, tưởng cũng là tường vậy.

Ông LOTI là người thế nào, công-danh sự-nghiệp ông thế nào, mà đến khi khuất bóng được nước nhà tống-táng trọng-thể, nước ngoài kỷ-niệm ân-cần, và cái tin buồn trong giây-phút truyền đi khắp hoàn-cầu ?

Ông chỉ là một nhà làm văn, trong bốn năm mươi năm trời, làm được ngoài 30 quyển sách, để làm quà cho người đương-thời, tặng lại cho kẻ đời sau ; ấy sự-nghiệp ông chỉ có thế mà thôi.

Đời này là đời máy-móc, đời cạnh-tranh, làm ông võ-tướng giỏi chinh-phục được đất nước người, làm nhà công-nghệ to thu-đoạt được lợi-quyền lớn, sự-nghiệp ấy mới là to-tát lớn-lao ; chứ sự-nghiệp một nhà văn-sĩ đã thấm vào đâu !

Có thế thật, nhưng văn-chương dẫu không địch được với kim-tiền, với võ-lực, những cái thế-lực của văn-chương không phải là nhỏ. Nếu là văn-chương có giá-trị, cảm-động được lòng người, hoán-cải được xã-hội, phấn-khởi được tinh-thần, trau-dồi được nhân-cách, thời cái thế-lực ấy lại càng to và mạnh vô-cùng.

Ai bảo nước Pháp mạnh vì có tướng tài, có binh giỏi, có súng-ống nhiều, có máy-móc lắm ; tôi bảo không. Nước Pháp có thể đem sang đây hai chục cái tàu chiến để thị-uy với ta, ta trông thấy ta cũng khiếp thật, nhưng ta sợ mà ta không phục ; và nếu chỉ có thế để đàn-áp ta thì không những ta không phục, mà rồi ta cũng coi thường. Nhưng một bậc văn-hào như ông PIERRE LOTI,

có cái thế-lực mạnh hơn mấy vạn tinh-binh, mấy chục chiến-hạm, vì cái võ-lực đến làm cho người ta chết là cùng, mà văn ông cảm đến quả tim khối óc, làm cho chảy nước mắt ra được.

Tôi nói thế không phải là tán-dương hão. Văn-chương của qui-quốc tôi đọc cũng đã nhiều, mà văn ông LOTI tôi cho là một món thần-phẩm, kể về cái sức cảm-động thì cổ-kim Đông-Tây tưởng không có văn nào bằng.

Tôi còn nhớ hồi mới bắt đầu xem văn tây, đọc bộ tiểu-thuyết « Gái chán đời » (*Les Désenchantées*) của ông; không đầy một ngày đọc hết hơn 400 trang, càng đọc càng như phá quả tim, đến sau không thể cầm lòng nhịn khóc được. Ngày nay hồi-tưởng lại cái nước mắt thủa 17, 18 tuổi ấy, nghĩ cũng buồn cười, thực là :

Khéo dư nước mắt khóc người
phương Tây !

vì cứ như cái tính-cách người mình bây giờ, những nỗi đáng thương, đáng khóc, đáng thở dài, tưởng cũng chẳng thiếu gì, còn đâu là nước mắt thừa mà khóc thay mấy cô con gái Thổ-nhĩ-kỳ trong bộ tiểu-thuyết nọ ? Tuy vậy, dẫu đến ngày nay gặp những lúc tê-tái trong lòng vì những điều trông thấy, giận người đời không biết bao nhiêu mà kể, tình-cờ mở một quyển sách của ông, bất-cứ sách nào, đọc độ mươi lăm trang giấy, bao nhiêu nỗi căm-hờn tiêu-tán đi hết cả, mà cái tình thương nhân-loại như lai-láng khắp trong lòng. Dù là những bài văn nhỏ vặt, thuật chuyện con chó con mèo, tả cảnh đi rừng đi núi, hay là những trường-thiên đại-đoản, cùng những tiểu-thuyết ba bốn trăm trang, sách nào của ông cũng như chan-chứa một cái giọng từ-bi bác-ái, một tấm lòng ta-ngã ái-tha. Văn-chương của các danh-gia khác có lẽ thâm-trầm hơn, diễm-lệ hơn, hàm-súc hơn, hùng-hồn hơn ; không văn ai có cái giọng thiết-tha cảm-thống bằng văn ông. Dẫu người rất vô-tình, đọc đến cũng phải động.

Tôi không dám nói rằng đã hiểu biết tâm-lý của đồng-bào ta, vì người mình không thể xét người mình được. Nhưng có khi nói chuyện với người Tây, thường nghe họ bình-phẩm người Nam mình, nói rằng : « Người An-Nam cũng có nhiều tính tốt như nhẫn-nhục chịu khó, nhưng phải cái vô-tình lắm, không có lòng thương-xót kẻ đồng-loại, không có chút từ-bi bác-ái gì cả. » Một người Tây thuật chuyện rằng : « Một hôm tôi đi qua con đường nhà quê, thấy người đàn-bà đẻ đường, đương đau đẻ, mặt nhăn-nhó, vừa ôm bụng vừa kêu, máu-me lênh-láng cả đường. Bao nhiêu người qua lại, già trẻ lớn bé, cứ điềm-nhiên mà đi, chẳng hề người nào dừng lại để cấp-cứu cho người đàn-bà khốn-nạn ấy ; lại có kẻ vừa đi vừa tủm-tỉm cười như có ý chế-nhạo nữa. Tôi phải xuống ngựa, ray tay mắm miệng, hò-hét bọn qua đường, họ cũng làm thinh, đánh trống lảng cả. Gọi mãi mới được cái xe kéo, thằng cu-li cũng hững-hờ ra ý không muốn giúp, sợ bẩn xe chăng ? Không biết nước ông có cái tục mê-tín gì về người đàn-bà đẻ, nhưng trông thấy thế tôi lộn ruột quá, tự-nghĩ giống gì mà giống vô-tình như thế. » — Tôi cắt nghĩa cho ông Tây ấy nghe về sự mê-tín « đồ cung long » của người mình, — cái hủ-tục ấy từ tôi cũng không giải duyên-do thế nào, — song cũng là một câu cắt nghĩa cho xong chuyện, chứ tự trong bụng cũng phải chịu nhận rằng lời bình-phẩm của người Tây là phải : giống mình là một giống vô-tình thật. Không phải xét đâu xa, nhận ngay cách ăn-ở với nhau trong gia-đình, trong hương-đảng, trong xã-hội, những nông-nỗi mẹ chồng nàng dâu, chị dâu em chồng, vợ cả vợ lẽ,

mẹ ghẻ con chồng, láng giềng hàng xóm, đàn anh đàn em, quan cả dân hèn, v. v., thật là lòng ân-ái ít, thói lãnh-đạm nhiều, không những lãnh-đạm, nhiều khi lại tương-tường tương-hại nhau nữa. — Thế mà đọc đến thơ văn của các ông văn-sĩ mới ta, thì chỉ thấy nói những chuyện tình chuyện cảm, mới biết văn-chương của mình không phải là bình-ảnh chân-chính của tâm-tính người mình.

Câu chuyện ấy tựa-hồ như lạc cái đầu-bài bình-luận văn-chương ông LOTI, nhưng kỳ-thực có quan-hệ với bài này lắm. Ta đọc sách của các bậc danh-sĩ Thái-Tây đời nay, không một là để mở-mang trí-thức, tăng-tiến sự học-biết, sự suy-nghĩ của ta, lại còn để sửa-sang tính-nết, di-dưỡng tính-tình, gây lấy, nuôi lấy những cái tình-cảm êm-ái ở trong lòng. Những tình-cảm ấy không tất là phải kết lại thành « khối », quấn lại thành « mối », mà uốn-éo ra những giọng ai-oán sầu-thảm để làm rối trí những kẻ thanh-niên thơ-dại. Những tình-cảm ấy phải lai-láng khắp trong lòng, thấm-nhuần cả khối óc, để trước là nuôi lấy cái tính-tình cao-thượng của mình, sau là đem lấy một tấm lòng nhân-từ hữu-ái để đối-đãi với kẻ đồng-loại trong sự giao-tế hằng ngày.

Văn-minh không một là ở tài-trí, cũng ở tính-tình nữa. Biết ân-yếm người ta, biết thương-xót kẻ khác, biết trông thấy những cảnh bi-đát mà động lòng, biết ngẫm-nghĩ số-phận con người mà cảm-xúc, biết nghe tiếng con chim lạc đàn mà lạnh-lẽo, biết trông thấy người vợ chinh-phu mà trạnh lòng, tưởng còn hơn là khôn-ngoan đủ điều, tài-giỏi trăm khoé, mà ăn-ở với kẻ đồng-loại không có chút cảm-tình gì. Tức như sách tây nói rằng văn-minh thuộc về phần *hồn* (tức là tính-tình) cũng chẳng kém gì thuộc về phần *trí*.

Người mình phần *trí* kém đã cố-nhiên rồi, phải nên kịp mà theo-đòi học-thuật của Thái-Tây; đến phần *hồn*, như người nước ngoài bình-phẩm trên kia, cũng lại kém nốt, vậy cũng phải tìm sách tìm thầy mà bồ lại cái tính-tình khuyết-điểm ấy.

Tôi xem văn-chương ông PIERRE LOTI thật là giàu những tài-liệu có thể giúp ta trong việc giáo-dục về phần *hồn* đó. Bởi thế mới viết bài này, cốt là để giới-thiệu cái văn-chương ấy cho người nước ta biết.

∴

Ông PIERRE LOTI chính tên là JULIEN VIAUD, tên LOTI là hiệu làm văn của ông, nhưng ông nổi tiếng bằng biệt-hiệu ấy, nên thiên-hạ chỉ gọi bằng hiệu, không gọi bằng tên bao giờ. Ông vốn làm quan thủy, tự ngoài hai-mươi tuổi bềnh-bồng trên khắp các mặt bể, đỗ tàu ở khắp các phương trời: Đông-Á, Tây-Âu, Nam-Phi, Bắc-Mĩ, không một cõi đất nào là túc-tích ông không tới nơi. Bao nhiêu những cảnh đẹp, cảnh lạ, cảnh vui, cảnh buồn, cảnh êm-ái, cảnh đìu-hiu, ông đã từng trải qua cả. Tai ông nghe đủ thứ tiếng, mắt ông trông đủ các mầu. Bao nhiêu những hình-sắc thanh-âm trong trời đất, ông thu cả vào trong khối óc mà luyện thành một lối văn-chương rất réo-rắt véo-von.

Sơ-tâm ông có phải muốn làm nhà văn-sĩ đâu. Tự thủa nhỏ ông đã có thói quen giữ một quyển nhật-ký hằng ngày ghi-chép những sự cảm-tưởng của mình. Trong sách « Tiểu-thuyết đứa trẻ con » (*Roman d'un enfant*), tức là bộ tiểu-sử của ông thủa đồng-ấu, ông nói rằng: « Từ khi còn nhỏ tôi đã thích viết rồi, nhưng viết để xem riêng một mình, giấu kỹ không cho ai biết... Cái đời trẻ con của tôi còn có chuyện gì nữa mà biên vào nhật-

ký, nhưng biên là biên những sự cảm-tưởng phất-phơ, như buồn-rầu lúc buổi chiều, thương nhớ mùa hạ cũ, mơ-tưởng những cõi xa... » Sau lớn lên đi tòng-quân khắp mọi nơi, cũng không hề dời quyển nhật-ký, duy những sự cảm-tưởng phất-phơ lúc thủa nhỏ thành những sự cảm-tưởng thống-thiết của một người rất giàu cái lòng từ-bi bác-ái, rất sành cái giọng vịnh-thán tư-ta.

Những tập nhật-ký ấy, chủ-ý chỉ để xem riêng một mình, sau có người khuyên đem công-bố cho đời, từ đấy mới in thành sách, chứ sơ-tâm ông có phải là làm sách để đem bán đâu. Cho nên trong bài diễn-thuyết của ông ở Hội Hàn-lâm, buổi ông được nghênh-tiếp vào chân Hội, có câu nói rằng: « Tôi bình-sinh có *làm sách* bao giờ đâu; — chỉ khi nào trong bụng tôi băn-khoăn về một sự gì, trong lòng tôi đau-đớn vì một điều gì, tôi mới cầm bút viết mà thôi, — cho nên trong sách của tôi chỉ nói chuyện tôi nhiều... »

Bao nhiêu sách ông, toàn là nhật-ký của ông cả, dẫu có giảm ba quyển đổi tên người, đặt chuyện khác đi, nhưng cũng là những sự kinh-lịch cảm-tưởng riêng của ông xếp-đặt lại mà thôi.

Nhưng cớ sao ông dụng-tâm bút-ký như thế? Là ông cho rằng cuộc đời như một giấc mộng, mà *nhân-sinh thiên-địa-gian chi nhất nghịch-lữ*, bao nhiêu những sự xảy ra, bao nhiêu những cảnh bày ra, cho đến người ta chịu đựng những sự ấy, cảm-giác những cảnh ấy, đều là vi-vút như bóng bạch-câu, long-lanh như sương buổi sớm, phút còn phút biến, vì tai ta nghe, mắt ta trông, lòng ta cảm, mà ta không có cách gì ghi-nhớ lấy, thời hết-thảy sự-vật là hư-không cả, mà thân ta cũng chung-qui chốn hư-không. Ông nói rằng: « Tôi cầm bút viết là để chống nhau với cái cuộc phù-sinh bào-ảnh này, để cố lưu lại cho nó dài thêm lâu thêm ra một chút những cái vang cái bóng thoảng qua, những cái mà lòng tôi đã luyến-ái, bụng tôi đã cảm-thương. »

Biết cuộc đời là mộng-ảo, cõi thế là sắc-không, mà không thể không đem lòng lưu-luyến, theo như lời thơ tây nói rằng:

Aime ce que jamais tu ne verras deux fois

(Nên yêu-mến cái gì không trông thấy hai lần).

Yêu-mến những cái gì không trông thấy hai lần, thời trong sự yêu-mến ấy đã có ý xót-sa thương-tiếc rồi. Cho nên phàm văn-chương tả-cảnh tả-tình của ông Loti đều có cái vị thừa cay-đắng, cái tiếng rớt ngậm-ngùi, lại càng tăng thêm sức cảm-động vậy.

Có nhà phê-bình đã nói rằng: « Văn-chương của ông Loti là một bài trường-hận-ca về sự *chết*. » — Sự *chết* là gì? Là sự chuyển qua từ chốn hiện-tại đến cõi hư-vô. Mỗi cái lá rụng, mỗi cái hoa tàn, mỗi buổi ác tà, mỗi buổi trăng lặn, mỗi cái tình-cảm phai đi, mỗi chút nhớ thương nhạt đi, là một cái cảnh chết cả, đối với người đa-cảm cũng thảm-thê bi-đát như cái chết hiển-nhiên ghê-gớm kia, nó làm cho « véo mồm, trợn mắt, cứng tay, đờ chân », biến thân-thể người thành một đống thịt thối trùng ăn. Cảnh-sắc dẫu đẹp đến đâu, người ta dẫu khôn đến đâu, cảm-tình dẫu sâu đến đâu, ân-ái dẫu nặng đến đâu, rồi cũng có một ngày, một giờ, một phút, một giây, qua từ chốn *có* đến cõi *không*, rơi vào cái vực sâu thiên-cổ kia, không còn để lại chút tăm-tích gì. Cái ngày, cái giờ, cái phút, cái giây ấy, lúc nào ta cũng như nơm-nớp, không biết nó trúng vào lúc nào. Nay muốn cho cái kỳ-hạn nó dài nó xa ra một chút, thời « những người những vật thoảng qua trước mắt ta » (*Figures et choses qui passaient,*

tên sách), « những bóng những vang lướt qua trên đường ta » (*Reflets sur la sombre route*, tên sách), ta nên cố ghi lấy, để khi đến lượt ta có qua đi, cũng còn để tí dấu vết lại.

Ấy cái thâm-ý văn-chương của ông Loti như thế, nên cái đặc-sắc văn-chương ấy là sự thành - thực. Có thành-thực mới cảm-động người ta được như thế. Sách ông công-bố cho thiên - hạ xem mà tựa - hồ như chỉ viết riêng cho một mình, lời lời như ở trong quả tim, trong khối óc mà truyền ra, cho nên cũng cảm sâu đến quả tim khối óc của người đọc. Văn-chương như thế, không biết có thể gọi được là « văn-chương » nữa không, vì tính-cách của văn-chương là xếp-đặt những lời hay ý đẹp để khoái-trá người ta, nhưng tác-giả đây có quản gì đến người đọc người xem đâu, viết ra chẳng qua chỉ là để ghi lấy những cái bóng cái vang nó thoảng qua tai mắt mình, cái tình cái cảm nó lướt qua tâm-tư mình mà thôi.

Cho nên một nhà phê-bình nữa lại có câu nói rằng : « Loti tiên - sinh là biệt-lập ra ngoài cõi văn-chương. Tiên-sinh là một ngọn cô-phong độc-tú. Ai dám gọi tiên-sinh là nhà văn-sĩ, nhà tiểu-thuyết tầm-thường ; tiên-sinh không phải là nhà tiểu-thuyết, nhà văn-sĩ như người ta. Tiên-sinh là một bậc tuyệt-phẩm-tao-nhân, tiên-sinh là một bậc giáo-sư của hồn mộng (*un prêtre du rêve*). Loti tiên - sinh không phải là người hiếu-kỳ cặm-cụi mà khảo-sát sự - vật, không phải là người trí-thức múa bút mà thảo-luận nghĩa-lý ; tiên-sinh là tình, là cảm, là tuệ-nhỡn, là linh-hồn. Cái gì đã xúc-động đến cảm-tình tiên-sinh, cái gì đã cảm-kích đến linh-hồn tiên-sinh, thời tiên-sinh truyền-đạt tới tâm-tư trí-não ta bằng một phép thần-thông huyền-diệu, khiến cho ta như đặt mình vào giữa những sự cảm-giác ấy và nâng ta lên những cõi tuyệt vời . . . »

Lại nói rằng : « Bao nhiêu sách của tiên-sinh, xếp cả trước mặt tôi đây, từ quyển đầu tiên tới quyển mới xuất-bản vừa rồi. Trong thư-viện tôi, mấy bộ sách đó là phần sáng-sủa nhất. Trong ba-mươi quyển sách ấy, là gồm cả cái cảnh thú trong trời đất, cả cái khổ-não của loài người, cả cái ái-tình trong mộng-thế. (*Ces trente volumes contiennent toute la féerie du monde, toute la souffrance humaine et tout l'amour*). Tôi không hề cầm tới mà không cảm-động. Bất-cứ quyển nào, mở ra đọc cũng là làm cho tôi xôn - xao trong lòng ; bất-cứ quyển nào cũng là xúc-động tới quả tim tôi như động vào cái giây đàn, có thể làm cho tôi mê hồn, cũng có thể làm cho tôi đứt ruột ; không có sách nào của người nào có cái sức thần-thông mà cảm tôi được sâu như thế, sâu tới nơi mầm-rễ của tinh-tình, tới nơi phát-động ra những tình sầu-cảm, thương-nhớ, mến-yêu ; mà quyển nào cũng có cái khí-vị buồn, buồn đến xé ruột ra, buồn vì nỗi quang-âm vi-vút, người yêu cảnh đẹp không bền, bỗng dơ tay ra đón lấy thời chỉ còn có chút gió thoảng hơi qua mà thôi, cùng với nỗi thương-tiếc nhớ-nhung nó nung-nấu trong lòng . . . » (1)

Ấy cái ảnh-hưởng của văn-chương ông Loti như thế.

Trong bài diễn-thuyết của ông ở Hội Hàn-lâm, ông có tự-khiêm mà nói rằng : « Nhà văn-sĩ nào đem cái tài văn-chương của mình để cổ-động cho một cái thuyết về luân-lý, nếu cái thuyết ấy lại là hay và chánh-đáng, thời còn có giá-trị hơn là những kẻ làm văn kia, dẫu có làm được cho người ta vui tai khoái-trí, nhưng không

(1) Paul Faure, *Méditation sur Loti*. — (1921).

được hiệu-nghiệm việc gì, — vì như kẻ đương nói đây, không hề kết-luận điều gì, chỉ biết tỏ cái tấm lòng sợ-hãi ở trước cảnh vũ-trụ bao-la, thở những tiếng kêu ai-oán đối với cái chết hãi-hùng... »

Ông nói vậy, nhưng một kẻ tao-nhân có cần gì phải nghị-luận, miễn là cảm-động được người ta là đủ. Nay văn-chương ông đã có cái sức cảm-động như thế, dẫu không tăng-tiến được phần *trí*, đã mở rộng được phần *hồn*, huống lại có những cái đặc-sắc thanh-cao nhã-thú như trên, tưởng còn siêu-việt hơn những lối văn nghị-luận, văn cổ-động gấp mấy mươi lần vậy.

Vả ông nói rằng ông không hề kết-luận điều gì bao giờ; nhưng mà những đoạn văn như đoạn sau này, há chẳng phải là những lời kết-luận rất thiết-tha và rất thâm-trầm dư? Cuối sách « Viếng cảnh đền Đế-Thích nước Cao-miên » (*Le Pélerin d'Angkor*), có một đoạn văn tuyệt-bút, ở sau cùng có kết một câu rằng :

« — Ôi! cái thần Đại-Từ Đại-Bi càng ngày tôi lại càng đem lòng tin tôi muốn dơ tay lên để cầu-cứu, vì tôi từng khổ-não đã nhiều, đi khắp gầm trời, trải khắp cảnh lạ, chỗ đẹp như bồng-lai, chỗ ghê như địa-ngục, đi đến đâu cũng thấy người đau-khổ, đi đến đâu cũng thấy người than-khóc, đi đến đâu cũng thấy người cầu-nguyện.... Cái thần Đại-Từ Đại-Bi, phải có mới được, dù gọi tên gì mặc lòng, phải có để những khi sinh-tử biệt-ly, đứng đấy mà nghe lấy những tiếng gào-khóc vô-hạm-thảm-thê, không thời cái Tạo-vật kia, không thể cho là giống vô-tri vô-giác được nữa, hèn quá xấu quá, thành ra cái Oan-nghiệt vô-ngần ... (1) »

Văn-chương mà đã đến một bậc thâm-trầm thống-thiết như thế, thời tưởng cổ-kim Đông-Tây cũng ít có vậy.

. . .

Bàn về một nhà làm văn, phải trích-lục những văn-chương của nhà ấy để dẫn-chứng. Nếu nhà làm văn ấy là một người ngoại-quốc, thì phải phiên-dịch những đoạn văn trích-lục ra: đó là một sự khổ-tâm cho người dịch-giả. Cổ-ngữ La-mã có câu : « Phiên-dịch ấy là làm phản vậy. » Dịch văn-chương, thiên-vạn-cổ không bao giờ đúng được. Lại dịch văn-chương như văn-chương ông Loti, thời lại càng khổ-tâm hơn nữa. Dịch văn Loti, không khỏi có kẻ thức-giả cho là ngông-cuồng bất-tự-lượng, vì văn ông là thứ văn không thể dịch ra ngoài tiếng Pháp được. Song bình-luận về văn-chương ông Loti mà không trích ra mấy đoạn để làm chứng, thì cũng không được : người thông Pháp-văn có thể đọc sách ông đã đành, người không biết chữ Tây thì nghĩ sao? Cho nên cũng phải dánh liều dịch mấy thiên như sau này, để giới-thiệu văn-chương ông Loti cho các bạn đọc báo. Hoặc các ngài đọc mà thấy nó chẳng-chẳng chẳng ra gì, không xứng-đáng với những lời tán-dương ở trên kia, thì tội đó là tự dịch-giả, không phải tại văn ông Loti, nhưng cũng xin lượng cho rằng dịch-giả đã khốn-tâm lắm vậy.

(1) « Le Souveraine Pitié, j'incline de plus en plus à y croire et à lui tendre les bras, parce que j'ai trop souffert, sous tous les ciels, au milieu des enchantements ou de l'horreur, et trop vu souffrir, trop vu pleurer, et trop vu prier... Il faut qu'elle existe, quelque nom qu'on lui donne; il faut qu'elle soit là, capable d'entendre, au moment des séparations de la mort, notre clameur d'infinie détresse, sans quoi la création, à laquelle on ne peut raisonnablement plus accorder l'inconscience comme excuse deviendrait une cruauté par trop inadmissible, à force d'être odieuse et à force d'être lâche....» (*Le Pélerin d'Angkor*).

Ông văn-sĩ ABEL BONNARD dịch mấy bài Đường-thi của Bạch Lạc-Thiên ra chữ tây, có nói rằng : « Tôi muốn trích-lục ra đây mấy bài thơ Tàu. Nhưng mà xin độc-giả trước khi cầm lên đọc phải nghĩ cho rằng những bài thơ ấy trước khi sang đến ta, đã phải qua đường đất xa-xôi biết bao nhiêu. Đời xưa vua chúa các nước biết tiếng nhau thường sai sứ đem những của báu sang tặng lẫn nhau. Bộ-sứ bắt đầu đi cũng là bâng-quơ không biết rõ xứ-sở nào. Lúc khởi-hành thời lễ-vật châu-báu biết bao nhiêu mà kể. Nhưng mà đường đi thiên - nan vạn-nan, núi sông cách-trở, lại gặp những giặc-cướp vô-số, bóc-lột mất nhiều ; đến khi tới nơi thì quá nửa đồ châu-báu mất cả. Thơ chữ Tàu mà chuyển-dịch sang chữ Pháp, cũng tức như người đi sứ đó, đường đất xa-xôi, giao-thông cách-trở, từ thế-giới Thái-Đông sang thế-giới Thái-Tây, đã mất đi quá nửa những chân-châu bảo-ngọc lúc mới đầu. Sang đến tay ta, họa còn được hòn khuê-bích nào, đủ chứng rằng lễ tặng bậu. Nhưng mà thế cũng còn đáng được chút cảm - tình một người khách phương xa vậy... »

Dịch-giả đây cũng xin mượn mấy lời đó để tự-giải. Sau đây là dịch bốn thiên trong văn-tập của ông LOTI.

Một thiên : *Cảnh bể về miền nhiệt-đái*, thuộc về lối văn tả-cảnh.

Một thiên : *Thương hão*, vừa tả-cảnh vừa tả-tình.

Một thiên : *cái buồn của tên tù già*, văn ký-thuật kiêm tả-tình.

Một thiên : *Viếng bà Lệ-Xuyên*, văn tả-tình.

Hán-văn thường cho bài « Hàn-Dũ tế Thập-nhị-lang » là văn tả-tình có giọng lâm-li hay nhất ; bài *Viếng bà Lệ-Xuyên* đây, có giọng chiền-miên tưởng còn hay hơn. Nhưng không biết dịch có ra gì không ?

I

Cảnh bể ở vùng nhiệt-đái

«... Tôi tòng-sự hải-quân, lần đầu đi bể, còn nhớ một buổi chiều kia như được cảm-thông tiếp-xúc với cái sinh-hoạt nó chan - chứa trong vùng bể nhiệt-đái này. Đấy là giữa bể Đại-tây-dương, gần đường xích-đạo, vào miền hay có mưa to nồng-nàn, như những trận mưa rào về hồi thế-giới còn trong buổi hỗn-mang. Lúc ấy là về chiều, trời quang-đãng, ở miền này không mấy khi được như thế. Không có một đám mây, không có một tí gió. Mặt trời đỏ ói, sắc trời xanh ngắt ; thật là rực-rỡ, thật là sáng-sủa. Trong khoảng-không lấp-loáng, bát-ngát mênh - mang, có hai cái tàu đứng yên-lặng, đã mấy hôm nay đứng đấy vì không có gió, chỉ thấy hơi rung-rinh một tí : cái của chúng tôi, với một cái nữa ở đàng xa kia, trong đám trời quang khí nóng nọ, không biết là cái nào.

« Vào khoảng bốn năm giờ chiều, giữa lúc mặt trời bắt đầu vàng úa, tôi được cử đi một chiếc thuyền con ra thăm người khách trảy khơi kia mới làm hiệu gọi. Đi đến giữa đường, nhìn rộng chung quanh, đàng trước đàng sau hai cái tàu đứng yên-lặng, bấy giờ một mình đối với cảnh trời nước phẳng-lặng bao-la, có một cái cảm-giác trang-nghiêm tôn-trọng vô-cùng. Thuyền thì nhỏ, thành thì thấp, sáu tên lính thủy cầm chèo, bị trời nóng-nực uể-oải, một mình đứng giữa bể cỏn-con, tưởng-tượng như đi trên một cái bãi sa-mạc lung-lay, mà không phải là cát, chính là một thứ sà-cừ vân-mẫu gì chuốt bóng nhoáng, mà lại có lấp-loáng những ánh đo-đỏ. Bấy giờ có sóng-đáy rất to, nhưng mà êm-mềm như không, như luồn-lướt dưới chân, không có động-đậy ; sóng đưa đâu tự tịt-mù-xa đàng này đến tận tít-

mù-xa đàng kia, thành từng đám nhấp-nhô dài mà phẳng, như những gò những đồng nước lớn, kéo lên ngổn-ngang mà từ-từ như có dịp vậy, khác nào như những lưng giống vật lớn kỳ-dị, nhưng mà lừ-đừ, không dữ-dội gì. Dần-dần thấy tự-nhiên bồng lên, lên tận trên ngọn một cái gò cái đồng lướt qua và xanh ngắt đó; bấy giờ nhác trông thấy trong khoảnh-khắc những khoảng-không bát-ngát vô-cùng và trói-lọi ánh sáng, có cái cảm-giác ghê mình như bị một cái vật gì trói-chẳy nó đô mình lên cao như thế, rồi nó sẽ rút đi, nó sắp sụt xuống bây giờ đây. Quả-nhiên cái núi dâng lên cao, rồi bị dẹp xuôi xuống, vẫn cứ êm lướt đi, mà từ-từ đưa mình xuống thấp vậy. Lên xuống như thế, cứ phẳng-lặng như không, không có tiếng, không có động. Cũng không biết chắc rằng có phải tự mình xuống không; tưởng giá chóng mặt một tí thời có lẽ cho rằng chính chân trời tự-nhiên lún xuống dây biển vậy... Bấy giờ thấy mình ở giữa một cái thung-lũng rập-rờn, hai bên hai trái núi lấp-lánh những vẻ sả-cừ mà đương chuyển-động, một bên chạy đi, là bên mình mới lướt xuống một cách dung-dị như thế, một bên thời cũng y như bên kia mà đương sừng-sực tiến đến. Nước thì nóng, đặc như dầu, đưa mình đi nhẹ bỗng như cái lông hồng; sắc nước xanh ngăn-ngắt, tưởng như nhuộm bằng châm đặc vậy.

«Cúi xuống lấy một ít vào trong lòng bàn tay, thời thấy đầy hàng muôn vàn ức triệu những cây nhỏ cùng vật nhỏ, như dông xít, như đặc kịt những giống sinh-vật vậy. Chung quanh mình cũng có thấy những giống ốc bể, gọi là «ốc buồm», vì nó nổi lềnh-bềnh trên mặt bể, theo chiều gió như chiếc thuyền buồm vậy; thứ nhất là có hằng-hà-sa-số những giống sứa bể, bình-bồng trên mặt nước, giương miếng da đo-đỏ mùi son, tựa-hồ cái buồm, để hóng lấy tí gió thoảng qua; làm cho mặt bể trông như bãi sa-mạc xanh ngắt, mà có rắc những cách hoa bằng thủy-tinh đỏ vậy....» (1)

II

Cái buồn của một tên tù già

«Chuyện tôi thuật lại đây là một chuyện nhỏ-mọn, một buổi tối kia anh Y-vệ tôi đã kể cho tôi nghe.

«Bữa ấy anh tôi đi theo cái thuyền binh, điệu ra ngoài bể n một mớ tù phải đi đầy Tân-Ca-lê-đô-ni.

«Trong số có một tên tù già lắm (ít ra cũng bảy-mươi tuổi), có đem theo một cái lồng nhỏ, trong có con chim sẻ con, ra dáng chân-trọng lắm.

«Anh tôi, nhân đứng không, hỏi chuyện lão. Coi lão không ra mặt ninh-ác gì, nhưng cùng xích chung với một chàng trẻ tuổi, thật là tay mạt-hạng-du-côn, mắt cận-thị, đeo nhỡn-kính, mũi thon-thon, mặt tái mét.

«Tội lão là tội cướp đường cướp chợ già đời, bị bắt đã năm sáu lần, kết án ăn trộm và du-thủ du-thực. Lão nói rằng: «Khốn lắm! thưa ông, đã ăn trộm một lần rồi, không sao chừa được nữa; nghề-nghiệp thì không có, làm thuê làm mướn ở đâu cũng không ai dùng, ông bảo làm thế nào? Phải kiếm cách mà ăn, chứ sao? Cái án sau cùng của tôi là án ăn-trộm một bì khoai, với lại một cái roi ngựa và một quả dưa. Sao không để cho tôi chết quách ở nhà, giá-cả như thế này còn đem đi đầy làm chi cho nó cực?..»

«Thấy anh tôi có ý ân-cần hỏi-han, lão lấy làm vui-mừng lắm, chỉ cho xem cái của qui nhất của lão ở đời: là cái lồng nhỏ và con sẻ con.

«Con sẻ nuôi đã quen, thuộc tiếng lão, ngót một năm trời ở ngục vẫn đậu trên vai lão... — Trời ơi! xin được

(1) Trích trong bài: *Après une lecture de Michelet* (ở sách *Reflets sur la sombre route*).

phép đem con chim theo sang Ca-lê-dô-ni, kể cũng đã khó-nhọc thay! — Rồi lại phải làm cho nó một cái lồng để đi đường; phải kiếm gỗ, kiếm một ít giây thép cũ, lại kiếm một ít sơn xanh để sơn một lượt cho coi được.

« Nói đến đây, tôi còn nhớ lời anh tôi thuật lại, không sai một chữ: « Khốn-nạn, con chim sẻ! ở trong lồng ngày ngày ăn có một miếng bánh đen người ta cho tù ăn. Thế mà vẫn ra dáng vui-vẻ; vẫn nhảy-nhót như các chim khác. »

« Cách mấy giờ sau, tàu nhỏ đã áp đến tàu bể, sắp-sửa cho tù xuống để chở đi, đi cái chuyến xa ghê! Anh Y-vệ tôi đã nhãng quên lão tù già, chợt đi qua đến gần chỗ lão. Thấy lão nói giọng thất-thanh, mà tay thì chia cái lồng nhỏ:

« — Này ông, ông cầm lấy. Tôi biếu ông; họa có dùng được gì chăng, để làm quà cho ông vậy...

« Anh tôi cám ơn, nói rằng:

« — Ồ không! Lão phải đem *nó* đi chứ. Để sang bên ấy cho *nó* làm bạn cùng....

« Lão già nói lại rằng:

« — Trời ơi! *nó* không còn trong này nữa... Ông không biết ư? *nó* không còn đây nữa...

« Nói xong thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má, thê-thảm vô-cùng.

« Thì ra trong khi thuyền chạy, kẻ xô người đẩy, cửa lồng mở ra, con chim sợ, bay ra ngoài mất, — rồi rơi ngay xuống bể, vì đã bị cắt cánh. Trời ơi! dứt ruột thay là lúc bấy giờ! Trông thấy nó bị nước xoáy, vừa rẫy vừa chết, mà không làm sao được! Thoạt-tiên, cũng là cái sơ-tâm tự-nhiên, muốn kêu lên, muốn nhờ người cứu, muốn gọi ngay anh tôi mà kêu-van,... nhưng nghĩ ra, sực nhớ đến cái thân-phận khốn-đốn của mình, bèn ngừng lại ngay: ai là người thương đến con chim sẻ của một thằng tù già như mình? ai là người để tai nghe đến lời kêu-van nữa? Có đâu lại mơ-tưởng rằng người ta sẽ dừng thuyền lại để vớt một con chim sẻ chết đuối, — mà con chim sẻ của một thằng tù, ấy mới mơ-tưởng vô-lý chứ!... Nghĩ thế rồi ngậm miệng ngồi yên, nhìn cái hình nho-nhỏ đen-đen vẫn còn rẫy trong đám bọt bể xa-xa; bấy giờ mới thấy một thân một mình, trơ-trọi biết bao, nước mắt chan-chứa, khóc cái thân cô thế cùng, khóc đến mờ cả mắt, — mà bên cạnh thời cái chàng thanh-niên đeo kính là người bạn cùng xích kia, lại cười lão già khóc.

« Bây giờ chim không còn nữa, cái lồng kia chu-chí làm để nuôi chim, còn giữ làm gì; thấy anh tôi là người lính thủy có bụng tốt, ân-cần hỏi đến chuyện mình, bèn cố đưa cho, muốn để lại cho cái di-sản đó, trước khi vĩnh-biệt vô-cùng.

« Anh tôi cũng rầu-rầu trong lòng, nhận lấy cái lồng, — để khỏi thêm phiền lòng lão già cô-độc, ra ý khinh-rẻ cái đồ vật mà lão đã khó nhọc mới làm nên.

« Anh tôi kể cho tôi nghe chuyện ấy, tôi lấy làm cảm-kích vô-cùng, tôi nói lại đây muôn phần không được một.

« Bấy giờ là đêm, đã khuya, tôi gần đi ngủ. Tôi bình-sinh trông thấy biết bao nhiêu là cái khổ vỡ-lở ra ngoài, ai ai cũng biết; biết bao nhiêu là bi-kịch thảm-kịch, đâm nhau, giết nhau, mà không thấy cảm-động gì mấy; vậy mà bữa nay nghe nói cái khổ của lão già đó, bất-giác như phá quả tim, đến mất giấc ngủ, nghĩ cũng lạ. Tôi nói:

« — Có cách gì mà gửi cho bầu con chim khác...

« Anh tôi đáp:

« — Có, tôi cũng đã nghĩ thế. Ra chỗ người ta bán chim, mua lấy một con chim đẹp, bỏ nó vào lồng, sớm mai còn kịp giờ tàu chạy, đem ra cho hắn. Cũng khỉ khó. Vả cũng chỉ có chú mới có thể xin phép sớm mai ra ngoài bến, ghé vào tàu mà tìm lão tù già đó, tôi cũng không biết tên hắn là gì nữa. Nhưng mà... chắc có người họ cho là nực cười ...

« — À! hắn chứ. Cái gì chứ cái cho là nực cười thì không khỏi được !...

«Rồi, một lúc, tôi tự ngẫm-nghĩ một mình, cũng lấy cái ý ấy làm nực cười thật, mà tự mình cười, cười thầm không có lộ ra ngoài.

« Song tôi cũng không thi-hành ý đó: sớm mai thức giậy, cái cảm-giác lúc đầu đã qua đi, tôi lấy làm chuyện trẻ con, chuyện nực cười thật. Cái buồn của lão già kia, không phải là cái buồn có thể lấy đồ chơi làm cho nguôi được. Khốn nạn ! làm thân một tên tù già, cô-độc ở đời, nuôi được con chim con để làm bạn, đến nỗi tấm lòng đã nguội lạnh như băng như đá, còn cảm - động được, chảy được những giọt nước mắt cảm - thương, nay đã mất đi rồi thì dẫu được con chim xanh trên trời, cũng không đền được cái con sẻ con bị xén cánh và nuôi bằng bánh nhà tù vậy... » (1)

III

Thương hão

« Chiều mùa hạ, cảnh-vật đua tươi, trên con đường núi, có một mụ già, lưng còng, cúi rạp, vừa đi vừa mang trên lưng một mớ củi khô to-tướng.

« Tôi gặp mụ chỗ ấy, là một chỗ quạnh-quẽ đìu-hiu, — quạnh-hiu mà thanh-thú như những cảnh bồng-lai trong mộng vậy. Nơi ấy gọi là Ngư-bột-qua, ở giữa đám rừng xanh trong dặng núi Biệt-nê, thuộc về địa-phận nước Tây-ban-nha. Bốn bề rặt những cao-phong tuấn-lĩnh, yên lặng như tờ mà cây che kín đặc, những đỉnh cao đột-ngột trót-vót lên tận giữa trời xanh. Ở dưới có cái lũng con, một con sông nhỏ chảy, phẳng như mặt gương, phản-chiếu những cành cây bụi lá đương mùa tháng sáu xanh-tươi. Xứ này ấm-áp, có bóng mát, có nước trong, các thức hoa đua nở tơi-bời, có cái vẻ sầm-nghiêm trang-lệ, như muốn đưa đón những kẻ quyền-quí, khách thần-tiên vậy.

« Nhưng mụ già kia, lưng còng rạp đất, mang bó củi khô, mắt thì lờ-đờ, có trông đâu thấy cái cảnh-sắc rực-rỡ tốt-đẹp ấy. Mụ đương cố gượng bước rảo chân cho mau về một nơi xó nhà tồi-tàn nào đấy, có ai là kẻ đón người vui, dáng đi nặng nhọc, đầu cúi xuống đất, mà trên trán có hai cái ngấn rãn như hai cái dấu cực-khổ. Nhưng mặt thời thật-thà, thật-thà mà hiền-lành biết bao nhiêu ! Lại khúm-núm, khúm-núm mà an-phận biết bao nhiêu ! Trông thấy tôi đi lại, giữ lễ-phép đứng nép vào bên đường, như tự cho mình là một kẻ bần-hèn mà tôi chắc là một người sang-trọng, người tôn kẻ ti, phải tỏ lòng cung-kính.

« Trời ơi! tôi muốn giúp cho mụ già này một chút, biết làm thế nào ? Vì trông thấy con mắt hiền-lành mà có vẻ khốn-nạn của mụ, bỗng nhiên tôi thấy thương-tâm. Nhưng mà biết giúp thế nào cho mụ khỏi hồ-thẹn ? Cái bó củi kia, mang nặng nhọc ở trên lưng già như thế kia, giá-trị có đáng là bao, chi bằng ta bảo ngay mụ : « Thôi, bà già, vứt bó củi đấy, tôi dãi mấy đồng hào đây. »

« Nhưng mụ nhặt ở trong rừng từng mảnh củi một, chắc cũng đã khó-nhọc lắm, sợ làm thế mất lòng mụ. Vả càng nhìn mặt, lại càng không dám cho tiền như cho kẻ hành-khất ; áo tuy vá mà vẫn còn tử-tế, sạch-sẽ ;

(1) Dịch ở sách « *Le livre de la Pitié et de la Mort* ».

quyết không phải là người ăn-mày, có lẽ là một bà già có con cháu ở cái trại nhỏ nào gần đấy, một người nông-phụ làm-lụng lắm đã già-cỗi ; vào hạng các *bà* nhà quê, con cháu phải nuôi có ý khinh-rẻ, chúc thầm cho chết đi rảnh việc, cái thói nhà quê ham lợi vẫn hay thế.

« Người đi thì nhọc-nhằn lủi-thủi như thế, mà cái cảnh-trí lại đẹp-đẽ yên-lặng, như cảnh thần-tiên. Tôi đứng đấy tưởng như mình đứng giữa một nơi bồng-lai lạc-thổ, vào giữa một lúc qui-báu lạ-lùng ; được hưởng cái thú cảnh ấy thời ấy, giữa vào cái giờ tốt-đẹp buổi chiều, trong người như say-sưa vui-sướng vô-cùng.

« Gần xa chung quanh, những rừng cây dẻ chồng-chất lên nhau, xanh um tươi-tốt một màu, tự ngọn cao ngất trời cho đến dưới đất, đến những nơi thung-lũng, là chốn cỏ xanh, hoa tươi, nước chảy. Dưới chân thì con sông con sáng-sủa, phản-chiếu các ngọn núi, giữa có những cù-lao hoa mọc,— cù-lao đầy những hoa, khác nào như những rổ hoa, có bông đỏ, có bông tím, có bông trắng xòe như cái tán. Ngay bên bờ đường, liền đến đất núi, đất này là một thứ đất đẹp tuyệt, phủ một lượt rêu núi chỉ mọc ở những nơi thâm-sơn cùng-tịch ; đất coi cũ-kỹ như từ khi khai-thiên lập-địa đến giờ, trông thấy chạy ngút-ngàn vào tận trong rừng sâu dặng dẻ. Mặt đất như những tấm thảm bằng dạ bằng nỉ, tuyết nhồ mơn-mơn, tưởng như từ khi có thế-giới đến giờ, chỉ có mấy chú chăn chiên, mấy đàn chiên-cừu bước qua lên đấy mà thôi, nên trong cảnh-vật xanh-tươi, có cái khí-vị êm-đềm bình-tĩnh như đời thượng-cổ vậy.

« Nhưng mà nghĩ cũng trái ngược thay, người nhà quê sinh-trưởng ở giữa những cảnh thần-tiên như thế, nào có biết nhìn đâu, có biết hiểu đâu, như mụ già mang bó củi đi ở chốn tiên-cảnh này, trông cũng thảm-thê như là đi trong nơi ngõ hẻm hang cùng những chốn thị-thành chật-hẹp vậy.

« Con đường đến đây có giốc cao, càng lên càng giốc ; mụ tiều già bước lại càng ra dáng nhọc-nhằn khó-khăn lắm, nghe thấy một tiếng thở dài ở dưới bó củi khô ra... Vậy thì mụ đi đâu như thế ? Mà bây giờ làm thế nào, nghĩ cách gì để giúp cho mụ được ?

« May sao, đã trông thấy một cái làng ở gần kia, ở chỗ đường rẽ kia, — chắc là xóm mụ ở, là chỗ mụ sắp được nghỉ-ngơi cho lại cái chuyến đi khó-nhọc này. Làng ở treo-leo trong một đám rừng núi, đến đấy bỗng thấy như khoáng-đãng ra, hình-thế thì cũ-kỹ, nhà túp thì đen-xì, cột nhà thờ cũng đen, làm theo cái kiểu cũ ở xứ này ; làng ấy trông như y-nhiên bất-dịch tự hai ba thế-kỷ nay, đã thâm-niên lão-đại lắm, và bị võ-hám phong-tràng cũng nhiều, nhưng cái cảnh-trí như có người bày-đặt ra khéo-léo vô-cùng để cho vui-sướng con mắt người ta.

« Nhưng cái cảnh-vật phong-thú ấy, chỉ dành để cho khách du-lịch ngoài, cho những tao-nhân mặc-khách đi qua được hưởng-thụ mà thôi ; còn những người sống ở đây, chết ở đây, thì không biết mà hưởng. Mà thường những chốn phong-cảnh kỳ-tú như chốn này, người ở lại bần-cùng, khốn-nạn, thảm-đạm, thê-lương ; không phải là không có những trai mạnh gái giòn, tốt-tươi vui-vẻ, nhưng mà chỉ thoảng qua một độ, rồi thì già-cằn cục-kịch ngay lại, mà đeo-đẳng cái thân tàn mãi-mãi...

« Tôi có ý chậm bước lại, để khỏi cách xa mụ lão-tiều ; tôi đi ngay bên cạnh mụ. Rồi cùng mụ vào cái nơi cô-thôn tịch-mịch kia, giữa giờ thần-tiên

buổi chiều đó, là lúc mặt trời đương lặn, chuông chiều sắp lên. Làng có vài ba phố nhỏ tối lầm; vài ba cái cửa hàng bán giầy-giép, bán vải, bán yên-ngựa, cùng những đồ dùng thô-lỗ cục-mịch; rồi đến cái nhà thờ dã lão-đại, cái mộ-địa, cái sân đánh quả cầu. Còn tư-bề bát-ngát, toàn những núi cao rừng rậm, cách-biệt nơi thôn-lạc cô-lỗ này với cõi thế-gian ngoài.

« Thế là sự tình-cờ dã khiến cho tôi cùng đi đường với mụ-già này, mà tôi không giúp gì được cho mụ cả. Mụ sắp chui-rúc vào trong một cái lều-túp tối-tăm kia, đặt bó củi vào một nơi xó-sỉnh, người nhà trông thấy về, chắc không ai vui-cười đón-hỏi gì, lại có ý hất-hủi ruồng-rẫy, vì kẻ nhà quê đối với người già không được việc nữa, thường hay có thói bạc-dãi như thế; rồi đặt mình vào trên đống rơm đống rạ mà ngủ cho qua đêm... Rồi đến ngày mai lại lủi-thủi như thế, mang cái thân bà già vô-dụng, đợi cái chết sắp đến nay mai, không còn mong được chút vui-vầy âu-yếm gì nữa, cứ thế mãi cho đến lúc ngắc-ngoải sau cùng... Ôi! mụ già khốn-nạn, tôi trông thấy con mắt hiền-lành của mụ, lại nghe thấy cái tiếng thở dài của mụ trong khi lên giốc, mà trong lòng tôi cảm-thương biết bao!

« Nhưng ở đầu cái phố vắng tanh kia, thấy một đứa con nhỏ chạy ra, nhảy-nhót ở trên đường đá đen, như có dáng đợi mụ, đón mụ, khi nhận rõ mặt, thì nó chạy rảo lên, chìa tay mà gọi: « Bà ơi, bà! » Thằng bé nhỏ tí, độ vài ba tuổi, trông cũng khốn-nạn, xấu-xí, ốm-yếu, rách-rưới, nhưng mà giống mụ như hệt: cũng cái nét mặt ấy, cũng con mắt hiền-lành thật-thà ấy. Thương thay thằng con nhỏ, đương vui-vẻ mà bắt-đầu một cuộc đời bần-cùng khốn-khó, kết-cục rồi cũng đến như đời bà già sắp chết kia thôi..

« Nó gọi: « Bà ơi, bà! » — Bà dơ tay ra ẵm, trong lúc bấy giờ nét mặt bà vui-vẻ, như được cái ái-tình của đứa con nhỏ này, thời đường xa khó-nhọc, người nhà hất-hủi thế nào nữa, cũng chẳng hề chi! Trán không còn vết rãn đau-đớn, miệng không còn thở dài mệt-nhọc nữa; một cái cười-nụ làm cho đổi hẳn con người. Rồi bình như mụ đoán biết rằng tôi có ý thương mụ, mụ quay mặt lại tôi, như để nhìn xem tôi có trông thấy rõ thằng con nhỏ không, có cái dáng muốn nói rằng: « Thử trông xem thằng cháu tôi có ngộ không, có đáng tôi yêu-quí không? Tôi còn có đứa cháu như thế này, ai dám bảo rằng tôi khổ... »

« Bấy giờ tôi dã đi xa ra, như muốn thu lại cái lòng thương hão của mình, chợt nghe thấy chuông nhà thờ gọi lễ chiều hôm. Mụ già nghe tiếng chuông, đứng dừng lại làm dấu chữ thập, coi nét mặt mụ lúc bấy giờ cúi xuống đất, như rõ cái tấm lòng tín-ngưỡng thành-thực mà thâm-trầm, tin giốc một lòng, tin vững một dạ, dẫu già dẫu chết cũng không dời vậy.

« Ôi! trong cái cảnh êm-đềm ở giữa nơi rừng sâu cùng-tịch này, lúc bấy giờ đã sắp tàn buổi hoàng-hôn, vào phần đêm tối, tôi nghĩ mình tôi suốt đời làm kẻ bỏng-lông, buổi chiều nay tình-cờ đưa chân đến chốn thôn-lạc cũ-kỹ này, tưởng cái thân-phận mình cũng hèn-mọn chẳng ra gì, có đâu dã đủ thương người, muốn gọi mụ già lại mà bảo rằng: « Bà già ôi, tôi thương bà, bà cũng thương tôi với, bà cầu-nguyện một câu cho linh-hồn tôi được bằng yên, vì tôi với bà, có lẽ tôi còn khổ hơn bà nhiều lắm, nhiều lắm... » (1)

IV

Viếng Bà Lệ-Xuyên

« Tôi tặng sách này cho vong-linh một người nữ-hữu rất cao-thượng, rất

(1) Dịch trong sách « *Figures et choses qui passaient* ».

phong-nhã, mỗi lần có thì-giờ ngồi mà ngẫm-nghĩ một mình, thường thấy hình-ảnh hiển-nhiên trước mắt, không thể quên được.

« Những chuyện chép trong sách này là tự cõi Đông-phương xa lắc xa lơ kia, của giống Da-vàng ở; chủ-ý chép để cho phu-nhân xem; thường tự phương xa gửi về cho phu-nhân, khác nào như một câu chuyện giải-phiền để cho bạn qui đỡ buồn trong mấy tháng trời giòng-giã, đeo bệnh hao-mòn, khí-huyết mỗi ngày một suy mà mặt ngoài vẫn phải cố gượng. Những thư tôi viết cho phu-nhân để làm món giải-muộn đó, nay họp lại làm ra sách này, cũng ngổn-ngang tơi-bời như cái cuộc đời tôi vậy.

« Đã hơn một năm nay, phu-nhân nằm dưới đất rồi; bây giờ mới nói đến, tưởng cũng muộn quá, — dẫu chỉ muốn nói riêng với một số ít người lỗi-lạc, như kẻ quyền-qui, khách tài-hoa, lúc phu-nhân còn sống, đã có lòng kính-mến và phụng-thờ phu-nhân như một vị công-chúa, cũng là muộn quá vậy.

« Song tôi muốn thử ghi lấy cái hình-dung tính-cách của phu-nhân, để giữ làm chút kỷ-niệm, kẻo người chết lâu ngày rồi cũng quên dần đi. Làm ra quyển sách, dẫu sách không có giá-trị gì và người đời không để ý đến nữa, song sách vẫn còn sống lâu hơn người; vậy tôi muốn lưu trong sách này chút hình-ảnh của phu-nhân, để ghi nhớ về sau.

« Phu-nhân với tôi là một « đôi bạn xa-xôi », theo như lời phu-nhân thường hay nói. Tôi, thì cái nghề tôi phải đi xa luôn. Phu-nhân thì mỗi mùa hạ về tránh nắng ở biệt-thự đất Bích-thủy, mỗi mùa đông lại xuống Phi-châu để tìm nắng cho đỡ bệnh đau. Có gặp nhau ở *Paris* cũng chỉ gặp giăm-ba bữa, vào giữa khoảng hai cuộc tương-biệt.

« Nhưng mà thư-từ của nhau thì chạy khắp thế-giới, thường đem cho nhau biết cái tư-tưởng của mỗi người về mọi sự. Một đôi khi, gặp lúc rỗi trí, phu-nhân đã khuyên-bảo cho tôi được nhiều điều đích-đáng, tôi lấy làm chân-trọng mà vâng theo. Nay phu-nhân đã khuất rồi, nói đến chuyện phu-nhân, tôi chỉ sợ không tìm được những lời đủ tôn-trọng mà nói cho xứng-đáng vậy.

« Ở *Paris* thời nhà phu-nhân là ở về đường *Champs-Elysées*, cái nhà lớn đô ra như cái mũi tàu ở góc phố *La Reine* và vườn Công-nghệ-sảnh. Tôi có gặp phu-nhân là thường-thường gặp ở đấy. Mà ngày nay nhớ đến cũng là nhớ ở chỗ ấy, nhớ cái buồng khách hình bầu-dục ở từng dưới nhà, bên trong bày những cây cọ cao như một cái hàng rào để chắn ánh mặt trời vào, mà phu-nhân thời ngồi giữa như một vị nữ-thần ngồi trong ngai vậy. Bước vào đến cửa như có cái khí-vị Đông-phương, phong-thú vô-cùng. Mới mở cửa ngoài, trông thấm-thấm vào trong buồng khách, dưới những màn cùng trướng cuốn lên, hai bên la-liệt những vật lạ của quí của phu-nhân bày ra đấy, thời đã nhác thấy phu-nhân ngửng đầu lên, — đầu tóc vàng sẫm, — để nhìn xem ai đến chơi; đã nhận ra ai rồi thì phu-nhân lại nghiêng mình ngồi xuống, lấy cái miệng chúm-chím cười mà tiếp khách, nếu là người khách vô-tình thời cái cười chỉ mĩ-miều khả-ái, nếu là người khách hữu-tình thời cái cười lại đậm-đà mà êm-ái biết bao!

« Xét đến hình-dung của phu-nhân, thì bút nào mà tả cho hết được chút-đỉnh? — Phu-nhân có cái thái-độ cao-nhã vô-cùng, như một cái tính-cách thiên-bẩm vậy. Người giong-giỏng cao, mà yểu-điệu thanh-tú; dáng đi như một bà công-chúa vừa đi vừa mơ-màng; lưng ong thất đái, đầu hơi

nghiêng nghiêng, mặt thời nhỏ-nhỏ xinh-xinh, có cái vẻ thanh-thú lạ, mà sắc trắng bệch như sáp ong, nhiều lúc đã thấy cau mày đau-đớn vì cái ác-bệnh ở trong mình. Đến cái nét mặt mới thanh-tao, mới dịu-dàng biết bao nhiêu, nét mặt có một, thật không trông thấy ở người đàn-bà nào khác nữa. Lại hai con mắt sáng như ngọn đèn. — Người ta khen mắt đàn-bà thường ví mắt sáng như ngọn đèn, nhiều khi không đúng, nhưng đối với phu-nhân thì thật là đúng lắm. Sắc mắt thường thì xanh-xanh xám-xám, nhưng không có một mầu, cũng hay thay đổi như sắc nước bể, tùy cái tình-cảm mỗi lúc mà đổi ra một mầu khác vậy. Có khi thời giương to ra như muốn nhìn sâu sâu vào tận trong tâm-can người ta; lại có khi thời cứng như sắt, là những lúc bất-bình, những lúc phất-ý; — có khi lại dịu-dàng mà êm-ái vô-cùng; cũng có lúc như tươi-cười, như vui-vẻ, là lúc muốn nói bỡn nói đùa, nhưng nói đùa nói bỡn một cách thanh-tao mà đĩnh-ngộ, tưởng không mấy người tìm được những câu buồn cười như thế... Nhưng cũng nhiều khi cặp mắt ấy mệt-nhọc mà như có cái vẻ lãnh-đạm vô-cùng, nhiều người cho là con mắt khinh đời, lắm kẻ sợ lắm.

« Có một ông Hàn-lâm bạn của phu-nhân một ngày đã nói với phu-nhân rằng : « Tôi xin phác-họa cái chân-dung của phu-nhân bằng bốn chữ phẩm-từ như sau này: *cao-kỳ, diễm-lệ, lãnh-đạm, thông-minh.* » — Xét bề ngoài thời phu-nhân đúng như thế thật. — Bình-sinh hoài-bão một cái lý-tưởng rất cao, từng-trải sự đời, chỉ thấy những nỗi thất-chí cả, lấy làm chán-ngán cuộc đời, chán-ngán cả những lời ca-tụng của người đời, bèn lấy cái thái-độ lạnh-nhạt đó để che cái tấm lòng cao-thượng.

« Nhưng đó mới là bức phác-họa bề ngoài, nay muốn làm một bức tả-chân thời tôi xin thêm bốn chữ như sau này : *chính-trực, can-đảm, phong-nhã, cao-thượng.*

« Phu-nhân thành-thực chính-trực, thật ít người đàn-bà được như thế; những thói nhi-nữ - thường - tình, những cái mưu-chước nhỏ-nhen của đàn-bà, những sự mưu-mô mánh-khóe, những sự ghen-ghét thù-hằn, phu-nhân tịnh không biết cả, tựa-hồ như đứng cao hơn cả những sự ấy. Mà đã thân với ai thời thật là một người bạn vững-vàng chắc-chắn. Cái tính thẳng của phu-nhân lộ ra cả những lúc khinh-suất không nghĩ-ngợi nữa. Đối với bạn, có khi nói gắt nói sẵng, là chỉ chủ khuyên răn cho khỏi sai đường chính.

« Đến cái tính can-đảm thời như một kẻ trượng-phu vậy. Cái chết đã định-kỳ, chỉ đợi ngày sắp đến, mà phu-nhân vẫn ra sức chống-chỏi, như tranh nhau từng bước với cái thần oan-nghiệt kia, không hề thở-than một câu, không hề đổi cái miệng cười như thường, can-đảm đến như thế. Một lần phu-nhân viết thơ cho tôi đã có câu nói rằng : « Tôi tưởng không cái gì vô-ích và vô-lý bằng cái sợ. » — Thậm-chí đến đối với những sự phiền-nhiễu bận-bịu hằng ngày, phu-nhân cũng vẫn một lòng can-đảm.

« Còn như phong-nhã thời phu-nhân thật là người phong-nhã, thần-thái đã phong-nhã, mà lời ăn tiếng nói, dáng đứng cách ngồi, cho đến những người cùng đồ vật ở gần phu-nhân, cũng đều có một cái tính - cách phong-nhã như thế cả.

« Phàm cái gì là cái đẹp, là cái thú ở trong cõi hình-sắc-thế-giới này, phu-nhân cũng đem lòng luyến-ái cả, nên vốn ưa những cách phong-lưu ưu-mĩ. Một hôm nói chuyện một người đàn-bà đài-các mới bị sa-sút, phu-nhân

có nói một câu như sau này, đủ tả cái tính hiếu phong-lưu của phu-nhân: «Trời ôi, sự cần-dùng có thể thiếu được, sự *lễ-lối* có thể khuyết được; nhưng đến sự phong-lưu mà không có nữa... thì cũng cực cho chị ấy thật! »

« Sự *lễ-lối* mà phu-nhân nói đó, là những cái ước-lệ trong việc giao-tế trong xã-hội, nhiều kẻ cho là những việc quan-trọng nhất ở đời, không gì bằng; phu-nhân là người khôn-ngoan, không phải là phản-đối mà không theo những lễ-lối ấy, nhưng trong bụng vẫn khinh-bỉ vô-cùng.

«Phu-nhân cũng khinh cả các cái lý-tưởng thông-hành đời nay, những cái lý-tưởng bình-đẳng, cùng những cái người đời thường gọi là sự tiến-bộ; mà đem lòng sùng trọng những cuộc lịch-sử vẻ-vang đời trước, tôn-kính những cái dấu-tích, những cái truyền-tục, những cái đạo-giáo đời xưa.

« Phu-nhân có cái trí-tuệ minh-mẫn lắm, như hăm - hở muốn hiểu muốn biết hết cả những điều tri-thức của loài người ta, rồi mới cam chịu chết. Phu-nhân có tiếng là người cao-nhã, nên được giao-du với nhiều những bậc tài cao học rộng đương-thời; bao nhiêu những sách xuất-bản có tiếng ở Âu-châu, phu-nhân đều thiệp-liệp cả; thật như sinh-trưởng ở trong cái luồng sóng tinh-thần rất cao-thượng ở đời này, là nơi ít người đàn-bà có thể tới được.

« Phu - nhân biết tôi có thói quen không ưa đọc sách-vở gì, hoặc khi có quyển sách hay muốn ép đọc thời chịu khó gạch từng đoạn, gấp từng trang cần phải đọc, rồi gửi cho tôi; nhờ có phu-nhân giúp như thế mà nhiều khi tôi đọc một đoạn biết được đại-ý cả một quyển sách dầy. Chính phu - nhân cũng viết văn, mà viết một cách tài-tình thú-vị lạ-lùng. Ôi! những cái thư của phu-nhân viết cho tôi, trong khi tôi tòng - sự ở các phương xa, mỗi chuyến tàu Pháp đến, tôi nhận được, vui-thú biết dường nào!... Phu-nhân nói chuyện gì cũng có duyên, mà lời-lẽ vẫn thâm - trầm cao - thượng, gặp những buổi chán-nản, đọc đến thật là hưng-khởi vô-cùng; — cũng có khi kể chuyện vui chơi, nhưng bao giờ cũng có tinh-thần, có ý-vị, mà bao giờ cũng là bụng thẳng ý ngay cả.

«Một lần phu-nhân có viết chơi một tập du-ký về Ai-cập, đăng trong « Tạp-chí Hai Thế-giới », rồi in riêng ra thành sách, đề nhan là « Mùa đông ở thành *Caire* ». Bấy giờ tàu tôi đương đi bể, không nhớ vào phương nào, tôi có viết thư trách phu-nhân sao không gửi sách ấy cho tôi, phu-nhân trả lời thế này: « Đó cũng là một sự khiêm-tốn tự-nhiên đấy, ông anh ạ; tôi đợi ông anh có hỏi đến tôi mới dám gửi. Trời ơi! giá tôi viết một quyển sách về phép nấu ăn, thì xin hăm-hở gửi tặng ông anh ngay. Nhưng mà sách nói về Đông-phương, — nói về Đông-phương mà dám đưa cho ông anh xem, dám đưa cho Loti tiên-sinh xem, thôi, tôi xin chịu! »

« Khi nào phu-nhân không dùng đến trí-não thời lại dùng đến bàn tay; thường trông thấy hai bàn tay mĩ-miều kia xếp đặt những mảnh gấm-vóc lụa-là, những sợi kim-tuyến ngân-tuyến, thêu-thùa nhanh thoăn-thoắt như đôi tay tiên, — mà những bức thêu ấy, là trong khi đi du-lịch, đã lấy kiểu ở một cái nhà-thờ đạo Hồi ở thành *Kairouan* hay nơi nào đó, và đã ghi vẽ vào trong sổ tay vậy. (Trong một tập du-ký của phu-nhân có kể mấy lần đi lại ở đền *Kasbah* thành *Alger* để hỏi cho ra một lối dệt thảm của người Ả-rập). — Những tấm thêu tấm thùa của phu-nhân tự làm đó, rất là mĩ-miều khả-ái, ai có hỏi đến thời phu - nhân lại như có ý

ngượng, cho là một việc tầm-thường, vừa cười vừa nói : « Tiền-thân tôi có lẽ là một chị con gái nhà nghề, có tính hay làm ; cho nên mấy ngón tay tôi vẫn quen làm đến giờ. »

« Phu-nhân hoạt-động luôn như thế, xem ra cũng là một cách miễn-cưỡng tự-cường ; để cho quên cái bệnh đau ngấm-ngầm trong người vậy. Một ngày tôi thấy phu-nhân mệt-nhọc quá-thường, tôi có nói rằng : « Tôi xin bà chị, tôi van bà chị, bà chị về quê nghỉ cho có nắng có gió, đi đâu chơi cho thư-thái nghỉ-ngơi, đừng làm gì nữa, đừng đọc sách nữa, đừng tiếp khách nữa ; bà chị cứ ở đây thế này thì đến chết mất...» — Phu-nhân tủm-tỉm cười, điềm-nhiên mà trả lời rằng : « Nếu em không hằng ngày quay-cuồng cho khuây - khỏa thì em chết đã tâm dời rồi, ông anh ạ ! » Nói đoạn, ra ngồi cạnh đàn cầm, đánh một khúc nhẹ - nhàng mà sốt - sắng, như vui-vẻ, như nhẩy - nhót. Phu - nhân đánh đàn như một tay thầy nghề, — hơi giống như lối của RUBINSTEIN, là tay đàn phu-nhân cảm-phục lắm, nhưng giọng đàn của phu-nhân lại có cái tình - tứ riêng ; — đánh đàn rồi lại càng mệt thêm nữa, nhưng mà người nghe thú biết bao nhiêu ! ....

« Trong tri tôi còn nhớ như in có một buổi tháng 3 năm 1885, trước khi xuống tàu để đi ra Đài-loan (*Formose*) tiếp hạm-đội của quan Thủy - soái COURBET, tôi có lại thăm phu-nhân.

« Tôi chủ đến *Paris* để từ-biệt phu-nhân. Tự đầu mùa đông, phu - nhân đã nằm liệt-vị. Cái cuộc chiến - đấu với sự chết, cái cuộc đau-đớn thảm-thê, là bắt đầu tự bấy giờ. Phu-nhân nằm như thế trong mười-lăm tháng giòng-giã, lấy cái nghị-lực vô-song mà cố làm cho dài thêm cái ngày tháng đã hạn, đối với kẻ thân người yêu vẫn một nét mặt tươi-cười vui-vẻ.

« Tôi bước vào trong buồng, thấy trong đám mùng-màn sắc xanh - biếc, cái đầu xinh-xắn của phu-nhân đặt ở trên gối, vẫn chải-chuốt hẳn-hoi như ngày tiếp khách vậy. Áo xiêm, vòng nhẫn, cách ăn-mặc trang-sức không khác chi ngày thường, tựa-hồ như không muốn công - nhiên chịu rằng mình đã bị thua cái ác-bệnh, muốn làm như người nhọc-mệt xoàng mà nằm nghỉ qua vậy. Qui bên cạnh giường thì có một bà bạn, là công-tước-phu-nhân R***, cầm tay của phu-nhân mà tựa đầu mình vào, đầu tóc sắc hung - hung. Cái bức tranh hai người đàn bà ấy, rồi sau mãi tôi vẫn hình như trông thấy trước mắt...

« Trong cái buồng phu-nhân nằm ấy, cao-ráo sáng-sủa, cách bày-biện giản-dị mà lọc-lõi, không có gì là cái vẻ buồn-rầu, cái vẻ đau-ốm, cái vẻ chết cả ; chỉ thấy nhiều hoa, và có khí nóng dịu-dàng khéo dẫn ở đâu đến. Cửa sổ mở ra dặng cây ở đường *La Reine*, mặt trời mùa đông chiếu vào.

« Phu-nhân bảo tôi với công-tước rằng :

« — Hai bác cứ nói chuyện đi. Tôi, thầy-thuốc cấm nói... Hễ các bác nói câu gì hay thì tôi dơ tay làm hiệu cho biết...

« Lúc dứng ra về, tôi cầm lấy tay phu-nhân hôn, không biết bấy giờ nét mặt tôi lộ ra thế nào, mà hình như phu-nhân biết rằng tôi từ-biệt phu-nhân trong lòng buồn-rầu cảm-động vô-cùng. Bấy giờ con mắt phu-nhân nhìn bà bạn, rồi lại nhìn tôi, như có ý hỏi hai người rằng :

« Thật thế ư ? Tôi đã nguy đến thế ư ? Bác ấy ngờ rằng sang năm, khi chiến-chanh xong, về đây không còn trông thấy tôi sống nữa ư ? »

« Phu-nhân gan lắm, vẫn biết rằng bệnh chết, nhưng còn mơ-tưởng rằng

có thể diên-man được lâu. Lạ gì, các ông thầy-thuốc hay khéo nói tốt, nói pha mấy tiếng chuyên-môn vào thì làm cho người đau cũng phải yên lòng ; phu - nhân cũng tưởng rằng còn được trông thấy cảnh-vật trên mặt đất bốn năm năm nữa ; còn được đủ thì giờ chữa xong cái biệt-thự ở Bích-thủy mà về ở một vài mùa hạ nữa ; còn được có dịp trở lại Ai-cập, được hưởng cái khí nóng mặt trời cho thư chút bệnh, được lại trông thấy cái cảnh Đông-phương, cảnh sa-mạc.

« Khi công-tước với tôi ra khỏi buồng, công-tước bảo tôi rằng : « Sang năm về, ông không còn trông thấy chị *Hằng-nga* này nữa...» — Cái tiếng *Hằng-nga* ấy, tôi nhớ mãi ; — viết ra văn thì tựa-hồ như có ý lẳng-lơ không hợp cảnh hợp tình ; nhưng giữa lúc bấy giờ, ở miệng người thiếu-phụ khuê-các ấy nói ra, thì có nghĩa là một người tuyệt-phẩm-phong-tao, tưởng lại thích-hợp lắm ; giữa lúc ấy, tôi tưởng không có tiếng gì tả được cái người thiếu-phụ tuyệt-trần kia, đương mang bệnh dợi chết, mặt xanh mà lợt, mắt xám mà tơ, làn tóc như đám mây, — lại cái tiếng nói như văng - vẳng, như trầm-trầm, như cung đàn đã dứt tiếng mà vẫn còn não-nuột xôn-xao, khác nào như cái tiếng dã tự dưới chín-suối đưa lên.., — lúc bấy giờ tưởng không có tiếng gì tả được con người ấy bằng cái tiếng *Hằng-nga* ấy vậy...

«... Trong suốt cuộc chiến-tranh với nước Tàu, tôi vẫn nơm - nớp sợ khi trở về không được trông thấy phu-nhân nữa. Thư của phu-nhân, tôi vẫn nhận được luôn, nhưng ngắn hơn trước. Chữ phu-nhân xưa viết đẹp và rắn-giỏi như thế, bây giờ thấy dã đổi khác. Rồi sau nhận được những mảnh giấy nhỏ viết bằng bút - chì, càng ngày càng thưa, trông thời biết rằng cố gượng mà viết, nên càng trông lại càng đau lòng.

« Rồi đến chuyến trở về, giòng-giã mấy tuần-lễ bềnh-bồng trên bể xanh Ấn-độ, không được tin-tức gì ở Pháp nữa, bấy giờ càng nghĩ đến phu-nhân, trong lòng lại càng đau-đớn. Khi tàu đỗ ở *Port-Saïd*, vào tòa lãnh-sự còn thấy một cái thư nhỏ của phu - nhân đợi đấy, một cái thư quí-báu, một cái thư thảm-thương, viết bằng bút-chì, tức là cái thư sau-cùng của phu-nhân viết cho tôi vậy. Thư rằng :

« *Paris*, ngày 17 tháng 12 năm 1865

« Quí-hữu ơi, thế là nay mai tôi lại còn được trông thấy quí-hữu nữa. Ba tháng nay, tôi phải đi phải lại mãi, biết bao nhiêu lần đã gửi lời vĩnh-biệt quí-hữu trong tư-tưởng. Tôi đau lắm.

« Nhưng nay dã được hơi khá *một chút* ; tôi không mong sống được nữa, nhưng còn mong *kéo dài* được vài ba tháng, — thế mà may sao quí-hữu lại trở về kịp ! Biết đâu đấy ? quí-hữu về chuyến này, có lẽ trong va-li đem về cho em được một chút sức-khỏe, một chút mặt-trời ấm-áp, cho nó bớt nỗi đau-đớn của em ; không thời cũng đem về cho em được một chút ân-ái ở trong lòng, thế là em cảm-động lắm dấy ; những buổi đau-đớn khổ-sở, em cũng chỉ tưởng-vọng có thế thôi, — vì em đau khổ lắm, ông anh ạ. Bốn tháng nay, tôi không ra khỏi giường, cuộc đời ở chung-quanh mình tôi như càng ngày càng thu hẹp lại.

« Cụ-bà tính rằng chừng tháng hai thì ông anh về đây. Cái thư này, ông anh có kịp đọc không ? Tôi cố gượng lắm mới viết được, nhưng nay tôi yếu quá rồi. . . »

«Tôi về đến Pháp, lập-tức điện lên *Paris*, hai giờ sau được tin rằng phu-nhân còn sống, lại có ý khá hơn trước, thầy-thuốc không ngờ được thế. Tôi còn phải ở *Toulon* một tháng để giải-trang chiếc tàu của tôi, thấy nói rằng

khá, tôi cũng yên lòng, không biết rằng cái *khá* ấy là cái *khá* tận-cùng vậy...

« Nhưng một hôm tôi nhận được cái thư, thư của phu-nhân bảo phu-quân viết cho tôi : trong thư nói rằng phu-nhân bỗng thấy bệnh dội lên, thầy-thuốc sợ rằng không biết có qua khỏi được tuần này không, — có lẽ không qua được ngày mai nữa... Bấy giờ tôi mới điện cho ông bà biết rằng tôi lên ngay...

« Lúc ấy đã chiều, chuyến xe-lửa thường-tốc lên *Paris* vừa mới chạy rồi, phải đợi đến sáng mai mới đi được. Tôi đóng cửa nằm trong buồng, — cái buồng của khách-sạn, thuê để ở tạm, từ khi về đến giờ, những đồ hành-lý để ngổn-ngang cả, — đêm hôm ấy thật là một đêm thê-thảm. Làm sao ngay mấy bữa đầu kia không lên ngay, mà cứ vững dạ tri-hoãn mãi đến nay như thế... Trong thư nói rằng : *có lẽ không qua được ngày mai nữa*, — tôi đọc đi đọc lại câu ấy mà tựa-hồ như mỗi giờ đêm lại kéo dài ra mãi: nằm trong buồng không lạnh-lẽo, tưởng như đương đêm ngồi canh xác phu-nhân một mình vậy... —

« Hôm sau nữa, tôi đến nhà thì biết rằng phu-nhân còn sống ; trông ngoài nhà vẫn có cái vẻ như thường.

« Trước khi trông mặt phu-nhân, tôi có ý ngại, đến khi nhìn mặt rồi, lấy làm lạ: không thấy người thay đổi mấy tí. — Vả trước khi tôi đi, tôi đã thấy phu-nhân gầy-sút đi nhiều lắm rồi, như phảng-phất không có hình người nữa. — Vẫn áo xiêm chải-chuốt như thường, quanh mình bầy những hoa ; cho đến lúc chết mà vẫn giữ cái thái-độ cao-nhã phong-tao, tựa-hồ như muốn dón cái chết ra một bà đài-các khuê-môn, chứ không có run, có sợ. Đã mấy hôm nay, còn sống được là nhờ ở sức thuốc cả, — nhờ cái tinh nha-phiến kia, tiêm vào người thời nó ngăn được cả sự sống cùng sự chết. Cứ nhìn kỹ cũng đủ biết : nét mặt xanh bóng, như đã cứng đờ ra rồi, trừ có hai con mắt, còn thời trông như người đã chết rồi, đã chết rồi mà vẫn có mầu trang-điểm mĩ-miều.

« Nhưng mà hai con mắt thời linh-thần lạ, mắt lồ-lộ, mà êm-ái, thâm-trầm, như mắt thần-tiên, không phải mắt người trần vậy. Nói tóm lại thời người nằm đấy vẫn còn là phu-nhân. Thân-thể đã cùng-kiệt rồi, hầu như không còn động, không còn thở nữa, thế mà vẫn còn giữ được cái vật linh-thiêng này, — là cái linh-hồn, cái trí-tuệ vậy... Phu-nhân bảo tôi rằng : « Tôi cám ơn Thiên-chúa đã cho tôi được trông thấy bác lần nữa. »

« Hai người lẳng-lặng một lúc lâu, tôi đưa mắt nhìn chung quanh, như có ý nhận kỹ những vật quanh đấy, sợ không cầm được nước mắt. Trong buồng ấy vẫn trang-sức như thường, không có gì là cái vẻ chết cả. Trong giường nằm, trên chỗ nằm một ít, vừa tay với đến, có đặt mấy cái xích-đông bằng gỗ sơn, trên bày những vật kỷ-niệm nho-nhỏ, những khung ảnh, những đồ châu-báu của phu-nhân yêu-quí nhất, một cái lọ cắm hoa hồng, một vài quyển sách yêu, cùng pho sách tuyệt-trần là bộ kinh Phú-âm.

« Trước còn nói chuyện về sự tử-sinh, — phu-nhân nói thời như giọng một người nói sảng, một người đã qua cõi đời này mà nói chuyện lai-sinh vậy. Trong buồng lặng-lẽ, mà tiếng nói nhỏ chỉ đủ tai nghe thôi, nói ngập-ngừng hồn-hển, nhưng giọng nói vẫn êm-ái, tôi ngồi nghe như nghe tiếng ở đâu đâu, không phải tiếng của người trần vậy. Cái câu chuyện cuối-cùng với một người đàn-bà thần-trí bình-tĩnh như thế, sáng-suốt như thế, còn *gần* với mình như thế mà đã cách *xa* mình như thế, như đã qua tới cái cõi u-âm huyền-bí kia là cõi đời sau sự

chết, câu chuyện ấy đã làm cho tôi cảm-động một cách mới-lạ quá.

«Phu-nhân lúc ấy xem ra chỉ muốn cố tránh cho người thân ở lại khỏi những cái nông-nỗi thảm-thê tương-biệt, khắc-khoải lâm-chung, bấy giờ lại tỏ ra gan-góc hơn ngày thường, không muốn lộ cái đau-đớn ra ngoài mặt nữa.

« Tôi cho là người gan quá, quá cái sức người ta. Bấy giờ giá thở-than, giá khóc-lóc một đôi chút, cho nó hả lòng, tưởng lại còn hơn. Nhưng phu-nhân không muốn thế, cho rằng biểu-lộ sự cảm-động ra ngoài, là người không có gan. Sắp đến giờ chết mà còn căng-trì như thế, như đem hết cái đảm-lực mà đối với sự chết, tưởng cũng là quá vậy.

«Bấy giờ muốn cho tỏ rằng tôi chịu phục cái sức can-đảm của phu-nhân, và muốn cho phu-nhân khỏi mệt quá, tôi bèn dần dần lảng ra chuyện khác mà nói đến những việc thường. Phu-nhân với tôi lúc ấy, như hai người bạn đã lâu năm không gặp nhau, có vô-số chuyện muốn nói cho nhau nghe, mà lại sắp phải tương-biệt nhau lần nữa, — tương-biệt nhau, mà một người thời đi về một xứ xa xa, không thư-từ nào tới được. Phu-nhân hỏi-han tôi về những sự tôi định làm, về những sự tôi mưu-tính về tương-lai... Lại nói đến chuyện du-lịch nơi này nơi khác, tin-tức kẻ nọ người kia. Hai ba lần lại thấy cái cười nụ chúm-chím những ngày bình-sinh, thấy cái giọng trào-phúng thanh-tao, là cái giọng đặc-biệt của phu-nhân xưa nay, trào-phúng mà không có chua-cay, lại có cái vị từ-bi bác-ái. Rồi lại thấy phu-nhân cười to lên nữa...

« Tôi vẫn biết rằng một người như phu-nhân, lúc lâm-chung không có giống như người khác; nhưng mà gan đến thế thì tôi cũng lạ thay. Tôi lấy làm sợ thật. Có lẽ không dám đem lòng âu-yếm như trước nữa, nhưng mà cái lòng cảm-phục kính-sợ một người thục-nữ dạ cả trí cao, tuy là đàn bà thật, mà lúc sắp bước chân vào cõi hư-vô vẫn điềm-nhiên, thái-nhiên, không có đổi sắc, lòng kính-phục ấy lại càng tăng lên bội phần vậy.

« Tôi được phép hai ngày ở *Paris* để vĩnh-biệt với phu-nhân. Đến chập tối, tôi từ-giã ra về, phu-nhân bảo tôi rằng: « Mai bác lại lại, giờ nào cũng được, nhưng buổi sớm hơn là buổi chiều, *cho chắc hơn*... Nếu tôi còn đây, tôi lại được tiếp bác lần nữa... » Phu-nhân nói thế mà mắt nhìn, dáng điệu, như tỏ cái ý rằng không chắc mai có còn nữa không. Rồi hai con mắt tựa-hồ như mờ-ám, có một cái vẻ êm-đềm âu-yếm, buồn-bã âu-sầu vô-cùng, tôi cầm lấy tay hôn, trong lòng chan-chứa những ái-tình, như cái ái-tình người em trai đối với người chị gái, — khốn-nạn cái bàn tay gầy-gò, chỉ còn da bọc xương, mấy cái nhẫn xinh-xắn kia đeo vào lọt ra, không vừa nữa.

«Hôm sau tôi trở lại, trong lòng ấy-nây, biết rằng lần này là lần trót-cùng cùng-trót đây. Trong buồng vẫn có cái vẻ ngày thường, vẫn có hoa thơm, vẫn cứ bình-tĩnh như thế, nhưng trong có một đêm mà cái chết đã thấy tấn-bộ lắm. Bấy giờ trông không phải là phu-nhân nữa rồi. Đã suy-nhược quá, phải tiêm thêm thuốc vào, nên hai con mắt lại lồ-lộ lắm, cứ trừng-trừng nhìn trong khoảng không, có cái vẻ như ngơ-ngác; lại trằn-trọc, hình như nói mê; — thôi, lần này thì gái anh-thư đành phải chịu thua cái chết rồi; than ôi!

« Buổi sớm, phu-nhân đã sai người nữ-tì cắt cả tóc đi, nói rằng nực không chịu được, để nó bứt-rứt trên đầu. Thấy tôi đến, xem có ý ngượng, cho rằng bỏ tóc như thế là không lịch-sự; nhưng tôi trông phu-nhân, đầu chùm cái mũ bằng «den» trắng để che mớ tóc ngắn, tựa-hồ như một vị thiên-tiên đương ngắc-ngoải vậy.

«Không, hôm nay không phải là phu-nhân nữa rồi. Bấy giờ chỉ nói những chuyện rắp định đi nghỉ mát mùa hạ này. Rồi lại nói đến những khách mới tiếp buổi sáng hôm nay, mà lạ thay, những khách đàn ông đàn bà phu-nhân kể tên ra đó, toàn-thị là những *người đã chết* cả rồi. .

« Khi ra về, hai người từ-biệt nhau, hẹn-hò đến mùa xuân lại trùng-phùng, như hai người bạn đã chắc rằng chẳng bao lâu sẽ gặp nhau vậy. Trước khi bước ra ngoài buồng, tôi còn quay lại để nhìn mặt phu-nhân một lần sau cùng nữa. Lại trước khi ra khỏi nhà, tôi nhìn quanh cả mấy gian buồng khách, là chỗ đã cùng với phu-nhân chuyện-trò tâm-phúc biết bao lâu, nhìn cả những đồ-vật của phu-nhân bày-biện đấy, nhìn cả cái nhà của phu-nhân này, trong bấy lâu đã chứa cái hương-hồn một người hiệp-nữ, và vẫn còn thoang-thoảng mùi-vị Đông-phương vậy.

« Sau bữa tôi từ-biệt đi, phu-nhân còn sống được sáu ngày nữa. Một buổi sớm ở *Toulon*, tôi tiếp được cái điện rằng: « Xong cả rồi ! » Hôm sau, báo *Figaro* trước, rồi các báo khác sau, đăng tin như sau này: «Lệ-Xuyên-phu-nhân là một bậc khuê-tú rất phong-nhã ở thành *Paris* ta, mới tạ-thế, v. v. . .» Người ta đưa cho tôi xem tờ báo, tôi đọc rồi thấy điềm-nhiên như không, như chuyện người đàn bà nào, chứ không phải phu-nhân vậy.

« Cách ít lâu, tôi đi thăm mả phu-nhân, thấy trên mộ còn đầy những hoa tươi của ông phu-quân rắc đấy, — tôi không thể tưởng-tượng được rằng chính phu-nhân nay nằm ở dưới ấy, mà đôi con mắt sáng-suốt kia bây giờ đã nhắm lịm ở dưới cõi đất đen này.

« Phu-nhân với tôi, đã quen không được gặp nhau mấy khi, mà tinh-thần vẫn thường cảm-thông nhau. Ngày nay tôi còn mơ-tưởng như cuộc thần-giao ấy vẫn hãy còn vậy. Lắm lúc tôi nghĩ bụng rằng : Để cái này ta nói chuyện cho phu-nhân biết ; để cái này ta hỏi ý phu-nhân xem. — Tôi nghĩ như thế mà tựa-hồ như mơ-màng đợi sẽ có một cái thư nhà giấy thép đem lại, mà trên thư trông thấy nét chữ to đẹp của phu-nhân vậy...» (1)

∴

Toàn-tập của ông LOTI có tới hơn ba-mươi quyển sách. Những quyển có tiếng nhất là : *Pêcheur d'Islande*, *Mon Frère Yves*, *Matelot*, là mấy bộ tiểu-thuyết về nghề chài-lưới và nghề đi bể; — *Roman d'un enfant*, *Prime jeunesse*, là hai tập tiểu-sử của ông lúc thủa nhỏ; — *Roman d'un spahi*, tiểu-thuyết về Phi-châu ; — *Aziyadé*, *Fantôme d'Orient*, *les Désenchantées*, là mấy bộ tiểu-thuyết về Thổ-nhĩ-kỳ ; — *Ramuntcho*, tiểu-thuyết về xứ *Basque* (miền tây-nam nước Pháp); — *Figures et choses qui passaient*, *Le Livre de la Pitié et de la Mort*, *Propos d'exil*, *Reflets sur la sombre route*, là những tập văn đoản-thiên, mấy bài trên kia là dịch ở đấy, còn có nhiều bài tuyệt-bút, hay hơn nhiều, như bài : « Thân-thế hai con mèo » (*Vie de deux chattes*), « Cô tôi mới chết » (*Tante Claire qui s'en va*) trong tập *Le Livre de la Pitié et de la Mort*, v.v. ; — *le Désert*, *la Galilée*, *Jérusalem*, là mấy tập du-ký ở nơi Thánh-mộ Gia-tô ; — *La mort de Philæ*, về Ai-cập ; — *l'Inde sans les Anglais*, về Ấn-độ ; — *Vers Ispahan*, về Ba-tư ; — *les Derniers jours de Pékin*, về Tàu; — *Madame Chrysanthème*, *Japoneries d'automne*, *la Troisième jeunesse de Madame Prune*, về Nhật-bản ; — *Turquie agonisante*, *Suprêmes Visions d'Orient*, về Thổ-nhĩ-kỳ ; v.v. — Trong tập *Figures et choses qui passaient* và *Propos d'exil*, có mấy thiên về nước Nam ta, là cái nhật-ký của ông hồi mấy năm 1883-1884 ông tòng-quân ở chiếc tàu chiến đóng tại cửa Hàn.

THƯỢNG-CHI

(1) Dịch bài : *À la mémoire de Madame Lee Childe*, trong sách *Propos d'exil*.

THỜI - THẾ VỚI ANH - HÙNG

Cái thuyết « thời-thế tạo anh-hùng » hay là « anh-hùng tạo thời-thế », các nhà tư-tưởng đời xưa đời nay, phương Đông phương Tây, đã từng bàn đi xét lại nhiều lắm, mà vẫn chưa hẳn giải-quyết ra đường nào. Thời-thế với anh-hùng, anh-hùng với thời-thế, bên nào là *nhân*, bên nào là *quả*, hai bên quan-hệ với nhau thế nào, lời bàn con phân-vân, thật chửa có định-luận. Cũng có lẽ hai thuyết là phải cả, duy phải tùy từng nhân-vật, tùy từng cơ-hội, không thể nhất-ban khái-luận được chăng ?

Thế-giới vừa qua một hồi đại-biến, là việc chiến-tranh mới rồi. Sự đại-biến ấy tất có ảnh-hưởng đến thời-thế, đến nhân-tâm, dẫu việc còn gần đây chưa biết được rõ cách ảnh-hưởng sâu-xa là đường nào, nhưng nhà sử-học xét cái cận-sử mấy năm nay, hoặc cũng có thể thêm được ít tài-liệu để giúp giải-quyết cái vấn-đề « thời-thế anh-hùng » như trên kia chăng ? Dù là thời-thế gây ra anh-hùng, hay là anh-hùng gây ra thời-thế, một khoảng mấy năm gần đây, tưởng cũng là một buổi thời-thế phi-thường, và cũng thấy xuất-hiện ra nhiều những tay nhân-vật phi-thường vậy. Nay thử xét tung-tích và sự-nghiệp của mấy bậc nhân-vật lỗi-lạc nhất trong thế-giới về mấy năm mới đây, xem những người ấy chịu ảnh-hưởng của thời-thế và ảnh-hưởng lại thời-thế thế nào, có lẽ cũng phân-giải được sự quan-hệ của hai mối *thời-thế* với *anh-hùng* vậy.

Một nhà trước-thuật Tây, ông Ludovic Naudeau đã dụng-công nghiên-cứu như thế. Ông có làm một bài đại-luận trong «Đại Hoạ-báo» ở *Paris* xét về bốn tay anh-kiệt đời nay là : Lénine nước Nga, Moustapha Kemal nước Thổ, d'Annunzio và Mussolini nước Ý. Xin dịch-thuật lời bàn của ông như sau này.

. . .

Trong khoảng có mấy năm, nghĩa là tự sau cuộc đại-chiến-tranh đến giờ, có mấy bậc nhân-vật rất lỗi-lạc xuất-hiện ra trong thiên-hạ, và hầu-hết là không thuộc về hàng quân-nhân. Trên cái sân-khấu lớn của thế-giới bây giờ, đương có mấy người đóng mấy vai chính, đứng chủ-trương đốc-suất các dân-tộc, hoán-cải cuộc văn-minh, hay là đương gia-công cùng sức thí-nghiệm thi-hành những lối chính-trị rất viển-vông ; mấy người ấy mới mấy năm trước kia còn là những kẻ bần-hàn ti-tiện, hoặc là phải biệt-xứ tha-hương, hoặc là phải làm thuê làm mướn, có lẽ chúng ta thường gặp mặt dụng tay hằng ngày ở ngoài đường-phố mà không biết vậy.

Ta xét sự-nghiệp của những người ấy ở đây, không phải là xét về đường đạo-đức, đường luân-lý đâu ; ta chỉ biết rằng những người ấy hành-động một cách mạnh-bạo khác thường, mà không bình-phẩm rằng cách hành-động ấy là khôn-ngoan hay là cuồng-dại. Người đời nay không thể phán-đoán việc đời nay được, đó là một cái công-lệ cố-nhiên. Việc đời có lắm cái mưu sâu chước lạ, phải dần-dần dà-dà, bao giờ cái ảnh-hưởng nó dứt, cái kết-quả nó cùng, bấy giờ mới có thể tỏ-rõ và thấu-hiểu được. Những cái động-cơ u-âm mầu-nhiệm ấy, chính người hành-động cũng có khi không đỗng-sát tới, và cũng có lẽ việc xảy ra tai-hại cho người bây giờ mà sau này sinh ra nhiều cái kết-quả hay, người đời nay không

tư-lường tới. Như các trận Thập-tự (*les Croisades*) về đời Trung-cổ, chủ-ý xướng lên là để đánh lấy lại Gia-tô-thánh-mộ ở người Thổ-nhĩ-kỳ, thế mà đánh biết bao nhiêu trận, Thánh-mộ vẫn không thu-phục được, nhưng về sau sinh ra nhiều sự kết-quả về đường xã-hội, đường kinh-tế, chính các tay võ-sĩ đi tùng-chinh hồi bấy giờ, cũng không ai ngờ tới vậy.

Vậy thời cái chủ-ý lập-luận của ta đã rõ-ràng rồi. Ta bàn về bốn người đương-thời này, ta gọi là bốn tay tứ-kiệt ấy, là chỉ vì bốn người ấy có cái sức quả-quyết, sức hoạt-động rất mạnh, khác nào như bốn kẻ lực-sĩ ra tay nhào-ngấu cái « chất người » trong mấy dân-tộc, như người làm bánh nhào bột bánh vậy; nói tóm lại là những tay có sức tranh quyền cướp nước, như Nã-phá-luân đời xưa vậy.

Còn người tranh quyền cướp nước ấy, có phải là kẻ giang-hồ lẫn cái bụng công-danh của mình với cái chí khang-tế cho đời không? Có phải là kẻ điên-cuồng mắc phải cái bệnh hi-đại không? Hay là một tay giáo-hóa cho đời, dẫu có dùng những cách bạo-động cho mau thành, nhưng kết-quả sau này cũng đủ bù lại bội phần? Cái đó, ta không xét làm gì. Ta chỉ biết cái người có sức tranh quyền cướp nước ấy là người biết cậy ở tài ở sức mình, biết tự-tín tự-cường đến cực-điểm, cho người đời là nhủ-nhờ ngu-xuẩn hết cả, mà đem cái chủ-nghĩa, cái chí-khí của mình thắng-đoạt hết. Tự cho mình là một bậc « siêu-nhân » (*surhomme*) vậy. Đã là bậc siêu-nhân thì cần gì Nghị-viện, cần gì hiến-pháp, cần gì luật-lệ, cho những cái đó là chẳng vào đâu cả; chỉ cốt chiếm lấy cái chủ-quyền vào trong tay, tin rằng có quyền thời dẫu không cứu được cho cả thiên-hạ, cũng cứu được cho nòi-giống mình, và muốn chiếm lấy cái chủ-quyền ấy thì phải dùng đến võ-lực cũng không đừng. Ấy hạng người đó là một hạng người riêng của thời-đại ta, kể thời cũng là một hạng nguy-hiểm, nhưng rất nên quan-sát lắm.

Xét đến công-việc gần đây của những người như LÉNINE, như MOUSTAPHA KEMAL, như D'ANNUNZIO, như MUSSOLINI, tức-thì khởi ra một câu hỏi trọng-yếu vô-cùng, là: những người ấy có thể cho là người anh-hùng cả, thời anh-hùng có thể biến-hóa được thời-thế không? Những người ấy có phải là tự mình gây ra những cuộc đại-biến trong xã-hội, những thói ăn cách ở của người đời, trước kia chưa từng có, và vì những người ấy không xuất-hiện ra thì không bao giờ có không? Hay là những người ấy chẳng qua là cái biểu-hiệu rõ-rệt của một cái phong-trào ngấm-ngầm, thế nào cũng phải phát-động ra, chẳng qua là đồ dùng của một cái sức mạnh tiền-định nó sai khiến?

Các nhà tư-tưởng trả lời câu hỏi ấy ra hai cách khác nhau. Nhà triết-học nước Anh THOMAS CARLYLE, là người đại-biểu trứ-danh nhất của phái thứ nhất, cho rằng công-chúng cũng như một đống đất-sét vô-hình, người anh-hùng muốn nặn ra thế nào cũng được, nghĩa là người anh-hùng có tài tạo ra thời-thế. Trong bài tổng-luận sách « Thờ Anh-hùng » (*Culte des Héros*) của ông nói rằng:

« Theo ý tôi, lịch-sử thế-giới, công-nghiệp người ta ở đời, chẳng qua là lịch-sử, là công-nghiệp của mấy bậc đại-anh-hùng đã gia-công gắng sức ở cõi trần này. Những người ấy là những người đưa đường chỉ nẻo cho công-chúng, làm nêu làm mẫu cho các người khác, nói cho rộng ra là những người có tài có sức thực-hành được những sự công-chúng mơ-tưởng

mà không làm nổi. Bao nhiêu những sự-nghiệp lớn ở đời, toàn là những cái kết-quả hiển-nhiên ra ngoài của những tư-tưởng ở trong óc các bậc vĩ-nhân vậy. Người anh-hùng là cái nguồn sáng vô-cùng, khiến cho ai đến gần cũng được tỏ-rạng. Ánh sáng chiếu vào tận chỗ u-âm trong đời ta, không phải là ánh sáng phất-phơ như cái đèn, chính là ánh sáng vằng-vặc như ngôi sao, tan-túa ra ngoài, thấu suốt mọi vật . . . »

Đối với phái thứ nhất ấy, có một phái thứ nhì, không chịu tán-dương người anh-hùng như thế. Phái này cho rằng một người dẫu siêu-quần lỗi-lạc thế nào mặc lòng, cũng chỉ là một người mà thôi, nghĩa là một cái đồ chơi ở trong tay những sức mạnh u-âm kỳ-quái, một cái máy tùy những cơ-hội xảy ra mà xoay-động, nói tóm lại là cái « sản-vật của sự tất-nhiên » (*le produit de la nécessité*). Nhà văn-hào nước Nga TOLSTOI là một người chủ-trì cái thuyết ấy. Ông nói rằng không ai có thể tự-phụ-hướng-đạo cho công-chúng được, dẫu người anh-hùng cũng ví như người lội nước, mà công-chúng chính là nước, là thủy-triều dâng lên, nâng bồng lên được mà cũng có thể tràn ngập đi được. Trong tiểu-thuyết « Chiến với Hòa » (*Guerre et Paix*) của ông, ông tả ông Nã-phá-luân một hồi nhờ cái luồng sóng của lịch-sử nó nâng nó cuốn lên, làm nên những sự-nghiệp động-địa kinh-thiên, rồi sau cuộc đời thay đổi, gặp phải cái luồng sóng khác trái lại, sự-nghiệp đến đổ-địa cả. Nói tóm lại, thế-giới là cái trường-sở của những sức mạnh u-âm huyền-bí, sinh-sinh hóa-hóa luôn-luôn, bàng-bạc khắp trong xã-hội, trí người không thể hiểu được, sức người không thể ngăn được, và những kẻ gọi là anh-hùng hào-kiệt ấy, chẳng qua là cái đồ dùng để cho những sức mạnh ấy sai-khiến mà thôi.

Hai thuyết như trên, thuyết nào là phải ? Ta hãng xét qua lịch-sử của bốn người vừa kể tên trên nọ, có lẽ cũng có dịp ngẫm-nghĩ sâu về cái vấn-đề đó.

. . .

Trước năm 1917, LÉNINE là một kẻ giang-hồ bị khu-trục ở nước nhà, đi phiêu-rạt khắp mọi nơi, khi ở *Genève*, khi ở *Zurich* (Thụy-sĩ), khi ở *Cracovie* (Triết-khắc), khi ở *Paris*, nhiều khi bụng thời đói mà óc vẫn mơ-màng những cái mộng trong sách KARL MARX (là ông tổ của đảng xã-hội đời nay), lòng vẫn oán-giận căm-tức những kẻ cường-quyền ở đời ; đương là người bần-tiện như thế, mà hốt-nhiên trở nên một người như bây giờ, phải có nhiều cái cơ-hội mà sức mình không thể tự-nhiên gây ra được. Phải có một cuộc chiến-tranh không-tiền khoáng-hậu, khiến cho nước Nga, binh-khí không đủ, quân-đội không tập, đến thua xiểng-liểng; lại phải cho đội quân vệ-binh của nhà vua cũng đổ-địa nốt ; lại phải ông vua do-dự nhu-nhược, không có đủ sức mạnh mà ra tay chuyên-chế, lại khu-khu thủ-cựu quá, không biết cải-cách cho hợp-thời ; đến sau khi nhà vua đã đổ rồi, chính - quyền vào trong tay một lâm-thời chính-phủ, lãnh-tụ đảng xã-hội là KERENSKY ra-cầm quân, tưởng rằng làm cách-mệnh được ngay, không ngờ lại phải kéo dài sự chiến-tranh mãi, làm cho thất dân-vọng. Ấy phải có bấy nhiêu cơ - hội mới khiến cho một người như LÉNINE xuất-đầu lộ-diện được.

Nay có phải chính LÉNINE khởi ra cái phong-trào quá-khích không, hay là chẳng qua chỉ nhiệt-thành truyền-bá một cái chủ-nghĩa, dẫu không có mình cũng có kẻ khác truyền ra ? Trước khi LÉNINE về nước, trong dân-gian và trong bọn quân-lính đã thấy khao-khát sự hòa-bình, và lại mong-mỏi có dịp cướp lại đất của bọn qui-tộc để chia

nhau ; có thể thật, nhưng mà lòng mong-mỏi với sự thực-hành thường cách xa nhau một trời một vực.

Mùa hạ năm 1917, quân Nga còn có sức chống được với quân Đức. Tuy trong bụng quân-lính đã chán sự chiến-tranh lắm rồi, nhưng cũng chưa nghĩ đến bỏ trận lui về. Bấy giờ đảng quá-khích mới gia-công cổ-động, dùng đủ mưu-chước để truyền-bá cái chủ-nghĩa quá-khích trong quân-đội và trong nhân-dân, khác nào như truyền con trùng độc vào cái thân-thể đã ốm-yếu lắm, ắt là sinh-sản ra rất mau. LÉNINE thật là quỉ-quái tinh-ma lắm, năm 1917 đã làm cho binh-lực nước Nga hầu như tiêu-mòn giải-tán hết cả, đến năm 1918 bắt đầu nghị-hòa ở *Brest-Litovsk* thời sự đã thành rồi, có thể công-nhiên nói rằng : « Bây giờ muốn đánh cũng không đánh được nữa, còn quân đâu ? »

Cái mưu tuyệt-diệu của LÉNINE là ngay tự lúc đầu đã biết khéo thu-phục lòng tin của những bọn cùng-dân hạ-hộ. Sức mạnh của ông là giốc một lòng thi-hành cho được cái chủ-ý bình-sinh, là muốn làm người trước nhất thi-nghiệm đặt ra một cái quốc-gia theo lối cộng-sản, tuyệt-nhiên không có một hạng người nào là hạng người giữ quyền tư-bản trong xã-hội.

Cứ bình-thường, và nếu sau cuộc nghị-hòa nước Nga với nước Đức ở *Brest-Litovsk*, các liệt-cường Tây-phương không đánh nhau nữa, thời cái mơ-mộng của ông như thế cũng khó lòng thi-hành được, vì liệt-cường tất can-thiệp mà ngăn-cấm vậy. Nhưng năm 1918, cuộc chiến-tranh ở phía Tây lại càng rất-dữ, khiến cho LÉNINE cùng đồ-đệ có đủ thì-giờ tổ-chức được một quân-đội riêng để tự-vệ, làm cho nước nào muốn can-thiệp vào cũng khó lòng. Lại thêm một cái cơ-hội này nữa, không mấy người nghĩ tới, nhưng có thực như thế, là trong các liệt-cường, duy có nước Đức là vì địa-thế, vì sức mạnh, có thể ngăn-ngừa được cái phong-trào quá-khích, thời nước Đức lại bị thua Đồng-minh, thành ra cái sóng kia cứ việc tràn ra, không đê nào ngăn nổi. Mùa thu năm 1918, quân tiền-phong của Đức đã đóng ở *Smolensk*, cách thành *Moscou* 390 dặm Nga (*verstes*). Vì hồi bấy giờ vua GUILLAUME thứ II được thắng-trận, thời ắt lập-tức đề-binh sang thủ-đô nước Nga (tức là thành *Moscou*, vì Chính-phủ quá-khích dời đô ở *Pétrogard* ra *Moscou*) chừng 10 vạn người, trong giây-phút có thể quét sạch được cả nơi sào-huyệt của đảng quá-khích. Chính bọn đó cũng biết trước như thế, nên lấy làm lo lắm. Nhưng nước Đức lại bị thua ; còn Anh với Pháp thời do-dự mãi, kịp đến khi can-thiệp thời lại kẻ ở *Arkhangel*, người ở *Mourmansk*, người ở *Odessa*, cách *Moscou* hàng mấy ngàn dặm, thành-thử can-thiệp cũng chẳng hiệu-quả gì.

Cho tới ngày nay, đã qua bốn năm trời, nào là ngoại-chiến, nào là nội-loạn, nào là đói-rét, nào là lầm-than, chết hại kể hàng mấy triệu con người, thế mà « Cộng-sản Dân-quốc Nga » vẫn còn sống. Một hồi đã có người đồn rằng LÉNINE mắc bệnh lạ sắp chết, nay lại thấy ông xuất-hiện, tuyên-bố rằng cái chủ-nghĩa của ông trước sau vẫn không thay-đổi, duy phải châm-chước một vài điều cho ngoại-quốc chịu đến giao-dịch với nước Nga mà thôi. Ngày nay người nào tưởng rằng bọn LÉNINE, TROTZKY, TCHITCHERINE, ZINOVIEF và mươi mười hai tay đồ-đệ khác nữa, đã chống-chỏi trong bốn năm, bây giờ kiệt-lực rồi, từ nay sẵn lòng quay về cái chế-độ tư-bản cũ, là người ấy không biết rõ cái nghị-lực vô-song của bọn đó. Phải đã ở qua nước Nga như người viết bài này, vào giữa hồi cả nước ấy như

một bãi chiến-trường, một nơi mộ-địa lớn, mới biết được bọn đó hành-động nhiệt-thành và mãnh-liệt là dường nào.

Nếu LÉNINE và đồ-đệ đành bỏ cái chủ-nghĩa quá-khích, thì cớ sao vẫn cứ khư-khư giữ lấy chủ-quyền như hồi đầu, và người nào không đồng-ý thời nhất-thiết bài-trừ đi hết? Cớ sao lại không cho báo-quán được một chút tự-do nào? Cớ sao lại giam-cầm giết-tróc những người phản-đối mình? Cớ sao vẫn không chịu chiêu-tập quốc-hội? Vẫn biết rằng thỉnh-thoảng cũng cho ít nhiều người ngoại-quốc đến mở hàng buôn-bán ở ngoài thành, nhưng chính trong thành thì thần-công đại-bác vẫn sắp hàng, không một nhà làm báo, không một tay chính-khách của nước ngoài nào được bước chân vào đấy để mục-kích cái chân-tướng nước Nga.

Vậy thời cái tư-tưởng của LÉNINE là thế nào? Ký-giả đây, ngày mồng 4 tháng 2 năm 1919, đã được vào tiếp mặt ông ở cung *Kremlin*, ông có nói rõ cho nghe, ký-giả đã từng thuật tường ở trong sách: « Ở tù ở giữa buổi khủng-hoảng nước Nga » (*En prison sous la Terreur russe*). Ngài nào đọc lại sách ấy bây giờ thời sẽ hiểu rõ cái hiện-tình của nước Nga. Ông dự-đoán rằng các nước đánh nhau từ năm 1914 đến năm 1918 đã hại của nhiều lắm rồi, dẫu chưa thấy cách-mệnh ngay như nước Nga, nhưng nước nào cũng mắc nợ nhiều quá, không lấy tiền-của đâu mà thoát nợ được. Rồi dần dần, không sớm thì trưa, phải tăng thuế mãi lên, tiền thuê nhà cũng tăng lên, rồi đến thợ không có việc mà làm, bấy giờ mấy triệu con người lao-động bị đói rách, sẽ quay ra cách-mệnh cả. Cả xã-hội Âu-Tây sẽ qua một hồi nguy-kịch, đến lúc ấy nước Nga mới cực-lực thực-hành cái chủ-nghĩa quá-khích cho thật hoàn-toàn và gia-công giúp việc cách-mệnh ở các nước.

Ấy cái tư-tưởng của LÉNINE như thế. Ông là một người mơ-mộng lạ đời, mà có cái sức mạnh ghê-gớm muốn thực-hành sự mơ-mộng ấy. Ngay tuần-lễ đầu chiến-tranh, bấy giờ ông còn ở *Genève*, làm một cái báo nhỏ về chủ-nghĩa xã-hội, thiên-hạ có ai đọc đến bao giờ, ông đã công-nhiên tuyên-bố lên rằng nước Nga cần phải thua, có thua thì chủ-nghĩa xã-hội mới mong thực-hành được, lúc ấy mà nói thế tưởng cũng liều và bạo thật. Xét lịch-sử ông, thật cổ-lai không có một người nào xuất-thân hèn-vi như thế, mà trong một khoảng thời-giờ ngắn-ngủi như vậy, làm cho xã-hội nước mình đến đảo-điên điên-đảo như thế. Một anh cùng-đinh đói rách mà nhất-đán làm cho nước ngả-nghiêng xiêng-liểng. Một tay ông và tay đồ-đệ ông giết sạch cả nhà vua; lại giết hoặc làm nhục những tướng giỏi của nhà quân cũ, phá các nhà « băng », giam-cầm những người có chức-tước trong Giáo-hội Nga, tiệt-diệt bọn trung-lưu có tư-bản, cấm-đoán các nhà làm văn làm báo, và lại có dư thế-lực làm cho các Chính-phủ Âu-Tây cũng phải ngớp.

. . .

Chủ-nghĩa của LÉNINE là phá-hoại cả quốc-gia; chủ-nghĩa của MOUSTAPHA KEMAL lại là khôi-phục lấy nước nhà; hai bên có khác nhau, vả cái trường-sở hành-động của KEMAL cũng không to rộng bằng nước Nga, nhưng KEMAL thật cũng là một bậc nhân-vật phi-thường: nước Thổ-nhĩ-kỳ ví như một người bệnh đã gần chết, mà một tay ông làm cho cải-tử hoàn-sinh. Sau chiến-tranh, năm 1919 nước Thổ còn có gì nữa đâu. MOUSTAPHA KEMAL bấy giờ làm quan binh ở *Constantinople*, mà ở *Constantinople* thì cả chính-quyền ở trong tay Đồng-minh, thứ nhất là người Anh; nước Thổ tuy còn có hình nước, nhưng không còn có quyền độc-lập gì nữa, chẳng khác gì như bị nước Anh bảo-hộ vậy. Người Anh xét ra

Kemal có dị-chí, không muốn cho ở *Constantinople*, bèn xui vua và Chính-phủ Thổ bấy giờ bổ ông làm đốc-quân ở các tỉnh miền Đông, tức là trích sang địa-phận Tiểu-Á-tế-á. Ngày 15 tháng 5 năm 1919, giữa lúc ông đỗ tàu ở *Samsoun*, thì quân Hi-lạp tiến vào thành *Smyrne*, trong lòng ông căm-tức vô-cùng. Người Thổ đã bị ngã rấp, nghe thấy quân Hi-lạp chiếm thành *Smyrne*, cũng nổi công-phẫn lên. Ông thừa-cơ ra chiêu-tập binh-mã để đánh lại người Hi-lạp. Cả đất *Anatolie* một lòng theo ông, tôn ông làm chủ-tướng quân khôi-phục. Bấy giờ quân Hi-lạp đóng ở *Smyrne*; bốn vạn quân Anh đóng ở dọc đường xe-lửa *Bagdad* chạy ngang đất *Anatolie*. Nước Anh thời giữ cả chủ-quyền ở *Constantinople*, và cầm vua Thổ ở trong tay. Kemal khởi nghĩa-binh, người ta cho là làm giặc, có người cho là cuồng, vì đủ sức đâu mà địch lại với quân Hi-lạp lại có quân Anh giúp. Ấy thế mà đánh được, đuổi được quân Hi-lạp ra bể, đặt Quốc-Hội ở thành *Angora*, khôi-phục được nước Thổ, trước mục là quân giặc, bây giờ ngồi sánh vai với liệt-cường để nghị-hòa.

Cái tài của Moustapha Kemal là hiểu rằng sau một cuộc chiến-tranh bốn năm trời, trong liệt-cường không có nước nào còn đủ quân mà sang đánh ở Tiểu-Á-tế-á nữa, như vậy thời dù sức mình yếu thật, nhưng mình hùng-cứ một phương, lại ở giữa đất nước nhà, yếu mà còn là khỏe hơn quân ngoài. Còn quân Hi-lạp thì ông cũng đã thừa biết đi rồi: hiệu-lệnh không nghiêm, kỷ-luật nát bét, có nhiều người mà không đủ sợ. Đối với những quân-địch khẳng-tầng như thế, ông tuy một mình, mà lòng ái-quốc, bụng công-phẫn của ông còn mạnh hơn nhiều. Vả ông lấy thành *Angora* làm căn-cứ-địa, thành nay ở biệt-tịch tận giữa đất *Anatolie*, quân nào vào được đến đấy cũng khó.

Theo sách của bà Berthe George-Gaulis (đề là *Angora, Constantinople, Londres*), Moustapha Kemal là người đông-bộ đất *Roumélie*, sinh năm 1880 (vậy năm nay ông 43 tuổi). Ông gồm được hết tính-cách của người đất *Roumélie*, mặt-mũi khôi-ngô tuấn-tú, người lanh-lợi, trí sáng-suốt và khôn-ngoan. Ông học ở trường tiểu-học *Salonique*, trường trung-học *Monastir*, và trường các quân-quan tham-mưu ở Kinh-đô *Constantinople*. Tốt-nghiệp ở trường ấy, ra làm quan võ, nhưng vì hay can-thiệp đến việc chính-trị, bị truất ra *Damas*, rồi ra *Jaffa*, sau được khai-phục, cùng với bọn Enver, Djemal và Fethi, khởi ra cái phong-trào cải-cách năm 1908.

Chủ-nghĩa ông gồm trong một câu: « Nước Thổ của người Thổ », không để cho nước ngoài can-thiệp đến quyền-lợi nước mình. Ông lợi-dụng đạo Hồi để thực-hành cái chủ-nghĩa ấy, và có chí to muốn thống-nhất cả các dân theo đạo Hồi làm một đế-quốc lớn. Mưu ấy không biết có bao giờ thực-hành được không, nhưng mà hiện nay ông đã có công-nghiệp to với tổ-quốc, là khôi-phục cho nước Thổ được tự-do độc-lập. Ông thật là một người anh-hùng cứu-quốc vậy. Ông có cái nghị-lực vô-song, cái thiên-tài lỗi-lạc, ông lại khéo lợi-dụng thời-cơ mà trổ tài ra được, thật cũng đáng kính-phục.

. . .

Trông bốn bậc « vĩ-nhân » ta nói đây, thì ông Gabriele d'Annunzio có thể cho là người cao-thượng nhất. Hồi bắt đầu chiến-tranh ông đã năm-mươi tuổi rồi, sự-nghiệp ông về đường văn-chương đã đến tột-phẩm rồi. Về phần riêng ông, không còn phải lập công-danh gì với thiên-hạ nữa. Vậy mà ông giấn thân nguy-hiểm ra cổ-động cho nước ông tham-dự vào cuộc chiến-tranh. Ông quyết không phải là kẻ giang-hồ lẫn cái bụng công-danh của

mình với cái chí khang-tế cho đời, như ta nói trên đầu bài này. Nhưng ông là người can-đảm hào-hiệp, thân là một bậc văn-hào đệ-nhất trong nước, mà sau khi đã cổ-động cho nước nhập chiến-cục rồi, chính mình xin tòng-quân, trước làm về việc tàu bay, sau ra đóng các hầm-hố, rồi đến bị trọng-thương.

Sau năm 1918, khi chiến-tranh xong rồi, bấy giờ nước Ý qua một hồi hắc-ám, trong nước nổi loạn lung-tung, ông phấn-nhiên đứng lên tự-nhiệm làm một tay võ-sĩ vô-úy vô-địch để thi-hành cái chủ-nghĩa ái-quốc. Theo điều-ước thành *Londres* năm 1915, nước Ý chịu bỏ cửa bể *Fiume* và thuận cho sáp-nhập vào đất *Croatie*, nhưng đến khi nghị-hòa thì nước Ý lại đổi ý và muốn đòi lại cửa bể ấy. Việc còn cãi-cọ lôi-thôi mãi chưa xong, ngày 12 tháng 9 năm 1919, ông D'ANNUNZIO hốt-nhiên kéo một vạn nghĩa-binh vào đóng giữ thành *Fiume*, công-nhiên dùng cái chính-sách xâm-lược để cho liệt-cường thấy việc dĩ-nhiên cũng phải chịu. Ông dường-đột vào chiếm-cứ như thế, quân Đồng-minh đóng ở *Fiume* phải rút về. Chính-phủ Ý, thấy ông làm bạo-động như thế, cũng không dám biểu-đồng-tình, truyền cho ông thôi, ông không chịu thôi, bèn cho quân vây ông ở trong thành, nhưng mà đồ-đệ ông ở lục-quân thủy-quân nhiều lắm, không ai nỡ đánh ông. Mãi đến tháng 11 năm 1920, hai nước Ý và nước *Yougoslavie* ký hòa-ước thành *Rapallo*, công-nhận đặt thành *Fiume* làm một nước độc-lập, bấy giờ ông mới chịu rút quân về.

Ai đã thuộc lịch-sử và địa-lý của các dân-tộc Âu-châu, thời cũng biết các dân-tộc ấy không phải là mỗi dân ở một khu đất đặc-biệt nhau, và trong một nước thường là pha tạp chộn lẫn nhiều giống người thật khác nhau. Như vậy thời còn gì hư-huyền bằng cái dân-tộc-chủ-nghĩa nữa. Trong một cõi Âu-lục, dù định địa-giới các nước thế nào mặc lòng, không làm sao cho ổn-thỏa cả, thế nào cũng có chỗ không bằng lòng, thế nào cũng có nơi phản-đối lại, và thế nào cũng có chốn tự-xưng là «vị-hoàn quốc-vực» (*irrédentismes*) kêu nài để sáp-nhập lại. Tức như thành *Fiume*, tuy nhân-dân phần nhiều là người Ý thật, nhưng địa-thế ở giữa đất *Slaves*. Như thế thời cứ lấy chính-lý mà xét, cách hành-động của ông D'ANNUNZIO chửa chắc đã là chánh-đáng hẳn. Cái tư-tưởng của ông là đòi không được thì đánh cướp lấy, tưởng cũng là một tư-tưởng quá-cổ, không hợp với lẽ quốc-tế đời nay. Song ta biết vậy mà ta cũng không thể không cảm-phục cái lòng can-đảm hào-hiệp, vô-tư-kỷ, của một người có thể gọi là « người con quí-báu nhất của nước Ý-đại-lợi ». Có ông khởi ra cái cách hành-động ấy trước, rồi sau mới có ông MUSSOLINI xuất-hiện ra.

∴

Ông BENITO MUSSOLINI người đất *Romagne* nước Ý, con nhà nghèo mà tính-khí hăng-hái lạ-lùng. Xưa làm một thầy hương-sư thường, không được học-hành gì nhiều, nhưng chịu khó đọc sách lắm. Người ta thời được có thầy dạy, ông thời tự mình dạy mình. Trường Đại-học của ông, là cái cuộc đời kia lắm nỗi khắt-khe ; thầy dạy học ông là quyển sách để trên đầu gối, trong cái buồng vừa lạnh vừa tối.

Hồi đầu ông thuộc về đảng xã-hội, phái cực-đoan, làm chủ tờ báo cách-mệnh *Avanti*. Bởi thế bị trục-xuất ra ngoài nước, sang lánh mình ở Thụy-sĩ, phải làm những nghề khó-nhọc đê-tiện để kiếm ăn, như làm phu khiêng đồ, lại có người nói làm hồi buồng nữa. Hiện nay cũng chưa hiểu vì duyên-cớ gì ông vốn là một tay cách-mệnh mà hốt-nhiên ngày 15 tháng 11 năm

1919 lập ra tờ báo *Populo d'Italia* để xướng cái chủ-nghĩa quốc-gia và cổ-động cho nước Ý tham-dự vào cuộc chiến-tranh. Trong khi chiến-tranh ông đi tòng-quân, đánh nhiều trận, nhưng tự nơi trận-địa vẫn gửi bài về báo và chủ-trương cái chính-sách của báo-quán. Sau bị thương, được về nhà, bấy giờ chỉ chuyên việc chính-trị và lập-chí phá đổ « đảng quốc-tế » (*les internationalistes*), vì theo ý ông đảng ấy làm hại cái thế-lực của nước Ý. Khi xong việc chiến-tranh, Nhà-nước giải-binh cho về, ông thừa-cơ tập-hợp những binh-lính cũ không có việc làm, lập thành quân-đội gọi là đội « pha-xi » (*fascistes*), cũng nhờ được các đảng ái-quốc giúp, nên thu-thập mấy nghìn con người như thế mà không trở-ngại gì.

Cách hai năm nay, ở nước Ý đảng quá-khích lộng-hành dữ lắm, nào là chiếm-đoạt nhà máy, nào là giết-tróc người ta. Cái mưu khôn của MUSSOLINI là biết lợi-dụng quân « pha-xi » để công-kích đảng đó, họp quân lại mấy nơi cho thật mạnh, rồi thả ra đánh nhau với bọn kia. Quân là những học-sinh, những quan võ cũ, cùng những người ái-quốc thấy cái thái-độ của tòa Nội-các NITTI có ý phản-đối nhà quân và chiều theo bọn cách-mệnh, nên tức giận lắm ; sau lại được bọn thanh-niên vào thêm nhiều lắm, thành ra có sức mạnh to. Bọn quá-khích bấy giờ đương mưu một cuộc đại-bãi-công trong nước, bắt bao nhiêu thợ-thuyền các nghề bỏ việc làm hết. Quân « pha-xi » ra tay ngăn-ngừa được sự tai-hại ấy. Bọn quá-khích cũng không phải là vừa, vì chính-phủ còn phải sợ, thế mà quân « pha-xi » đánh được, kể cũng là mạo-hiểm và can-đảm lắm.

Cái chủ-nghĩa của MUSSOLINI là trái hẳn cái chủ-nghĩa của LÉNINE, vì sự hành-động của quân « pha-xi » là chủ phá-hoại đảng cách-mệnh, đảng cộng-sản, đảng quốc-tế ở nước Ý. Nhưng cách hành-động hai bên cũng mãnh-liệt như nhau, nên có người đã gọi MUSSOLINI là « Bạch-sắc LÉNINE » (*le Lénine blanc*) đối với LÉNINE là « Hồng-sắc LÉNINE », vì hiệu cờ của đảng quá-khích nước Nga là cờ đỏ mùi máu.

MUSSOLINI từ trước vẫn coi là một người trong đảng dân-chủ, cho nên có nhiều người muốn theo ông mà không dám quyết, vì sợ ông phản-đối với nhà vua. Nhưng ông khôn-khéo lắm, ông biết ý thế, bèn diễn-thuyết tỏ lòng trung-thành với Hoàng-triều và đế-chính, thành ra thiên-hạ về với ông lại càng đông lắm. Bấy giờ ông mới định tiến-quân vào thành La-mã, đại-thắng đảng quá-khích, nhà vua phải mời ông lập tòa Nội-các mới. Lúc ấy có người sợ rằng chủ-quyền đã vào tay ông, có lẽ ông lạm-dụng mà giở ra lối chuyên-chế chăng. Nhưng ông cũng lại khôn-khéo lắm, lúc tổ-chức tòa Nội-các, mời cả các chính-đảng tham-dự vào, thành ra đảng nào cũng có người trong chính-phủ mới cả. Ông tỏ ra thật là một tay chính-trị giỏi. Cho các báo được quyền tự-do ngôn-luận, truyền cho đảng-nhân bỏ cả những sự hiềm-thù riêng và nghiêm-cấm không được thừa-thế làm bậy. Hiện nay cái thế-lực ông thật là vô-địch. Ông đã làm thủ-tướng thời bao nhiêu binh-lực trong nước là ở dưới quyền ông, cái đó đã cố-nhiên rồi, nhưng ngoài những quân-đội chính-thức, ông còn 20 vạn đảng-nhân là quân-đội riêng của ông, tưởng không có đảng nào phái nào mạnh đến đâu, đủ sức chống với ông được.

Ký-giả có được tiếp chuyện ông một lần, xem ra ông là người thông-minh lanh-lợi lắm. Mới xét thời tựa-hồ như người mạo-hiểm quá, nhưng xét kỹ mới biết không phải là một tay

làm liều, làm việc gì đều có suy-tính, cân-nhắc mọi đường và biết khéo lợi-dụng thời-cơ.

Công-nghiệp của ông MUSSOLINI là thắng-đoạt được đảng quá-khích ở trong nước giữa lúc đảng ấy lộng-thế hành-hung, và chấn được thanh-thế cho nước Ý-đại-lợi, kể cũng là một tay anh-hùng có công với nước. Mà năm nay ông mới có 39 tuổi; vẻ-vang thay!

Có một điều đáng lạ, là ông xuất-thân bần-vi như thế, mà nhất-đán lên ngôi tể-tướng, vẫn ung-dung như thường, tưởng như bình-sinh vẫn là người ở nơi đình-chung quyền-quí vậy. Hôm mới lĩnh-chức, ông mặc lễ-phục đứng bên cạnh vua, tưởng như người cả đời vẫn ăn-mặc quen như thế. Lại nghe ông thảo-luận những vấn-đề về nội-chính, về ngoại-giao, về quân-bị, về kinh-tế, rạch-ròi như một người lão-luyện vậy. Thật cũng là một bậc thiên-tài.

. . .

Nay ta thử gồm cả truyện bốn người vừa nói trên mà kết-luận mấy câu về cái thuyết thời-thế với anh-hùng.

Có một điều lạ, chung cho ba người trong bốn người ấy, là toàn là những nhân-vật mới cả. Đầu năm 1917, không ai biết đến tên ba người ấy. Ba người đều đã bị đầy-đọa cả, bị trục-xuất ra ngoài nước nhà, phải núm-náu ở chốn tha-hương cả. Chính ông D'ANNUNZIO khi còn đương bị vây ở thành *Fiume*, trong mấy tháng cũng bị Chính-phủ mình coi như một tên tướng giặc vậy. Cho hay đường công-danh vẫn là con đường nghiêu-khê nguy-hiểm, thường thông nơi chiến-trường nọ với chốn trận-địa kia. Những người như LÉNINE, như MUSTAPHA KEMAL, như MUSSOLINI, cho được làm nên sự-nghiệp kinh-thiên động-địa một thời, tất phải gặp được những cơ-hội sẵn-sàng tiện-lợi, mới có thể trổ tài tỏ sức ra được, không thời không sao xuất-đầu lộ-diện được như thế, cái đó đã rõ hẳn rồi. Những người ấy tức là những sản-vật, những kết-quả của thời-thế, và cái thời-thế nó khiến cho những người ấy xuất-lộ ra được, là bởi tự đâu, không phải tự những người ấy gây ra được.

Nhưng mà những người ấy có trí khôn, có nghị-lực, biết lanh-lẹ, biết khéo-léo vô-cùng, trông thấy cái thời-cơ nó thoảng qua mà tựa-hồ như mau tay nắm ngay được, rồi quả-quyết mạo-hiểm, thừa-cơ làm cho đến được mới nghe. Lúc đầu tuy cũng có nhờ cái luồng sóng nó nâng nó đẩy lên thật, nhưng mà sau đoạt được, khiến được nó phải theo mình. Cũng có lẽ mỗi người ấy, trong cái phạm-vi riêng của mình, chẳng qua chỉ là phát-biểu cho rõ-rệt ra một cái tình-ý chung nó đã manh-nha ở trong tâm-hồn kẻ công-chúng. Nhưng mà khác nào như làm cho một cái chất còn đương u-ám phát men, bỗng có sức bùng lên nổ lên được; khác nào như biến một đám tinh-vân (*nébuleuse*) thành một ngôi sao sáng; tức là biến-hóa những cái mộng mơ-màng phảng-phất thành ra sự-thực hiển-nhiên.

Chắc rằng cái chất mộc là nhờ ở thời-thế, không có thời tài đến đâu cũng chẳng làm gì được; không bột gột sao nên hồ? Nhưng mà không có người gột thì bột cũng chẳng bao giờ thành hồ được. Cái chất mộc-mạc kia mà không có người nặn cho tài cho khéo thì thiên-vạn-cổ cũng là một đống bùn, chửa chắc thành hình gì. Xét như thế thời có thể điều-hòa được hai cái thuyết trái nhau của hai ông CARLYLE và TOLSTOI như trên kia; như thế thời hai phái không phản-đối nhau nữa. Người anh-hùng hào-kiệt, làm nên sự-nghiệp to-lớn, bất-cứ là hay hay dở cho xã-hội, chẳng qua cũng là cái sản-vật của thời-thế mà thôi, nhưng là cái sản-vật làm cho động-địa kinh-thiên, làm cho đảo-điên cả thời-thế, tức như thuốc súng cũng là một sản-vật mà có cái sức mạnh phá-hoại hết-thảy vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch*

KHẢO VỀ CÁC LỐI VĂN TÀU

I — Thể văn luận-biện

Thể văn *Luận* 論 không biết làm ra tự bao giờ, những lời của thánh-hiền đời xưa vấn-đáp với mọi người, người ta chép ghi lại để thùy-huấn về muôn đời, như là sách *Tề-luận* 齊論, *Lỗ-luận* 魯論, nhưng không phải là thể văn luận đời nay. Còn những sách của các nhà làm ra, như là sách của chư-tử bách-gia, thực cũng không khác gì làm luận. Người nhà Hán thường đặt tên sách gọi là *luận*, như là *Luận-hành* 論衡, *Diêm-thiết-luận* 鹽鐵論, *Tiềm-phu-luận* 潛夫論, *Trung-luận* 中論, đều theo lệ ấy cả. Giả-sinh làm ra ba thiên *Quá-Tần-luận* 秦過論, đời sau làm luận ấy là tổ-thuật tự đó.

Thể văn *biện* 辨 chủ-ý nói biện-bác giáo-giở, cật-nạn cho ra nghĩa, cho đạt tới cái bản-ý mới thôi, cùng với thể *luận* cũng đại-đồng mà có chút tiểu-dị, các nhà kinh-sinh các đời hay làm theo thể văn ấy, như là bài *Cửu-biện* 九辨 ở *Sở-từ* thời rất là cổ, nhưng không phải như thể *biện* đời nay. Nguyên luận-biện hai thể ấy là lời ngôn-ngữ thông-xưng, nhân đó mới biệt-thành ra một thể văn thuyết-lý.

Phàm thuộc về thể văn Luận-biện kể có 23 mục : *Luận* 論, *Thiết-luận* 設論, *Tục-luận* 續論, *Quảng-luận* 廣論, *Bác* 駁, *Nạn* 難, *Biện* 辨, *Nghĩa* 義, *Nghị* 議, *Thuyết* 說, *Sách* 策, *Trình-văn* 程文, *Giải* 解, *Thích* 釋, *Khảo* 考, *Nguyên* 原, *Đối-vấn* 對問, *Thư* 書, *Dụ* 喻, *Ngôn* 言, *Ngữ* 語, *Chỉ* 旨, *Quyết* 訣.

1) *Luận*. — Phàm các nhà làm sử, hễ sau bài truyện-chí thường làm một bài luận, trong tập *Văn-tuyển* có lấy những bài ấy cho làm *Sử-luận* 史論. Lại như những bài văn tấn-nghị của cổ-nhân, thường nói là luận việc này, luận người này, tuy gọi tên là bài *Luận*, nhưng kỳ-thực toàn là văn Sớ-chấp 疏劄. Trong các tập văn của cổ-nhân, cũng có bài vốn thuộc về luận-thể, mà không đặt tên là *luận*, như là những các bài sớ-sách.

2) *Thiết-luận*. — Đời Chiến-quốc có Tống Ngọc 宋玉 làm ra bài *Đối Sở-vương-vấn* để tả cái cảm-hoài không gặp thời, về sau Đông-phương Mạn-Thiên 東方曼倩 Dương Tử-Vân 楊子雲, Ban Mạnh-Kiên 班孟堅, cũng đều bắt-chước làm ra thể văn ấy, trong tập *Văn-tuyển* còn truyền lại ba thiên, đều đặt ra lời vấn-đáp, cho nên gọi là thể văn *Thiết-luận*. Song chỉ có bài của Tống Ngọc thời làm ra lời đối-đáp với lời hỏi gồm cả làm một. Còn ngoại ra thời như bài *Bốc-cư* 卜居 của Khuất Bình, bài luận *Phi-hữu tiên-sinh* 非有先生 của Đông-Phương Mạn-Thiên, bài luận *Tứ-tử giảng-đức* 四子講德 của Vương Tử-Uyên, những bài trên đó cũng gần giống như thể *Thiết-luận*. Từ đời Đường Tống trở xuống phần nhiều làm như thể văn ấy cả.

3) *Tục-luận*. — Lấy những sách của cổ-nhân làm ra, mà còn chửa hết ý, lại dẫn bàn thêm ra, gọi là *Tục-luận*, như là những bài *Tục Mạnh-tử*, *Tục Ly-tao*.

4) *Quảng-luận*. — Cũng giống như thể văn Tục-luận, gọi là *Quảng*, nghĩa là bàn rộng thêm ra, tức như cổ-nhân gọi là *Quảng-nghị* 廣議, *Quảng-nhã* 廣雅, *Quảng phương-ngôn* 廣方言, cũng cùng một lệ ấy cả.

5) *Bác*. — Trong văn tấu-nghị có riêng một thể văn *bác-nghị*, đời nhà Hán có đặt riêng ra một chức quan chỉ chuyên-chủ về việc bác-nghị. Đời sau này gọi là *bác* ấy là bài-bác những bài văn của cổ-nhân, bài nào ý mình cho là không phải thời bàn nói trái lại phản lại để bài-bác đi, như là những bài *Phản Ly-tao* 反離騷, *Phản chiêu-hồn* 反招魂, đều là lối ấy cả.

6) *Nạn*. — *Nạn* cũng giống như văn bài-bác, nghĩa là ý mình không giống với ý người, thời làm ra lời hỏi nạn đi nạn lại cho vỡ lẽ, như là bài *Đáp khách-nạn* 答客難 của Đông-Phương Sóc, bài *Nạn-Thục-phụ-lão* 難蜀父老 của Tư-Mã Tương-như.

7) *Biện*. — *Biện* cũng giống như thể văn *Luận*. Song thể văn *Biện* mới xuất-hiện ra sau. Như bài *Biện-vong-luận* 辨亡論 của Lục Sĩ-Hành, *Biện-mệnh luận* 辨命論 của Lưu Hiếu-Tiêu, đều là thể văn *Biện*, mà không đặt tên là *biện*. Nguyên là từ đời Lục-triều trở lên, ít người làm thể văn ấy, cho nên trong tập *Văn-tuyển* cũng không có. (Bài *Cửu biện* không phải là thể biện.) Từ đời Đường đời Tống về sau này mới có thể văn *Biện*, thường thấy ở trong tập văn ông Hàn ông Liễu cũng nhiều.

8) *Nghĩa*. — Trong sách *Đái-ký* có thiên *Quán-nghĩa* 冠義, thiên *Hôn-nghĩa* 昏義, thế thời tự đời Hán đã có tên ấy, đến đời sau hoặc gọi là *Bản-nghĩa* 本義, hoặc gọi là *Chính-nghĩa* 正義. Tóm lại phàm sách nào dùng để thuyết về nghĩa kinh thời đều đặt tên là *Giảng-nghĩa* 講義, hoặc chỉ gọi là *Nghĩa*. Tự đời Tống trở về trước thời không thấy có thể văn ấy, đến đời Minh lại lấy cả những văn khoa-cử như *Ngũ-kinh-nghĩa*, *Tứ-thư-nghĩa*, đều cho là thể-văn *Nghĩa*, thời không phải lối cũ vậy.

9) *Nghị*. — Lối văn *Nghị* đời cổ chẳng qua là chỉ chép-nhặt các lời nói, chớ bất-tất làm thành văn. Song đặt tên là *Nghị* thời cũng có hơi khác thể văn *Luận*, nhưng cũng là chuyên-chủ về việc nghị-luận. Còn như thể văn tấu-nghị thời tự đời Tần đời Hán đã có rồi.

10) *Thuyết*. — Trong sách *Văn-tâm-điêu-long*, của Lưu Ngạn-Hòa có làm ra một thiên luận-thuyết, dẫn những truyện Y Doãn luận-vị, Thái-công biện-câu, và truyện Trúc Võ gở nạn cho nước Trịnh, Đoan-Mộc giữ được nước Lỗ, đó giống như giọng du-thuyết của các nhà du-sĩ đời Chiến-quốc, chớ không phải thể *Thuyết*. Thể *thuyết* mới khởi lên là bắt-chước văn của chư-tử, từ đời Hán trở về sau, các nhà trước-thuật có làm ra các bài *Tạp-thuyết*, mười phần đến tám chín phần là văn ngụ-ngôn, đó đều là những người có chí thương đời ghét tục và thương mình không gặp thời, mà không muốn nói rõ ra, chỉ là thác-vật ký-ý mà làm thành văn *Tạp-thuyết*. Người đời sau bày đặt suy-diễn mãi ra mới làm thành ra các bộ văn *tiểu-thuyết*.

11) *Sách*. — *Sách* là thể văn luận-sự, dùng để tấu-đối thời gọi là tấu-nghị.

12) *Trinh-văn*. — Thể *Trinh-văn* này cũng giống như thể *nghĩa*, về khoảng giữa đời Tống mới có; gọi là thể *Trinh-văn*, là cốt để làm trinh-thức cho học-trò vậy.

13) *Giải*. — Sách *Đái-ký* có một thiên *Kinh-giải*, đời sau phàm những lời giải nghĩa kinh, đều gọi là *giải*. Song kỳ-thực không những là chuyên để giải kinh, xem như những bài văn của chư-tử cũng thường gọi tên là bài *Giải*.

14) *Thích*. — Tên gọi là *Thích* mới thấy ở sách *Nhĩ-nhã*. Lưu Hi 劉熙 có làm bài *Thích-danh*, cũng là bắt-chước

Nhã-nhã. Phép làm bài *Thích* cũng giống như bài giải-kinh, cho nên các nhà kinh-sinh cũng hay làm thể ấy.

15) *Khảo*. — Bài *Khảo* là xét kể các điển-cổ sự-thực, cốt sao cho kỹ-càng là hơn. Dùng bài *khảo* là để giúp cho bài *Giải* bài *Thích*, mà thể văn nó hơi khác. Tự đời Hán đời Đường trở về trước, ít thấy có thể văn ấy, đến đời Tống trở về sau mới nhiều.

16) *Nguyên*. — Bài *Nguyên* là nói kể lại từ hồi nguyên-thủy. Đời cổ chưa có thể văn ấy. Tự Hàn Thoái-chi mới làm ra năm bài *Nguyên*, người đời sau nhân đó mới làm theo. Hoặc gọi là bài « *Nguyên* mỗ » (như nói *Nguyên-đạo*) hoặc gọi là « mỗ *nguyên* », cũng cùng một ghĩa cả.

17) *Đối-vấn*. — Tức là những bài trong chỗ bè-bạn thầy-trò vấn-đáp với nhau. *Văn-uyển anh-hoa* gọi là bài vấn-đáp cũng cùng nghĩa ấy cả.

18) *Thư*. — *Thư* là lời nói của các nhà trước-thuật, cũng giống như loài văn chư-tử, khác với loài văn Tấu-nghị và loài văn thư-độc.

19) *Dụ*. — Trong bài văn mà có lời dụ (lời ví), cũng như trong bài thơ có thể *Tỉ*. Sách của chư-tử lời thí-dụ thực nhiều, nhưng tự cổ chưa thấy ai đặt tên là bài *dụ*, Tự đời Đường về sau mới thấy có.

20) *Ngôn*. — Phàm làm ra văn-chương chữ nghĩa đều gọi là *Ngôn*, cho nên thơ có thể *ngũ-ngôn* 五言, *thất-ngôn* 七言; mà dâng chương-tấu lên thì gọi là *Thượng-ngôn* 上言, trong bài văn nói giả-thác ra ý khác, thì gọi là *Ngụ-ngôn* 寓言, hoặc gọi là *Chí-ngôn* 卮言, đều là lệ ấy cả. Còn như đặt tên bài gọi là *ngôn*, thời về đời Lục-triều cũng có, từ đời Đường mới bắt-chước làm theo.

21) *Ngữ*. — Cổ-nhân làm sách hay đặt tên là *ngữ*, ngoài sách *Luận-ngữ* ra lại như là sách *Quốc-ngữ*, *Gia-ngữ*. Song trong văn-thể không thấy có tên ấy, tự đời Đường đời Tống trở về sau thỉnh-thoảng mới thấy có.

22) *Chỉ*. — *Chỉ* nghĩa là chỉ-trỏ, là trỏ cái ý sở-thuộc về đâu. Nhâm Ngạn-Thăng 任彥昇 trong bài xét về văn-chương duyên-khởi cũng nói có thể văn ấy, có dẫn chứng bài *Đạt-chỉ* 達旨, của Thôi-Nhân 崔駰. Đời sau tôn-xưng lời nói của vua gọi là *chỉ*, cho nên những nhà trước-thuật không có lấy chữ *chỉ* mà đặt tên bài văn của mình nữa. Người đời Đường thỉnh-thoảng cũng làm ra thể văn ấy.

23) *Quyết*. — Phàm nghệ-nghiệp gì cũng có cái chỗ tinh-vi cốt-yếu, người tài-giỏi hay tỏ cái chỗ cốt-yếu ấy ra để bảo người, thì gọi là *Quyết*. Đạo-gia Thích-gia hay dùng chữ *Quyết*, như là nói: *Chân-quyết* 眞訣, *Tiên-quyết* 仙訣. Các nhà văn-chương về cổ-thời cũng có đặt tên thiên là *Quyết*, về sau này thời không có thể văn ấy nữa.

II. Thể văn Tự-bạt

Cổ-nhân hễ làm ra quyển sách nào tất là có làm một bài văn để thuật cái ý sở-tại, mà để lên đầu thiên, như là mấy lời nói đầu ở các thiên trong kinh *Thư*, đó là lời của Sử-thần kể ra cái duyên-do, tức là bài *Tự* 序. Lời *Tự* cũng có khi là của người độc-giả làm ra, như là bài *Tự* ở đầu thơ *Quan-thư* trong kinh *Thi*, hoặc người bảo là của ông Tử-Hạ làm ra, không biết có đích-xác không? Song tương-truyền đã lâu lắm. Còn như các thể nhà làm *Sử* để Tự rất nhiều. *Bạt* 跋 cũng giống như thể văn Tự, nhưng mới có về sau, phép làm văn *Bạt* cũng

gần giống như *Tự*, song *Tự* thì có *Tiền-tự*, *Hậu-tự*, *Bạt* thì chỉ để ở cuối quyển mà thôi, cũng là thủ-nghĩa chữ *Bạt* 跋 là sau chân vậy. Văn *Bạt* truyền lại rất nhiều, đã tập-thành ra một quyển sách, bởi vì các nhà khảo-chứng thường hay xét đến thể văn ấy. Phàm thuộc về thể văn *Tự* văn *Bạt* cả thảy có 16 mục : *Tự* 序, *Hậu-tự* 後序, *Tự-lục* 序錄, *Tự-lược* 序略, *Biểu-tự* 表 , *Bạt* 跋, *Dẫn* 引, *Thư-hậu* 書後, *Đề-hậu* 題後, *Đề-từ* 題詞, *Độc* 讀, *Bình* 評, *Thuật* 述, *Lệ-ngôn* 例言, *Sớ* 疏, *Phổ* 譜.

1) *Tự*. — Tự-văn có ba loại : Làm *Tự* để tống-tặng người, thời thuộc về loại *tặng-tự*; làm *Tự* để ghi chép việc, thời thuộc về loại *tạp-ký* ; còn một loại *Tự-văn* nữa là làm *Tự* để để lên đầu một quyển thơ văn nào. Vì để *Tự* như thế thì phải thấu-hiểu cho hết cả ý của tác-giả, rồi mới thuật ra mà để *Tự* được. Những nhà trước-thuật đời sau này, cứ hay đi xin các bậc danh-nhân để *Tự* cho, để thủ-trọng với đời, tuy Tả Thái-Xung cũng không khỏi thế, nữa là người khác thì còn kể chi.

2) *Hậu-tự*. — Trên đầu quyển đã có bài Tự, rồi lại có bài Tự nữa phụ theo sau, cho nên gọi là *hậu-tự*, trước sau đều riêng ra một thể, hoặc tự một người làm ra, hay là tự hai người làm ra, cũng được cả.

3) *Tự-lục*. — Thời Tây-Hán, Lưu Tử-Chính 劉子政 đương khi xét định sách-vở ở gác Thiên-lộc, cứ mỗi một lần dâng sách thời lại làm ra một bài thuật hết cả đại-ý của tác-giả, và những chỗ được chỗ hỏng, gọi là bài *Tự-lục*. Người sau nhân đó cũng bắt chước làm theo, thể văn đó giống như Tự-văn mà cũng có hơi khác.

4) *Tự-lược*. — Về thời Tây-Hán, con Lưu Tử-Chính là Lưu Hâm nối nghiệp cha toản-tu mọi sách có tóm lại làm bảy bài *lược*, *lược* nghĩa là toát-yếu cả đại-nghĩa lại. Đời sau nhân đó làm theo, gọi là bài *Tự-lược*. Song từ đời Hán trở về sau cũng ít nhà làm thể văn ấy, duy có Trịnh Ngư-Trọng làm *Thông-điển* là còn làm bài *Tự-lược*.

5) *Biểu-tự*.— Tư-Mã-thị mới đổi cái thể *biên-niên* của Tả-thị, làm ra thể *Bản-kỷ*, *thế-gia*, *liệt-truyện*, song thế-thứ trước hay sau, chế-độ duyên hay cách, sợ để tán-mạn ra thì không biết đâu mà xét, vì thế mới phải phân ra từng *Biểu*. Các nhà làm sử về sau cũng bắt-chước làm ra *Biểu*, *Biểu* lại phải có *Tự*, để kể các điều của mình biên-lục.

6) *Bạt*. — Thể văn *Bạt* này mới làm ra từ khoảng giữa đời nhà Tống, trong tập văn ông Âu-Dương-Vĩnh-thúc có đến và mươi bài *Bạt*, họ Tô họ Hoàng lại nối theo mà làm, chớ trước kia chưa thấy có thể văn ấy.

7) *Dẫn*. — *Dẫn* là một tên về loại thi-ca, nghĩa là để dẫn-âm cho đúng tiết, xem như Thạch Sùng có bài *Tự* về *Tư-qui-dẫn*, thế thì *Dẫn* không phải về loài Tự-văn ; đời sau mới cho *Dẫn* là một tên riêng cũng thuộc về loài *Tự*. Diêu-thị bảo rằng cha con anh em họ Tô nhân tổ-tiên khi xưa có tên gọi là *Tự*, vì kiêng gia-húy cho nên đổi *Tự* gọi là *Dẫn*, cũng là dùng để để đầu sách. Ban Mạnh-Kiên có làm một bài *Điển-dẫn*, bài *Dẫn* ấy thực là rất cổ, song khác với thể *Tự*.

8) *Thư-hậu*. — Ban Mạnh-Kiên có làm một bài ký *Tần-Thủy-hoàng-hậu*, ấy cái thể văn *Thư-hậu* để thường trước từ đó. Sau này trong tập văn Hàn, Liễu, thường thấy có thể văn ấy, người sau

cũng bắt chước làm ra nhiều, thể văn *Thư-hậu* này cũng giống như thể *Bạt*.

9) *Đề-hậu*. — *Đề-hậu* cũng tức như là *Thư-hậu*, gọi là *Đề* tức là đề-thẩm, nghĩa là xem xét.

10) *Đề-từ*. — Thể *Đề-từ* thường làm bằng vận-văn, cũng có khi tùy ý chỉ đề độ và mươi chữ, đó lại là một biến-thể, cũng hơi giống như thể *Đề hậu*.

11) *Độc*. — Cổ-nhân đọc sách thấy có chỗ nào sở-đắc, thời tiêu-đề lên trên sách, gọi là *Độc*, nghĩa là để ghi nhớ cho khỏi quên. Song những người hay chữ mà làm lời Độc, thời văn-từ có vẻ hay, mà nhiều câu khả-truyền được. Thể văn ấy mới có từ đời Đường trở về sau này, chớ trước kia không thấy có.

12) *Bình*. — *Bình* nghĩa là thăng-bằng, là cân nhắc cho đúng nghĩa ; các nhà làm sử thường ở sau các bài kỷ-truyện, lại viết thêm mấy câu đoán-ngữ nữa, thời gọi là *Luận*, hoặc gọi là *Tán* 贊. *Tam-quốc-chí* của Trần-thị thời gọi là *Bình*, cũng là thể văn đó. Các nhà văn-chương từ đời Đường trở về sau này mới có thể văn *Bình*.

13) *Thuật*. — *Thuật* cũng giống như thể Tự-văn, gọi là *Thuật* cũng là lấy nghĩa « *Thuật-nhi-bất-tác*. » Cho nên người đời sau làm sách thường đặt tên gọi là : « *Thuật nghĩa* 述義, *Thuật-văn* 述聞 » cũng là ý ấy cả.

14) *Lệ-ngôn*. — Cổ-giả đọc sách tất phải trước biết rõ cái lệ, cho nên đời Tấn Đỗ Nguyên-Khải có làm một quyển *Tả-truyện thích-lệ*, mà trong bài *Tự* cũng nói lệ là phát-đoan. Nhưng các nhà văn-chương truyền thể văn ấy rất ít.

15) *Sớ*. — Thể văn *sớ* ngoài lối văn tấu-sớ để tâu vua ra, lại còn thể văn *sớ* để chú-giải, là thuộc về lời giảng-nghĩa của các nhà kinh-sinh ; thể văn *sớ* để cúng-vái là thuộc về văn khoa-cúng của nhà Phật. Còn như thể văn *sớ* đây lại khác với hai thể văn trên, thể văn này dùng để làm cáo-bạch, chỉ thuật đại-ý nói để quyên tiền hoặc hợp-cổ để làm việc gì, hơi giống như thể Tự.

16) *Phổ*. — Các nhà văn-học bác-nhã thường lấy những điều kiến-văn họp-tập lại gọi là *Phổ-lục*. Lưu Ngạn-Hòa cắt nghĩa chữ *Phổ* là rộng, nghĩa là rộng chép hết cả sự-thực. Như là *Thi-phổ* 詩譜 của Trịnh Khang-Thành đều đã tập-thành làm ra một bộ sách. Cũng có khi tóm cả đại-ý vào trong một bài văn cũng gọi là *phổ*.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

NÓI VỀ VI-TRÙNG (1)

II

Hình-thể vi-trùng. — Giống vi-trùng có 3 hình chính :

1° Hình tròn như hòn quần hay bầu-dục như quả-trứng, đứng riêng một mình hay đứng chụm lại với nhau (trùng bệnh huyết-độc, trùng bệnh mụn rọt, trùng bệnh xung màng óc).

2 Hình dài từng đẫn. Có thứ đẫn ngắn (trùng sữa chua), có thứ đẫn dài hơn (trùng tương thối), có thứ cả đẫn to đều (trùng bệnh ung), có thứ một đầu phòng lên như con nong-nóc (trùng uốn-ván), có thứ phòng cả hai đầu (trùng bạch-hầu), có thứ dài hình như sợi chỉ.

3° Hình cong. Có thứ như nét-phẩy

(1) Diễn-thuyết ở Hội Khai-trí ngày mồng 2 tháng 6 năm 1923. — Tiếp theo kỳ trước. N.P. số 71.

(trùng tả), có thứ cuộn như chân-ốc.

Xưa các nhà vi-trùng-học coi cái hình thể bề ngoài làm quan-trọng lắm, và theo đó để phân vi-trùng ra từng loài, từng giống. Mãi đến vừa mới đây, ai cũng công-nhận rằng trong suốt một đời mỗi giống trùng chỉ có một hình-thể nhất-định mà thôi. Ngày nay ai cũng biết rằng cái ý-tưởng ấy không đúng với sự thật: một giống trùng có thể thay hình đổi dạng tùy theo cái tuổi nó, tùy cái chỗ nó mọc, v.v. Nó có lúc tròn, có lúc dài mà thẳng, có lúc dài mà cong. Ông NAEGELI nói rằng lấy một cái hình-thức bề ngoài mà phân-biệt giống vi-trùng thì không đúng. Theo ý-kiến ông thì một giống có thể có đủ các hình-thể và sinh ra được đủ các thứ bệnh, chỉ tùy cái chỗ nó sinh-trưởng mà thôi.

Ông COHN và ông ZOFF thí-nghiệm về một giống trùng ở trong nước bẩn thì thấy nó có lúc dài như sợi chỉ, có lúc tròn, có lúc thẳng, có lúc cong, có lúc chụm lại như chùm nho, có lúc nối với nhau như dây súc-sích. Ông ZOFF nghiệm về giống *Beggiatoa*, cũng thấy như vậy.

Ông GUIGNARD và CHARRIN thêm vào trong nước cấy trùng một thứ thuốc kỵ-trùng, cũng thấy giống trùng lấy làm khó chịu, rồi phải thay hình đổi dạng một cách rất sâu-xa, có khi biến hẳn không nhận được ra nữa.

Ông HANSEN nói rằng trùng dấm-chua hễ kém ăn thì phòng to lên rồi tựa như những bánh « bích-qui » hay những quả lê.

Kỳ thật thì những hình-thể ấy đều là hình-thể tạm-thời cả, nếu giống trùng gặp được đồ ăn chỗ ở như thường, thì lại có nguyên-hình như cũ.

Thế thì muốn phân-biệt một giống sinh-vật, trước hết ta phải xét cái hình thường của nó đã, rồi hãy xét đến các hình khác, chỉ có cái hình thường ấy lấy làm chủ-đích được thôi.

Vi-trùng đo được bao nhiêu? — Giống tròn thì đo được 1 muy chia năm (0, 2) đến 2 muy (một li tây là 1000 muy). Giống có dẫn thì bề ngang cũng độ thế, bề dài thì gấp 2, gấp 10 lần hơn, nghĩa là cũng nhỏ lắm. Giống có hình sợi-chỉ thì dài hơn nhiều, nhưng biết đâu không phải là cái dây có nhiều dẫn mà mắt ta không phân-biệt ra được đấy thôi.

Có thứ chỉ đo được 1 muy chia năm, như trùng bệnh huyết-độc loài cừu. Kính hiển-vi thương-hạng cũng chỉ soi thấy giống bé đến một muy chia 10 là cùng, bé hơn tí nữa thì chịu không phân-biệt ra được. Những thứ ấy lại chui qua được lỗ-hổng ống-lọc-nước bằng đất mà ngoài không tráng men. Phải dùng cách soi kính riêng gọi là *ultra-microscopie* thì mới thấy được ít nhiều; soi sao cho lòng kính đáng lẽ sáng-quắc hóa ra tối mờ, như thế thì vi-trùng lấp-loáng như đom-đóm cả. Tuy có thấy động-đậy, nhưng cũng không phân-biệt được hình-thể to nhỏ ra thế nào. Có thứ không trông thấy mà biết rằng có, vì nó có bài-tiết ra nọc độc.

Thứ trùng to nhất gọi là trùng *Büstchili*, bề ngang cũng chỉ đo được từ 3 đến 6 muy, bề dài từ 50 đến 80 muy.

Cơ-thể vi-trùng. — Cơ thể những giống trùng nhỏ nhất thì chỉ là một «viên» nhỏ. Trong viên ấy thì chỗ nào cũng đều như chỗ nào, không có cơ-quan gì cả. Những giống có hình tròn và hình thẳng, đem soi kính cũng không thấy gì khác. Chỉ có trong cơ-thể những giống to nhất thì mới thấy có một cái nhân, hoặc nhiều nhân rất nhỏ. Có thứ phải dùng đến thuốc nhuộm, hoặc những ngoại-lực như sức nóng, rượu cao phân, để làm cho cái lòng, cái nguyên-hình-chất (*protoplasma*)

của nó co lại thì mới phân-biện được ít nhiều. Như thế thì cơ-thể vi-trùng là một cái *khối nguyên-hình-chất bọc trong một lần da*, cũng tương-tự như những tế-bào (*cellules*) trong thân cây và thân loài-vật vậy.

Lần da. — Lần da có lúc mỏng có lúc dày. Soi kỹ thì có khi thấy lần da ấy chia làm hai lớp : lớp ngoài dày hơn cả và là một thứ hồ, thứ thạch, lớp trong mỏng hơn và trong suốt thì hình như mới thật là lần-da. Lớp da ngoài có nhiều vệt ngang nhỏ lắm và có thể hút được nước mà sinh ra một thứ hồ-keo. Lần-da ấy có khi lồi lên nhiều chỗ mà sinh ra một thứ mũ (*capsules*). Có thứ trùng như trùng tụ-huyết trong phổi, lúc nào lần-da ngoài cũng có mũ, có thứ như trùng bệnh-ung, có lúc có mũ, có lúc không. Có thứ cấy lên sữa thì mới có. Ông Broni nghiệm rằng hễ cấy vào nước đường có lòng trắng trứng gà, rồi sau đem nhuộm phẩm hồng và thiên-thanh, thì giống trùng nào cũng có mũ cả.

Lớp-da trong tuy mỏng nhưng bền hơn lớp da ngoài. Soi kính thì thấy có chỗ sáng, có chỗ mờ và hình như có lỗ, có từng ô như tổ ong vậy.

Lần-da là chất gì cũng chưa biết rõ. Ông Bovet tìm thấy da giống trùng lao phần nhiều là chất gỗ (*cellulose*). Ông Neisser nghiệm rằng da trùng bệnh đau-mắt có mỡ. Nhiều người cho lần da bọc cơ-thể vi-trùng là chất đạm lẫn với ít chất đá.

Nguyên-hình-chất. — Xưa người ta tưởng nguyên-hình-chất là một chất trong-trẻo mà chỗ nào cũng giống nhau. Nhờ có kính hiển-vi thì mới biết rằng nguyên-hình-chất đục chứ không trong và lại có nhân, chỗ nào có nhân thì sáng hơn chỗ khác. Số những nhân ấy không nhất-định, có khi chỉ có một nhân, có khi hai nhân, hoặc ở giữa mình giống trùng, hoặc ở bất-cứ chỗ nào, có khi có thật nhiều nhân ở ngay cạnh lần da thành ra một dây dài. Có người nói rằng cơ-thể vi-trùng không có nhân, có người nói rằng có một cái nhân đặc-biệt, có người đáp rằng có một cái nhân nhưng nó rải-rác ra làm nhiều nhân con trong nguyên-hình-chất, vì thế mà ta không nom thấy một cách rõ-rệt được. Lý-thuyết sau cùng có lẽ đúng với sự thật, vì xem như loài men thường thì có một cái nhân có hình-dạng phân-minh, hễ già cỗi hay kém ăn thì cái nhân ấy phân làm nhiều nhân con.

Trong cơ-thể vi-trùng, lại có khi có một hay nhiều lỗ-hổng, bên trong không có gì. Ngoài những lỗ-hổng, lại còn có những hạt con có tính lạ : dù nhuộm nó bằng phẩm xanh, phẩm tím mặc lòng, nó cũng chỉ có mầu phơn-phớt đỏ. Vì thế mà người ta gọi nó là những «hạt đỏ» (*graines rouges*). Ông Ernst phân-biệt thấy nó trước nhất và cho nó có thể sinh ra hạt-trùng. Ông Grimme và Arthur Meyer nghiệm rằng nó không sinh ra được hạt-trùng và coi nó là một thứ đồ-ăn dự-bị cho khi sinh-đẻ vậy.

Ông Hugo Maroc nói rằng những « hạt đỏ » ấy có ảnh-hưởng đến tính-hạnh của vi-trùng, nhất là đến cái độc-độc. Nhờ có những hạt ấy, người ta mới phân-biệt được giống trùng bệnh hạch-hầu thật với giống hạch-hầu giả. Giống thật thì có những hạt-đỏ, giống giả thì không có. Ông Behring thuyết rằng thuốc tiêm bệnh lao của ông Koch (*tuberculine de Koch*) sở-dĩ độc là do bởi những hạt đỏ ấy.

Nguyên-hình-chất có khi có mỡ, có khi có lưu-hoàng, có đạm-chất, có bột. Thí-dụ trong trùng « tương-thối » (*ferment butyrique*) thì chất bột trước

còn ở hai đầu, sau vào giữa rồi lan ra khắp trong cơ-thể giống trùng, đến lúc trùng có trứng, — nói rằng có hạt thì phải hơn, — thì chất bột biến đâu mất cả, thế nghĩa là chất bột đây là một thứ đồ ăn dự-bị từ trước.

Sự vận-động của vi-trùng. — Có nhiều thứ vi-trùng vận-động được, đi được chỗ nọ ra chỗ kia, có thứ đi nhanh như mũi tên, có thứ đi rất chậm.

Có thứ đi thì lắc-lư bên nọ sang bên kia, có thứ ngòng-ngoèo như con rắn, có thứ thì quay tít như chân-vịt tàu vậy. Ông DAVAINE nghiên-cứu về giống vi-trùng bệnh ung, thấy nó không động-đậy, bèn đặt thêm một giống gọi là « trùng không đi được » (*bactérldum*) để phân-biệt với giống đi được (*bactérium bacillus*). Có nhiều giống trùng chỉ đến lúc già cỗi, hoặc sự ẩm-thực đổi đi, thì mới động-đậy. Còn có nhiều giống thì chỉ vận-động được đến lúc sinh ra trứng mà thôi. Có giống hễ đứng riêng một mình thì vận-động nhanh lắm, hễ chụm lại từng đám thì lại im hẳn. Sự vận-động nhanh hay chậm, tùy theo giống trùng ở trong chất lỏng hay đặc, ở trong nước thì nhanh lắm, trong chất lỏng vừa như mật, hồ, keo thì sức vận-động yếu đi nhiều, trong chất đặc thì có khi mất hẳn.

Dưỡng-khí, sức-nóng và ánh-sáng, đều có ảnh-hưởng đến sự vận-động ấy. Thí-dụ những giống trùng ép dưới kính hiển-vi, giống nào ưa dưỡng-khí mà ở giữa lòng kính thì khó thở, nên dần dần bò ra dia kính, vì chỗ ấy có nhiều khí trời hơn, giống nào ưa sáng thì xích lại chỗ sáng nhất. Sức nóng, nhưng đừng nóng quá-độ, cũng khiến cho sự vận-động khỏe hơn.

Có nhiều giống trùng có một cái đuôi hay có nhiều sợi tóc, hễ quay tít thì đẩy được con trùng đi. Năm 1833 ông EREMBERG đã thấy một giống trùng mỗi đầu có một cái vòi hình như sợi tóc. Ông KOCH dùng cách phơi khô và cách nhuộm thuốc cũng nghiệm được nhiều giống có đuôi như vậy. Ông đã chụp ảnh được rõ-ràng.

Có người nói rằng có giống trùng to mà không thấy có đuôi, thế thì thứ đuôi ấy vị-tất đã có ích cho sự vận-động của vi-trùng, chắc nó là một cái cơ-quan gì khác. Cứ một nguyên-hình-chất co vào rãn ra, cũng khiến được cho giống sinh-vật đi lại được. Ông VAN TIEGHEM thuyết rằng những thứ đuôi ấy thuộc về lần da bọc cơ-thể giống trùng. Khi giống trùng sinh-sản thì đứt làm đôi, mỗi phần còn để thừa lại một miếng da mà ta gọi là đuôi, đã là miếng da thì có ảnh-hưởng gì đến sự vận-động được.

Kỳ thật thì thứ đuôi ấy và những sợi tóc ấy chính là chân tay của giống trùng, vì không có giống nào chỉ đứng im, không vận-động được, mà lại có đuôi hay có tóc bao giờ.

Giống vi-trùng tròn mà đứng riêng một mình, thì chỉ có một cái đuôi, đứng chụm đôi thì mỗi đầu có một sợi tóc. Giống có hình dài từng đẫn thì có một đuôi (trùng tả) hay là hai đuôi (trùng nước bẩn). Giống có hình xoáy chân-ốc thì có một hay nhiều sợi-tóc ở một bên cạnh sườn hay ở cả hai bên (trùng bệnh thương-hàn, trùng ở nước lưu-hoàng). Có thứ có 10-15 sợi tóc, có thứ có 20,40 sợi tóc (trùng huyết-độc) hoặc 50 đến 100 sợi (trùng uốn-ván). Số sợi tóc không có ảnh-hưởng đến sự vận-động nhanh hay chậm. Chỉ có hai sợi ở hai đầu là mạnh nhất, còn các sợi kia chỉ giúp sức vào ít nhiều mà thôi. Những sợi tóc ấy dòn lắm, hơi động mạnh đến cũng gẫy ngay.

Ông MESSA chiếu cái số sợi tóc mà phân-biệt vi-trùng ra 2 giống :

1° — Giống có tóc ;

2° — Giống không có tóc.

Giống có tóc lại chia làm 4 hạng :

1° — Hạng có một sợi tóc ở một đầu;

2° — Hạng có nhiều tóc ở một đầu;

3° — Hạng có nhiều tóc ở hai đầu;

4° — Hạng có tóc ở khắp quanh mình.

Hình-thể bề ngoài, cơ-thể bên trong giống vi-trùng thế nào, ta đã nói rồi, bây giờ nên xét lược qua về phương-diện sinh-lý của giống ấy xem nó hô-hấp, ẩm-thực, sinh-sản, v. v. ra làm sao.

Sự hô-hấp . — Giống vi-trùng cũng như các giống cây giống vật khác, cần phải thở, phải hút lấy dưỡng-khí mới sống được. Cũng như người ta, chiếm thắng được dưỡng-khí của khí-trời mà lại tài hơn ta, vì nó còn hút thẳng được dưỡng-khí trong đồ ăn của nó. Nếu ta lấy mầu chàm nhuộm cho sữa có sắc xanh, rồi đem cấy trùng vào đó, thì thấy sắc của sữa mỗi ngày một nhạt đi : ấy là bởi giống trùng hút mất cả dưỡng-khí trong sữa. Nếu ta cầm cốc sữa mà lắc một lúc thì lại thấy sữa như trước, là bởi có dưỡng-khí của khí-trời lại hợp với chất sữa.

Bệnh ung mà người Pháp gọi là « bệnh than » (*le charbon*), bởi bệnh ấy sinh ra những cái ung đen như than, nguyên-nhân bởi giống trùng hút hết dưỡng-khí trong máu, khiến cho máu biến sắc rồi hóa ra đen. Giống vi-trùng nhờ có dưỡng-khí mới làm được việc có ích, như cải chất than ra thán-khí, cải chất đạm ra muối đạm, để cho cây-cối dùng, sau để đốt cháy những chất-độc còn lại trong cơ-thể nó. Giống trùng dấm chua, nếu không có dưỡng-khí, thì cải thế nào được rượu ra dấm. Men sữa chua hễ thiếu dưỡng-khí thì yếu sức đi, rồi lắng cả xuống đáy thùng đựng nó. Ấy là những giống trùng ưa khí trời (*microbes aérobies*).

Có giống như trùng « tương thối » (*vibrion butyrique*) không những không ưa, lại sợ khí trời. Hễ gặp dưỡng-khí thì yếu sức đi, có khi đến chết. Người ta gọi là trùng kỵ khí trời (*microbes anaérobies*). Trong thế-gian có nhiều thứ trùng này, nó cải-hóa được động-thực-vật ra chất đơn nhanh lắm và sinh ra những sự hủ-bại, phân-liệt, có mùi rất khó ngửi. Trùng bệnh ung, bạch-hầu, uốn-ván v. v., đều thuộc về giống này. Tuy giống trùng kỵ khí trời mà trứng nó không kỵ, mà có lẽ lại phải cần đến khí trời mới nở ra được.

Các nhà bác-sĩ TAROZZI, WIZOSEK, DE PFULL, và nhất là nhà bác-sĩ ROSENTHAL, phản-đối cái cách phân-biệt vi-trùng ra hạng ưa khí-trời và hạng kỵ khí-trời. Các ông thuyết rằng người ta có thể cấy được hạng thứ nhất cũng như hạng thứ nhì và khiến được cho hạng nọ biến-cải ra hạng kia. Theo ý-kiến các ông thì phàm hạng trùng nào, cũng cần đến dưỡng-khí cả, chỉ có cần ít hay cần nhiều; hạng gọi là ưa dưỡng-khí thì hút ngay được chất ấy ở khí-trời, hạng kỵ dưỡng-khí thì hút chất ấy ở đồ ăn của nó, chỉ khác có thế mà thôi. Hạng thứ nhất gặp phải chỗ thiếu dưỡng-khí, lâu ngày càng hóa quen, hạng thứ nhì gặp chỗ có nhiều dưỡng-khí dần dần cũng chịu được cả.

Ở giữa hai hạng, lại có một hạng vi-trùng thứ ba, như trùng bệnh thương-hàn và men rượu, có dưỡng-khí càng hay, không có cũng chẳng hề gì.

Sự ẩm-thực — Đã là giống sinh-vật thì phải ăn để bù vào cái tiêu-hao của sự hô-hấp, sự vận-động, sự sinh-sản, v. v.. Giống vi-trùng cũng không qua được cái công-lệ tự-nhiên ấy.

Trong cơ-thể vi-trùng có thán-chất, khinh-khí, dưỡng-khí, đạm-khí,

lưu-hoàng, lân-tinh, vôi, bột, đường, dầu-mỡ, v. v.

Đem phân-chất vi-trùng thì thấy có:

	Trùng lao.		*Trùng bạch-hầu*
Thán-chất :	51,62	phần trăm	51,21
Khinh-khí :	8,07	»	9,02
Đạm-chất :	9,09	»	11,70
Lưu-hoàng :	»	»	1,45
Lân-tinh :	»	»	0,67

Một giống sinh-vật ở trong nước có:

Chất lòng trắng trứng :	63,50	phần trăm.
Thán-chất :	12,20	»
Tàn tro:	11,20	»

Trong trùng lao, bạch-hầu và xưng-màng-óc, lại có nhiều chất mỡ và nhựa. Vậy thời giống vi-trùng phải cần đến nhiều thứ lương-thực, nhất là thán-chất, và đạm-chất. Thán-chất ở đâu ra ? — Giống vi-trùng không có chất lục-tố của cây (*chlorophylle*) thì không hút thẳng được chất thán của không-khí. Nó kiếm chất ấy ở trong thân cây, trong xác loài vật và trong các động-thực-vật. Giống ở dưới đất thì chiếm thán-chất của *carbonates* là chất có than luyện với dưỡng-khí và một loài kim ; có giống thì hút thán-chất của khí hồ-ao (thấp-khí : *méthane*).

Đạm-chất ở đâu ra ? — Giống trùng lấy đạm - chất ở những muối cang-sa, ở chất ti-bạch-đốn (*peptones*), ở máu (*sérum sanguin*), ở sữa, ở thịt, ở nước tiểu, ở phân, v. v.

Có giống trùng như giống *beggiatoa, lamprocystis*, phải cần có lưu-hoàng mới sống được; có thứ phải cần đến chất sắt (*cladothrix, dichotorna, leptothrix, ochracéa*), có thứ phải cần đến muối bể.

Mỗi giống trùng ưa một thứ đồ ăn, là thứ nó tiêu-hóa được dễ nhất, chỉ xét thứ đồ ăn ấy, người ta cũng đoán ra được giống trùng. Thứ đồ ăn có ảnh-hưởng đến sức sinh-hoạt của nó, đồ ăn càng bổ thì sức trùng càng khỏe, số trùng càng nhiều. Lại có ảnh-hưởng đến hình-thể bề ngoài nó nữa.

Ông RAULIN đã chịu khó thí-nghiệm rồi chế ra được một thứ đồ ăn hoàn-toàn cho giống mốc gọi là *aspergillus niger*, thường hay mọc ở những múi chanh và ở những miếng bánh ẩm và hơi chua. Cách chế như sau này :

Nước lã	1500 phần
Đường	70 »
Acide tartrique	4 »
Nitrate d'ammoniaque	4 »
Phosphate d'ammoniaque	0 , 60
Carbonate de magnésium	0 , 40
Carbonate de potassium	0 , 60
Sulfate d'ammoniaque	0 , 25
Sulfate de zinc	0 , 07
Sulfate de fer	0 , 07
Silicate de potasse	0 , 07

Nếu người ta bỏ hay giảm bớt một chất nào trong các chất ấy, thì giống mốc cũng mọc kém ngay đi. Thí-dụ bỏ thứ muối kẽm (*sulfate de zinc*) thì 10 phần kém 1, bỏ muối hôi-dưỡng (*silicate de potasse*) thì 25 phần kém 1, bỏ muối cang-sa (*nitrate, sulfate d'ammoniaque*) thì 150 phần kém 1, bỏ lân-tinh (*phosphate d'ammoniaque*) thì 200 phần kém 1.

Ấy mỗi giống trùng ưa một thứ lương-thực hoàn-toàn như vậy, phải nhờ đến hóa-học mới tìm ra được, cho nên sự tiến-bộ của hai khoa Vi-trùng-học và Y-học lại có một mối liên-lạc rất quan-trọng với sự tiến-bộ của khoa Hóa-học.

Sự sinh-sản. — Hạng trùng dẫn (*bactéries*) hễ gặp chỗ có đủ lương-thực thì sinh-sản theo cách đứt quãng (*division transversale*). Hễ thiếu đồ-ăn hoặc có ngoại-lực ảnh-hưởng đến mà nó lấy làm khó chịu, thì nó sinh ra hạt; có nhiều giống chỉ sinh ra hạt mà thôi.

Sự sinh-sản theo cách đứt quãng. — Nhiều giống trùng sinh đẻ theo cách

này. Hễ giống trùng đã đủ dài rồi thì ở giữa mình nó thấy phát-hiện ra một cái ngấn ngang, ngấn ấy càng lâu càng to, rồi hóa ra mềm, sau cùng tan ra nước, khiến cho con trùng đứt làm đôi. Có một điều lạ, là hai mẹ con cũng to ngang nhau và cũng hệt như nhau, thành-thử không biết đâu là mẹ, không biết đâu là con được nữa. Có nhiều khi hai phần không đứt hẳn ra, về sau hai phần ấy lại phân ra thành bốn, lâu dần nối nhau thì hóa ra một dây dài.

Ông Schaudinn tả cách sinh-sản của giống trùng như sau này: Phàm con trùng mà sắp sửa phân lìa làm đôi, thì ở giữa ngang bụng có một hạt sáng lắm, hạt ấy dần dần lan rộng ra, thành một thứ vòng tròn, lan ra đến hai bên sườn rồi chập vào với lần da ngoài. Ở giữa cái vòng tròn, lại thấy một chấm sáng quắc, ấy là thịt chỗ ấy tan ra nước, rồi cả cái vòng và lần da cũng tan hết. Thế là con trùng đứt làm đôi.

Giống vi-trùng có hình tròn cũng sinh-sản như vậy. Một viên tròn dài, dần hóa ra bầu-dục, ở giữa tự-nhiên eo-thắt lại, càng ngày càng thắt bé lại, cho mãi đến khi đứt thành hai viên. Có giống hễ đẻ thì đứt theo một ngấn ngang và một ngấn dọc, khiến cho một viên thành bốn, lại có giống đứt theo ba chiều, khiến cho một viên thành tám, rồi chụm lại với nhau như một quân súc-sắc vậy (*Sarcines*).

Giống vi-trùng sinh-sản nhanh một cách lạ-lùng: thí-dụ men sữa chua, mỗi một giờ đẻ ra mười vạn con, chạy đi một ngày hai triệu rưỡi con; men rượu một ngày đẻ ra mười triệu con!

Các « bà-đẩm » ta kể đã là mắn lắm, nhưng cũng còn thua xa!

Cách sinh-sản bằng hạt-trùng. — Trước ai cũng tưởng rằng vi-trùng chỉ có một cách sinh-sản, là cách đứt đôi và cách phân lìa thôi. Nếu chỉ có một cách ấy thì thật là nguy cho nó lắm vì, giống trùng không sống dai bằng trứng bằng hạt của nó, nhất là khi nó hãy còn non. Nếu gặp phải chỗ nóng hay lạnh quá-độ, phải chỗ thiếu đồ lương-thực, thì nó phải gầy mòn, rồi đến tiêu-diệt đi. Trong những lúc khó-khăn ấy, thì nó đẻ ra trứng, ra hạt, để đợi dịp lại hoàn hình. Có giống ngày thường cũng vẫn sinh ra hạt mà những trùng non ở đấy ra thì mạnh khỏe lắm. Hạt trùng, ta gọi là «trứng trùng» thì dễ hiểu hơn.

Pasteur tiên-sinh là người trước nhất tìm thấy cách sinh-sản này, vào khoảng năm 1869. Tiên-sinh nghiệm thấy ở trong cơ-thể giống trùng bệnh tả tằm (*flacherie*) có những nhân sáng lắm mà chính là trứng trùng. Khi cơ-thể giống trùng đã khô đi rồi, thì những trứng ấy ra ngoài lẫn vào với bụi, chịu được nóng lạnh, mưa gió, nhờ đó mà truyền được bệnh năm ấy sang năm khác.

Có nhiều giống trùng không sinh được ra trứng, hoặc bởi nó không có thể sinh ra được thật, hoặc nó chưa bao giờ gặp nỗi khốn-quẫn đến phải sinh ra trứng chăng?

Cách sinh ra trứng phát-hiện như sau này: Con trùng nào đương động-đậy thì đứng dừng lại, hoặc chỉ có một chỗ, hoặc cả mình mẩy nó phồng lên. Cơ-thể đương trong hóa ra đục, rồi có chất đồ-ăn dự-bị hiện ra. Cơ-thể co lại, rồi thấy có một thứ chấm sáng chung quanh có lần da bọc, lần da ấy mỗi lúc một dày thêm ra, thế là trứng trùng đã thành rồi. Trứng ấy tròn hay bầu-dục, chung quanh có lần da tối mờ, thường không có sắc gì, chỉ trừ trứng trùng *erythrosporus* có sắc hung-hung đỏ. Toàn-thể như những giọt mỡ vậy. Ông Koch nói rằng trứng

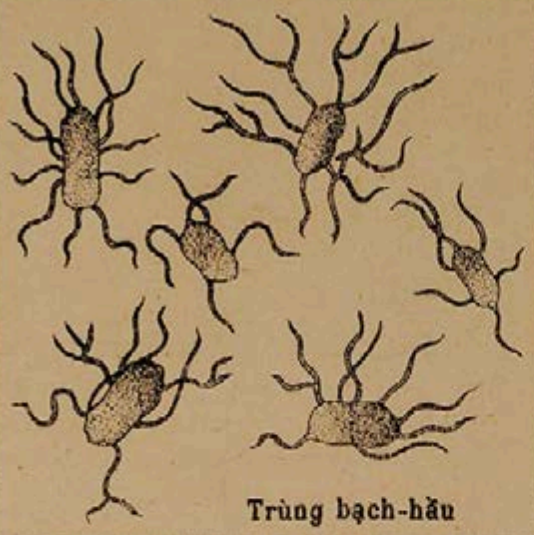

Trùng bạch-hầu

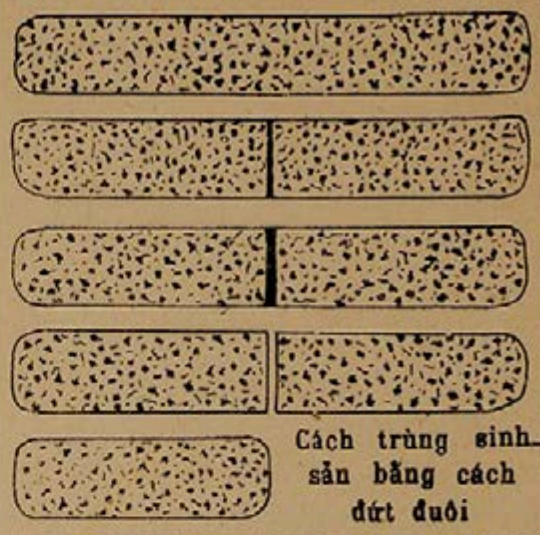

Cách trùng sinh-sản bằng cách đứt đuôi

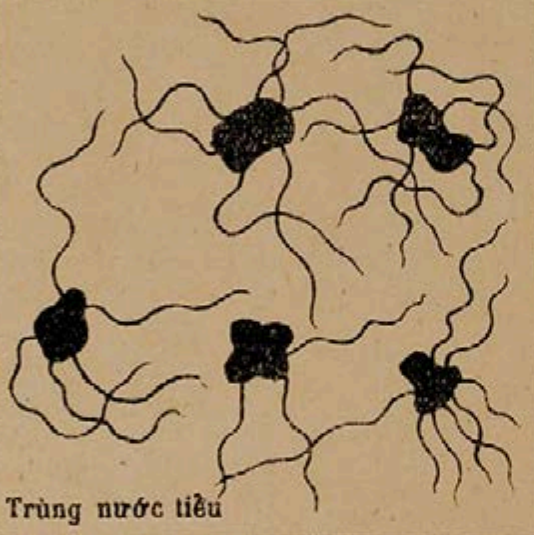

Trùng nước tiểu

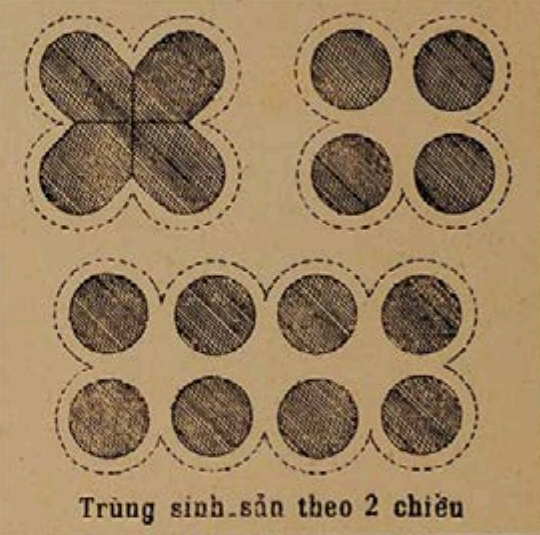

Trùng sinh-sản theo 2 chiều

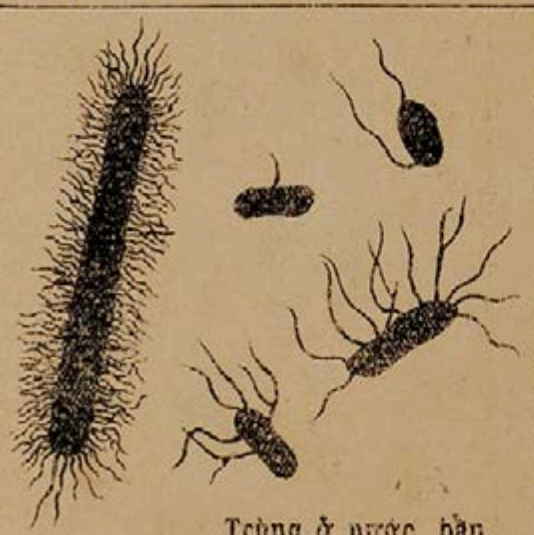

Trùng ở nước bẩn

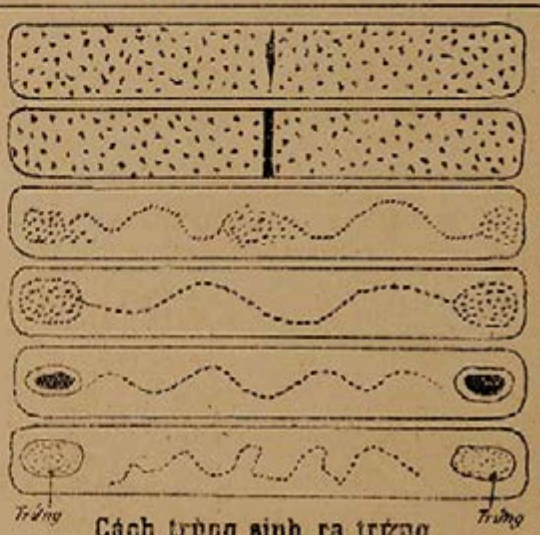

Cách trùng sinh ra trứng

Hình-thể vi-trùng

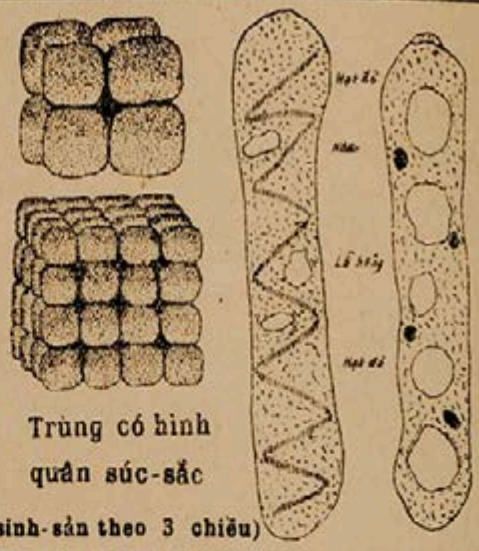

Trùng có hình quần súc-sắc

(sinh-sản theo 3 chiều)

Trùng ở nước miếng

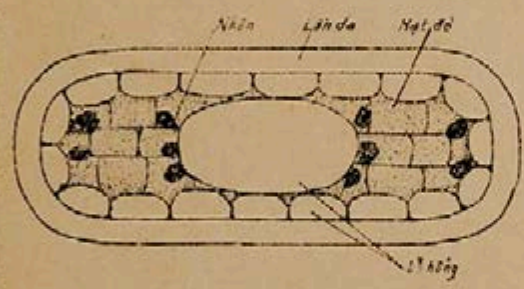

Cơ-thể vi-trùng

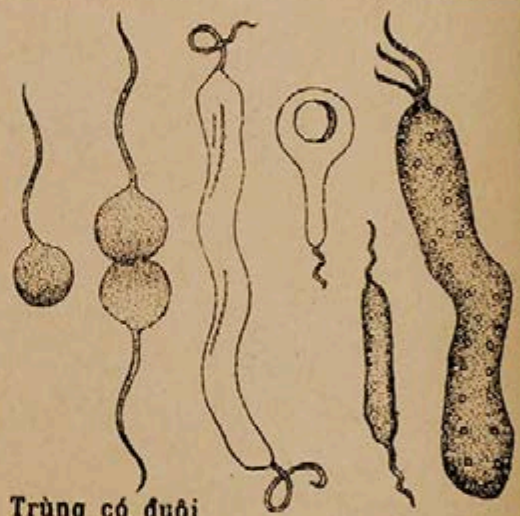

Trùng có đuôi

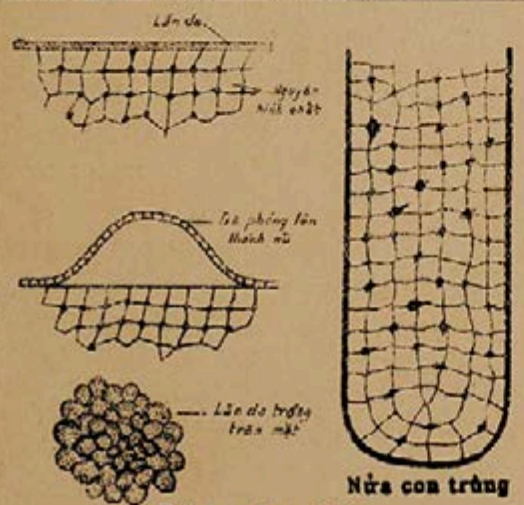

Nửa con trùng

Trùng Butschili

Trùng tả

trùng bệnh ung cùng là những giọt mỡ bọc trong một lần da rất bền.

Ông SCHAUDINN khảo về giống trùng *bütschili* tả rằng : con trùng nào sắp sinh ra trứng thì ở giữa ngang bụng có một cái ngấn, rồi cái ngấn ấy lại biến ngay đi. Trong cơ-thể con trùng thì có những hạt lồn-nhồn chạy từ đầu nọ sang đầu kia, rồi dần tụ lại từng đám ở hai đầu. Những đám ấy to lên thì thành ra trứng. Thường thì mỗi đầu chỉ sinh ra được một cái trứng mà thôi. Ra ngoài thì trứng có thể nở ngay ra được, hoặc phải đợi trong một ít lâu. Nở thì lòng trứng nhạt mùi đi, vỏ trứng vỡ ra, thế là trùng con chui ra được. Cũng có khi trùng không cần phải vỡ ra, nó chỉ dài thêm rồi biến ra thứ trùng có đẫn (*bacillus subtilis*) Giống trùng có hình xoáy thì phân ra từng khúc, mỗi khúc sinh ra một cái trứng. Trứng của giống *Spirillum endoparagicum* thì nở ngay ở trong mình giống trùng mẹ rồi đài lan ra bên cạnh sườn, thành ra mẹ với con hệt một cành cây vậy.

Vi-trùng có giống đực giống cái không ? — Những vi-trùng thuộc về loài mốc (*moisissures*) và loài men (*levures*) đều có giống đực giống cái. Thường ở trong một con trùng vừa có cả phần đực và phần cái, nhờ có hai phần ấy giao-thông với nhau thì mới sinh ra bạt ra trứng. Chỉ có hạng « trùng-đẫn » (*bactéries*) thì không có đực cái gì cả. Người nói có, người nói không, không nhiều hơn có, nhưng không lẽ loài gì ở trong thế-gian cũng có giống đực giống cái, mà chỉ có hạng « trùng-đẫn » lại tịnh-vô. Ông FÖRSTER nghiệm về những giống trùng ở trong nước có lưu-hoàng, ông SCHAUDINN nghiệm về giống *bütschili* kết rằng hạng « trùng-đẫn » cũng có lẽ có giống đực giống cái.

Hóa-chất của vi-trùng bài-tiết ra. — Loài người loài vật sở-dĩ tiêu-hóa được đồ-ăn, là nhờ trong mình có những cơ-quan nó sinh ra những thứ nước, như là nước bọt, mật, nước thủy-dịch, nước ruột non, v. v. Giống vi-trùng cũng vậy, phải nhờ có những chất gọi là *diastase* mới tiêu-hóa được lương-thực.

Thí-dụ : chất bột phải biến ra hai thứ đường *glucose* và *maltose* thì mới dễ tiêu, giống vi-trùng bên sinh ra chất *amylase* cải được bột ra đường.

Chất đường như đường-mía (*saccharose*) và đường sữa (*lactose*) không phải cứ nguyên như thế mà tiêu ngay được, phải nhờ có chất *sucrase* của vi-trùng bài-tiết ra mới tiêu được. Giống trùng còn sinh ra chất *cellulase* để tiêu cốt-gỗ (*cellulose*), chất *caséase* để tiêu mỡ sữa, chất *uréase* để cải nước tiểu ra muối cang-sa, v. v..

Trùng độc thì bài-tiết ra nọc *cytolisines* làm được cho xương-thịt ta tiêu đi, nọc *hémolysines* tiêu được những hạt máu đỏ (trùng uốn-ván, trùng phong, trùng thương-hàn, trùng lị, trùng tả), nọc *leucocidines* làm hư được những hạt máu trắng, v. v..

Nọc-trùng, — Nọc-trùng là những chất tương-tự như lòng trắng trứng (*matières albuminoïdes*). Nọc-trùng có hai hạng : một hạng có ảnh-hưởng đến cơ-thể người ta một cách rất nhanh và rất mạnh, tựa như nọc rắn, nọc rết (*toxoprotéines*) vậy, một hạng cần phải có một cữ rồi mới hành-động được (*toxoalbumines* : nọc trùng uốn - ván, bạch-hầu, v. v.).

Hạng thứ hai lại phân ra hai thứ : một thứ nọc lúc ở cơ-thể con trùng ra thì bành-trướng xa mãi ra (nọc trùng uốn-ván, bạch - hầu), một thứ nọc thì chỉ dính vào mình con trùng mà không truyền đi xa được (nọc trùng hủi, trùng lị.) Một giống trùng

có thể sinh ra cả hai thứ nọc (trùng lao) được.

Sức nọc cũng như sức của những chất *diastases*, mạnh một cách lạ-lùng. Nọc-trùng chỉ ảnh-hưởng đến sinh-chất, còn những *diastases* thì chỉ ảnh-hưởng đến tử-chất.

Hiện bây giờ người ta cũng chưa biết đích nọc-trùng là chất gì. Chỉ biết nó là những chất không có hình-thể nhất-định, trắng phơn-phớt vàng, không có hương-vị gì, hòa với nước thì tan ra. Ông GAUTIER cho nọc độc là những chất đạm luyện với cốt thuốc a-phiến.

Loài vật như loài rắn-rết, loài cây như loài nấm, cây thầu-dầu, cũng có nọc-độc, vậy thì tính sinh ra nọc độc không phải là một tính riêng của vi-trùng mà là một tính chung của giống sinh-vật.

Bên cạnh những nọc-độc, còn có một chất thường không gớm-ghê bằng nọc-độc, gọi là *ptomaïnes*. Chất ấy ở trong thây người và xác loài vật đương ủi-thối.

Giống trùng còn sinh ra nhiều chất khác, là chất vô-bổ hoặc có hại cho nó. Thí-dụ men sữa chua và « trùng tương-thối » sinh ra nhũ-toan. Nếu mà hai thứ toan nhiều mãi ra thì giống trùng yếu sức đi nhiều lắm. Những chất ấy có thứ là chất đặc (*leucine*, *tyrosine*, *glycocolle*), có thứ là chất-hơi (khinh-khí, thán-khí, lưu-khinh-khí, cang-sa, v v.), nhiều thứ nặng mùi rất khó ngửi.

Vi-trùng sinh ra nhiệt-lực. — Vi-trùng tiêu-hóa đồ ăn thì sinh ra được sức nóng. Thí-dụ men-dấm-chua, men-rượu, vi-trùng ở trong phân tươi. Có đống phân lên đến 60-70 độ hàn-thử-biểu.

Vi-trùng sinh ra ánh sáng. — Có nhiều khi gỗ mục và xác cá bể đến đêm thì có hào-quang. Thịt lợn, thịt bò ngâm nước muối rồi để một nơi có gió, chỉ vài ngày cũng thấy có ánh sáng. Ở trong rừng những lá cây rụng đã lâu ngày cũng sáng lên được. Ánh sáng ấy chính do bởi vi-trùng mà ra. Những vi-trùng ấy trong nước bể có nhiều, vì thế người vượt biển thường thấy ban đêm có chỗ mặt bể sáng lắm, nhất là ở bên cạnh lái và guồng tàu.

Có nhiều giống sáng lắm, đến ban ngày cũng trông thấy ánh-sáng của nó được (*Bactérium phosphoréum*, *Pseudomonas lucifera*). Chắc cũng có một ngày kia người ta lợi-dụng cái ánh sáng của vi-trùng để thắp đèn, những thứ đèn ấy dùng vào các nhà chế thuốc súng, và các mỏ than thì vừa không nóng, vừa không sợ nguy-hiểm gì nữa.

Vi-trùng tất phải có dưỡng-khí mới sinh ra ánh-sáng được. Đặt vào chỗ không có khí trời thì không tài nào có hào-quang được. Hiện bây giờ người ta biết 15 thứ vi-trùng thuộc về loài mốc (*moisissures*) và ước độ 30 thứ thuộc về loài « trùng-dẫn » (*bactéries*) sinh ra được ánh-sáng.

Vi-trùng sinh ra phẩm ngũ-sắc. — Có nhiều giống trùng đứng riêng một mình thì không có sắc gì, đứng chụm lại từng đám thì có hoặc sắc xanh, hoặc sắc đỏ, hoặc tím, hoặc vàng, hoặc đen v.v.. Mầu vàng thì có từ mầu vàng-thẫm đến mầu vỏ-cam. Mầu thiên-thanh cũng không thiếu, mầu hồng là mầu thường thấy nhiều hơn cả.

Những mầu ấy, những sắc ấy không giống mầu chàm-xanh của lá cây, mầu chàm của lá cây thì tụ-kết thành hình-thức rõ-ràng, còn mầu chàm của giống vi-trùng thì tản-mát khắp trong cơ-thể nó. Ông VAN TIEGHEM soi thấy hai thứ trùng và ông ENGELMANN thấy một thứ có mầu quan-lục, thì cho mầu ấy giống mầu-xanh lá cây, nhưng không có bằng-cứ gì cả.

Một thứ trùng có hình chùm-nho và nhiều thứ có hình quân súc-sắc, có sắc vàng thậm. Thứ phẩm vàng ấy

(*lipochrome*) hòa với lưu-toan thì biến ra phẩm thiên-thanh, hòa với các chất nồng (*alcalis*) như vôi, hôi-dưỡng, lỗ-dưỡng, thì biến ra phẩm hồng.

Về đời trung-cổ, một giống trùng đã khiến được cho nhân-tâm náo-động. Trong một ít lâu, bao nhiêu « bánh thánh » ở các nhà thờ thấy đỏ ối cả, trên mặt bánh có những mảng đỏ như huyết tươi vậy ; mọi người đều không hiểu tại sao cả và lấy làm sợ-hãi lắm, Các cụ cố cắt nghĩa rằng : ấy tại người đời bấy giờ độc-ác lắm, nên quả tim đức chúa Giê-su lấy làm đau-đớn mà chảy máu ra. Năm 1843 các nhà làm bánh ở thành Ba-lê cũng lại thấy như vậy. Thứ phẩm đỏ ở trên mặt bánh do ở một giống trùng gọi là « trùng quái lạ » (*bacillus prodigiosus*) mà ra. Hòa với lưu-toan thì nó đỏ thẫm, hòa với chất nồng thì nó hóa ra vàng. Giống « trùng quái-lạ » ấy đâu-đâu cũng có.

Lúc thây người và xác loài vật đã tiêu hết, chỉ còn lại bộ xương và một thứ nước có lưu-khinh-khí và nước đái-quỉ (cang-sa) thì có một thứ trùng gọi là *beggiatoa* phát-hiện ra. Nó có sắc trắng hoặc sắc *hồng* và nổi trên mặt nước như những tụm bông vậy.

Cái lý-tưởng của ta tin rằng có « mả kết », chắc bởi ở giống trùng này mà ra.

Có một thứ trùng (*bacille cyanogène*) gây vào sữa thì nó sinh ra mầu thiên-thanh và mầu quan-lục. Ông Fordos đã chế ra được thứ phẩm thiên-thanh của giống trùng sinh ra bệnh « mủ-xanh » (*pus bleu*) mà các nhà ngoại-khoa biết cả. Ông đem ngâm những vải buộc của người mắc bệnh ấy vào nước đái-quỉ, rồi hòa với thuốc mê thì chất phẩm thiên-thanh (*pyocyanine*) tan ra. Để cho thuốc mê đi hết hơi thì chất phẩm kết-tinh lại. Ông Ray Lankester đã lấy được mầu hoa-đào của vi-trùng và nghiệm rằng thứ phẩm ấy tương-tự như phẩm *alizarine* hay *purpurine*. Ông đặt tên là « phẩm của vi-trùng » (*bacterio-purpurine*). Những phẩm của vi-trùng sinh ra cũng giống các thứ phẩm mà ta vẫn dùng để nhuộm quần-áo.

Cái tính sinh ra phẩm có thể mất đi được, tùy chỗ ở, tùy thứ đồ ăn của giống trùng. Thí-dụ : thứ trùng thiên-thanh gây vào nước đường thì hóa ra trắng, thứ trùng có sắc tím gây vào thạch-keo cũng hóa ra trắng.

Các thứ vi-trùng hạng dẫn. — Hạng trùng - dẫn phân làm 3 thứ chính :

1° — Trùng sinh ra sự hủ-bại, mục nát (*bactéries de putréfaction*).

2° — Trùng sinh ra sự phát men (*bactéries de fermentation*).

3° — Trùng độc hay trùng ăn-gửi (*bactéries pathogènes*).

Trùng sinh ra sự hủ-bại. — Người ta thấy vi-trùng trước nhất ở nước và ở các chất hủ-bại, nên người ta ngờ ngay rằng giống vi-trùng có một cái nhiệm-vụ quan-trọng đối với sự hủ-bại mục-nát. Những giống trùng ấy có thứ ưa dưỡng-khí, có thứ kị dưỡng-khí, thứ nọ thường đến sau thứ kia. Hạng trùng sinh ra sự hủ-bại thường chỉ có bình thẳng. Theo ý-kiến hai nhà bác-sĩ Tissier và Martelly thì giống trùng kị dưỡng-khí có công nhất trong việc cải-hóa chất kép ra chất đơn, không có nó thì những chất như lòng trắng trứng không sao biến-cải hết được. Hai ông nghiệm rằng : thịt tươi để ra gió thì thoạt đầu tiên chất đường trong thịt phát men rồi đến chất *lòng trắng trứng*. Đến hôm sau thì có những chất *leucine*, *tyrosine*, ti-bạch-đốn (*peptones*), nước đái-quỉ phát-hiện. Đến đấy toàn là công việc của giống trùng ưa khí-trời cả.

Ba bốn hôm sau nữa thì chất lòng trắng trứng cũng thấy biến-đổi, thịt đã có mùi, lúc bấy giờ mới thấy có giống trùng kị khí-trời. Một tháng nữa thì thịt nát ra, chất ti-bạch-đốn và các chất khác thấy ít dần đi, chỉ có chất nước đái-quỉ là tăng lên. Ba tháng về sau thì miếng thịt biến ra một chất đen và lầy-nhầy, không có chất ti-bạch-đốn mà cũng không có mùi gì nữa. Lúc bấy giờ có một thứ nước đầy lưu-khinh-khí và muối cang-sa là thứ đồ-ăn của giống trùng *beggiatoa* sở-thích. Được ít lâu nữa thì có một thứ rêu mọc xanh ủ cả. Thế là miếng thịt đã biến hẳn ra chất đơn để cho cây-cối lại dùng được mà chế ra đồ lương-thực cho loài người loài vật.

Trùng sinh ra sự phát-men. — Những trùng sinh ra sự phát-men cũng có nhiều. Thí-dụ: men sữa-chua, trùng dấm-chua, trùng mỡ-sữa, trùng tương, trùng ở trong đất, ở nước tiểu, ở đống phân, v. v..

Trùng độc. — Kể những vi-trùng ở trong thế-gian, thì phần nhiều không độc cho loài người loài vật. Thật là một cái hạnh-phúc cho ta!

Chỉ có một số ít cần phải ăn-gửi vào cơ-thể người ta và giống vật thì mới sống được. Có thứ ăn-gửi tạm-thời như trùng tả, trùng thương-hàn, trùng uốn-ván, trùng ung. Có thứ ăn-gửi lâu ngày rồi, rời cơ-thể giống vật ra thì không sống được, thành ra trùng-độc hẳn như trùng lao, trùng phong, trùng lưu-thế.

Có giống chỉ ăn gửi vào một cơ-quan nhất-định mà không xâm-phạm đến cơ-quan khác, như trùng bạch-hầu. Có giống chỉ phát-hiện trong lúc bệnh lên cơn mà thôi (*spirillum obermeieri.*)

Đến mãi thời-kỳ gần đây người ta cũng chưa biết đích được giống trùng độc hành-động ra làm sao. Lý-thuyết thì có nhiều, nhưng thường là tưởng-tượng ra cả: thí-dụ người ta tưởng rằng bệnh ung phát-hiện được là bởi đầu các tia máu xưng lên, còn các bệnh khác đều do bởi giống trùng chiếm mất một phần lương-thực của tế-bào.

Ngày nay người ta biết đích rằng giống vi-trùng bài-tiết ra nhiều chất độc, những chất ấy hại đến thần-kinh, đến não-tủy, đến huyết-mạch ta.

Giống-trùng kể cũng quái-quỉ lắm, vì nó lại còn sinh ra một thứ hồ (*produits prédisposants*) tựa như thứ thuốc-hồ của nhà thợ nhuộm, khiến được cho nọc nó độc lên bội-phần.

Sức độc của nọc-trùng không nhất-định, có khi giảm, có khi tăng. Sức độc của vi-trùng nuôi ở trong phòng thí-nghiệm thường kém đi. Trùng bạch-hầu gặp đồ-ăn chua, trùng tả gặp đồ ăn nồng, trùng bệnh ung gặp chất béo, đều bớt độc. Những ngoại-lực như sức nóng, ánh-sáng, sức lạnh, khí ép, sự phơi-khô, đều giảm được sức độc của giống trùng.

Nọc-trùng khi qua nhiều cơ-thể giống vật, thường sức độc tăng lên, nhưng có khi giảm đi: nọc chó-dại tiêm vào giống thỏ thì sức độc tăng lên, tiêm vào loài hầu thì giảm đi. Nọc trùng toi-lợn tiêm vào chim bồ-câu thì sức độc tăng lên, tiêm vào giống thỏ thì giảm đi. Pasteur tiên-sinh đã khéo lợi-dụng những sự thí-nghiệm ấy mà chế ra cách giồng đậu và cách phòng và trị bệnh bằng thuốc tiêm. Nọc đậu qua cơ-thể con bò cái, nọc trùng qua cơ-thể giống vật thì yếu sức đi. Lấy nọc ấy tiêm vào người thì bệnh phát rất nhẹ và từ đấy lâu năm về sau không sợ những bệnh ấy nữa.

Hễ khi nào có nhiều giống trùng ở một chỗ, thì chỉ có những giống khỏe mới sống được, còn những giống

yếu dần dần phải tiêu-diệt đi, khác gì người Mĩ với giống người Da-đỏ bây giờ. Loài bé vô-cùng-tận như vi-trùng còn phải cạnh-tranh, phương-chi loài người không cạnh-tranh sao được? Khi mà nhiều giống trùng cùng ở một chỗ thì giống nọ có ảnh-hưởng đến nọc giống kia. Thí-dụ : có giống trùng (*streptocoques*) tăng được sức độc của nọc trùng bạch-hầu, có giống (*sarcines, torula*) tăng được sức độc của nọc trùng tả. Trùng bệnh «mủ xanh» giảm được sức độc của nọc trùng bệnh ung và nọc nhiều thứ trùng khác. Người Âu-Mĩ hay ăn sữa chua và mỡ-sữa (*petit-lait, fromages*) bởi những chất ấy có men sữa-chua. Men ấy sinh ra nhũ-toan, chất toan ấy kỵ nhiều giống trùng độc ở trong rượt người ta.

Những trùng độc ở đâu mà ra? — Những trùng ấy ở không-khí, ở trong nước, ở mặt đất, ở người, ở giống vật, ở loài cây, ở các đồ ăn và đồ dùng của ta mà ra. Không-khí thì có mầm các bệnh đau phổi, bệnh ho - lao. Nước bẩn là cái kho trùng lị, trùng tả, trùng thương-hàn, v. v.. Đất thì chứa được trùng uốn-ván, trùng ung, v. v.. Người có bệnh truyền thẳng được bệnh cho người lành, nhất là bệnh đậu, bệnh sởi, bệnh lao, v.v.. Lối ta uống nước chè chung chén và chấm nước mắm chung, là một lối làm cho bệnh dễ truyền lắm. Ta nên biết rằng một giọt nước bọt của người ho-lao có đến 5 vạn trùng độc. Ta vốn đã yếu, ăn lại ít, và lại ăn uống một cách trái phép vệ-sinh như vậy, thì lạ gì mà xứ ta chẳng là xứ có nhiều người ho-lao nhất nhì trên hoàn-cầu!

Có một điều lạ lắm, là ở trong một xứ có nhiều người bị hại về bệnh lao như ở xứ ta, mà không thấy có một cái nhà-thương nào cho người Việt-Nam để chuyên-trị về bệnh gớm-ghê ấy! Phép trị bệnh lao không khỏi hai điều cốt - yếu: một là tẩm-bổ nhiều, hai là thở khí-trời thanh-khiết. Người Pháp biết giữ vệ-sinh, vốn lại khỏe, cho nên không mấy khi đã mắc bệnh ấy, dù có mắc đã có những nhà-thương mát-mẻ gọi là *Sanatorium*. Còn người Nam ta đau bệnh lao thì chữa ở đâu? Vào nhà-thương Hà-nội hay về nhà-quê? Đằng nào cũng quá tội! Nhà-thương đặt ở giữa một châu-thành lớn, hơn 12 vạn con người, chắc không phải là chỗ cho người ốm tĩnh-dưỡng, nhất là người ốm về bệnh lao. Về nhà quê thì xa thầy xa thuốc, và lại có lắm điều bất-tiện. Có chỗ đến nước trong cũng không có mà uống, phương-chi còn mong tẩm-bổ cái nỗi gì? Vấn-đề lập nhà thương chữa bệnh lao cho người bản-xứ, là một vấn-đề rất khẩn-thiết, ước-ao rằng Chánh - phủ và các nhà từ - thiện trong nước sẽ lưu-tâm đến và giải-quyết cho thì dân được nhờ lắm.

Người ốm mới khỏi, hoặc khỏi đã lâu, người nuôi người ốm, đều truyền được bệnh, vì mình-mẩy và quần áo còn có trùng-độc bám vào. Có nhiều giống trùng sống dai lắm: trùng lao chôn ở dưới đất ba năm vẫn còn khỏe, có nhiều giống để vào ống thủy-tinh kín gió từ 17, 18 năm nay mà vẫn chưa chết. Có người không ốm đau gì mà trong mình cũng có trùng-độc, như là trùng thương-hàn, trùng lị, trùng tả, trùng bạch-hầu, v. v..

Trùng thương-hàn hay ở đàn-bà. Năm người có giống trùng ấy thì bốn người là đàn-bà.

Thú-vật cũng truyền được bệnh: như giống bò truyền được bệnh lao, giống cừu truyền được bệnh ung, chó mèo truyền được bệnh dại, chuột truyền được bệnh dịch-hạch, muỗi truyền được bệnh sốt-rét-rừng, ruồi truyền được bệnh ngủ, bệnh dịch-tả, v. v.

Loài cây cũng có vi-trùng sinh ra bệnh lở ngoài da.

Đồ ăn của ta, nhất là thịt sống, rau sống, có trùng tả, trùng lị, có sán.

Đồ nhật-dụng của ta, nhất là của bệnh-nhân, chẳng thiếu gì trùng độc.

Những trùng ấy theo khí-trời ta thở, như trùng lao, theo nước ta uống, đồ ăn ta nuốt, như trùng lị, trùng tả, theo mạch máu ta, như trùng sốt-rét-rừng, trùng uốn-ván, rồi vào cơ-thể ta.

Thưa các Ngài,

Câu truyện đã dài lắm, nhưng tôi cũng xin phép các Ngài cho nói nốt một đoạn nữa, kẻo có Ngài kỹ tính quá lại giống bác-sĩ trong một chuyện mĩ-đàm kia chăng. Bác-sĩ ấy bao giờ trong tay cũng phải có một cái kính hiển vi mà không có một đồ vật gì tiên-sinh không bắc kính soi. Soi vào dâu cũng thấy vi-trùng. Đồ ăn cũng đầy vi-trùng! Nước uống cũng đầy vi-trùng! Tiên-sinh lấy làm khiếp-đảm, rồi bỏ cả ăn lẫn uống, vợ con can-ngăn thế nào cũng không nghe. Mà mỗi ngày một hóp, râu mỗi ngày một phở, bà vợ đến lúc bĩ quá phải đặt một bầu sữa to cho tiên-sinh « bú tí! »

Vi-trùng đâu cũng có thật, nhưng không phải giống nào hoặc lúc nào nó cũng hại được ta. Cơ-thể ta biết chống-cự lại với nó mà nhiều khi sinh ra một cuộc chiến-tranh rất kịch-liệt: hễ cơ-thể ta khỏe hơn giống trùng thì giống ấy bị tiêu-diệt đi, hễ cơ-thể ta yếu hơn thì giống trùng tha-hồ mà hoành-hành.

Ông METCHNIKOFF chứng-nghiệm thấy trong cơ-thể người ta và giống-vật có những thứ tế-bào (*cellules*) hễ gặp trùng-độc, hoặc chất độc ở bên ngoài vào, thì bao-bọc lấy rồi làm cho tiêu-diệt đi được. Có hai thứ tế-bào ấy, một thứ vận-động được như những viên máu trắng, một thứ không vận-động được, như những tế-bào của các mạch máu, những tế-bào của lá-lách, của phổi, v.v., Những viên máu-trắng có tính sát-trùng mạnh nhất. Hễ nó gặp một chất ở bên ngoài vào trong cơ-thể thì nó bao bọc lấy cho thật kín, để chất ấy không chuyển-động được nữa. Hễ gặp trùng độc thì nó nuốt, rồi làm cho giống trùng tiêu đi; những trùng bị nuốt thì mất hết nọc độc, rồi đứt ra từng quãng. Nếu tiêu được hết trùng độc thì bệnh ta khỏi, nếu không tiêu được hết thì mệnh ta nguy. Nếu vì một cớ gì mà những viên máu trắng của ta không vận-động được, hay sức sát-trùng của các tế-bào trong mình ta suy-nhược đi, thì ta dễ mắc bệnh lắm. Thí-dụ các bệnh đau phổi hay bắt đầu bởi sự lạnh, vì sự lạnh khiến được cho tế-bào yếu sức đi, nhờ có thế thì giống trùng vẫn bám trên mặt phổi mới thắng-trận được. Có khi những chất độc của giống trùng như trùng tả-gà, trùng bệnh ung, cũng khiến được cho tế-bào yếu sức đi nhiều. Có nhiều giống trùng xưa nay vẫn là vô-hại, thế mà gặp lúc cơ-thể ta suy-nhược như thế nó cũng hóa ra độc.

Vi-trùng sinh ra nhiều chất tế-bào ưa lắm, thế cho nên chỗ nào có vi-trùng là có tế-bào tiến đến. Tế-bào có một thứ khiếu-quan riêng gọi là *chimiotaxie*.

Bên cạnh cái thuyết tế-bào có sức sát-trùng, lại còn có một thuyết thứ hai nữa cho rằng những thứ dịch-thủy do ở tế-bào ra mới thật kỵ-trùng. Nhưng dịch-thủy ấy là máu, là nước mũi, nước miếng, nước tiểu, v. v.. Máu và nước-máu (*sérum sanguin*), có sức sát-trùng mạnh lắm. Năm 1886, ông FODOR lấy mấy thứ trùng vô-hại rồi đem tiêm vào máu cho thật nhiều. Được ít lâu thì những trùng ấy biến đâu mất cả,

tìm trong tế-bào cũng không thấy. Như vậy thì chỉ có máu có tính sát-trùng mà thôi. Tiêm trùng độc vào máu được ít lâu cũng thấy biến mất cả, nhưng giống trùng ấy biết ẩn-nấp vào các cơ-quan rồi sinh-sản ra nhiều quá, lúc ấy bệnh mới phát lên được. Ông FUDOR nghiệm rằng máu-đỏ kỵ trùng hơn máu-đen và sức sát-trùng của nó tăng với sức-nóng đến 40 độ rồi lại giảm đi.

Ông NUTTALL khảo về sự hành-động của những viên máu-trắng nói rằng trong máu có một chất lỏng gọi là *alexine* kỵ-trùng lắm. Trước khi giống trùng bị viên-máu vây kín, thì chất *alexine* hãy vật cho nó yếu sức đi nhiều đã. Chất *alexine* ấy nhờ có một thứ hồ (*sensibilisatrice*) cho nên hành-động một cách công-hiệu lắm. Lại có chất *opsonines* khiến được cho những viên máu-trắng khoẻ hơn nhiều.

Về phương-diện sát-trùng thì máu các giống vật không giống nhau: máu người, máu thỏ, máu gà, máu chim bồ-câu kỵ-trùng lắm, thế mà máu ngựa, máu bò thì lại không kỵ gì cả. Ngay cùng trong một giống vật ấy có con thì máu kỵ-trùng lắm, có con thì chỉ kỵ vừa, đến người ta cũng vậy, vì thế nên có người dễ mắc bệnh hơn người khác.

Nước mũi, nước miếng, nước tiểu, nước dạ-dày, nước ruột-non, sữa, mật người ta đều có tính sát-trùng. Trong những dịch-thủy còn có nhiều chất như là thứ nhựa *agglutines* làm được cho vi-trùng dính vào với nhau rồi tụ lại từng đám mà không cử-động được nữa, thứ thuốc làm được cho giống trùng đông bánh lại *précipitines* và những chất kỵ nọc độc (*antitoxines*).

Nói tóm lại thì cơ-thể ta có sức chống-cự lại với giống vi-trùng và nọc độc của nó, nhưng ta chớ quên rằng có nhiều nguyên-nhân khiến được cho cái sức qui-hóa ấy phải suy-nhược đi, như là: sự kém ăn, kém ngủ, sự lao-lực, ưu-phiền, hoa-nguyệt quá-độ v. v..

An-Nam ta cũng tin rằng có « trùng », nhưng trùng đây là « Thần-oanh đỏ-mỏ », là « chàng ba-long-vương », là « quan-ôn tham-nhũng », v. v., phải dùng voi ngựa, mũ-mã, vàng-bạc giấy mà đánh lừa, mà « đút-lót » ! Kỳ thật thì « trùng » là vi-trùng, nó chỉ sợ có phép vệ-sinh và các thứ thuốc tẩy. Có hai thứ thuốc tẩy thiên-nhiên công-hiệu và rẻ tiền nhất, là ánh-sáng mặt trời và không-khí thanh-khiết, ta chớ nên hà-tiện.

Trước khi bắt mấy hạng « quan-ôn » để lồng kính trình-diện các ngài, tôi xin cảm-ơn các ngài đã chịu khó ngồi nghe tôi nói chuyện lâu như thế.

NGUYỄN LÊ
Hóa-học kỹ-sư

(Khi diễn-thuyết xong, có chiếu kính hiển-vi cho thính-giả xem các giống vi-trùng).

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

XI

Tư-pháp-lý-lịch
(*Casier judiciaire*)

(Từ điều 185 đến điều 197 H. S T. T.)

Luật đặt ra cái tư-pháp-lý-lịch là cốt để cho biết cái tình-trạng của mỗi người, xem về trước đã từng can-án hay không. Phàm có một người can-án, phải làm ra một cái phiếu gọi là phiếu tư-pháp-lý-lịch. Cách làm phiếu tư-pháp lý-lịch như sau này :

Mỗi phòng lục-sự các tòa án đệ-nhị-cấp, phải có mỗi cái văn-quĩ, chiếu theo thứ-tự A. B. C. chia ra từng ngăn, để thu-xếp trữ-tồn các phiếu do sự chuyên-biện của các viên lục-sự làm ra sau khi kết-án khinh-tội hoặc trọng-tội.(Điều 185 H. S. T. T.)

Khi nào án-văn do tòa đệ-nhị-cấp sở-tại chỗ sinh-quán của người can-án kết-nghĩ, thì chánh-phiếu trữ-tồn ở trong văn-quĩ phòng lục-sự tòa án ấy xếp vào ngăn chữ cái về chữ đầu của cái họ người can-án. Một người can-án mà có nhiều phiếu, thì ở ngoài cặp một cái bìa chiếu theo thứ-tự ngày tháng của các án mà xếp vào.

Khi nào án-văn không phải do tòa đệ-nhị-cấp sở-tại chỗ sinh-quán của người can-án kết-nghĩ, thì cái chánh-phiếu sẽ do quan chánh-thẩm-phán tòa án ký-giao cho quan chánh-thẩm-phán tòa đệ-nhị-cấp sở-tại chỗ sinh-quán của người can-án, để chiếu cách-thức nói ở đoạn trên mà trữ-tồn vào văn-quĩ phòng lục-sự tòa án ấy.

Khi nào không biết sinh-quán của người can-án, hoặc có tình-nghi là cái sinh-quán của người can-án khai ra không được thực, thì phải biên chú sự ấy vào trong phiếu mà ký-trình phiếu ấy lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội, để quan Chưởng-lý chỉ-định nên xếp vào cái văn-quĩ nào ở tòa đệ-nhị-cấp (Điều 187 H. S. T. T.)

* * *

Các phiếu tư-pháp-lý-lịch chia ra làm ba hạng :

1o *Chánh-phiếu* (*bulletin original*) thì dùng riêng cho mỗi người can-án và chỉ để lưu-tồn trong tòa án mà thôi.

Phiếu ấy làm theo cách-thức trong điều 186 H. S. T. T.

2o *Quan-phiếu* (*bulletin d'audience*) tức là cái phiếu lược-biên tất cả các chánh-phiếu về tư-pháp-lý-lịch của người nào và chỉ để cấp-phát cho các công-nha, nghĩa là cho các quan hành-chánh và tư-pháp mà thôi.

Phiếu ấy làm theo cách-thức trong điều 192 H. S. T. T.

3o *Bản-thân-phiếu* (*bulletin personnel*) tức là cái phiếu để cấp-phát cho chính người đương-sự. Phiếu ấy không phải biên hết cả án của người bị-nghĩ theo đúng như chánh-phiếu đâu; chiếu điều 195 H. S. T. T., thì không cần phải biên cái án được phục-quyền hoặc cái án được huyền-án ; nếu xét ra người đương-sự chưa từng can-án bao giờ, thì biên to mấy chữ « *vô phiếu khả thi* » Bản-thân-phiếu phải làm theo cách-thức trong những điều 193, 194, 195 H. S. T. T. Cái bản-thân-phiếu về tư-pháp-lý-lịch chỉ để cấp-phát cho dích-danh người đương-sự ;

(1) Xem *Nam-Phong* số 57, 58, 59, 60, 61, 67, 68, 69, 70, 71.

nếu người nào đứng xin lĩnh bản-thân-phiếu của người khác cho mình, thì luật cấm không cho cấp-phát. Lại nếu người nào mạo danh, mạo chữ mà xin lĩnh bản-thân-phiếu của người khác, thì phải bị hình-phạt định trong luật Hình.

Giam-thất
(*Prisons*)

(Từ điều 198 đến điều 201 H. S. T. T.)

Luật Hình-sự-tố-tụng, trong chương « Giam-thất » có hàm-ý nghĩ-định rằng không những ở tỉnh-lỵ mà cả đến ở mỗi địa-hạt, tức là phủ, huyện, châu, cũng phải có chỗ để tạm giam-thất.

Thuộc về giam-thất ở các địa-hạt, luật định phải giữ một cái bạ.

Mỗi một địa-hạt (phủ, huyện, châu) đều có một cái bạ tống-giam, các trương trong bạ phải do quan Công-sứ ghi số-hiệu và hoạch dấu đại-danh-hoành-tuyến. Bạ ấy biên-ký những người bị tống-giam và lược-biên cái duyên-cớ nã-giam. Mỗi lần đến nhật-kỳ đã định, phải đem bạ ấy trình cho quan công-sứ hoặc quan đại-lý, để các quan ấy hoạch dấu đại-danh-hoành-tuyến. Nếu có chuyển-tỉ tù-phạm, cũng chiếu nhật-phụ biên vào. (Điều 198 đoạn 1 H. S. T. T.)

Thuộc về giam-thất ở tỉnh-lỵ, phải giữ hai bản bạ tống-giam.

Viên giám-thị phải giữ hai bản bạ tống-giam; một bản liệt-biên tên họ các người bị tội bị câu-giam; một bản liệt-biên tên họ các người bị-can giam-cứu. (Điều 198 đoạn 3 H. S. T. T.)

Lệ chung thi-dụng cho cả những giam-thất ở các tỉnh-lỵ và ở các địa-hạt.

1° Nhà giam-thất ở tỉnh-lỵ, nếu không có phiếu tống-giam của quan chánh-thẩm-phán tỉnh phê-chuẩn, thì viên giám-thị không được nhận giam; nhà giam-thất ở địa-hạt nếu không có phiếu tống-giam của quan thẩm-phán phê-chuẩn, thì viên giám-thị không được nhận giam.

Phiếu tống-giam ấy viên giám-thị sẽ sao ra, rồi ký chữ vào trong phiếu giao trả lại.

2° Khi nào chuyển-tỉ người bị-giam thì phải làm một cái phiếu do quan Công-sứ hoặc quan Đại-lý hoặc quan thẩm-phán ký tên.

3° Mỗi tuần-lễ, đến nhật-kỳ đã định, viên giám-thị đem cái bạ tống-giam các người bị-can, trình lên quan thẩm-phán tỉnh hoặc quan thẩm-phán địa-hạt, để các quan ấy tiện xét những việc đương làm và chiếu cái nhật-phụ trình lên mà cho chữ vào trong bạ. (Xem điều 198 H. S. T. T.)

4° Phàm dời người phạm từ giam-thất này qua giam-thất kia, — tuy khi dời tạm cũng thế — nếu dời người bị tội thì phải đái-tùy bản trích-lục cái án nghị-tội; nếu dời người bị-can thì phải đái-tùy bản trích-lục bạ tống-giam. Không cứ trường-hợp nào, lại phải đái-tùy những giấy có chỉ rõ tài-liệu có thể xác-định tình-trạng hình-sự, và căn-cước, và hộ-tịch của người bị-giam. (Điều 199 H. S. T. T.)

5° Quan Công-sứ hoặc quan Đại-lý các tỉnh, phải thường-thời lý-khám các giam-thất trong quản-hạt mình, điều-tra duyên-cớ bị giam, khám-xét có lạm phép hay không, và báo-cáo cái kết-quả về sự lý-khám điều-tra ấy lên quan Thống-sứ.

Quan Chánh-thẩm-phán tỉnh cũng làm cùng một công-việc khám-xét ấy, và làm tờ báo-cáo cái kết-quả về sự khám-xét mà trình lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội.

Quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội cũng có thể tùy-ý hoặc thân-hành khám-xét, hoặc ủy người đi khám-

xét các giam-thất và kiểm-tra các bạ tống-giam. (Điều 200 H. S. T. T.)

6° Khi nào có người bị-can hoặc người bị-tội chết ở trong kỳ-hạn được câu-giam, thì phải lập-tức báo-cáo cho quan Chưởng - lý biết. (Điều 201 H.S.T.T.)

Tổng-tắc

(*Dispositions générales*)

(Từ điều 202 đến điều 211 H. S. T. T.)

Các tổng-tắc trong chương cuối cùng luật H. S. T. T. tóm lại như sau này :

1°) Hiệu-lực của luật Hình thuộc về thời-gian (Điều 202).

2°) Cách-thức làm án về khi gặp sự tái-phạm về trọng-tội khinh-tội (điều 203).

3°) Cách-thức làm án về khi chiếu những tắc-lệ (chỉ-dụ, sắc-lệnh, nghị-định, vân-vân) mà nghĩ-xử hình-phạt (điều 204.)

4°) Lệ Chấp-hành án xử-tử (điều 205).

5°) Chức-quyền của tòa Đề-hình trao sang cho tòa Đệ-nhị-cấp (điều 206.)

6°) Các sổ-sách về hình-sự (điều 207-208-209).

7°) Lệ-phí-giá-mục thuộc về hình-sự (điều 210).

8°) Việc thi-hành luật Hình-sự tố-tụng (điều 211).

Các tổng-tắc trên này phần nhiều ở trong bài lược-khảo đã từng nói qua đến, mà chiếu trong luật-văn thì ý nghĩa cũng rõ ; duy cái tổng-tắc định về vấn-đề giao-thời có cái lệ-định trong điều 202 nên giải tường như sau này.

Hiệu - lực của luật Hình thuộc về thời-gian. — Điều 202 luật H. S. T. T. định rằng : « Khi nào có một cái tội - phạm mà tội - phạm ấy phát-sinh thì ở về thời-kỳ còn đương thi - hành luật Hình cũ, đến ngày sắp đem tội-phạm ấy ra nghĩ - xử, thì lại thuộc về thời-kỳ đã tuyên-bố thi-hành luật Hình mới, mà chiếu hình-phạt về tội phạm ấy, thì hình-phạt định trong luật Hình mới lại khác với hình-phạt định trong luật Hình cũ, nếu xét trong luật Hình mới những điều-khoản định về hình-phạt ấy, không có định rõ là hiệu-cấp-dĩ-vãng, thì khi bấy giờ chỉ chiếu theo hình-phạt nào nhẹ mà nghĩ-xử cho người bị tội hoặc người bị-can. (Điều 202).

Cái điều-luật trên này là để thi-dụng về khi giao - thời đổi bãi luật Hình cũ theo luật Hình mới ; nghĩa điều-luật ấy là thế này ; thí-dụ có một cái tội phạm do các người quốc-dân An-Nam ở Bắc-kỳ đã can - phạm từ trước ngày mồng một tháng giêng năm 1923 là thời - kỳ thi-hành luật Hình cũ (luật năm 1917), mà đến ngày mồng một ấy trở đi là thời-kỳ theo luật Hình mới, chưa có án kết-nghĩ. Gặp trường-hợp đại-loại như thế, thì phải nghĩ-xử thế nào ? Chiếu điều 202 ấy phải tách-bạch ra từng nghĩa,

1° « *Hình-phạt định trong luật Hình mới khác với hình-phạt định trong luật hình cũ . . . . .* » Nghĩa là nếu hình-phạt trong luật mới so với hình-phạt trong luật cũ không khác, thì cái vấn-đề đã hiển-nhiên rồi, không cần phải nghị-luận nữa.

2° « *Xét trong luật mới những điều-khoản định về hình-phạt ấy không có định rõ là hiệu-cấp-dĩ-vãng*». — Nghĩa là bởi vì luật Hình mới không định rõ rằng cái hình-phạt nào không thì cho những tội phạm đã phát-sinh từ khi chưa tuyên-bố luật ấy, thì mới được chiếu-dụng điều 202 luật Hình-sự-tố tụng.

3° «. . . *Chỉ chiếu theo hình-phạt*

nào nhẹ mà nghĩ-xử . . .» — Nghĩa là xét ra đã đủ hai cái lẽ vừa nói ở trên, thì khi xử hình-phạt, nếu luật cũ nhẹ thì theo luật cũ, mà luật mới nhẹ thì theo luật mới.

Ấy điều 202 luật Hình-sự-tố-tụng chính nghĩa là thế. — Song cái điều-luật ấy không phải chỉ thi-dụng trong cái thời-kỳ cuối năm 1922 sang đầu năm 1923 mà thôi đâu. Đó là một cái luật-ý rất quan-trọng, thường khi bãi luật cũ theo luật mới, bao giờ cũng phải chiếu-dụng đến cái luật-ý ấy; vậy tiện đây nên nói thêm vài lời thuyết-lý về hiệu-lực của pháp-luật thuộc về thời-gian như sau này.

Hiệu-lực của luật Hình thuộc về thời-gian. — Khi nào có một cái tội-phạm mà tội-phạm ấy phát-sinh thì ở về thời-kỳ còn đương thi-hành luật Hình cũ, đến ngày sắp đem tội-phạm ấy ra nghĩ-xử thì lại là thuộc về thời-kỳ đã thyên-bố thi-hành luật mới, mà chiếu hình-phạt về tội phạm ấy, thì hình-phạt định trong luật Hình mới lại khác với hình-phạt định trong luật Hình cũ.

Nên chia làm hai trường-hợp;

Trường-hợp thứ 1. — *Luật mới nặng hơn.* — Nghĩa là phạm việc gì trước kia chưa định-tội mà bây giờ luật mới có định hình-phạt, hay là phạm việc gì trước kia luật cũ phạt nhẹ mà bây giờ luật mới phạt nặng.

Khi ấy không được đem hình-phạt trong luật mới mà thi cho các tội đã phạm trước khi tuyên-bố luật mới. Thế là «Hiệu bất-cập-dĩ-vãng», cái luật-ý ấy đã hàm-định trong điều 37 luật Hình: « Các thứ trọng-tội, khinh-tội và tội vi-cảnh gì phát-sinh ra chưa có luật định hình-phạt, thì không được bắt tội ».

Trường-hợp thứ 2. — *Luật mới nhẹ hơn.* — Nghĩa là khi nào việc gì luật cũ bắt tội mà luật mới không bắt tội hay là luật cũ phạt nặng mà luật mới phạt nhẹ.

Khi ấy luật mới có hiệu-cập-dĩ-vãng vì rằng mỗi khi san-định luật lại, tất xét ra có công-bằng hơn mới đổi hình-phạt nhẹ đi, đã công-bằng hơn thì được thi-dụng hình-phạt luật mới là hình-phạt nhẹ. Cái luật-ý ấy đã hàm-định trong điều 202 luật Hình-Sự-Tố-Tụng, vừa dẫn ở trên.

Nói tóm lại là khi nào luật mới có làm lợi cho người ta, thì được có hiệu-cập-dĩ-vãng, hay là tội-phạm nào phát-sinh giữa lúc bãi luật cũ theo luật mới, hễ luật nào nhẹ thì xử theo luật ấy.

Thế nào gọi là luật nhẹ? — Luật mới so với luật cũ mà gọi là nhẹ hơn là khi gặp một trường-hợp như sau này:

1° — Là việc gì trước kia có định hình-phạt mà bây giờ không định.

2° — Là bây giờ có định ra trường-hợp cho khoan-miễn hình-phạt hoặc khinh-giảm hình-phạt, mà trước kia thì không định.

3° — Là trước kia có định trường-hợp tăng-tội hoặc có thêm phụ-hình mà bây giờ bãi đi.

4° — Là trước kia định hình-phạt về hạng trên, bây giờ về hạng dưới; như trước kia là trọng-tội, bây giờ là khinh-tội; trước kia là khinh-tội, bây giờ là tội vi-cảnh.

5° — Hình-phạt trước sau cùng thuộc về một hạng, nhưng trước kia về cấp trên, bây giờ về cấp dưới; thí-dụ trước là khổ-sai chung-thân, bây giờ là khổ-sai có kỳ; trước là phạt giam, bây giờ là phạt bạc.

6° — Hình-phạt trước sau cùng thuộc về một hạng, cùng thuộc về một cấp, mà trước thì kỳ-hạn lâu, bây giờ

thì kỳ-hạn chóng ; thí-dụ trước là 5 năm phạt giam, bây giờ là một năm phạt giam.

Hiệu-lực của luật Hình - sự - tố-tụng thuộc về thời - gian. — Luật Hình-sự-tố-tụng thì có hiệu-cập-dĩ-vãng ; điều 211 là điều cuối cùng luật ấy. Có một khoản định rằng : « . . . . Vậy nên từ ngày đã chỉ-định ấy (tức là thi-hành) trở về sau, phàm tất cả sự truy-tố . . . . kế-tục đều chiếu qui-tắc định trong luật này mà thẩm-cứu và kết-nghĩ . . . » — Nghĩa là đối với việc phạm đã phát-sinh trước khi thi-hành luật ấy, thì từ sau ngày thi-hành trở đi sẽ xét-xử theo luật ấy ; nhược-bằng thủ-tục thẩm-cứu đã khởi-biện rồi mà chưa xong, thì từ ngày ấy trở đi, cứ việc kế-tiếp làm theo qui-tắc luật mới.

Hiệu-lực của luật Dân-sự-thương-sự tố-tụng thuộc về thời-gian.

Luật Dân-sự-thương-sự tố-tụng thì cũng có hiệu-cập-dĩ-vãng, Điều 370 luật ấy có một khoản định rằng: «Vậy nên từ ngày chỉ-định ấy (tức là ngày thi-hành luật ấy) về sau, ... những việc kiện tuy phát-sinh từ trước, mà thủ-tục chưa xong, cũng được ứng-dụng qui-tắc định trong luật mới này, mà tục-biện, » cứ như thế thì về phương-diện này, luật Dân-sự-tố-tụng cũng giống như luật Hình-sự-tố-tụng.

Hiệu-lực của luật định thẩm-quyền thuộc về thời-gian. — Khi nào có việc gì phát-sinh vào thời-kỳ còn đương thi-hành luật cũ, chưa kịp xét-xử xong thì chợt có luật mới đổi lại thẩm-quyền, (thí-dụ việc kiện kia trước chiếu luật cũ thì thuộc về đệ-nhị-cấp nay chiếu luật mới thì thuộc về sơ-cấp), thì khi ấy phải nghị-luận làm sao ? Luật không định rõ. Song chiếu luật Pháp-viện-biên-chế có luật định về cách tổ-chức các tòa-án và phân-định thẩm-quyền, thì thấy điều 36 định rằng : « Bao nhiêu những điều-lệ cũ định về việc tổ-chức các tòa Nam-án Bắc-kỳ đều bãi đi cả ».

Nghĩa là từ ngày bắt đầu thi-hành luật ấy trở đi, nhất-thiết thuộc về cách xếp-đặt tòa-án cùng là quyền-hạn đều theo như luật mới, — lại xem điều 37 trong luật ấy định về nhật-kỳ thi-hành luật ấy cũng không hề định tới vấn-đề ấy.

Lấy đó suy ra thì luật định về thẩm-quyền có hiệu-cập-dĩ-vãng, nghĩa là cái việc phát-sinh trong khi giao-thời mà chưa xử thành án, đến khi thi-hành luật mới, thì phải theo thẩm-quyền định trong luật mới.

. . .

Bài lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ trên này, tác-giả đã từng nói rằng : lược-khảo như thế chưa phải là tóm hết luật-văn, giải hết luật-ý đâu. Song thiết-tưởng cứ xem cho hết bài lược-khảo ấy, tuy không thâm-hiểu được luật một cách uyên-bác, nhưng cũng biết được phổ-thông; mỗi khi mở luật ra xem thì hiểu mau lắm và hiểu rõ-ràng. Khoa luật-học cũng như các khoa-học khác, không biết thế nào là cùng. Luật-thư là chỉ qui-định một cách đại-cương ; ví như trong Kinh Truyện chép lời thánh-hiền chỉ có chính-văn, thế mà biết bao nhiêu nhà hậu-nho giải-thích mãi vẫn chưa hết nghĩa, vẫn chưa cùng lý. Cách học luật cũng như cách học các khoa khác, phải *bác* mà lại phải *ước*. *Bác* là xét về một điều nghĩa-lý gì về cùng một môn học, chỉ theo một gốc mà suy ra vô-số lẽ. *Ước* là thu lại tất cả nhiều nghĩa-lý về cùng một môn học, dù thiên-hình vạn-trạng, tóm lại một vài câu, một vài chữ cũng đủ ý. Ấy đại-khái học-vấn phải có biết cách mới tinh-vi, có tinh-vi mới biết đến nơi đến chốn. Ôi ! pháp-luật đặt ra là để giữ công-bằng. Song sách luật cũng

như một cái đồ-dùng, đồ-dùng tuy sắc mà người không biết dùng hay là dùng bậy thì cũng vô-ích. — Vậy muốn hay tất phải nhờ ở sự biết dùng. Đại-phàm thế-sự toàn bằng ở nhất-điểm lương-tâm. Người biết luật phải có lương-tâm thì mới giữ được công-bằng. Lại cũng nên biết rằng luật là phép công của quốc-gia, đặt ra để duy-trì trật-tự, chớ không phải để cho những kẻ tham-nhũng chỉ nhờ về sự biết luật mà vũ-văn-lộng-pháp (1) để hại người ta đâu. Chữ rằng : « Tư-pháp ủy pháp » (2) thực là một lời dăn người biết luật. Vả lại nên nhớ lời đức Khổng-phu-tử nói : « *Thính-tụng ngô do nhân dã, tất dã sử vô tụng hồ* (3).

Hết

H. T.

MƯỜI NĂM DÂN-CHỦ Ở NƯỚC TÀU

(*Lược-thuật về cận-sử nước Tàu, theo báo Tây*)

Người nào không ở qua nước Tàu, không giao-thiệp với người Tàu, không biết tính-tình tư-tưởng của người Tàu, thời không sao hiểu được cái hiện-trạng nước Tàu. Nước Tàu đời xưa vừa nghiêm-trang, vừa u-ẩn. Nước Tàu đời nay thời lại phơ-phất và lông-bông. Nào là nay đổi chính-thể, nào là mai cải biến-pháp; luật-pháp thời bôi-bác cho có hình, quân-đội thời lão-nhão không kỷ-luật; dân-chính lộn-bậy, tài-chính nát bét. Song tuy trong mười năm gần đây, cũng đã kinh-qua nhiều sự biến-loạn, nhưng cái tiềm-lực, cái nguyên-khí của nước Tàu, vẫn còn sung-túc lắm, tựa-hồ như những sự dao-động ở bên ngoài không lay chuyển đến cái gốc nước vẫn vững-bền vậy.

Mới cách mấy năm đây, nước Tàu còn là thuộc về chính-thể quân-chủ chuyên-chế, lấy gia-tộc và cái chế-độ tộc-trưởng làm gốc. Vua là chúa-tể trong nước, thừa mệnh trời mà trị dân, một mình vừa là ông giáo-hoàng, vừa là ông quân-chủ, lại vừa là cha-mẹ dân, dân chỉ có một việc phục-tòng mà thôi. Ấy là trong nước; trong một nhà một họ cũng vậy, người tộc-trưởng, người phụ-huynh là có quyền nhất-thống trong nhà trong họ, các con em cũng chỉ có một việc phục-tòng mà thôi.

Năm 1898, vua Quang-tự (*Kouang-siu*), theo lời khuyên của Khang Hữu-Vi (*K'ang Yeou-Wei*), muốn cải-cách chính-trị trong nước, nhưng cải-cách không xong, bà Thái-hậu Từ-hi (*Tseu-hi*) thu-phục cả chính-quyền, ra tay chuyên-chế, để-chính được một hồi phục-hưng, song cũng không bền. Năm 1911, quân cách-mệnh nổi lên ở Hán-khẩu (*Han kéou*), tướng giữ thành là Lê Nguyên-Hồng (*Li Yuen-Hong*) quay theo về dân quân, chính ông ngày nay làm tổng-thống thứ năm của Trung-Hoa-dân-quốc.

Khởi-xướng ra cách-mệnh là Tôn Dật-Tiên (*Sun Yat-sen*), chính tay ông

---

(1) Muá văn lộng pháp, nghĩa là nói đừng lấy văn-pháp thâm-độc mà làm hại người, đừng cậy giỏi luật mà làm những sự quái-quắc.

(2) Biết phép sợ phép

(3) Xử kiện ta cũng như người, nhưng cốt làm thế nào cho đừng để sinh việc kiện-tụng

tổ-chức việc khởi-nghĩa tỉnh Hồ-bắc (*Hou-pé*), ông gia-công thảm-đạm kinh-doanh tự năm 1896, nào là lập các hội bí-mật, nào là cổ-động bằng sách bằng báo, nhất là ở những cửa bể có tô-giới của ngoại-quốc, là những nơi dễ hành-động nhất. Người ta thường gọi ông là sáng-tổ Dân-quốc Tàu, thật là đúng lắm.

Tôn được cử làm tổng-thống thứ nhất, nhưng ông là một người cổ-động, không phải là một người cầm quyền, ông cũng hiểu như thế, nên vừa được bầu thì ông xin nhường chức tổng-thống cho Viên Thế-Khải (*Yuan Che-K'ai*), chỉ giữ cái vinh-dự là người khởi ra cách-mệnh đầu nhất mà thôi. Viên nguyên trước làm trụ-trát-đại-thần của Tàu ở Triều-tiên (Cao-li), thay mặt nước Tàu hồi Trung-Nhật chiến-tranh năm 1895, sau làm tuần-phủ Sơn-đông (*Chan-toung*), sau làm tổng-đốc Trực-lệ (*Tché-li*), sau rốt làm Thượng-thư bộ Ngoại-vụ (*Wai-ou-pou*). Lịch-lị bấy nhiêu chức, tỏ ra một người khôn-khéo, sáng-suốt, và có cái chí tấn-tới mở-mang. Lại được lòng tin yêu của các tướng phương Bắc. Như vậy thời giữa lúc Dân-quốc còn mới-mẻ, việc nước đương khó-khăn, ông thật là người có đủ tư-cách cầm quyền tổng-thống nước Tàu.

Ông được bầu làm tổng-thống ngày mồng 6 tháng 10 năm 1913. Ông giải nghĩa hiến-pháp theo ý riêng ông, trị nước như một vì quân-chủ, có cái dã-tâm muốn làm vua nước Tàu. Không đè tạ-thế hồi tháng 6 năm 1916, giữa lúc đương mơ-mộng dựng một triều vua họ Viên. Kế Viên làm tổng-thống là Lê Nguyên-Hồng. Lê không có quyền-lực, cũng không có nghị-lực như Viên, nên sau việc Trương Huân (*Tchang Hsiun*) làm loạn, phải từ-chức. Đến Phùng Quốc-Chương (*Feng Kouo-Tchang*) quyền lĩnh chức tổng-thống, ông này cũng có tài-cán, nhưng không hay cẩn-thận. Sau Phùng, đến Từ Thế-Xương (*Tsu Che-Tch'ang*), tuy được bầu làm thực-thụ-tổng-thống, nhưng cũng nhiều đảng không chịu công-nhận.

Từ là quan triều Thanh cũ, chân khoa-bảng, làm tổng-đốc Đông-tam-tỉnh (Mãn-châu), lại làm phụ-chính cho vua Tuyên-thống (*Siuan-tsong*) giữa lúc nhà Thanh sắp đổ. Tự lúc lĩnh chức Tổng-thống cho đến lúc phải lui về, không được hưởng một lúc nào yên-ổn, chẳng qua là làm cái đồ-chơi trong tay đảng đốc-quân phương Bắc. Vả Từ là người nhu-nhược, không có quả-quyết, sự-nghiệp trong mấy năm làm Tổng-thống chỉ làm một tay mối-chài mối-lái cho bọn đốc-quân mà thôi.

Dân-quốc Tàu bây giờ chia ra làm vô-số nước hầu như độc-lập, và quyền Tổng-thống không ra khỏi thành Bắc-kinh, ngay ở đấy cũng là ở trong lao-lung các đảng quân-nhân.

Đối với tình-trạng ấy, liệt-cường cũng là điềm-nhiên đứng vào địa-vị khách-quan, chỉ biết người công-nhiên cầm quyền ở Bắc-kinh, không muốn can-thiệp đến việc cạnh-tranh của các đảng với nhau. Duy nước Nhật-bản thời có cái địa-vị riêng, thường chú-ý lắm, đối với các lãnh-tụ các đảng, đều có ý lấy lòng cả, và lấy lòng nhất là Trương Tắc-Lâm (*Tchang Tso-Lin*). Sự rối-loạn ở nước Tàu không những không ngăn-trở việc buôn-bán của người Nhật, mà có lẽ lại lợi cho Nhật, nước Nhật cũng chỉ cầu có thế thôi. Nước Nga thời cho đến năm 1914 là một nước rất có thế-lực ở các tỉnh phía Bắc nước Tàu, tự khi chiến-tranh thời thế-lực ấy mỗi ngày một truy-lạc. Nước Mĩ thời ân-cần săn-sóc đến người Tàu lắm, việc đòi lại Sơn-đông, việc phá bỏ mật-ước 21 điều của Nhật

với Tàu, đều có tay người Mĩ cả, cho nên bọn dân-đảng Tàu có cảm-tình với nước Mĩ lắm, nhất là những hội-viên các Hội « Thanh-niên Cơ-đốc » (*Young men christian associations*), những học-sinh ở các trường Mĩ ra. Trong nước Tàu có đến mấy nghìn giáo-sư đạo Tân-giáo Mĩ, thuộc về đến hai-mươi môn-phái khác nhau, truyền-giáo thời ít mà cổ-động cho thế-lực nước Mĩ thì nhiều. Tuy vậy mà cũng có người giáo-sư như GILBERT REID, vừa phản-bội cả tôn-giáo, vừa phản-bội cả nước mình, đem thế-lực giúp cho nước Đức. Tuy ông đã bị trục-xuất cảnh - ngoại nước Tàu, nhưng cái cách ông hành-động cũng đủ chứng rằng trong bọn giáo - sư ấy không phải là ai ai cũng là người mô-phạm cả. Chính-phủ Tàu tuy về việc nội-chính kém hèn thật, nhưng được mấy tay ngoại - giao giỏi, cũng giữ được quốc-thể ở ngoài. Những tay như WELLINGTON KOU (họ Cố), ALFRED TZE (họ Từ), giao-thiệp khôn-khéo và cứng-cát, có cái trí-thức riêng về pháp-luật, chẳng kém gì những nhà ngoại-giao Âu-Mĩ, giá được làm người đại-biểu cho một chính-phủ chỉnh-đốn hơn thời có giá-trị biết bao nhiêu ! Cứ nghe những lời bố-cáo của các ông ấy, thì tưởng cái Dân-quốc Tàu trai-trẻ kia, chẳng kém gì những chính-phủ lão-đại của các nước Âu-châu.

Hoặc ở Hội Nghị-hòa ở *Versailles*, hoặc ở hội Vạn-quốc ở *Genève*, nước Tàu nhờ có những tay ngoại-giao như thế, bèu công-nhiên yêu-cầu tất cả những quyền-lợi giống như các nước Âu-Tây.

Trong tờ thuyết-minh trình cho Hội Nghị-hòa ở *Versailles*, nước Tàu xin bỏ quyền tài-phán của Lãnh-sự (1), xin đòi lại những nơi nhượng-địa có khế-ước cùng những tô-giới của ngoại-quốc ở các cửa bể có điều-ước thông-thương với nước ngoài, xin bỏ những sở bưu-chính cùng những sở điện-báo và sở vô tuyến-điện của ngoại-quốc ở đất Tàu (2).

Từ khi đặt Dân-quốc đến giờ, các nhà ngoại-giao Tàu vẫn giữ được hoàn-toàn lĩnh - thổ nước Tàu, và những khoản còn phân-tranh với Nhật, với Nga, với Anh vẫn y-nguyên cả. Duy có năm 1915, bị nước Nhật dọa-nạt phải chịu nhận 21 điều, là hờ quá, nhưng mà cũng có lẽ vì sự lầm đó mà nước Tàu mới phải về bè với Đồng-minh và tham-dự cuộc chiến-tranh. Sự tham-chiến ấy nước Tàu hại ít mà lợi nhiều, Nhất-diện thời có thể cậy thế nước Anh và nước Mĩ để chống - đối với những sự hống-hách của nước Nhật, và dự sẵn được một chiếu ngồi ở hội-đồng Nghị - hòa ; nhất - diện thời tì tịch-biên được cả những tô-giới, đường xe-lửa của Đức ở Sơn-đông, và tiền bồi-khoản của Đức về việc Quyền-phỉ (*indemnité des Boxeurs*). Lại nhân nước Nga bị đổ, bao nhiêu những quyền-lợi của Nga trong các điều-ước Trung-Nga trước thu về sạch, và bắt người Nga ở đất Tàu phải chịu quyền tài-phán của Tàu về các trọng -tội khinh-tội. Tuy có hứa cho Đồng-minh được lợi-dụng các tàu của Đức bị giam ở trong cảng, nhưng hứa rồi giả-lờ quên đi ngay, và làm giao-kèo cho một công-ty Trung-Nhật kinh-lý các tàu ấy. Tiếng súng chiến-tranh vừa mới dứt, nước Tàu ký ngay giao-kèo với mấy công-ty Đức để đặt các sở Vô-tuyến-điện. Nói tóm lại, nước Tàu đối

(1) Theo điều-ước, người ngoại-quốc ở nước Tàu, có phạm tội không thuộc tòa án Tàu xử, người nước nào thuộc lãnh-sự nước ấy xử. Ở Hội Nghị-hòa, nước Tàu xin bỏ lệ ấy.

(2) Kể từ đầu năm nay, các sở điện-báo của các nước ở Tàu đã bãi hết cả.

với các nước Đồng-minh, cứ nhận lời tràn, cứ hứa trước hoài, mà mười voi không được bát sáo. Đã thế, bao nhiêu quyền-lợi của mình về bè với Đồng-minh, thì lại ra sức mà đòi. Một tay thò ra, chẳng cho ai được tí gì, một tay nắm vào, vớ được cái gì giữ chặt : Trong khi ngoại-giao thương-thuyết, người Tàu giỏi lắm, tinh-khôn sắc-xảo, hiểu biết sự lợi-hại, châm-chước mọi việc thật khéo. Biết chú-ý vào cái phương-diện thực-ích thực-lợi, còn những vấn-đề xa-xôi không thiết lắm.

Chính-phủ Tàu cố đòi được nhất-luật bình-đẳng với các nước dân-chủ đã cũ ở Âu-Tây về đường tài-phán, là cho rằng các chế-độ lập-pháp tư-pháp ở nước mình đã chỉnh-đốn hoàn-toàn rồi. Nhưng mà Dân-quốc Tàu đã có đâu được thế. Nước mới thoát ở trong chính-thể quân-chủ chuyên-chế mà ra, mà địa-thế to lớn như thế, có lẽ đâu trong khoảng mấy năm đã cải-cách cho thật thích-hợp với chính-thể mới được? Nước Tàu đời xưa là do một bọn quan-thân cai-trị. Từ khi lập Dân-chủ, năm 1910 bầu Quốc-hội, định chương-trình cải-cách trong chín năm rồi đặt hiến-pháp. Quốc-hội có 200 nghị-viên, một nửa do các tỉnh bầu, một nửa do Chính-phủ trung-ương cử, làm việc được một năm bị chính-biến năm 1911 tan mất. Tuy rằng việc bàn-xét và quyết-nghị các-luật án không phải là việc dễ, — cứ xem ngay những nước dân-chủ lão-luyện như nước Pháp còn cho làm khó, — song quốc-hội thứ nhất ấy cũng nhiều người có tư-cách, đủ đương được chức-trách, nhưng lại không được bền.

Kế đến Quốc-dân-Hội-nghị họp ở Nam-kinh, cũng đòi lấy quyền lập-pháp. Hội-nghị này thứ nhất là những người tự-nhiệm làm nghị-viên, chứ không ai bầu-cử cả, rồi đến những ủy-viên của các hội-đồng hàng tỉnh và đại-biểu của các quan tỉnh. Chính hội-nghị Nam-kinh ấy tự lập hiến-pháp, tự bầu-cử lâm-thời-tổng-thống và phó-tổng-thống.

Sự-thể như thế, không sao khỏi xung-đột được. Quả-nhiên, ngay lúc đầu đã xảy ra sự lôi-thôi. Sau khi thôi không định đặt đô ở Nam-kinh nữa, thời hội-nghị chuyển lên Bắc-kinh; bấy giờ ngay trong các nghị-viên với nhau sinh ra cãi-cọ nhau, vì có người có bầu-cử hẳn-hoi, lại có người không ai bầu-cử cả, tự mình bầu cho mình mà thôi. Còn như lâm-thời-hiến-pháp thời đến khi đem ra thi-hành, tổng-thống giải ra một cách, hội-nghị giải ra một cách, thành ra Tổng-lý Nội-các là, Đường Thiệu-Di (*Tang Chao-yi*) phải từ-chức. Hội-nghị tự tay lập ra hiến-pháp, lại muốn tự-ý giải-nghĩa lấy. Bèn tự đặt ra pháp-luật để định cách thi-hành hiến-pháp thế nào. Lại đặt ra luật về bầu-cử, lấy đại-cương như thế này : một Thượng-nghị-viện, mỗi tỉnh bầu 10 người đại-biểu, hạn 6 năm, nhưng mỗi hai năm bầu lại một phần ba; các xứ phiên-thuộc như Tây-tàng, Tân-cương, Mông-cổ, cùng các Hoa-kiều ngụ ở ngoại-quốc, được cử cả thảy 50 người đại-biểu ra Thượng-nghị-viện ; một Hạ-nghị-viện cứ mỗi 80 vạn người bầu một đại-biểu, nhưng mỗi tỉnh ít nhất cũng phải được 10 người, hạn bầu là 3 năm. Hạn buổi thượng-nghị-viên ít nhất là 30 tuổi và hạ-nghị-viên ít nhất là 25 tuổi.

Quyền bầu-cử chỉ cho đàn ông thôi, phàm người dân Tàu nào đúng 21 tuổi, đã ở trong quận hay trong huyện ít ra là 2 năm và có đủ những tư-cách như sau này thời được đi bầu.

1°) Có nộp thuế trực-tiếp cho Nhà-nước ít ra là 2 đồng bạc;

2°) Có bất-động-sản trị-giá ít ra là 500 đồng.

3°) Có bằng-cấp chứng-chỉ rõ-ràng mình đã học qua một trường sơ-học hay một trường nào cao hơn.

Ấy cứ lý-thuyết thời như thế. Nhưng cứ thực-tế thời người nào đã ở qua nước Tàu mới biết rằng cách làm như thế tuy xem ra hợp-lý mà thi-hành thật khó-khăn, vì nước to rộng, sự giao-thông không được tiện-lợi, lòng thành-thực trong dân-gian hãy còn khiếm-khuyết, cái giá-trị và cái trách-nhiệm của người đại-biểu hãy còn chưa được rõ, tất phải xảy ra nhiều sự không hay. Cuộc bầu-cử công-nhiên thành một cái chợ mua bán. Thành ra Quốc hội năm 1913 chẳng qua là một mớ người tham-lam keo-cúi, tuy được bầu ra làm đại-biểu ở Bắc-kinh, mà chớ hề có ai nghĩ đến cái chức-trách nghị-viên là gì. Một ông thượng-nghị-viên họ Vương (*Wang*) đã bình-phẩm một câu, tưởng không phải là nói quá : « Quốc-hội năm 1913 thật là không xứng-chức chút nào. Các nghị-viên toàn là người không có tư-cách, không những thế, vô-liêm-sỉ nữa. » Lời phán-đoán ấy không phải là quá nghiêm : Ông Vương có thể nói thêm rằng trong bọn nghị-viên ấy nhiều người có thể mục là những tay tội-nhân với xã-hội. Trong một bài khảo-luận ngắn này, không thể kể được những sự thảm-trạng đã xảy ra từ năm 1913 đến năm 1917. Thôi thời giết người, lấy của, lừa đảo, phản-trắc, đút lót, ăn tiền, xử-sự như một lũ du-côn, một phường đầu-gồng ; muốn chép cho hết những chuyện kinh-quái ấy, mấy quyển sách cũng chưa đủ, thật là một đoạn lịch-sử xấu-xa cho nước Tàu mà cũng đê-nhục cho nhân-loại. Tháng 6 năm 1917, cái Quốc-hội dơ-điếu ấy bị giải-tán.

Quốc-hội mới lập lên là do đảng quân-nhân phía Bắc, cách bầu-cử cũng không theo gì những thủ-tục của Quốc hội năm 1912 đã đặt ra. Quốc-hội thứ nhì này, bèn cử Từ Thế Xương làm tổng-thống. Như trên kia ta đã nói. Từ không có quyền-lực gì, tuy là tổng-thống mà chính là bị bọn đốc-quân thằng-mặc.

Thế là bao nhiêu những đại-biểu của Quốc-hội lần đầu, là những người có bầu-cử tử-tế, tan-tác đi hết cả ; mà duy có những người ấy là có thể tự-xưng rằng có quyền lập-pháp và có quyền đại-biểu cho hiến-pháp nước Tàu. Lúc này, ấy là lúc chính-trị hỗn-loạn cả. Trong khi hội-nghị mới ở Bắc-kinh tự-xưng là Chính-phủ nước Tàu, thời những nghị-viên của hội-nghị cũ vẫn họp nhau khi ở Trùng-khánh (*Tchong-King*), khi ở Thượng-hải (*Chang-hai*), khi ở Quảng-đông (*Canton*), kỳ-thực là nước Tàu không có nghị-viện nào nữa. Nghị-viện cũ không có nữa, vì đã mãn-hạn rồi, nghị-viện mới không phải là nghị-viện, vì không hợp hiến-pháp, chẳng qua là một cái bình-phong bày ngoài để che cái quyền u-ám âm-muội của một đảng đốc-quân. Hiện nay nước Tàu vẫn chưa thoát cái vòng rối-loạn đó. Nói tóm lại, nước Tàu bây giờ còn phải tổ-chức cho nên một cái nghị-viện chân-chính, vì các quốc-hội công hội-nghị lập ra bỏ đi từ năm 1912 đến giờ là trò chơi hết cả.

Đương lúc trong nước rối-bét như thế mà những nhà ngoại-giao như ông Từ (ALFRED TZE), ông Cố (KOU WELLINGTON), ông Lục Chưng-Tường (*Lou Tsen-Tsian*), yêu-cầu với Vạn-quốc xin bỏ cái quyền dẫn-độ (*extraterritorialité*), thời thử bình-tâm nghĩ một chút, không có lẽ nào liệt-cường chịu thuận nhận cho nước Tàu như thế. Vẫn biết rằng nước Tàu bây giờ đã có luật-pháp phân-minh, nhưng mà quan-tòa ở đâu, thầy

kiện ở đâu, trong thủ-tục biện-hành không có cách gì để giữ sự công-bằng cho người đương-sự. Quan tòa thường ăn hối-lộ, người dân vào chỗ công-môn có cần chi là nói thực hay nói dối, xử gian hay xử ngay, chỉ cần biết phải nộp cho quan bao nhiêu để quan xử cho được kiện mà thôi. Không có một người ngoại-quốc nào đã từng qua ở nước Tàu mà không biết những cái trò thảm-kịch hi-kịch thường diễn bằng ngày ở trước nha-môn các quan. Thời-hồ cũng có ông quan thẩm-phán thanh-liêm, nhưng mà ít quá, không thể lấy một vài kẻ như thế mà khái-luận cho rằng Trung-hoa-dân-quốc đã có cái tư-pháp-chế-độ hoàn-toàn, đủ giữ sự công-bằng cho người ta được.

Nước Tàu có thể ban-hành những bộ luật rất hoàn-bị, rất chỉnh-đốn, nhưng mà phải đợi cho các tòa án Tàu biết thi-hành những luật ấy cho chánh-đáng, rõ-ràng có đủ tư-cách bảo-hộ được sinh-mệnh, tài-sản, quyền-lợi về điền-thổ, về công-nghệ, về thương-nghiệp của mọi người. Thuộc về những việc này, cái tình-ý tốt chưa đủ, vì tình-ý là ở trong lòng người, nhiều khi chưa xuất-hiện ra sự-thực. Chính-phủ vẫn có cái ý tốt, nhưng đến khi thực-hành nhiều khi làm bậy, bởi nhiều lẽ dễ hiểu lắm. Về vấn-đề tư-pháp, nước Tàu không những phải cải-cách luật-văn, mà lại phải cải-cách cả tâm-tình người nữa.

Nước Tàu muốn được đãi bằng-đẳng như liệt-cường, cũng là cái bụng tự-nhiên của người ta, và cái bụng ấy cũng đáng khen lắm, duy phải ước-ao cho chong-chóng cải-cách lên cho được bằng trình-độ với vạn-quốc, thời bấy giờ lo gì mà không được bằng-đẳng. Những người ngoại-quốc kiều-cư ở nước Tàu cũng vui lòng mong-mỏi rằng có ngày, — ngày ấy chẳng may hãy còn xa lắm, — có thể xuất-tịch ở trước tòa-án Tàu không sợ thiệt-hại đến quyền-lợi mình, vì biết rằng lẽ công-bằng là công-bằng cho cả mọi người, cái cân công-lý không có nặng nhẹ khác nhau vậy.

Người Tàu bây giờ đương triền-miên trong cái quân-đội-chủ-nghĩa. Người nào xưa nay vẫn cho nước Tàu là một nước hiếu hòa-bình, nghe thấy nói đến cái tính hiếu-chiến như thế, chắc cho là nói ngược. Tôi nói nước Tàu hiếu-chiến không phải có ý nói rằng lấy sự chiến-tranh làm một cái tôn-chỉ quốc-gia đâu. Hiếu-chiến đây nghĩa là hay gây sự đánh nhau, động một tí thời dùng đến binh-lực.

Hiện bây giờ không có nước nào trong thế-giới có quân-lính nhiều bằng nước Tàu. Mà nước Tàu có phải lo về sự ngoại-hoạn gì đâu. Trong liệt-cường duy có nước Nhật là làm cho người Tàu phải để tâm một chút; nhưng mà ở Nhật hiện có hai đảng: một đảng muốn ra tay thống-trị nước Tàu, một đảng thời chỉ muốn giữ tình giao-hiếu để mở đường thông-thương cho rộng mà thôi. Nga thì bây giờ có cũng như không; Anh với Pháp thời thật ý thân-thiện, không có dị tâm gì; còn Mĩ thời đem hết thế-lực che-chở cho người Tàu và quả-quyết giữ cho không ai xâm-phạm đến « chính-sách khai-phông môn-bộ » ở nước Tàu (*politique de la porte ouverte*). Vậy thời không phải là lo nước ngoài đến xâm-chiếm mà nước Tàu phải nuôi những quân-đội nhiều đến 100 vạn hay 150 vạn người (số đó mỗi người ước-lượng một khác). Bấy nhiêu con người ăn hại nước, khác nào như cái ung-độc làm thối thịt, chẳng qua là một bọn võ-tướng kiệt-hiệt nuôi để đánh lẫn nhau, mà bọn võ-tướng ấy phần nhiều là những tay tướng giặc cũ.

Về đời Mãn-Thanh, sự trị-an trong

thập-bát-tỉnh là nhờ ở quân nghĩa-dũng, cả thảy độ 20 vạn người. Bấy giờ trong dân-gian còn có câu tục-ngữ nói rằng : « Sắt tốt không ai dùng để làm danh, dân tốt không ai dùng ra làm lính. » Từ khi có Dân-quốc đến giờ, quân-lính vẫn có tiếng xấu như trước, nhưng mà cái số lại tăng lên gấp mấy lần. Năm 1911, quân-đội trong nước có 50 vạn người (1/2 triệu), số tiền dự-toán của Bộ Lục-quân là 110 triệu bạc, đến năm 1913 tăng lên 164 triệu. Từ đấy, hết cách-mệnh ấy đến cách-mệnh khác, người trong nước đánh lẫn nhau, số quân-lính lại càng tăng và số kinh-phí về việc quân lại càng gấp. Sổ dự-toán về lục-quân năm 1919-1920 tới 207 triệu đồng, mà cuối năm lại còn tiêu lội ra tới 128 triệu nữa. Ấy là còn chưa biết những số kinh-phí của quân Chính-phủ Nam-phương, quân Vân-nam cùng quân Tứ-xuyên. Mà những số ấy lại dự-toán một khác và thực-chi một khác, thực-chi thường dôi ra nhiều. Đến tư-cách người lính Tàu thời lại tệ lắm nữa ; ăn trộm, ăn cướp, vô-sở-bất-vi, không biết kỷ-luật, không biết danh-dự là cái gì, thường lấy trong những bọn đầu trộm đuôi cướp, biếng-nhác trây-lười, dân-gian phải chịu khổ về bọn đó hại không biết bao nhiêu mà kể. Ngày nào nước Tàu có tiệt được hết bọn quân-nhân, thời ngày ấy trong nước mới thái-bình được. Cái nguyên-nhân độc-nhất vô-nhị của mọi sự rối-loạn trong nước, mọi sự khổ-sở trong dân là ở một bọn đó mà thôi.

Nhiều lần đã thấy bàn về vấn-đề bãi-binh, nhưng mà thực-hành được việc đó thật cũng khó thay. Trong bọn đốc-quân, người nào là người dám bãi-binh trước, và bãi-binh rồi thì sẽ xảy ra thế nào ? Chính-phủ trung-ương đối với bọn đốc-quân không có quyền-lực gì, tùng-sử có đủ tiền mà bãi hết quân-lính về, vị-tất đã làm nổi. Phần nhiều binh-lính đã mấy tháng không có lương hay không được đủ lương, bây giờ nói rằng bãi cho về, tựa-hồ như dễ mà kỳ-thực thật khó. Phải dùng đến người ngoại-quốc để giữ kho và trả lương mới mong cho mỗi tên lính được lĩnh đủ số. Lại phải dùng thứ dấu gì mực không phai được mà đóng vào mỗi người thời mới khỏi một tên lính đến lĩnh tiền hai ba lần. Nhưng làm cách công-bằng như thế thì các đốc-quân không thuận. Muốn thu cả tiền về mình, rồi trả cho lính thế nào thì trả, không khỏi lại sinh ra rối-loạn vô-cùng-tận.

Cứ xem một việc như sau này thì đủ biết cái tính gian-dối của người Tàu. Tháng hai năm 1900, tô-giới Pháp ở Thương-hải mở rộng thêm ra, phải xẻ phố, đặt chợ, mở trường tập bắn, vườn nghĩa-địa, v. v.. Những đất hoang ấy nguyên có nhiều mồ-mả người Tàu. Hội-đồng quản-lý tô-giới đã bội-thương với quan đạo-dài Tàu, sức cho dân cất mả đi, cứ mỗi ngôi tính trả cho ba đồng bạc. Trưởng còn gì dung-dị bằng. Nhưng người Tàu quỉ-quái, ban ngày cất lên, đêm lại đem tiền để đấy, để mai giả-vờ cất lần nữa mà tính tiền hai lần, thậm-chí phải dùng lính có khí-giới canh cả đêm cho khỏi có kẻ làm những như thế. Ấy là mới có 5, 6 nghìn ngôi mộ mà thôi. Nay phải trả lương cho một triệu tên lính thì khó biết thế nào.

Cứ tình-hình dân Tàu, chỉ cần đến 15 vạn hiến-binh là đủ giữ cuộc trị-an trong nước, không cần gì đến quân-đội nhiều như bây giờ. Có quân-đội, mà quân-đội như vừa kể mới rồi, lại càng thêm rối-loạn, chứ không giúp cho sự trị-bình. Quân của Trương Tắc-Lâm (*Tchang Tsö-Ling*) có tới 30 vạn người, thật là một cái nguy cho nước. Các đốc-quân nuôi những quân-lính nhiều như thế, vì để phòng-bị một sự

ngoại-hoạn gì, thì cũng còn có lẽ, nhưng mà không, ngoại-địch không có, quốc-dân không cần đến mà quốc-gia cũng không cần đến binh-lực nhiều như thế, chẳng qua là chỉ để dùng cho một bọn võ-tướng đánh lẫn nhau mà thôi.

Nước đã hỗn-độn như thế, thì Chính-phủ nào cầm quyền cho được? Đầu-óc không sai-khiến được chân tay nữa, hay là có sai-khiến được mà không đủ sức bắt cho phải vâng lời. Thành ra cả cơ-thể quốc-gia như bị đình-đốn, chỉ vì các đảng quân-nhân làm trở-lực cho sự hành-động của quyền trung-ương. Chính-phủ trung-ương bổ một viên dân-chính-trưởng, một viên chủ kho bạc, một viên thẩm-phán-quan, nhưng những quan-viên ấy không thể tựu-chức được, vì chức ấy đã có tư-nhân của đốc-quân chiếm trước rồi. Bấy giờ Chính-phủ phải châm-chước với đốc-quân, mất cả thể-diện, mà đốc-quân bao giờ cũng được phần hơn. Dân thời thế nào cũng cứ điềm-nhiên, vì thế nào cũng là thiệt-hại cho mình. Vì rằng sự đời như thế, phàm những điều lầm-lỗi, đều có di-hại hết cả. Chính-phủ đã không có quyền bổ-quan phân-chức và quyền ấy chính ở tay các đốc-quân, thời Chính-phủ cất-nhắc người nào là thừa người ấy, thừa người thời tiền tất cũng phải thêm, rút cục lại chỉ hại cho tài-chính trong nước, mà tài-chính quẫn-bách, ấy chính là cái nạn to của Dân-quốc Tàu đó.

Năm 1911, số quốc-trái nước Tàu là một ngàn triệu đồng, không kể những công-thải dợ bằng đường xe-lửa. Sổ dự-toán cũng năm 1911 ấy, về bên thu là 301.910.000 lạng, về bên chi là 298.000.000 lạng.

Bây giờ quốc-trái nước Tàu tới 300.000 000 lạng, nghĩa là ước 2.500.000 000 đồng, còn số dự-toán thời không thể định được nữa, vì các tỉnh Vân-nam, Tứ-xuyên, Quảng-đông, đều có dự-toán riêng cả, không thuộc vào sổ dự-toán của Chính-phủ trung-ương. Vậy mà số dự-toán của Chính-phủ trung-ương năm 1920 còn tới 490.000.000 lạng về bên thu và 495.000.000 về bên chi. Thành ra trong khoảng 10 năm, số nợ đến quá gấp đôi, và các thuế-má trong nước lộn-bậy cả, chỉ có thứ thuế nào có người ngoại-quốc thu cho thì mới chắc là được đủ số mà thôi: như thuế thương-chính, thuế muối và thuế bưu-chính. Hiện bây giờ Chính-phủ trung-ương mỗi tháng tiêu lội mất 8 triệu đồng, phải nhờ đến công-thải ngắn hạn và giấy phiếu kho bạc mới đủ chi các khoản.

Tự năm 1912, Dân-quốc Tàu đã vay nợ đủ mọi cách không biết mấy mươi lần rồi:

Vay năm liệt-cường... 25.000.000 *sterling*

Vay công-ti *Bircq Crispet*. 5.000.000 *st.*

Vay công-ti *Arnold Karberg* và một hội buôn nước Áo... 4.250.000 *st.*

Vay trong nước... 89.000.000 đồng bạc (₱).

Vay của Nhật-bản..... 250.000.000 viên (*yen*)

Lại thêm những số công-thải ấy đem ra mậu-dịch hối-đoái không đắt, khoản nào mà không có những thuế muối, thuế thương-chính, làm đảm-bảo thì có ngày không có giá-trị gì và bán không ai mua nữa. Mà những tiền thuế của dân, những tiền vay của ngoài ấy, Chính-phủ Tàu có biết dùng khôn-khéo đâu. Suốt trong nước không làm được một cái công-trình gì to-tát.

Về đời Mãn-Thanh, nước Tàu đã có được 6000 cây-lô-mét đường sắt; tự năm 1911 đến nay, trong hơn 10 năm, Dân-quốc không làm được thêm 2000 cây nữa, mà nước Tàu chính là một nước

sự giao-thông rất khó, vì có đường sắt, có xe lửa chỉnh-đốn, thì lợi không biết bao nhiêu mà kể. Đường Bắc-kinh—Hán-khẩu mỗi năm lãi cho Chính-phủ được 15 triệu đồng, đường Bắc-kinh—Phụng-thiên mỗi năm lãi 12 triệu đồng. Chính-phủ muốn có tiền, còn phải kiếm ở đâu, cứ việc làm đường xe-lửa là có.

Cuộc bưu-chính lập ra được 20 năm nay, trước thuộc về Thương-chính, từ năm 1911 thuộc về Bộ Giao-thông, thành một cuộc riêng, có một người tổng-quản-lý tàu, nhưng kỳ-thực là một người Tây quản-lý hết cả, hiện nay là ông PICARD-DESTELAN. Năm 1901, có 176 sở bưu-điện, đến năm 1920 có 10.469 sở, chạy điện-tín và chuyển thư-từ trong một vòng 300 cây-lô-mét, phát cả thảy 400.886.935 cái thư và 4.126.220 cái gói. Tiền thu-nhập được trong năm 1920 là 12.679.121. 98 đồng, chi-xuất ra có 10.467.053.07, dư ra được 2.212.068.91 đồng.

Tôi tả cái tình-hình nước Tàu như trên đó, xin ai chớ vội lấy cái bi-quan mà đối với nước Tàu. Kỳ-thực nước Tàu chưa đến nỗi nguy-vong nào; dân-số 400 triệu người, bọn nông, công, thương, phần nhiều là người lương-thiện cả, biết chăm-chỉ, biết chịu khó, biết cần-kiệm, và nhiều khi thực-thà lắm, không ngờ người Tàu có cái tính thực-thà đến thế. Nước Tàu lại kiêm đủ các khí-hậu, trồng-trọt đủ các giống cây được; đất-đai sánh với những xứ rất phi-nhiêu cũng chẳng kém gì. Các mỏ dưới đất chưa ai động đến cả; có một tập báo kinh-tế đã ước các mỏ than được tới 995.587.000.000 tấn, không trách người Mĩ chú-trọng về nước Tàu như thế, coi nước Tàu như một cái chợ lớn để tiêu-thụ đồ hàng của mình, vì những khoáng-vật như thế mà đến ngày khai-quật lên, xuất-cảng ra ngoài, thì thu được biết bao nhiêu tiền, mua bao nhiêu đồ hàng của nước ngoài chẳng được.

Nước Tàu vì có Chính-phủ khôn-khéo, quan-lại thanh-liêm, thời số công-trái trong nước quân-phân ra mỗi đầu người chỉ chừng 6 đồng bạc, nghĩa là hơn bù kém 36 quan tiền tây, sánh với số công-trái các nước Âu-châu thật là nhẹ-nhàng quá, chẳng thấm vào đâu. Ở nước Pháp bây giờ, cứ quân-phân như thế, mỗi người tính ra tới 8000 quan, nghĩa là cứ theo giá bạc 6 quan tới 1.333 đồng. Đến như thuế-má thời tuy cũng có mấy hạng người phải chịu nặng, nhưng sánh với nước Pháp còn nhẹ nhiều, nếu nước Tàu mỗi ngày một mở-mang ra, thì sự sinh-hoạt trong dân-gian cũng là dễ-dàng lắm. Người Tàu, tuy không phải là do một chủng-loại mà ra, nhưng cũng là một dân-tộc thuần-nhất, cùng nhau viết một thứ chữ, ăn-mặc theo một lối, tập-quán phong-tục cũng giống nhau.

Dân một trăm phần thì đến 95 phần chẳng thiết gì đến việc cách-mệnh cả, chỉ cầu được yên-ổn để làm-ăn buôn-bán và không phải đóng nhiều thuế quá mà thôi.

Những việc chính-trị, việc phân-tranh, việc nội-loạn, chẳng qua chỉ quan-hệ cho một số ít người, cho mấy nghìn kẻ vị lợi riêng của mình hơn là lợi chung cho cả quốc-dân.

Ai cũng nói rằng nhà Mãn-Thanh làm hại nước Tàu. Trong thế-giới, nước nào cũng vậy, sự lợi-hại cho người dân không phải ở cái chính-thể, chính là ở người cầm quyền. Các vua nhà Thanh tuy có làm nhiều điều tệ-lạm thật, nhưng chưa thấm vào đâu với nhiều người trong đảng Dân-chủ ngày nay. Cũng tức như nước Nga kia, dẫu các Nga-hoàng trước có áp-chế dân nhiều thật, nhưng sánh với những sự ác-hại của chính-thể « Sô-

viết » (*Soviets*) ngày nay, thì các Nga-hoàng kể còn nhân-từ nhiều. Cứ lấy lý mà so - sánh thời có thể thật ; nhưng cứ thực, cũng phải biết rằng cái phong-trào Dân-chủ là một phong-trào rất mạnh, không thể ngăn-ngừa được. Dân-quốc Tàu không tất-nhiên là một chính-thể xấu. Những người đứng đầu Dân-quốc tự trước đến nay phần nhiều là người vụng-về, dốt-nát, không có từng-trải về chính-trị, nhưng mà những người ấy không phải ở mãi được, rồi cũng bị đào-thải dần đi, và sẽ có nhân-tài mới thay vào. Ta cũng mong-mỏi cho nước Tàu một ngày kia sẽ đủ người có tư-cách để trông nom việc nước, nhưng tự nay đến bấy giờ muốn chỉnh-đốn dần, phải nhờ đến người Âu-Tây giúp, nhất là về đường tài-chính.

Nước Tàu là một nước quân-chủ cũ, nay nhất - đán đổi ra dân-chủ, những người hiểu về nghĩa dân-chủ còn ít lắm. Ngay những nước dân-chủ đã cũ như nước Pháp, trong mấy trăm ông Nghị-viên ở Thượng-Hạ-Nghị-viện, tuy có quyền lập-pháp đó, nhưng đã mấy người thực là có đủ tư-cách lập-pháp được ? Tưởng cũng ít lắm. Như vậy ta cũng chẳng nên trách gì Dân-quốc Tàu, còn mới-mẻ cho nên còn vụng-dại. Những người hăm-hở về chính-thể mới bây giờ, chẳng qua là mấy nghìn học-sinh đi học ở ngoài về, nhiễm được tư-tưởng mới, nhưng học còn lỗ - mãng, mà đã muốn chờm-hớp làm những việc to, nhiều kẻ vị công-ích ít, vị tư-lợi và kiếm cách làm giàu cho mình thì nhiều. Nhưng nếu biết nhờ người Âu-Tây làm cố - vấn cho, thì cũng trước còn vụng-dại, sau tất khôn-ngoan. Chỉ hiềm bọn thanh-niên đó lại kiêu-căng quá, không muốn nhờ ai hỏi ai cả ! . . . (1)

HẠC-ĐÌNH *dịch*

BÀN GÓP ÍT CÂU TRUYỆN KIỀU

Tôi bình-tố lại thích đọc sách quốc-văn, nhưng sách quốc-văn xét ra không mấy thứ, bất-quá đôi ba mươi thứ mà thôi.

Mà nhất là sách có khí-vị thế-đạo, tưởng chừng năm bảy thứ là nhiều. Như là : sách *Trương Lễ* (*Bất-cưỡng*), *Phan Trần*, *Vân-tiên*, *Hoa-tiên*, *Kim Vân Kiều* v.v., mà truyện *Kiều* có phần sắc-sảo sâu-xa hơn cả. Nhưng truyện *Kiều* sao lại có nhiều bản, mà bản nào lục-giả cũng gọi là bản chánh của ngài Nguyễn-hầu, hay là ngài Nguyễn Mai trao cho. Rồi in ra chữ nôm, hay là chữ quốc-ngữ, hoặc in tại Việt-đông, tại Gia-định, tại Huế, và tại Hà-nội, hoặc các nơi khác, kể cũng có mươi mười mấy bản.

Nay đem hết ra mà so-sánh với nhau, thì là : có chỗ sai chạy câu, có chỗ sai chạy vận, có bản dư đôi ba câu, có bản thiếu năm ba câu ; còn sự dẫn-thích của các bản cũng bất-nhất không đồng ý-kiến với nhau, điển-tích cũng không giống nhau.

Vậy thì bản nào là bản chánh của ngài Nguyễn-hầu soạn ra ? Có lẽ buổi trước chưa có chữ quốc-ngữ, phải dùng chữ nôm, bởi nôm - na hóa ra bất-giác, cho nên đọc sai chép lầm, tam-sao thất-bản. Gia-chi-dĩ, lục-giả

(1) Lược-dịch bài khảo-luận của ông L. ROBERT trong báo *Avenir du Tonkin*.

nhận ý thích ngay, hoặc lấy tư-ý của mình mà dẫn-giải cũng không chừng.

Ôi! sự sao-lục, sự dịch-thuật quan-hệ lắm thay! Xem như *U-hí* phải đọc là *Ô-hô*, chữ *Thân* làm chữ *Tân*, v.v., thì rõ biết sự sao-lục sự dịch-thuật là thế nào. Sự sao-lục và dịch-thuật vi chẳng khác người thợ họa chân-dung, hay người họa cảnh-vật vậy. Không nên tô-điểm chế-biến cho lắm, nếu tô-điểm chế-biến quá đi, hóa mất cốt-cách và sai cảnh-vật, mà hễ sai biến rồi, ai biết người ấy là ai, cảnh ấy là cảnh nào mà nhìn.

Song người thợ họa, người thợ cảnh, sự hệ-trọng tưởng còn ít hơn người sao-lục dịch-thuật. Vậy thì kẻ cầm bút sao-lục dịch-thuật nên cẩn-thận cho lắm mới phải. Nếu chưa rõ nghĩa câu ấy hay chuyện ấy, thì cước-chú cho rõ-ràng, còn nguyên-văn phải giữ y, không nên dồi sửa.

Bởi tôi xem có một truyện *Kiều* mà biến ra nhiều bản bất-nhất với nhau như thế, cho nên hóa ra mấy câu chuyện ở trên, chớ tôi đâu có phàn-nàn xóc-ốc.

Tôi xin đem góp một vài câu ở truyện *Kiều* bàn ra dưới đây. Như câu :

Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương,

có bản dẫn tích Hồ-cầm là : *Hồ-tử-thiện-cầm*. Nếu dẫn chữ Hồ-cầm như thế, còn chữ *ăn-đứt* và chữ *một trương*, giải nghĩa làm sao cho chạy đặng? Nghe ra như chuyện thêu dệt quá lắm! Chớ Hồ-cầm là đờn của mọi Hồ chế-tác (tức là đờn Tì-bà bây giờ), còn *ăn đứt* nghĩa là hay hơn giỏi hơn các món khác, hay là các cây đờn khác, *một trương* nghĩa là một cây, thì là phải nghĩa hơn.

Như câu :

Đài sen nối nến, song đào thêm hương.

Có bản thích *song-đào* là hai cây đào ở trước sân trước cửa, thích thế thì là mất nghĩa.

Đài sen là cái đài, hay là chưng đèn cao có chạm hoa sen ở trên. *Nối nến* là nối đèn sáp lên chưng đài-sen ; còn *song-đào* là bộ lư song-đào (có hai trái đào hai bên), *thêm hương* là thêm trầm-hương vào lư song-đào, mới là phải nghĩa.

Còn như câu này, các bản đều sai chạy với nhau đôi ba chữ, nghiệm xét ra ắt là sai lầm sao đó, mà bản nào bản nào cũng không dẫn-giải chi cả, là câu :

Dải là hương lộn, bình hương bóng lồng.

Có bản : *dải là gương lụn*, có bản :

Dải là gương lộng bình hương bóng lồng, v.v.

chiêm-nghiệm ra thì không nghĩa. Nên tôi suy xét : *Dải-là hương lộn bình gương bóng lồng*, thì có lẽ phải hơn, bởi khảo chữ *dải-la* 蟹羅 tức là bộ lư đồng tượng hình con cua, *hương lộn* là khói hương nó quậng nó lộn ; còn *bình gương* là cái bình đèn bóng sáng lồng-lộng. Nên dưới mấy câu lại có câu :

Hoa hương càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.

Có một đoạn mà ngài Nguyễn-hầu tả ra ban lần hương đèn cho khác cách điệu với nhau đó thôi. Có lạ gì đâu mà dẫn-giải cầu-kỳ quá lắm.

Còn câu :

Sắm sanh nịp tử xe châu,

phần nhiều bản lại là *nịp giấy xe châu*, nịp giấy xe châu là đồ vật minh-khí. Bởi tục nước ta thường hay sắm-sanh đồ minh-khí, khi điếu-táng hoặc tuần-tự cho người quá-vãng, trong ba năm tang-ai, đồ vật ấy hoặc phần hoặc táng, và xem trên dưới mấy câu nghe ra giọng văn phơn-phớt như là : tiếng *Sắm-sanh, chút đỉnh, vùi nông*, cho nên *Nịp giấy xe châu*, tưởng có lẽ phải. Chớ có lẽ đâu khách lạ ở viễn-phương chưa quen thuộc, cũng không thân-

thích lại sắm áo quan bằng gỗ tử làm đám ma lại, rồi táng cạn-cạn. Còn *Xe châu* có bản thích là *xe trâu*, có bản thích *xe châu* là xe để đưa linh, đưa xác. Đám cưới cũng có xe châu vậy. Như câu :

Xe châu dừng bánh cửa ngoài...

Nghiệm ra cái xe châu là xe có kết tòng tụi bằng giấy ngũ-sắc hay là bằng tơ lụa cũng phải, xem ra đỏ đen tốt đẹp thì gọi là xe châu. Nhưng *nip tử*, *nip giấy*, *xe trâu*, *xe châu*, v.v., tưởng chưa ắt là phải. Vì hễ phải nghĩa thì khiếm-lý, mà lý phải lại mất nghĩa. Ấy cũng bởi tánh-chất cậu Vương Quan đơn-sơ, nên thuật chuyện cũng là đơn-sơ, làm cho người sau này phải bàn-bác lời thuật của cậu. Nhưng cũng chẳng hề gì.

Đến như câu này, nghiệm xét theo lời dẫn-giải của các bản, thì là sai nghĩa, là câu :

Thôi đà cướp sống chồng min đi rồi.

Có nhiều bản thích nghĩa « mày cướp chồng tao rồi », thích thế là sai và mất nghĩa-lý. Tú-Bà chung lưng cùng Mã Giám-Sinh mở một ngôi hàng buôn phấn bán hương, một người đĩ bà già, một tên điếm trai-trai trạc tứ-tuần, không phải là vợ chồng, sao lại thích : *Nể chiếm ngã đích lão công liêu* ?

Xét lên mấy câu :

Dạy rằng : con lạy mẹ đây,
Lạy rồi thì lạy cậu mày bên kia.

Mẹ với *Cậu* cũng không phải tiếng xưng-hô vợ chồng trong ba kỳ. Có người nói : giống đĩ-điếm hay xưng bậy ; hoặc có kẻ nói : Tú-bà nói thế dặng đánh ép Kiều phải vâng lời. Nói thế thật mất ngay nghĩa-lý. Xin mấy ông nói như trên nhớ cho : ngài Nguyễn-hầu soạn truyện *Kiều* ra, tự thủ chí vĩ, hễ người nào hay bựt ra thấy hay, người dở phi ra dở, người khôn thì khôn, người dại thì dại, người gian-ác thì khóe nào cũng là gian-ác, người phải đoạn-trường hở môi nghe ra áo-não, chớ không hề nói-năng lộn-xộn bao giờ. Cớ nào lại thích Mã-Giám-sinh là chồng Tú-Bà, thì lấy làm lạ lắm vậy. Tôi xin bàn lại như vầy :

Thôi đà cướp sống chồng min đi rồi,

thôi đà chớ không phải *thôi thì*, *đà* là *đã*, bởi ghép vào vận bình, *chồng min* là *chồng minh*, tiếng « tao min » bởi chữ «*ngã nễ*», song khi nào có việc gì bất-bình mới phát-lộ ra lời ấy. Bởi Thúy-Kiều :

Dám xin gửi lại một lời cho minh,

rằng chồng tôi

Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi,

nên Tú-bà giận Mã Giám - sanh mà rằng: nó cướp chồng min (minh) là chỉ Thúy-Kiều gọi là minh, cũng như câu :

Có hai đàng ấy muốn sao mặc minh. . .

Ý nghĩa nói : Mã Giám-sanh không phải là chồng Thúy-Kiều, nó đoạt trước lấy trước chồng mình đó thôi, ta bảo nó đi dạo mua lấy người, dem về rước khách lấy lời mà ăn,

Tuồng vô-nghĩa ở bất-nhân,
Buồn mình trước đã tần-mần thử chơi.
Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma.....

Đó ! rõ-ràng Mã Giám-sanh cướp sự chồng của Thúy-Kiều, chớ không phải Thúy-Kiều cướp được chồng của Tú-Bà đâu.

Tôi bàn câu *chồng min* là kiêm nhứt mạch quán hạ, tưởng không sai.

Còn câu :

Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần,

câu này bản nào bản nào cũng không dẫn-giải, nhưng ai ai cũng đồng hiểu một ý *nhện này* là Thúy-Kiều, còn *tơ kia* là chốn thanh-lâu. Song nghiệm ra thì phải nghĩa mà khiếm-lý. Đã biết

Phủ-đường cớ suy tình-trạng nguyên-đơn của cha nết Bốc-rời, rồi chiếu án luận vào, một là gia-hình, một là phó về lầu-xanh. Nàng rằng : Đã quyết một bề ; là bề nào ? Có phải chịu ra hình chàng ? Phải, song trái một điều là *nhện này* với *tơ kia* đó thôi. Hay nhện này là Thúy-Kiều, còn tơ kia là Thúc-sanh chăng ? Tưởng cũng có lẽ phải.

Bởi xét con nhện mà vương mà giăng tơ thì không có chỗ nguy - nan bao giờ, lại có ăn chịu nương cậy nhau. Vì là con nhện cũng biết làm tơ như con tằm. Nếu chỉ nhện này là Thúy-Kiều, tơ kia là chốn lầu xanh, thì xin đổi một chữ có đặng chăng ? Là đổi chữ nhện làm chữ *nhặng* (nhặng là con ruồi con lằng) ; vậy thì :

Nhặng này vương lấy tơ kia mấy lần.

Con nhặng mà vương mang phải tơ nhện mới là nguy-khốn khôn cùng.

Còn như y nguyên-văn nôm các bản, *trùng* bên chữ *diện* (蝻) thì hãy chỉ tơ kia là chàng Thúc mới có lẽ phải.

Bởi vì con nhện với sợi tơ có thể nương-nâu cùng nhau. Ấy cũng bởi nguyên-đơn (Phụ khổng tử) không phân-minh sao đó, chớ nàng Kiều với chàng Thúc đã có tờ :

Hoàn-lương một thiếp thân vào cửa công,

cớ nào Quan-phủ dạy phó về lầu xanh, chẳng cũng là ức lắm sao ?

Thà như gia-hình mà trừng-trị gia-đạo của chúng nó, hay là gia-hình rồi đuổi quách đi cũng đành.

Hãy còn giăm bảy câu trong truyện *Kiều*, có câu đôi ba từ, có câu một vài ý, nghĩ ra thế nào cũng vừa hai phải, ai có thông hiểu truyện *Kiều* tưởng cũng hội-ý vậy. Nhưng mà truyện *Kiều* không khó ở mấy câu điển-tích, mà khó ở mấy câu không điển-tích. Vì những câu có điển-tích, ai có hán-học kha-khá có thể hiểu ; hay là người ít hán-học thì đã có lời dẫn-thích sẵn của lục-giả ra công tìm-tòi cũng là hiểu được; còn những câu không điển-tích, ai ai cũng cho là dễ hiểu, nên đọc thoảng-thoảng qua, không chiêm-nghiệm mà chi. Thử chiêm-nghiệm từng chữ từng câu, thì sẽ thấy có chỗ khó, và có ý-vị vô-cùng. Hoặc chữ này chọi với chữ kia, chữ kia đối với chữ nọ, câu thì vặn ngược, câu lại vặn ngang, nói nhún nói nhường, nhân-từ báo lại nhân-từ, cay-nghiệt đáp càng cay-nghiệt. Như câu :

Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.

Câu đáp :

Kiến bò miệng chén chớ lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa, v. v.

Truyện *Kiều* thật là sành-sỏi từng chữ từng tiếng, có ý-vị khôn cùng, ai ai cũng rõ vậy.

NGUYỄN ANH-TUẤN
Vĩnh-long (Nam-kỳ)

DƯ-LUẬN NHÀ QUÊ

Sự biến-đổi của hương-thôn từ xưa đến nay

I

Thử tưởng-tượng một bức gấm trăm hoa rực-rỡ, như một nước cực-điểm văn-minh; những nơi đại-ấp danh-đô tức là những bông hoa huy-hoàng sán-lạn, mà chốn hương-thôn đạo-đã là cái nền uyển-nhuyễn thanh-minh. Hai đàng tổ-chức với nhau, nhưng trước hết phải sẵn có cái nền kia đã, nhiên-hậu sẽ điểm-xuyết những hoa nọ vào mới thật là thành-hình vậy.

Thế thì những chỗ hương-thôn kia quả là cái nền đệ-nhất khẩn-nhu cho sự tổ-chức xã-hội vậy.

Xã-hội nước ta ngày xưa thì có thể ví như một tấm vóc tầm-thường mà đã cũ-nát, chưa có thể gọi được là một nền mĩ-thuật hoàn-toàn.

Mà nước Pháp cũng tỉ như một người có tài thêu-dệt, đã tự dệt một bức cẩm-tú giang-sơn, mĩ-miều xuất-sắc, đệ-nhất hoàn-cầu. Nay vì tấm lòng ái-mĩ, vượt mấy trùng-dương đến đây tổ-chức hộ ta một cái nền quốc-hoa mĩ-mãn, để đấu-xảo với thị-trường thế-giới sau này.

Nhưng cứ coi hiện-tượng thì tựa-hồ như chỉ lưu-tâm điểm-xuyết đến những bông hoa kim-ngân đô-thị, mà không từng chú-ý cho lắm đến sự tổ-chức cái nền « mộc-mạc » hương-thôn. Khác nào như đem hoa gấm linh-lung mà gián vào cái nền cũ-kỹ, khiến cho con mắt tinh đời không thể nào mà công-nhận được.

Mà không trách được, vì chẳng những một người qui-quốc, cả đến người Nam, chính là những người đồng-chủng đồng-bang, đã được luyện-tập cái nghề dệt gấm thêu hoa Âu Mĩ, cũng chưa hề ra tay tổ-chức, hoặc là cổ-vũ hô-hào để cho tấm dệt Việt-Nam khỏi thành « loang-lổ ».

Tôi nay cũng là một kẻ vụng-về, không dám phụ là một tay nhà nghề tổ-chức, song cũng có chút lòng « thượng-mĩ », chỉ mong sao cho tổ-quốc Việt-Nam cũng thành một bức giang-son hoa-gấm. Bấy lâu chỉ những đem người với ta mà ngẫm thấy cách nhau một vực một trời, lại ngẫm đến cái nền « văn-minh lỗ-đỗ » mà luống những động lòng thiếu-niên!

Vậy nay thử cố hình-dung cái bức « Việt-Nam chân-tướng » để cống-hiến, trên thì Qui-Chính-phủ, dưới thì ngã-quốc-dân, họa ra đúng được vài phần, cũng là một điều hạnh-ngộ.

Nói về sự học.

Nước ta từ khi chịu quyền bảo-hộ của Trung-quốc, mới bị thâu-nhập hán-học vào trong. Nhưng cái học ấy lâu đời đã hầu thành một khoa « chính-trị đặc-lập », mà sách-vở nọ cũng chẳng khác gì một bộ luật rất to, chớ không còn là cái đạo để dạy người nữa. Cho nên có thể nói rằng: họ đem truyền-bá cho ta, chẳng qua là vì cái lợi-tâm muốn hóa giống ta bằng sách-vở đó, chớ không phải vì cái thiên-chức người lớn phải dẫn-dụ người nhỏ vào đường tri-thức văn-minh. Trước hết họ tìm cách làm cho tiêu-diệt cái quốc-âm của ta là một thứ tiếng rất hay, nói lên là thấu vào trong tâm-khảm hết thảy người mình. Rồi họ đem cái văn-tự của họ, là một cái màn tối cho tư-tưởng-giới, đến nỗi những kẻ thiên-tài lỗi-lạc, trí-đức hồn-nhiên, mà chưa

chuyên-nghiệp mài gọt lâu ngày cái vỏ ngoài tư-tưởng ấy, muốn diễn-xuất cái lý-tưởng ở trong lòng một cách phổ-thông, ắt không sao được, bởi thế mà cái phổ-thông-học-thức không đời nào tầm-nhập vào chốn dân-gian.

Giáo-dục đã không cho phổ-cập, lại đặt ra những tục-lệ phiền-toái nặng-nề mà tỏa-chiết dân-trí một lần cuối cùng, để bọn quan-quyền dễ tung-hoành vậy-động, mà bồi-đắp cho vững cái gốc chủ-quyền của họ ở trên đất Việt-Nam này.

Tuy vậy mà giống Việt-Nam bao giờ cũng không mất được cái đặc-tính di-truyền, bao giờ cũng cố giữ lấy cái vinh-danh là một dân-tộc đã có một cái lịch-sử vẻ-vang, mấy phen xua đuổi những giống ngoại-xâm mà dựng nền tự-chủ, không lẽ bởi cái số-vận nhất-thời mà chung-thân chịu nấp ở dưới bóng nước Tàu mãi mãi. Cho nên trung-gian ta đã nhổ phắt được cái gốc nước Tàu đô-hộ cổ-thụ nghìn năm mà gieo mầm tự-lập.

Nhưng sau cái mầm tự-chủ tuy đã mọc cao, mà vẫn phải tầm-tưới bằng cái nước văn-hóa mờ-đục của họ, là cái Hán-học, cái Khổng-giáo, đã gây hẳn ra một nền chính-trị đặc-biệt, để đào-luyện lấy một bọn quan cai-trị mà thôi.

Mà muốn hạn-chế cái trường cai-trị ấy cho chỉ ít người trúng-cách để dủ sung vào ban hành-chính quốc-gia, thì đặt ra lối khoa-cử phiền-toái, và để nguyên-văn hán-tự cho mờ tối bớt dân-trí đi, làm như thế lại dễ cho việc cai-trị nữa, vì dân chỉ là cái máy biết phục-tòng.

Thế nhưng cũng không muốn để cho những người bất-cập-cách kia đến nỗi sinh ra thất-vọng yếm-thời mà ra tay phá-hoại cái đời mình ở, nghĩa là có thể làm ngại đến chủ-quyền, thì bấy giờ đặt ra một ban chính-trị con, trong cái «tiểu triều-đình hương-đảng», cho những kẻ không còn hi-vọng cao được nữa, được chiếm nhận một cái địa-vị con để tự-trị những hạng người tầm-thường dốt-nát.

Nói tóm lại phép giáo-dục ngày xưa kể về nội-dung thì rất là tốt đẹp hoàn-toàn, nhất là về đường đạo-đức; nhưng cách ứng-dụng ra đời lại khác, là cốt sao chiếm lấy một cái địa-vị trọng-yếu trong nền sinh-kế của quốc-dân. Cho nên khoa luân-lý-học có thể cho là một khoa kinh-tế chuyên-môn cũng được; kẻ nào mà không chiếm được một cái địa-vị ở trong trường kinh-tế ấy, tất sinh ra một cái ác-cảm ở trong lòng, đối với sự học, dần-dần phai-lạt đi. Gia-dĩ lại bị cái trào-lưu mua ngôi bán chức nó hấp-dẫn lòng người, khiến cho những kẻ dốt-nát ở đời cũng đã nghiễm-nhiên ngất-ngưởng ở chiếu trung-đình vào bậc đồng-liêu với những ông nhất ông nhì, thầy nhiên thầy khóa rồi, cần gì học nữa; mà có học nữa cũng là đủ sức chấp-hành công-vụ trong đình trong miếu mà thôi. Cho nên sự phổ-thông học-thức vì thế không ba-cập được vào chốn dân-gian, chứ bất-duy là bị chữ nho ngăn-ngừa giảm-buộc.

Duy có một điều rất lấy làm lạ, là sự phổ-thông giáo-dục không thâu-nhập được vào chốn dân-gian, mà khắp dân-gian từ đứa ngu-phu ngu-phụ, vô văn-tự, vô học-thức, xem cách ăn-ở hằng ngày cũng châu-toàn trong vòng luân-lý, nhất là luân-lý trong gia-đình; dù có kém chút ái-tình, nhưng cũng không kém gì chính những người trưởng-thành trong phạm-vi hán-học. thì sở-đắc về cái gì? Thiết-tưởng chỉ vì đương cái thời-gian bọn kia ngồi mà mài văn chuốt chữ, gọt phú tỉa thơ,

thì bọn nọ cũng đương mải-miết tập rèn về thực-nghiệp để mưu đường tự-lập về sau, không phải ỷ-lại vào ai để mà bạng-thực, hoặc bày ra những mưu gian chước dối để thu của-cải người ta. Sau nữa cũng được ảnh-hưởng mấy nghĩa chính trong nho-giáo đã đem in vào phong-tục để làm khuôn vàng thước ngọc theo dõi đời đời.

Kịp đến ngày bị cái phong-trào Âu-hoá tràn sang, mới buổi sơ-đầu ai cũng tưởng rằng cái trường học Pháp-chính chuyên-môn kia là cái hán-học cũ, không sao đứng vững được nữa. Không ngờ Qui-Bảo-hộ ta tuy là một tối-hùng-cường-quốc, nhưng cũng rất giàu về đường tinh-thần, nên không hề dùng toàn võ-lực mà đạp đổ những nền-nếp cũ của ta.

Thật thế, nước Đại-Pháp thật là một nước khoan-dung đại-độ, khéo biết lợi-dụng tâm-lý lịch-sử dân Việt-Nam ta, mà không hề xâm-phạm đến cái gốc khoa-cử đã trải bao mưa dào gió giật mà cũng không chuyển-dịch chút nào. Qui-quốc biết rằng bảo-tồn lối khoa-cử ấy tức là không làm trái lòng dân-tộc nước Nam, không làm trái lòng dân-tộc nước Nam tức là không ngại đến chủ-quyền của qui-quốc. Quả-nhiên không bao lâu mà cái chí hăng-hái về chủ-nghĩa phản-đối, nhờ được cái chính-sách bảo-thủ khoan-hồng đó giải đi, mà sĩ-dân trong nước cũng dần dần huấn-tập vào trường cử-nghiệp. Duy một số ít người có bụng khinh-tài trọng-nghĩa, bị cái lòng tri-xỉ nó xúc-động quá, không cho tử-đệ bước chân vào đó mà thôi.

Tuy-nhiên Chính-phủ Bảo-hộ đã giữ trách-nhiệm khai-hóa cho dân, tất cái lương-tâm sẽ khuyên-nhủ rằng dừng để cái học lông-bông phiền-nhiễu ấy mà ngăn-trở con đường tiến-bộ của người ta, mới đem cái tinh-thần tân-học mà cảm-hóa với cái học cũ cho thích-hợp thời-cơ, lại có ý để làm so-sánh cho rõ cái gương tốt của tân-học ra. Lại định ban-bá cái phổ-thông tân-học bằng cái lợi-khí Việt-âm, với cái động-cơ tuyển-khóa. Song chẳng được bao (nghĩa là năm 1909 đến năm 1917) khoa thi hương tàn-cục, lối thi tuyển-khóa cũng phải tàn theo, mà cái phổ-thông tân-học cũng dần tắt hết, để cho cái hi-vọng Pháp-học nhóm lên. Vì vậy Pháp-học ở thành-thị mỗi ngày một thịnh, nhưng mà số học càng nhiều thì phép thi càng ngặt, nên ở nhà quê hầu hết không được kết-quả gì, vì thua kém thành-thị về cái khoa tây-thoại. Mà dẫu có kết-quả chăng nữa, thì bất-quá cũng đem cái « mặt lạ » với cái « miệng pha » về nhà mà múa ba-hoa với họ-hàng làng-mạc. Thế mà những người thân-cận, những kẻ bàng-quan, cũng không ra ý bi-quan, cũng vẫn cung-cấp cho con em ra học thành-thị, vì dẫu học không thành kết-quả, tạo-thành một giống « người lai », nhưng được cái loè nạt hương-lân là đắc-ý, vì trong hương-thôn chỉ có cái nhiệt-khí loè nạt mà thôi.

Sở-nhân khoa-cử bị bãi, hán-học suy-đồi, tây-học đắc-dụng, mà dân-gian cũng đem lãnh-nhãn hôi-tâm đối với các thầy tổng-sư cũ, nên các ngài cũng lần lần lui bước cho các thầy sơ-học pháp-ngữ tràn vào. Cái nhân-cách, cái phẩm-hạnh bọn các thầy này dở thế nào, dư-luận quốc-dân cũng thường đề-cập. Duy có một điều tệ nhất, là các thầy trưởng minh sở-tường về Pháp-học, cứ đem chữ tây dạy tràn, thành con trẻ nhà quê đi học không khác gì vịt nghe sấm.

Ấy cái hiện-tình sự học trong chốn thôn quê ngày nay đương đứng vào cái buổi « thanh hoàng » như thế đó, tưởng có lo không ?

Nói tóm lại thì cái hi-vọng, cái mục-đích học của người mình, dù xưa dù nay, dù Đông dù Tây, đều không lọt khỏi ra ngoài cái « chài danh-lợi » ; nên vô-luận triều-đại nào, văn-tự nào, mà cái học có gần chút lợi-danh ở bên là xô nhau học, mà đã vào rồi là quên đặc cả trí-dục đức-dục hợp lại là học để làm người. Như đã có người nói khôi-hài rằng : con trẻ Việt - Nam mới bước chân vào trường sơ-học là con mắt đã phảng-phất trên cái bảng danh-lợi trước mặt tường rồi !

Nói về luân-lý.

Như trên kia đã nói, trong xã-hội ta ở chốn thôn-quê ngày xưa gần hết mọi người dẫu là không học mà trong sự cư-xử hằng ngày cũng không lạc ra ngoài đường gia-tộc-luân-lý, là trước nhờ được cái thực-nghiệp hộ-vệ cho, sau nhờ phong-tục pháp-luật giàu cái tính-cách áp-chế.

Cái tình-trạng đó, nếu lấy con mắt một nhà luân-lý-học đời nay mà coi, thì cái luân-lý mà phải dùng đến lối áp-chế mới có công-hiệu thì có thật hay thật tốt không ? Cứ tâm-lý người ta mà suy, thì người này đối với kẻ khác mà dùng cái thái-độ áp-ức để bắt theo qui-pháp của mình, thời kẻ bị áp-ức chẳng qua chỉ bề ngoài trá-phục mà trong lòng vẫn chứa cái ác-cảm ngấm-ngầm. Nói trái lại, nếu dùng cái thái-độ khoan-dung mà xử-trí, thời kẻ đối lại ấy, tuy bề ngoài cư-xử hành-vi có chiều tự-do phóng-túng, nhưng trong lòng có ý hồi-cảm, tức là đối lại bằng cái ái-tình. Ái-tình ấy mới chính là chân-luân-lý, vì cái mục-đích, cái cứu-cánh của luân-lý-học, rút lại chỉ là cái bụng biết yêu mà thôi.

Nhưng dù thế nào, dù cái luân-lý ấy chỉ đẹp về bề ngoài, tưởng cũng có công duy-trì được xã-hội ta kể mấy nghìn năm khỏi đến nỗi tiêu-diệt. Vậy ta là kẻ hậu-sinh, cũng không nên khinh, ta phải biết mà khen ngợi.

Song dẫu cái nền luân-lý cổ ấy vững-vàng thế nào, cái lối áp-chế thái-quá ấy bền-chặt đến đâu, tưởng cũng không khỏi chuyển-động với phong-trào tự-do bình-đẳng ngày nay được.

Quả thế, ngày nay bất-duy là ngoài thành-thị, trong chốn thôn-quê cũng đương thấy diễn ra lắm cái bi-kịch lãng-mạn, mà phản-kháng lại cái thói áp-chế của người trên để yêu-cầu lấy tinh-thần độc-lập.

Đối với cái tình-trạng ấy, nếu ta đem cái tư-cách một nhà cổ-luân-lý-học mà phê-bình, thời không khỏi liệt cho đời này là cái đời bại-hoại. Nhưng nếu lại đem con mắt một nhà chủng-tộc-học mà coi, thì cũng có chút lạc-quan, là tinh-thần năng-lực của con người ta nhờ đó mà siêu-minh được. Sau lại đứng về phương-diện lịch-sử-học mà ước-đoán, thì cái tình-hình đương khủng-hoảng này cũng không đến nỗi giằng-giai cho lắm, vì khác nào như mặt bể kia bây giờ đương nổi trận ba-đào ám-hối, nhưng không mấy nỗi mà sẽ bình-tĩnh quang-minh, và sẽ đổi ra cái cảnh nên thơ hơn là trước khi kinh-qua phong-vũ.

Thế nhưng mà chúng ta đương đứng ở cái hiện-tượng xã-hội này, cũng không khỏi không ngao-ngán lòng về cái nỗi các khoa-học khác mình đã khuyết-phạp đủ đường, đã chỉ lấy làm danh-dự với người rằng về môn luân-lý thì thực hoàn-toàn tốt đẹp, mà té ra cũng không có gì cả ! Đau-đớn nữa về cái nỗi trong thiên-hạ tuy-thị người dưng nước lã mà ăn-ở với nhau ân-ái mặn-mà, dẫu có ghét nhau đôi chút cũng là bởi cái cách giao-tế nước nọ đãi với nước kia, mà ghét cái quốc-hồn quốc-hiệu của nhau đấy thôi, quay lại nhìn quanh mình thấy cùng trong đồng-khí đồng-bào mà ái-tình rất là nhạt-nhẽo !

Nay về đường luân-lý riêng trong gia-tộc đã thế, lại thử xem cái đường luân-lý chung trong xã-hội, là cái luân-lý mà chúng ta hầu như quên nhãng, thì thế nào?

Nói về luân-lý chung, là mọi người cư-xử với nhau trong xã-hội, thì trong nho-giáo không thiếu gì những lý-thuyết hay, tư-tưởng rộng, như là « *tứ hải chi nội giai huynh đệ* » (Khổng phu-tử), như là « *vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân* » (Khổng phu-tử), lại như là « *quân-tử thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật* » (Mạnh-kha-tử), biết bao là câu nghĩa rộng ý hay như thế để khuyên dạy người đời, mà người đời có thân-thể lực-hành cho thực đến nơi đến chốn đâu. Cứ xem từ thủa dân ta hãy còn đóng cửa mà sùng-tín Khổng-giáo tinh-thần, chưa phải cái ác-ma vật-chất-văn-minh nó ám-ảnh, mà trong xã-hội chỉ thấy những sự bả-hiếp nhau, ghen-ghét nhau, bắt cẳng nhau, gìm đầu nhau, nhất là một bọn tiêm-nhiễm được hán-học nhiều hơn, chỉ thấy đem « đao bút » đãi dân thì sành lắm; rồi đến bọn đầu nóc trong hương-ấp được tầm-nhiễm hán-học vào hạng bình, cũng chỉ thấy bới nát dân-thôn thì giỏi lắm.

Nay ta thử xét xem cái kết-quả không hay đó nguyên tại ở đâu mà ra? Có phải là ở tâm-tính nòi giống ta mà phát ra chăng?

Không, quyết là không phải, tưởng chỉ bởi tiền-nhân ta, nhiễm cái học chuyên-chế của Tàu, đặt ra những cái phong-tục lễ-nghi, điển-chế luật-pháp rất là phiền-phức, bắt buộc người dưới phải theo, người dưới cứ nhắm mắt mà theo, không hiểu gì cả, vì muốn hiểu cho được phải già một đời người học cái tử-văn-tự của nước Tàu.

Phong-tục lễ-nghi ấy là chỉ đặt ra trật-tự thượng-hạ tôn-ti bằng cái công-quyền công-chức là cái đặc-tính về phương-diện quốc-gia mà thôi, rồi thu cả nhân-thân tự-do danh-dự quyền-lợi vào trong cái phạm-vi ấy hết. Ngoài cái phạm-vi ấy, không còn biết người ta là cái gì, khiến con người ta có cũng như không, sống cũng như chết, dù có tài-năng đạo-đức mà không đặt mình vào đó cũng không khác gì những kẻ ngu-dốt xấu-xa. Mà nếu cực-kỳ ngu-dốt xấu-xa, nhưng miễn là có đặt mình vào trong cái phạm-vi ấy, cũng được công-chúng cung-kính sợ-hãi, kiêng-nể cúi-luồn. Làm cho xã-hội có bao nhiêu người là đều ham-mê len-lỏi để lọt vào cho được cái phạm-vi chật-chội đó mới cam-tâm, vì có thế thì mới được hưởng sự sống một cách cao-sang hơn kẻ khác. Cái bụng ham-mê len-lỏi ấy, cứ như cái ý-kiến nông-nổi tầm-thường thì cho là đáng bỉ đáng khinh, nhưng lấy lý-tưởng sâu-xa mà luận, thì thật đáng tôn đáng kính vô-cùng, bởi nó hợp với lòng tạo-vật, nghĩa nhân-sinh, vì thử nghĩ kỹ mà xem, trời sinh ra người ta mà đã cho có linh-hồn tâm-tính, thì ai mà không hiếu-danh, ai mà không hiếu-mĩ, ai không muốn mạnh, ai không muốn giàu, dẫu đến những bậc triết-nhân quân-tử đời xưa đời nay, dễ cũng không tránh được cái thiên-bẩm, cái thế-tục ấy, không ham cái nọ cũng muốn cái kia, chẳng ít thì nhiều, có thế thì người đời mới còn hi-vọng, cái hi-vọng ấy cũng thật là đáng quí đáng tôn, vì phải có nó thì người ta ở đời mới sống được, không có nó thì chắc là loài người đã tiêu-diệt từ bao giờ rồi.

Thế mà đây thì đem nhồi-nhét cả cái hi-vọng của một quốc-dân vào trong cái « vòng sống » chật-chội, vì ngoài đó toàn là « người » cả, không phải là những « chức », mà tất phải có một chức gì thì mới được hưởng

tự - do, danh - dự, quyền - lợi ở đời, nên người ta phải liều thân hoại thể mà mon-men chen-chúc vào, kẻo ở ngoài thì không sao chịu được, ở ngoài may mà không đến nỗi mất hết sự sống, cũng đến bị thương - tích với người đời, hoặc thương-tích về thân-thể, hoặc thương-tích về linh - hồn. Nghĩa là nếu không đeo sẵn một cái chức gì vào mình, tất bị chúng-nhân khinh-nhờn bạo-động ; nếu chỉ có tài-đức không thôi chưa đủ, bởi tài-đức ẩn - khuất ở trong tâm-trí người ta, không phải là ai ai cũng có con mắt tinh đời mà có thể trông suốt tới được. Nhất là ở vào cái buổi đời này, người đời chỉ trông thấy được những cái ở ngoài thân-thể làm cái biểu-hiệu cao-hạ tôn-ti mà thôi, thường có người chứa cả bầu-trời vào trong óc, thiên-hạ cũng không biết đấy là đâu !

Nay không nói chi trong một nước, mà hãy chỉ nói trong một làng, vì nước ở trong trí người mình là một cái tư-cơ sản-nghiệp của vua của quan mà thôi, chớ không phải cái nhà chung của dân của nước mà được có quyền - lợi gì ở trong. Cho nên người dân chỉ được biết có một cái làng, lấy làng mà thay vì cho nước, lấy đình làm cái tiểu-đế-đô, rồi thì mọi cuộc cạnh-tranh xâu-xé, mọi nỗi ghen-ghét thù-hằn, là đều sản ở trong đó ra. Trong cái triều-đình đó, lấy phần xôi khẩu thịt làm cái biểu-hiệu vinh-hàm, lấy « bệ » đứng chiếu ngồi làm cái thước đo nhân-cách. Kẻ nào mà đã có địa-vị trong đó thì dẫu bất-thành-nhân-tính cũng tiện-thị có danh-dự quyền-lợi ở trong làng, ngoài ra dẫu có tinh-tình cao-thượng, phẩm-cách hoàn-toàn, cũng chịu chúng-nhân khinh-bỉ, cũng bị lắm kẻ khi-lăng. Toại-thành làm con người ta nhất-sinh chỉ cốt dành-dịn lo-toan, có khi phải xâm-lăng chiếm-đoạt của nhiều kẻ khác, để chậy-chọt đút-lót mua-chác cho được cái áo giáp sinh-mệnh lợi-quyền. Mà được rồi cũng chưa phỉ-nguyện, vì còn muốn trèo lên trên được nhiều kẻ khác mới thật là giữ chắc được sinh-mệnh lợi-quyền của mình. Kẻ nào cũng có cái chí như thế, mà sự cạnh-tranh hiềm - khích ở trong hương đảng, không một người nào thoát khỏi, không một ngày nào yên-hàn.

Lại còn đến cách khốn-nạn thế này nữa, là thấy người nào gặp thời gặp vận ấy là tìm cách làm cho tiệt-diệt đi để sau này không còn mong được có ngày ngoi-ngóp lên đến cái chiếu trên mình nữa, mà một kẻ thi-hành là hết thảy mọi người biểu đồng-tình cả ; tóm lại hễ thấy ai mà gặp may ấy là ghen-ghét tức-tối, mà hễ thấy người gặp rủi ấy là hớn-hở vui-cười. Ấy cái lương-tâm, cái cảm-tình của người mình ăn-ở với nhau trong chốn hương-thôn thật như thế đó, nghĩ có chán không ?

Mà có dễ người trong một nước cũng hầu hết có cái bụng đó, vì làng nào cũng lào-lạo như làng nào, cái khí cạnh-tranh hăng-hái, cứ hễ đến giáp bụi tre là nhạt hết rồi.

Ngoài cái bụi tre ấy, nghĩa là người làng này đối với người làng khác, thì cũng hầu như dị-quốc tha-hương, trừ đường chính-trị và kinh-tế như sẽ nói sau, thì không có ái-tình mà cũng không có ác-cảm về đường cư - xử hành-vi, cho chí sự an-nguy sinh-tử.

Ấy là trong dân-đảng đối với nhau.

Nay nhân-dân đối với quan-quyền, quan-quyền đối với nhân-dân thế nào ?

Những kẻ được cầm quyền-bính chỉ lấy công-quyền, mượn công-lực mà đè-nẹt chắt-ép cao-chi huyết-hãn của dân, rồi thì dân kia chỉ những sợ sợ run run, mới đem cái mắt giả bụng gian mà thù-báo lại, tìm những mưu thâm

chước bại mà phản-đối lên. Trái lại, người trên cũng lại phải tìm những mưu chước đó để mà che đỡ cho mình, thành ra cái nợ tranh cướp hiểm-thù ở trong xã-hội vay vay trả trả không dời nào xong. Gia-dĩ gặp buổi dời này, cái kế sinh-nhai càng ngày càng dắt lên thái-quá, thì cái « nợ dồng lần » đó cũng càng vay vay trả trả bội lên, bởi thế mà khắp cả dân-gian biết bao nhiêu gia-tài sản-nghiệp cũng đương sợ sợ run run sắp phải cái số-mệnh « tịch-biên » để cung vào quan đó. Các bậc cao-minh quân-tử có tìm cách nào mà giải hộ được cái nguy đó không ?

Xét nguyên-do tình-trạng ấy là bởi người nước ta không có cái quan-niệm về « nhân-quyền ». Trong xã-hội Âu-Tây tổ-chức phân tách ra làm hai phương-diện : một bên là cái « nhân-quyền » của mỗi người, và một bên thì là các hàng công-chức của quốc-gia, đều có cái tính-cách khác hẳn. Mà nhân-quyền là « bình-đẳng » cả, vì ai cũng là một người, đều có quyền-lợi như nhau, đã có giới-hạn không ai được xâm-lấn sang của ai, dẫu đến cả một quốc-gia cũng vậy.

Đối với cái nhân-quyền, là quan-chức, quan-chức thì mới có trật-tự, vì có chức dưới chức trên, duy trật-tự ở trong cái chu-vi ấy thôi ; lại cái trật-tự là ở chức, chớ không phải trật-tự ở người, bởi người làm chức ấy cũng vẫn là một người như mọi người thường mà thôi.

Quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT trong bài đại-điển-thuyết của ngài ở Văn-miếu Hà-nội ngày tháng 4 năm 1919 đã nói rằng : « Cái kết-quả to lớn thứ nhất của cái chánh-sách bảo-hộ đối với người bản-xứ là thế này : Nó đã gây bẫn ra một cái hiện-tượng rất to, rất quan-trọng, trước kia không có mà dễ thường cũng không có mấy người chú-ý đến. Nó đã biểu rõ, nó đã diễn-xuất ra một cái tư-tưởng về « nhân-quyền », về cái quyền của con người ta. Tôi khuyên các ông nên ngẫm-nghĩ kỹ về cái ý đó, vì cái ý đó là một cái ý rất sâu-sắc, *trong người Pháp chúng tôi dễ thường cũng có người chưa từng nhận đến*. Trước khi người Pháp sang Đông-dương này thì dân An-Nam tuy là một dân có văn-hiến, có pháp-luật khôn-ngoan của vua hiền chúa giỏi đặt ra, song cũng vì như « một đám đông chưa thành hình », còn lộn-xộn, « cái nhân-cách của từng người » còn chìm-đắm vào trong đoàn-thể, người ta còn ngập vào trong đám đông như cái cây lẫn trong rừng lớn vậy. Cái giá-trị của người ta, nghĩa là cái quyền-lợi của mỗi người, cũng là pháp-luật để giữ cho cái quyền-lợi ấy, còn hầu như chưa có. Người ta đối với quốc-gia chẳng qua là một chút mẩy-may, cũng vì như « một hột cát trong đống cát » vậy. Cái đám người u-u ám-ám ấy đã mấy mươi dời nay cứ chịu ép một bề mà theo cái quyền chuyên-chế của người trên, dù cái quyền ấy sai khiến thế nào mặc lòng, bắt sống phải sống, bắt chết phải chết, dẫu lạm-dụng quá-độ cũng không biết tố-cáo vào đâu, vì « trên ông vua không còn có cái quyền nào cao hơn nữa ». Người ta an-toàn được là ở như cái bụng tốt, cái trí công, cái lòng nhân-từ của ông vua cầm quyền đó. Gặp được vua hiền quan giỏi thời cái nhân-thân mình được trọn-vẹn, gặp phải vua xấu quan xằng thì khó lòng mà giữ cho trọn được. Đối với cái quyền tối-cao tuyệt-đối ấy thì không còn có pháp-luật gì mà tố-cáo được nữa. Chắc rằng một cái tình-trạng như thế thì dễ việc cai-trị cho quan-quyền nhiều lắm, vì dân chỉ là một cái lũ đã sẵn lòng phục-tòng, không phải là những người đã có quyền-lợi riêng, bởi dễ-dàng cho việc cai-trị như vậy, *nên chính các quan cai-trị*

Pháp cũng thường muốn theo lối cũ mà cứ giữ g-nhiên như thế, lấy làm tiện-lợi nhiều, vì chỉ phải can-thiệp với cả đoàn-thể, mà không quản gì đến quyền-lợi riêng của mỗi người. . .»

Trước kia không nói, nhưng kể từ ngày pháp-luật cải-lương cho đến ngày quan SARRAUT thuyết-minh cái lý-tưởng đó, dễ thường cũng chưa mấy người thật hiểu, bởi chưa hiểu nên ngài mới thuyết-minh, ngài đã thuyết-minh mà cũng lại không hiểu nữa, mới biết cái lý-tưởng ấy rất là sâu-xa; cái lý-tưởng ấy đã rất sâu-xa, mà cái phong-tục lễ-nghi của nước Nam ta cũng mờ-mịt quá, cho nên ngài đã giải kỹ như thế, mà năm sáu năm nay cũng vẫn chưa mấy người hiểu mà thực-hành.

Song xét kỹ ra thì tuy ngài giải kỹ, nhưng chỉ giải kỹ về cái lý-tưởng phát-biểu nhân-quyền, mà không từng phân rõ nhân-quyền đối với quan-quyền thế nào, bởi thế nên quan-quyền cũng lại cố-ý không hiểu nữa; nhất là vẫn còn ngộ-nhận cái trật-tự trong xã-hội, thường tưởng-tượng từ cái vị-thứ cỏn con trong hương-ấp tính đến cái địa-vị của mình cách nhau một trời một vực, rồi cứ lấy cái luật ấy mà đối với người thường, dù người có nhân-cách cao cũng vậy, làm mất cả cái « giá-trị của con người ta ». Ấy những kẻ có quan-quyền là cái gương to của dân mà còn thế, trách gì dân kia là một cái lũ chỉ biết soi vào gương mà thôi.

(Còn nữa)

NAM-CỔ

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ TÀU

湖中對酒作

Chơi ở trong hồ cùng nhau rót rượu

唐人張謂

(Của ông Trương Vị đời Đường).

夜坐不厭湖上月。
晝行不厭湖上山。

Đêm chơi trên hồ bao chán trăng,
Ngày chơi trên hồ bao chán núi.

眼前一樽又常滿。
中心萬事如等閒。

Đây vơi trước mắt nghiêng một bầu,
Ngổn-ngang bên lòng dẹp trăm mối.

主人有黍萬餘石。
濁醪數斗應不惜。

Chủ-nhân lắm thóc thóc ai bì,
Men thơm vài đấu tiếc chi chi.

即今相對不盡歡。
別後相思復何益。

Giờ cùng nhau vui chẳng cho thích,
Mai nhớ nhau hão thôi ích gì.

茱萸灣頭歸路賒。
願君且宿黃公家。

Bến Thù-du kia lối về khó,
Nhà Hoàng-công đây bác hãy ngủ.

風光若此人不醉。
參差奈負東園花。

Rực-rỡ vườn đông hoa đẹp ghê!
Cảnh ấy rượu này sao nỡ phụ?

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là thơ cùng bạn uống rượu mà lưu bạn lại, thuộc về mối tích-lưu. Bắt đầu mượn trăng mượn núi dẫn khởi lên, kể ra trăng núi ở trên hồ không bao giờ chán; cuối cùng kết lại cái vẻ hoa ở vườn đông cũng không nên phụ; thế thì chén chú chén anh, chén tôi chén bác, cuộc tình say say tình này, đã dứt được sao. Phàm lời lưu bạn không câu nào thiết-đáo bằng câu « *Giờ cùng nhau vui chẳng cho thích, mai nhớ nhau hão thì ích gì.* » Thật là chân-tình! thật là châu-giải-ngộ!

餘杭醉歌贈吳山人

Ở đất Dư-hàng, say rượu làm thơ, tặng bác Ngô-sơn-nhân

唐人丁仙芝

(Của ông Đinh Tiên-Chi đời Đường)

曉霞紅襟燕。
春城白項烏。

Màn sớm khoe màu yến,
Thành xuân thoáng bóng ô.

只來梁上語。
不向府中趨。

Trước nhà nghe những tiếng,
Trong phủ lặng như tờ.

城頭坎坎鼓聲曙。
滿庭新種櫻桃樹。

Sáng sớm bên thành hồi trống giục,
Đầy sân những gốc anh-đào mọc.

桃花昨夜撩亂開。
當軒發色映樓臺。

Hoa đào đua nở lúc canh khuya,
Thấp-thoáng lâu-đài bóng đẹp ghê!

十千免得餘杭酒。
二月春城長命杯。

Rượu ngon Dư-hàng chuốc mua lấy,
Nghiêng chén chơi xuân xuân thiếu gì.

醉後留君待明月。
還將明月送君回。

Rượu say, mời bác chờ trăng tỏ,
Mượn bóng trăng lên đưa bác về.

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là thơ cùng bạn uống rượu mà tiễn bạn về, thuộc về mối tông-biệt. Thơ này thuộc về thể *lí*, lại thuộc về thể *phú*; lấy yến lấy ô vì vào bạn, cảm bạn có tình hoan-lạc, mà trọng bạn không có ý xu-thừa. Trong khi tương-hội cảnh thì cảnh đẹp, rượu thì rượu ngon, nhưng mà người bạn là người bạn cao-thượng, muốn ở thì ở, muốn về thì về, không dám cưỡng-lưu, chỉ lưu lại một chút để chờ trăng mà thôi; xem ngay như câu « *Rượu say mời bác chờ trăng tỏ, mượn bóng trăng lên đưa bác về* » thì không phải là người chủ phong-lưu tuyệt tục không có lời ấy, mà không phải là người khách tiêu-sái xuất-trần cũng không đương được lời ấy.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

THI - CA MỚI

Qua chốn cũ cảm-hoài

Lâu lắm bây giờ mới tới đây,
Dừng chân ngắm cảnh khác xưa nay.
Non xanh mù-mịt mây che kín,
Nội cỏ mênh-mông nước ngập đầy.
Phố-sá trơ-lơ ba bốn dãy,
Xóm-làng xờ-xạc một đôi cây.
Cuộc đời biến đổi bao dâu bể?
Thổ-địa nhân-dân vẫn thế này!

Đêm xuân tự-thuật

Thơ-phòng lắm lúc nghĩ buồn teo,
Cảnh-tượng đêm xuân lại chán phèo!
Lá trúc lung-lay cơn gió thoảng,
Cành đào vắng-vặc bóng trăng treo.
Văn-chương lối cũ còn thơm ngát,
Quốc-ngữ đời nay cũng tiện nhiều.
Cá nước rồng mây duyên gặp-gỡ,
Non sông ngàn dặm nhẹ tay chèo.

Đêm xuân nhớ nhà

Lơ-thơ tơ liễu trước vườn hoa,
Cảnh-ngộ xui nên nỗi nhớ nhà.
Mong-mỏi dặm Phần quên sớm tối,
Bâng-khuâng phố Vị nghĩ gần xa.
Nghe oanh học nói lòng ngao-ngán,
Thấy yến đưa thoi dạ thiết-tha.
Tuyết bắc mai nam khôn kể xiết,
Năm canh án sách ngọn đèn tà.

CHU THẾ-HIỆU

Hồng-lâu tự-thán

Mưa xuân phơi-phới áng đào phai,
Thấy cảnh khôn khuây mối viễn-hoài.

Góc bể đã đành con nhạn lạc,
Bên trời thêm ngán cánh hoa rơi.
Nắng mưa chi quản màu son-phấn,
Cây cỏ riêng thương nỗi lạc-loài.
Con mắt đã mòn trông lối cũ,
Mây Tần che khuất mấy ngàn mai.

TRẦN HỮU-LƯỢNG

. . .

Bài họa

Vì dâu liễu ủ với đào phai,
Đất khách càng thêm nỗi cảm-hoài.
Gió thảm tơi-bời chim nhạn lạc,
Mưa sầu tầm-tã đóa hoa rơi.
Năm xưa dưới gối vui xum họp,
Nghìn dặm ngày nay khổ lạc loài.
Bạc-mệnh hồng-nhan âu nặng nợ.
Canh tàn riêng nghĩ thẹn cùng mai.

NGUYỄN VĂN-MINH

Ngẫu-vịnh

Đường mây than-thản há xa-xôi,
Gắng sức tranh mau dám giật lùi.
Tơ-tưởng dốc lòng mong tấn-tới,
Văn-minh gặp hội muốn theo đòi.
Chớ đem phong-khí ngờ cho đất,
Nên biết công-phu thực bởi người.
Mừng được trời xuân ngày mát mẻ,
Lý-đào hớn-hở vẻ đua tươi.

LƯU CÔNG-HIỆU

Sự nghèo

Trong lưng chưa sẵn có muôn vàn,
Nghĩ sự nghèo mà phải thở-than.
Giầy gộ đủ xanh xe cọc-cạch,
Lầu tranh cửa trúc sáo lan-can.
Thần kia còn chuộng xôi cùng oản,
Ta dám nài chi ngựa với tàn.
No đủ tháng ngày dào lộc chúa,
Thử xem con tạo có bền gan.

THI MỘNG-LAN

TIỂU-THUYẾT CỔ

LĨNH-NAM DẬT-SỬ (1)

嶺南逸史

XXIII

HỒI THỨ XXIV

Quân năm dinh, hội-đồng bắt giặc,
Dân mười huyện, tàn-phá ra tro.

Qui-Nhi nghe được tin Hoàng Phùng-Ngọc vì nhà mình mà phải bôn-tẩu khổ-sở, càng lấy làm thương-cảm, ngồi hầu bà mẹ chồng khôn xiết nỗi thương đau. Kim-Liên đương khuyên-giải và bàn-tính nên sai người đến núi Gia-quế để thông tin cho Phùng-Ngọc. Đương khi bàn tính chưa xong, chợt có tin báo rằng Lam đại-vương có việc quân-tình khẩn-cấp, cho dòi Đô-đốc vào thương-nghị. Qui-Nhi cả kinh mà rằng :

— Chẳng hay có quân-tình chi mà khẩn-cấp như vậy ?

Qui-Nhi liền lau nước mắt cùng với Kim-Liên cùng đi vào trong cung, hỏi ra mới biết là: Huyện Qui-thiện, phủ Huệ-châu từ khi bị Lam Năng đánh phá Dũng-khẩu, thả binh ra cướp phá, khói lửa đốt cháy suốt đến tận Tiểu-lỗ. Quan tỉnh không dám thò ra một tên quân nào để chống-cự, vì thế những quân gian-phỉ vô-lại đều dấy nổi lên như đàn ong, nào là

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

giết nhân-dân, đốt nhà cửa, tự xưng danh-hiệu, đi tống lấy lương-thực, xứ Lưỡng-giang bấy giờ toàn là giặc cả chớ không còn mấy người dân nữa. Gia-dĩ bọn giặc Trình-yết cũng tụ-họp cả ở đó, lũ lớn và nghìn người, lũ nhỏ và trăm người, kể đến hàng mấy trăm bọn giặc; phía đông đến Hưng-ninh, Trường-lạc, Trình-hương, Yết-dương; bắc đến Hà-nguyên, Long-xuyên, phía tây đến Bắc-la, phía nam đến Hải-phong, Qui-thiện, mãi cho đến các huyện về Đông-bình, không chỗ nào là không sợ nó làm tàn-hại, mà ở Vĩnh-an lại càng thậm-tệ lắm. Vĩnh-an cả thảy có 19 chòm, mỗi chòm có và thôn người ở, nhiều ra đến hàng nghìn nhà, ít ra cũng đến và mươi nóc nhà, thế mà bị tàn-phá hết cả, chỉ còn sót độ bảy tám chòm mà thôi. Chòm Viên-dôn bị giết đến hàng nghìn người, chòm Tam-giốc bị giết đến bốn trăm người, thôn Chương-độc bị giết chỉ còn sót có ba người, trại Nga-pnu đến và nghìn người đều phải làm cỏ hết cả, tiếng kêu khóc ngày đêm bất-tuyệt, mà quan tỉnh chẳng hỏi chi đến cả. Các đảng giặc khi tụ khi tan, lại cùng y-ỷ với nhau làm thanh-thế, ra vào thi-thọt không biết tức nào. Những nhà chứa bị giặc phá, ngày đêm cũng lo sợ như ngồi trên tấm chiếu có mũi kim. Dân vùng ấy thực là ngao-ngán thất-sở. Khi ấy có ông Hiếu-liêm là Diệp Xuân-Cập, tức là chủ-khảo cuộc thi thơ ở Phong-hồ mà lấy Phùng-Ngọc đỗ đệ-nhất khi trước. Ông vì bị lạc-chức, nên đi về ẩn ở trong am Thạch-đồng ở La-phù, nhân trông thấy quang-cảnh dân-tình khổ-sở như thế, không lẽ cứ nhẫn-tâm mà ngồi nhìn, bèn họp và mươi người hương-thôn cùng lên phủ-đường vào yết-kiến quan phủ mà rằng:

— Nay quân giặc tàn-phá hại lắm, dân-gian cực-kỳ khổ-ải, cụ-lớn là cha mẹ dân, nỡ nào ngồi đó mà nhìn cho đành lòng được!

Nguyên quan phủ ấy đầu đội khăn, để tóc dài, móng tay nhọn, bộ dạng coi như bà lão già, vừa nghe lời Diệp Xuân-Cập nói liền lấy tay bịt hai lỗ tai mà rằng:

— Việc đánh giặc đã có quan Đốc-phủ và Chỉ-huy-sứ, chớ như bản-chức là văn-quan sao dám đảm-đương đến việc ấy.

Diệp Xuân-Cập biết cụ lớn ấy cũng là đồ bì-thịt không làm trò gì được, nên cũng chẳng nói chi nữa, liền vái chào lui ra, cùng với mọi người hương-thân bàn-tính, cùng rủ nhau lên tỉnh-đường, vào yết-kiến Súc Nục mà rằng:

— Nay quân giặc như ong-đồn kiến-họp càng ngày càng tệ, nhân-dân bị hại, không phải cha anh thì tất là con em; thế mà quan lớn không tiễn-trừ quân giặc đi, sợ rồi nó lan mãi ra, gây thành ra đại-biến, thì không thể trừ được nữa.

Súc Nục nói:

— Ta đã cho người đi chiêu-hàng rồi.

Diệp Xuân-Lập nói:

— Những quân bất-sinh kia nó đã sinh lòng phản-nghịch, nếu không trước đem đại-binh tiễu-trừ đi, mà đã vội cho đi chiêu-phủ; thời vị-tất nó đã nghe lời chiêu-phủ; cho rằng nó có nghe lời phủ-dụ ra nữa, nhưng cũng là bề ngoài thuận mà bề trong vẫn nghịch, cướp-bóc lại càng thậm-tệ. Vậy chỉ xin quan lớn phát-binh ra đánh dẹp, giết những kẻ cừ-khôi mà tha cho những kẻ hiếp-tòng, như thế thì vừa có ân mà lại có uy, mới có thể diệt được quân giặc để yên dân, xin quan lớn xét đến cho.

Nguyên Súc Nục là một người không có võ-nghệ gì, chỉ là đồ bì-thịt, lại bị phải quân trại Thiên-mã trại Gia-quế mấy lần đánh cho phải bỏ cả mũ khôi áo giáp mà chạy, hễ nghe nói đến tiếng giặc, chẳng khác gì như sét đánh lưng-chừng trời, mất cả hồn-vía đi. Nên nay nghe Diệp Xuân-Cập nghị-luận một hồi, vẫn biết là chiêu-phủ vô-ích. Song nghe tin quân giặc nhiều lắm, đem quân đi đánh, sợ lại thêm chuyện lôi-thôi, chớ không phải sự chơi. Cho nên dẫu ai khuyên bảo y đem quân đi đánh thế nào, y cũng nhất-định không nghe. Diệp Xuân-Cập không thể sao được,

phải lui ra về, đi đến trạm Thủy-thúc, trông thấy trên bãi cát có hai cái thây người đàn-bà, lõa-lồ thân-thể, bụng trướng to bằng cái chĩnh. Lại trông thấy một người tuổi trẻ đến phủ-phục bên thây khóc-lóc một hồi, rồi chạy ra bên sông, chực muốn nhảy liền xuống sông. Xuân-Cập kíp sai người nhà chạy lên ngăn giữ lại mà hỏi rằng:

— Nhà ngươi dầu còn xanh tuổi còn trẻ, cớ sao lại muốn liều mình xuống sông làm vậy?

Người thiếu-niên khóc mà rằng:

— Đêm hôm trước nhà tôi bị quân giặc đến cướp-phá lấy hết cả gia-tài, lại bắt cả vợ tôi và chị dâu tôi đem đến đây mà luân-lưu hiếp chết; nó làm thảm-độc như thế, tôi chẳng chết đi thì còn sống làm gì!

Xuân-Cập nói:

— Nếu phải như vậy, sao không lên thưa cùng quan tỉnh, xin phát-binh về nã giặc có được không?

Người thiếu-niên khóc mà rằng:

— Tôi thường thấy những nhà bị cướp lên kêu quan tỉnh nã bắt, thời lại bị nha-lại nó đến sách-nhiễu, nào là tiền sai tiền phòng, lại mất đèo thêm mấy trăm đồng nữa; có thế mà thôi đâu, lại còn đòi tiền lễ trát sai, tiền hành-lý, tiền lễ tạ, đến hàng trăm khoanh thứ tiền; giặc chưa thấy nã được đâu, mà ruộng vườn lại bị bán sạch cả. Ấy bị giặc cướp chẳng qua là bị giết người lấy của, giặc đi rồi thì thôi. Chớ như lên cáo quan thời muốn chết cũng không được, mà muốn sống cũng không được, bao nhiêu tiền của là hết nhẵn, mà đến hàng năm hàng tháng còn dà-lụy mãi ở chốn nha-môn, cực-kỳ là khổ-nhục, nghĩ như thế thì thà chết đi cho rồi.

Người thiếu-niên ấy nói rồi lại khóc. Xuân-Cập nghe nói bùi-ngùi rỏ nước mắt, ngảnh lại bảo người nhà lấy ra vài lạng bạc, lại hướng vào các người hương-thân quyên lấy thêm vài lạng nữa, giao cho người thiếu-niên mà bảo rằng:

— Ngươi hãy mua lấy mấy cái quan-tài, liệm-táng vợ và chị dâu đi. Rồi ta sẽ vì lũ ngươi cầu các quan trong triều tâu lên xin phát-binh ra vì lũ ngươi dẹp giặc.

Thiếu-niên nghe lời vái tạ. Xuân-Cập trở về đến nhà, làm ra hai tờ phong-thư: Một phong gửi cho quan Đại-học-sĩ Thời Trung-Hàng, một phong gửi cho Thị-lang là Lưu Đông-Hưng, sai người nhà sớm tinh-sương đem thư vào kinh để phân-tống. Thời, Lưu hai người nguyên là bạn chơi với Xuân-Cập, tiếp được lai-thư, bất-giác cả kinh, liền làm tờ sớ tấu và đính theo cả cái thư của Xuân-Cập, dâng lên vua xem. Vua cả giận, xuống tờ chiếu thiết-trách các quan hữu-ti. Đại-lược rằng:

— *Triều-đình đặt ra binh-lính cốt để giữ dân, dân đã không giữ được, thì đặt binh ra làm gì! Nay các tỉnh ngoài biên-thùy cho việc giảng-võ làm không cần, cứ để cho giặc-giã mà không dẹp. Nếu cứ dung-túng cho quân giặc mà không trừ diệt sớm đi, rồi hẳn gây nên vạ lớn. Thế mà cứ ẩn-nhẫn bỏ qua, khinh-nhờn như thế thực là đáng ghét!*

Sắc cho Lưỡng-Quảng Tổng-đốc Sức Nục, phải tốc-phát ngũ-quân, khắc-kỳ hội-tiễu, kỳ cho bình-định mới nghe. Nếu còn trông ngóng dùng-dằng, thì trị tội bất-xá!

Chiếu-thư xuống đến nơi, làm cho Sức Nục thất-kinh luống-cuống không biết giở ra làm sao, liền họp các quan thương-nghị việc tiến-binh, chia binh ra làm hai đường để tiến-phát: Một đường tự Hải-phong ra Nga-phụ để tiến đến đánh Nam-lĩnh; một đường tự Hà-nguyên tiến đến đánh Phật-tử;

cho Lý Ứng-Tường làm tiên-phong, ầm-ầm kéo quân đến Tam-đô. Hà Túc-Tượng nghe tin có quân kéo đến, lập tức sai người báo tin về Sái-đầu. Lam Năng nghe tin cả kinh, liền sai người mời Qui-Nhi đến thương-nghị kế cự-địch, Qui-Nhi nói :

— Nay nên trước sai thủ-tướng ở Nguyệt - giốc là Hà Túc-Tượng ra nghênh-địch, để dò-thám xem quân-tình mạnh yếu thế nào. Đại-vương thì lĩnh một toán quân tiếp-ứng theo sau.

Lam Năng nói :

— Ngươi nói có lẽ.

Liền phát văn-thư sai Từ Tử-Tân đem đến Nguyệt - lĩnh bảo Hà Túc-Tượng tiến-binh ra nghênh-địch. Còn Lam Năng thì thân điểm đại - binh, đem theo lũ kiêu-tướng là Diệp Thiên lục-tục đi xuống núi. Kim-Liên hỏi lại Qui-Nhi rằng :

— Thư-thư sao không bày ra một kế-sách gì vậy ?

Qui-Nhi nói :

— Quan-quân xưa nay sợ giặc như cọp, mà Hà Túc-Tượng là một đứa con nhà giàu cần bột cơm chẳng vỡ, vậy tôi muốn để cho quan-quân đánh được Túc-Tượng một trận, để cho nó hăng cái khí lên. Rồi tôi mật sai người xui bảo mưu-kế cho quan Đốc - phủ giả-cách thua Lam Năng, rồi chia binh ra kíp đánh các trại Miêu-mi, Dương-giốc, Yến-vĩ, chiếm hết các chốn yếu-hại, rồi sau tôi với hiền-muội thiết-kế ở trong làm nội-ứng, thời Sái-đầu có thể đánh phá được.

Kim-Liên nghe nói ngậm-ngùi mà rằng :

— Nếu như vậy thì em với thư-thư đều nguy mất !

Qui-Nhi thất-kinh hỏi rằng :

— Chẳng hay tại sao vậy ?

Kim-Liên nói :

— Tự Sái-đầu đến đường Trảm-lịch hơn hai trăm dặm, trại giặc bày ra như bàn cờ mắc cửi, người do-thám chưa dễ dã đi tới được, đó là một điều khó. Cho rằng có thông tin được đến quan Đốc-phủ mà tin dùng mưu-mẹo của thư-thư ra nữa, nhưng Lam Năng nó đem toàn-quân ra đánh, binh cường tướng mạnh, quan-quân sao hay đánh đổ được Lam Năng, đó là hai điều khó. Ba là quan-quân nếu hay đánh được quân Lam Năng, phá Dương-giốc, cự Yến-vĩ; song em với thư-thư, đều là con gái, còn tướng-sĩ thời trừ ngoài Hoàng - Doãn ra, không ai là người tâm-phúc với mình, thì mình sao hay làm nội-ứng được. Bốn là quan-quân không đánh được, mà Lam Năng cũng không thua. Thư-thư từ khi đến sơn-trại đến giờ, nào là chém Thiết Ngưu, giết Trần Hưng, phá dũng-khẩu, thư-thư đều hay bày được kỳ-mưu cả, thế mà nay có quan-quân kéo đến, thư-thư không chịu bày một kế-sách gì, thua hay được cứ mặc kệ nó, thế thời Lam-Năng tất nó ngờ thư-thư có dị-tâm, nó sinh ra xét-nét thì làm thế nào? Ấy có bốn điều khó-khăn như thế, mà thư-thư dám làm, chẳng là nguy lắm ư ?

Qui-Nhi nghe nói thất-sắc mà rằng :

— Hiền - muội nói rất phải ! Thế thời bây giờ làm thế nào ?

Kim-Liên nói :

— Nay không làm cho quan-quân đại-bại thì nó không tin ta, mà không làm cho Lam Năng đại-thắng thì nó cũng không tin ta ; gì bằng hãy dò tin xem, rồi lại hiến một kế-sách khác, đánh phá cho quan-quân đại-bại một trận, khiến cho Lam Năng phải đành dạ tin theo hai chúng ta, rồi ta thân-cầm một cách quân ra đối-lũy với quan-quân, giả-cách hạ chiến - thư, trong thư tàng mật - kế xui trước giết Lam Năng, sau bình các trại, thời dụng-lực có phần dễ hơn.

Qui-Nhi bái-phục mà rằng :

— Nếu không có lời hiền-muội nói, thì em tính lầm mất. Ngày mai xin mời hiền-muội cùng đến trung-quân để ta cùng làm việc.

Kim-Liên nghe lời xin vâng.

Nói về Hà Túc-Tượng từ khi trại Hỏa-đái tha về, sau lại bị thủ-tướng trại Nguyệt-giốc bắt được, nhờ có em gái lấy người thủ-tướng ấy nên được làm cu-cậu, cứ mỗi ngày được cưỡi ngựa tuấn-mã quần chơi, đã lấy làm thích-ý lắm rồi. Sau người chồng em chết, đưa tin báo-phó về Sái-đầu, Lam Năng liền phong cho Túc-Tượng làm Chỉ-huy-sứ, ấy cái dịp may-mắn giàu-sang ấy, Túc-Tượng xưa nay mơ-mảng chưa nghĩ tới bao giờ, bỗng dưng từ trời đem lại, thực là chính gãi vào chỗ ngứa, mừng-rỡ khôn xiết, vội-vàng vào tạ ơn, rồi trở về sai người đến Huệ-châu, sắm-sửa mũ ô-sa, đai tê-giác, đôi hia gót phấn, bộ áo bố-tử đại-hồng, và một bộ kèn lớn, trống lớn. Sắm đủ đâu đấy rồi, mặc vào ra trướng-tiền để nhận lễ cho thủ-hạ lạy mừng. Lại sắm cả cho mẹ và vợ cũng đủ cả mũ phụng-quan, áo bố-tử, cả nhà mừng hí-hởn. Hễ khi nào đi ra ngoài thì bày ra nào là cờ thanh-đao, biển tĩnh-túc dàn mặt đối nhau, tiền-hô hậu-ủng, lấy làm đắc-chí lắm. Lại dặn bảo quân thủ-hạ từ rầy phải gọi bà Diêu-thị là bà Thái-phu-nhân, vợ là bà phu-nhân, em gái là vị tiểu-thư. Rồi đem em gái lại gả cho Hữu Nhân-Tâm, ngày hôm cưới, Túc-Tượng cất chén mời Hữu Nhân-Tâm mà rằng :

— Nếu không được chú em chỉ-giáo cho, thì sao lại có ngày nay !

Hữu Nhân-Tâm nói :

— Đó là nhờ hồng-phúc của nhà tôn-cữu cả.

Một ngày kia, gặp ngày bà thân-mẫu Diêu-thị lên thọ bốn mươi, Túc-Tượng sai các thủ-hạ ra các làng nhỏ chợ nhỏ, cướp lấy vô-số trâu rượu đem về, để mở tiệc chúc-thọ cho mẹ. Chỉ-kỳ, đốt một đôi nến cực to ở giữa trại, rồi thổi kèn khua trống ầm lên, đón rước bà mẫu-thân ra ngồi chỉnh-chện ở trên, vợ chồng Túc-Tượng đều mặc đồ phẩm-phục vào chúc-thọ, các tướng-sĩ cũng đều đến lạy mừng, bày ra tiệc yến, kèn trống vang lừng, chỗ thì chuốc chén, chỗ thì đánh bài, hoan-hỉ vui-vẻ, đương nửa chừng cuộc rượu, Túc-Tượng nâng chén dâng lên mẫu-thân Diêu-thị mà rằng :

— Trước kia mẫu-thân ở Phong-hồ lúc phải những quân nó biền-trá, mẫu thân vẫn tưởng là con không làm trò gì được. Khi còn đang tiên-phụ, gia-tư giàu-có thế mà đến nỗi điêu-linh cả, nay mẹ thử xem thế nào !

Diêu-thị nói :

— Mẹ già nhục-nhẫn, sao biết con làm được sự-nghiệp lớn-lao thế này, khiến cho mẹ già được hưởng vinh-hoa, thực là đáng mừng lắm !

Túc-Tượng cả cười ha hả, chưa rứt tiếng cười, thì chợt nghe thấy báo Đại-vương sai hành-nhân-ti là Từ Tử-Tân đến, không biết là việc gì. Túc-Tượng vội-vàng ra trước trại nghênh-tiếp, thi-lễ mời ngồi đâu đấy, Tử-Tân đưa công-văn ra cho Túc-Tượng xem. Thư rằng :

« Nay có quan-quân đem binh lại đánh, truyền cho Chỉ-huy-sứ trại Nguyệt-giốc là Hà Túc-Tượng, phải hỏa-tốc đem binh đi đón đánh, chớ để cho lẩn vào trong cõi, nếu trái lệnh thì đã có quân-pháp ».

Túc-Tượng vừa nghe lời công-văn, chẳng khác gì như đứa trẻ lên ba nghe thấy tiếng sét bổ ngang đầu, sợ khiếp người đi, cứng cả người đờ cả mắt. Từ Tử-Tân thúc giục mà rằng :

— Mau mau ! Tướng-quân phải sắp sửa khởi-hành đi, quân-tình việc lớn, không thể dùng-dằng mãi được !

Túc-Tượng vội-vàng chạy vào trong trại, trông thấy Hữu Nhân-Tâm đương đánh cuộc với viên tì-tướng. Nhưng viên tì-tướng thua cuộc không chịu uống rượu phạt. Hữu Nhân-Tâm toan đè xuống chực đổ rượu vào tai. Túc-Tượng liền xua tay mà bảo rằng :

— Mau mau dọn dẹp ngay đi, tai-vạ đến nơi rồi đó !

Chúng đều thất-kinh mà rằng :

— Chẳng hay cái tai-vạ gì vậy ?

Túc-Tượng nói :

— Nay có quan-quân kéo đến, mà đại-vương bảo tôi đem binh ra trước để đón đánh, song chúng ta binh hèn tướng ít, mà tôi cũng chẳng hiểu võ-nghệ là gì, thì sao chống cự lại được, đó chẳng phải là việc tai-vạ đấy ư !

Túc-Tượng nói rồi khóc hu-hu lên, cả nhà nghe tin ấy đều xúm quanh lại một lũ ôm đầu mà khóc. Bên ngoài thì Từ Tử-Tân thôi-thúc phải khởi-trình ngay, Túc-Tượng không nói sao được, phải điểm binh-mã vội-vàng lên đường kéo đi. Khi vừa kéo đến Kiều-điền, chợt nghe một tiếng pháo nổ, thì tiên-phong Lý Ứng-Tường đã kéo quân đến, hai bên bày trận ra, Lý Ứng-Tường cầm đao nhảy ngựa tế ra trước trận thét lên mắng rằng :

— Bớ quân tặc-nô kia ! nay quan-quân đến đây mà mày không xuống ngựa đầu-hàng, ta truyền đời cho mày chết không có chỗ táng-thân đó !

Túc-Tượng khi ấy sợ khiếp người đi, mặt như chàm đổ, bèn sai thủ-hạ tướng-sĩ ra đánh. Tướng-sĩ nói :

— Bẩm ngài là chủ-tướng, xin ngài phải thân-chinh ra trước.

Túc-Tượng nói :

— Thôi cũng là một bọn với nhau cả.

Tướng-sĩ nói :

— Cùng là một bọn sao ngài không ra trước đi.

Nói chưa rứt lời, Lý Ứng-Tường đã xông sang đến nơi. Túc-Tượng thất-kinh quay đầu ngựa chạy trước. Quân-sĩ đều uả chạy tan cả. Lý Ứng-Tường liền giơ đao lên vẫy, quân-sĩ đều xông lên đuổi theo, vung đao ra chém, làm cho quân giặc phải trèo núi qua rừng mà chạy. Túc-Tượng chạy về đến núi Nguyệt-lĩnh, vội-vàng sai lấp cửa ải, thời đã nghe thấy tiếng súng nổ, Lý Ứng-Tường đem quân đã đuổi đến nơi, hò thét quân-sĩ lên đánh phá cửa ải. Từ Tử-Tân bắt hết những người đàn-bà con-gái bị bắt ở trong trại ấy và cả mẹ với vợ cùng em gái Túc-Tượng đều ra cả trước ải khuân gạch vần đá, lăn từ trên cao xuống đánh, quan-quân không thể lên được. Lý Ứng-Tường cả giận liền nhảy xuống ngựa, một tay cầm mộc-bài, một tay cầm đại-đao, xông vào trong đám gạch đá, nhảy vót lên thành. Từ Tử-Tân vội-vàng cầm thương lại chực đâm, liền bị phải Ứng-Tường chém cho một đao đứt phăng đầu, rồi cầm lấy đầu ở trong tay chạy vòng cửa ải gọi to lên rằng :

— Đứa nào hàng thì ta tha chết cho !

Túc-Tượng liền đem mẹ và vợ ra phục xuống đất xin hàng. Ứng-Tường sai quân-sĩ lột bỏ áo mũ phẩm-phục của Túc-Tượng ra rồi lấy dây trói lại. Ứng-Tường toan sai phóng-hỏa đốt bỏ hết trang-trại, lại chợt nghe tiếng reo nổi lên, quân-sĩ bảo rằng :

— Có quân giặc kéo đến vây kín cả sơn-trại !

Ứng-Tường cả kinh mà rằng :

— Ta đem cô-quân vào mãi đây, cùng với đại-quân xa cách, sợ khi hoãn-cấp không cứu-viện được nhau, ta phải kíp lui ra mới được.

Nói rồi liền dem Túc-Tượng xung-sát xuống núi. Diệp Thiên giơ gươm lên đánh trận lại. Ứng-Tường vội-vàng chống đỡ, đôi bên đánh nhau độ và mươi hiệp, tiếng reo nổi lên ầm-ầm. Ứng-Tường không dám ham đánh nữa, phải xông-đột mở đường, dem quân lui về. Còn Túc-Tượng thì bị cướp giật lại. Lam Năng thấy Diệp Thiên thắng trận, liền thúc binh-mã xông lên yểm-sát không đề-phòng gì cả. Rè đâu Súc Nục nghe tin Ứng-Tường thắng trận liền dem tám quan Chỉ-huy từ con đường tắt đánh xông lên chẹn ngay đàng sau lưng Lam Năng. Ứng-Tường lại dem quân đánh trở lại, thành ra vây kín Lam Năng vào trong vòng vây, Lam Năng đương lúc kinh-hoàng, tự-nhiên thấy quan-quân tan chạylả-tả sa cả xuống khe nước, Lam Năng vội-vàng trông ra thì thấy một lá cờ đại đề bốn chữ « *Tam-đô Đô-đốc* » phất-phơ ngọn gió, ầm-ầm kéo lại, một tướng đi đầu, tiếng thét như sấm, đánh giết quan-quân rối bời tan chạy. Lam Năng nhận rõ tướng ấy là Hoàng Doãn, trong bụng cả mừng, liền dem tướng-sĩ đánh xông ra, rồi tháo lui về Nghĩa-cốc. Quí-Nhi ra tiếp rước. Lam Năng nói :

— Chẳng bay ngươi sao biết quả-nhân bị khốn mà cho đi ứng-cứu làm vậy ?

Quí-Nhi nói :

—Tôi đồ rằng đại-vương khinh giặc, nên phải cùng với Hoàng Doãn ra ứng-tiếp ở đây.

Lam Năng cả mừng, nói úy - lạo xong, Quí-Nhi cáo-từ lui về bản-trại, sai người điệu cả nhà Túc-Tượng đến. Quí-Nhi trách mắng mà rằng :

— Ngươi thân làm chủ-tướng, chửa ra trận đã trốn mất ; khi quan-quân vào phá ải, ngươi ra đầu-hàng trước tiên, cái đồ nhục-nhuốc tổ-tiên như thế, không bằng loài cầu-trệ, còn đề mày làm gì nữa !

Mắng rồi liền thét điệu ra chém.

Lam Năng nghe tin Quí-Nhi trách mắng chém Túc-Tượng, cả mừng mà rằng :

— Thực là bậc chân-tướng-quân !

Sai người dem thưởng cho hai cái đùi bò. Ngày hôm sau, Quí-Nhi hiến-kế mà rằng :

— Nay quan-quân thắng liền hai trận, hẳn là khinh giặc mà sinh kiêu, xin đại-vương theo kế như thế. . . hẳn là toàn-thắng. Tôi xin cùng với tướng-quân Hoàng Doãn đóng ở Viên-đôn, đề chẹn quân cứu-ứng mặt nam.

Lam Năng cả mừng, liền triệu chư-tướng họp lại, dặn bảo mưu-kế đâu vào đấy, rồi tự dem một cánh quân loảng-choảng xốc-xếch đi lên trước khiêu-chiến. Súc Nục nghe thấy quân giặc đến khiêu-chiến, liền đốc-suất tám quan Chỉ-huy dàn trận ở Kiều-điền. Súc Nục trông thấy quân giặc hàng-ngũ xốc-xếch, vỗ lưng quan Chỉ-huy là Tăng Dũng mà rằng :

—Kia quân giặc đều là quân ô-hợp cả, đánh phá cũng chẳng khó gì, tướng-quân hôm nay cố đi là được.

Tăng Dũng nghe nói, liền múa cây dao yển - nguyệt, nhảy xông ra trận. Lam Năng liền sai viên tì-tướng ra giao-chiến, không được mươi hiệp, liền bị Tăng Dũng chém cho một đao ngã lăn xuống ngựa. Lam Năng liền quay ngựa tế chạy. Súc Nục vẫy quân-sĩ sấn lên đuổi theo, đuổi mãi đến Thiệp-khê, Lý Ứng-Tường thấy chỗ ấy đường cái gập-ghềnh, sơn-thế hiểm-ác, sợ rằng có phục-binh, bèn kíp lại nói với Súc Nục rằng :

— Xin đại-nhân hãy đóng hậu-quân lại, tiểu-tướng xin cho bảo Tăng Chỉ-huy lùi lại ; không thì chỗ đất này hai ngọn núi chênh-vênh, đường rừng hiểm-hóc, ngộ gặp phải phục-binh, tiến-thoái đôi đường không lợi cả thì làm sao !

Súc Nục nghe lời mới tỉnh-ngộ, kịp truyền cho bậu-quân dừng lại, tùy-tiện mà đóng trại. Song địa-thế ở đấy bức-hiệp không đóng cả làm một trại được, phải đóng trại tan lỉa ra mọi nơi. Chừng đến trống canh hai, chợt nghe thấy ngàn súng đều nổ, còi trống vang-lừng, tiếng hò tiếng thét ầm-ầm, làm chấn-động cả núi kêu hang ứng, không biết quân giặc nhiều ít là chừng nào. Súc Nục thấy thế bèn không đoái gì đến quân-sĩ cả, chân đi không, chạy ra nhảy lên con ngựa không yên, vội-vàng mở cửa sau cứ theo con đường cũ mà chạy, chạy mãi đến núi Nguyệt-giốc. Chư-tướng khi ấy thấy tiền-quân đã thua, tiếng trống tiến reo nổi lên ầm-ầm, bèn bỏ cả áo giáp, vứt cả đồ binh, cùng giẫy séo nhau mà chạy. Đương lúc hoảng chạy, lại nghe tiếng súng nổ, lửa đuốc sáng rực. Bỗng đâu một tướng ở trong bóng lửa sáng, múa thương nhảy ngựa ra chặn ngang đường, thét to lên rằng :

— Tần Vinh ở đây !

Lý Ứng-Tường phi ngựa lên giao-chiến, song địch sao nổi ngọn thương của Tần Vinh như thần-xuất quỉ-một. Ứng-Tường liền bị phải ngọn thương đâm sang, kêu to lên một tiếng rằng :

— Thôi, tôi chết rồi !

Ứng-Tường vừa nghiêng đầu một cái thì bị chém mất bên tai, đang ngồi trên ngựa ngã nghiêng xuống, liền vứt cả mũ mà chạy trốn, Chạy đến lúc trời sáng rõ, chợt nghe tiếng pháo nổ, có một toán quân như cuốn bụi mà kéo lại, trên là cờ đại đề một chữ « *Lại* » cực to. Quân-sĩ đều sợ khiếp, tiếng kêu khóc rầm trời. Tăng Dũng thét to lên rằng :

— Lũ chúng ta phải liều chết mà đánh, để cứu lấy quân-sĩ ra mới được !

Nói rồi liền nhảy ngựa lên trước, chư-tướng đều theo lên bổ vây Lại Triệu-Minh lại một chỗ, gươm đao xung-sát, rìu búa tung ra. Lại Triệu-Minh không sợ hãi gì cả, cứ việc che đàng trước chống đàng sau, đâm bên tả thích bên hữu, hết sức đánh một hồi lâu. Lại chợt đâu súng nổ, bên tả thì Lý Kỳ, bên hữu thì Trương-Dịch, ầm-ầm xung-sát đánh vào. Chư-tướng sợ hoảng-hốt bèn bỏ Triệu-Minh, liều mạng mà chạy, chạy được và đặm đường, lại gặp một toán quân ra chặn đường, hiệu cờ là : « *Vĩnh-an Giang Vạn-Dụ.* » Chư-tướng khi ấy người mệt ngựa mỏi, đều bỏ chạy lạc-lõng. Khi chạy ra đến cửa sông, trông thấy lửa sáng rực trời, có một toán quân bày trận ở bờ sông, một tướng trỏ đao dừng ngựa thét lên rằng :

— Diệp Thiên ở đây ! Thuyền bè của các ngươi ta đốt phá hết cả rồi !

Nói rồi, múa tung đại-đao lên xông vào đánh. Tăng Dũng cũng xông lên giao-chiến, chưa được vài hiệp, liền bị phải Diệp Thiên chém cho một đao ngã lăn xuống ngựa. Chư-tướng hộ-vệ Súc Nục rẽ đường mà chạy. Diệp Thiên thét bảo quân-sĩ rằng :

— Không được để cho Súc Nục chạy thoát đó !

Súc Nục nghe tiếng hò thét, phải cắt bỏ cả râu ria, theo lẫn vào trong đám tướng-sĩ mà chạy, chạy về đến Lương-hóa, mới dám dừng quân lại. Điểm xét lại tướng-sĩ thì mất đến quá nửa. Bèn họp chư-tướng lại thương-nghị mà rằng :

— Chẳng hay bây giờ chư-tướng tính sao ?

Chư-tướng nói :

— Xin hãy nghe tin-tức trại Nam-lĩnh xem sao, rồi sẽ tính sau.

Súc Nục nghe lời bèn án-binh lại

không dám động nữa. Thực là :

Thua luôn mấy trận mặt dầy !
Trận trước bỏ giáp trận này cắt râu.

Nói về Lam Năng thắng trận cướp được mũ khôi áo giáp, lương-thảo lừa ngựa vô số, trong bụng cả mừng, thu binh đem tải cả về sơn-trại, đi nửa đường gặp Tô Doãn-Sơn kéo quân lại. Tiếp-kiến xong, Doãn-Sơn nói :

— Nay Súc Nục dẫu thua, nhưng còn chưa giết cho tiệt hết được. Đại-vương nên thừa-thắng đuổi đánh, để cho nó biết quân ta không phải là vừa đâu, từ rầy nó không dám kéo đến đây nữa. Tôi nghe nó kéo quân về đóng ở Lương-hóa, tôi xin theo con đường nhỏ đem quân ra chặn mặt sau; Đại-vương thì từ đất Hoành-lịch xông đến đánh mặt trước, như thế có thể giết hết được cả.

Lam Năng cả mừng, liền quay đầu ngựa đem quân kéo thẳng đến Lương-hóa. Quan quân không ngờ quân giặc lại kéo đến, các bộ-tướng không kịp thắng yên lên ngựa, phải ra đánh bộ. Lam Năng trông thấy, bèn dùng thiết-kỵ chia ra hai cánh xông vào. Quan quân lại đại-bại, đều tắt qua núi Bình-sơn mà chạy. Chợt đâu một tiếng pháo nổ, Tô Doãn-Sơn ra chặn ngang đường. Quân-sĩ đều đảo-qua xin hàng, các tướng phải liều chết cứu lấy Súc Nục đem ra. thâu đêm chạy về tỉnh-thành, đóng cửa thành lại cố-thủ. Còn toán quân đi về con đường huyện Hải-phong nghe tin Súc-Nục đã bị thua, phải vội-vàng lui quân về, bị phải Lưu Hán-Giang đón đánh ở núi Tử-quan, cũng đại-bại mà tan chạy. Quí-Nhi nghe tin cả kinh, bèn cùng với Kim-Liên thương-nghị mà rằng :

— Không ngờ quan-quân thật là đồ vô-dụng, cứ thua chạy hoài mãi, thì nay làm thế nào ?

Kim-Liên nói :

— Như thế thời phải kịp cho triệu chư-tướng trở về, chớ để cho lưu-độc làm hại đến bách-tính.

Quí-Nhi liền lên trướng, cho gọi và mươi tên tì-tướng, mỗi tên cầm một lịnh-tiễn làm hiệu-lịnh kịp đi triệu chư-tướng trở về sơn-trại. Ngờ đâu các tướng đã thừa-thắng, khi nào lại nghe lịnh-tiễn mà trở về ngay, kể hàng mấy mươi vạn quân chia đường ra các nơi cướp bóc, lan khắp đến ngoài nghìn dặm, đến thành-trấn nào thì đóng ở thành-trấn ấy, qua hương-thôn nào thì đóng ở trong hương-thôn ấy, gian-dâm hiếp-chóc hết cả mọi người và súc-vật, rồi mới kéo đi làng khác ; thôi thì đốt-phá cửa nhà, đào quật mồ mả, làm lắm điều cực tàn-nhẫn, tiếng dân-chúng kêu khóc khắp cả làng xóm mọi nơi. Giám-quân Cố Dưỡng-Khiêm bèn đem tình-trạng ấy dâng sớ về tâu vua, Thần-tôn xem sớ cả giận, lập-tức sai quân phi-kỵ ra bắt đem gông Súc Nục điệu vào Kinh để xử trảm. Và giáng chỉ-dụ giao cho Lục-bộ hội-nghị cử lấy người ra thay Súc Nục, Lục - bộ tâu cử Ngô Quế-Phương. Thần-tôn chuẩn theo lời tâu, lại cho Ngô Quế-Phương làm Lưỡng-Quảng Tổng-đốc, trách-cứ phải bình giặc cho xong. Quế - Phương vâng mệnh phải kịp đi phó - nhiệm, khi đến tỉnh - thành, đốc-sức tướng - sĩ chia đóng đồn các nơi yếu-hại, đuổi bắt quân du-tặc, chiêu-an kẻ lưu-dân, chẩn-tuất cho kẻ bị thương phải dấu, đắp điếm cho kẻ nát thịt phơi xương ; chỉnh quân sắp ngũ, để từ-đồ mưu tiến-thủ, dân-tình mới hơi yên ổn. Thực là :

Chín lần trời xuống phúc-tinh,
Muôn dân mới thỏa chút tình yên-vui.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới. — Các việc lớn trong thế-giới mấy tháng nay chưa giải-quyết ra đường nào cả. Một nhà làm báo Tây đã nói rằng: « Ngày nay, dù nhìn về phía *Londres* hay phía *Lausanne*, phía *Rome* hay phía *Bruxelles*, phía *Berlin*, *Moscou* hay *Munich*, chưa thấy đâu là ngã hẳn ra mặt nào cả, tình-hình còn phân-vân lắm, không biết tương-lai ra thế nào. Nhìn về phía nước Mĩ thời thấy đương lục-tục vận-động về việc bầu-cử Tổng-thống, và xem chừng ra cuộc bầu-cử này sẽ kịch-liệt lắm, nghĩa là nước Mĩ sẽ bận cả về việc nội-chính, và không kịp để ý đến việc quốc-tế, thứ nhất là việc Âu-lục vậy. »

Việc Âu-lục bây giờ thì tuy vẫn chỉ có việc sông *Ruhr* là quan-hệ nhất, nhưng tháng mới rồi tình-thế vẫn như trước, không tiến được bước nào. Người Đức vẫn dùng cách « tiêu-cực-kháng-cự », người Pháp vẫn dùng cách « võ-lực-đàn-áp », cách giám ba hôm một vài tuần lại có vài quả phá nổ, mấy người lính Pháp bị ám-sát, đường xe lửa trượt bánh, thợ các xưởng bãi-công; quân Pháp phải ra tay trừng-trị, không khỏi lưu-huyết cả hai bên.

Còn như việc kinh-lý các mỏ và các xưởng trong hạt *Ruhr*, tuy mấy tháng sau này đã được lợi hơn mấy tháng trước, nhưng cũng vẫn chưa được mấy; tính ra trước khi quân Pháp sang đóng 100 phần thì bây giờ chưa được 40 phần, mà nước Pháp bây giờ lại cần đến than hơn trước. Than ấy không khai-quật được thêm mà chỉ lấy những đống của Đức đã khai từ trước, thời lấy hết rồi không biết làm thế nào; muốn khai thêm thời kinh-phí sẽ nhiều lắm và thợ Đức không chịu làm, vì Chính-phủ Đức có lệnh cấm.

Chính-phủ Đức sở-dĩ không chịu nhụt, là bởi thấy Pháp với Anh không được hòa-hợp nhau, và mong ở Anh ám-trợ. Dẫu nước Anh không công-nhiên về bè với Đức về việc sông *Ruhr*, — mấy kỳ trước đã nói rằng việc ấy Anh không đồng-ý với Pháp, — nhưng Anh có một viên đại-sứ ở *Berlin* có ý thiên-vị nước Đức lắm, cho nên Đức vẫn mạnh-khỏe và chưa ra mặt chịu Pháp.

Đến như cái thái-độ nước Anh thời cũng phân-vân lắm. Anh đối với Pháp vẫn hay trịch thượng, đến việc sông *Ruhr* thì Pháp quyết-nhiên không chịu theo Anh nữa. Anh lấy làm không bằng lòng lắm, trong bụng thời muốn giúp Đức, nhưng ngoài mặt lại không dám quyết-liệt với Pháp, thành ra thái-độ không được phân-minh. Lại thêm nhiều cớ khác nữa: Pháp thủy-chung vẫn phản-đối Chính-phủ Quá-khích ở Nga, Anh thời gần đây muốn giao-thiệp với Nga để kiếm lợi riêng, nhưng Nga xử với Anh cũng không lấy gì làm thân-thiện lắm, thành ra Anh lại bất-bình về đường ấy nữa. Xét đến việc nội-chính thì đảng đương cầm quyền bây giờ mỗi ngày một thấy yếu thế, mà đảng phản-đối là đảng Lao-động (*Labour Party*) thời cũng chưa đủ sức kế chân được. Thành ra nước Anh đối với trong đối với ngoài, chưa bề nào yên cả, và nhất là đối với nước Pháp về việc sông *Ruhr* lại không phân-minh lắm, cho nên Đức càng gia công vận-động mạnh-khỏe. Nếu Anh công-nhiên biểu đồng-tình với Pháp thì Đức phải thúc-thủ ngay, và vấn-đề sông *Ruhr* sẽ tức thì giải-quyết xong. Như thế thời vấn-đề sông *Ruhr* này không phải là vấn-đề Pháp-Đức mà chính là vấn-đề Pháp-Anh giao-thiệp vậy.

— Về phương-diện Cận-Đông, nghĩa là về việc nghị-hòa Thổ-nhĩ-kỳ với Hi-lạp và Đồng-minh, thì Hội-nghị *Lausanne* lần thứ nhất đã không bàn xong; lại họp một lần thứ nhì nữa từ cuối tháng tư đến giờ, tới nay cũng chưa giải-quyết xong mọi việc, chưa biết bao giờ kỳ hòa-ước được.

∴

Việc nước Tàu. — Việc Âu-châu còn phân-vân như thế, việc nước Tàu trong tháng mới rồi lại càng bối-rối hơn nữa. Kỳ *Thời-đàm* trước đã nói tin Lê Nguyên-Hồng phải từ chức và trốn Bắc-kinh đi. Nay chính-cục ở nước Tàu ra làm sao? Báo tây có lời bàn như thế này:

« Tình-thế ở Bắc-kinh bối-rối lắm. Lê Nguyên-Hồng đã bỏ thành đi, giao triện Tổng-thống cho một người thư-ký và hiện nay ở tô-giới nước Anh tại Thiên-tân. Ông đã xin từ-chức với Nghị-viện hai tháng nay, nhưng Nghị-viện chưa quyết-nghị gì cả. Ông nói

rằng nếu thế thì ông con là Tổng-thống và đợi bao giờ Nghị-viện bầu người khác mới chịu lui về. Nhưng xem ra cũng không đủ sức mà lập một Chính-phủ mới ở Thiên-tân.

« Ở Bắc-kinh thì bọn quân-nhân gây ra sự chính-biến ấy cũng không biết xử-trí ra làm sao. Nội-các cũ còn mấy viên tổng-trưởng sót lại thì cũng có họp nhau, nhưng không dám quyết-định gì. Cứ theo lời tuyên-bố thì xem chừng muốn bầu Tổng-thống mới ngay. Bọn nghị-viên chắc cũng có mưu riêng, nhưng còn xem có lợi mới chịu làm. Vả phải nhớ rằng bọn nghị-viên này là bọn bầu tự năm 1912, đã dai-dẳng được đến nay, thời còn muốn « làm » chuyến bầu-cử tổng-thống này nữa mới chịu giải-tán, nếu để cho Nghị-viện khóa sau thì chẳng là thiệt mất món lợi to dư ?

« Còn bọn đốc-quân vẫn cầm cân nẩy mực cho Chính-phủ Bắc-kinh tới nay, thì hiện không hòa với nhau. Tướng Phùng (*Feng Yu-Hsiang*) và tướng Vương (*Wang Wai Ching*) đóng quân ở quanh thành và ở ngay giữa thành Bắc-kinh thời đã tuyên-bố với ngoại-giao-đoàn rằng chỉ chủ giữ cho kinh-đô được yên-ổn mà thôi, không có mưu gì khác nữa.

« Đến như hai viên thượng-đẳng-đốc-quân là Ngô (*Ou-Pei-Fou*) ở Lạc-dương (*Lo-yang*) và Tào (*Tsao-Kouen*) ở Bảo-định-phủ (*Pao-ting-fou*), thời cả hai người cũng chưa thấy tuyên-bố gì cả. Ngô trước là đồ-đệ của Tào, kẻ quân-lực cũng mạnh bằng Tào, nhưng hướng-lai không dùng để đánh Tào bao giờ, sau này thì không biết thế nào. Vả Ngô vốn không sành việc chính-trị, có lẽ cũng không ra tranh-giành làm gì, chỉ khi nào xảy ra việc gì không ưng-ý thì kháng-nghị mà thôi. Còn Tào thời chắc là muốn ra ứng-cử Tổng-thống. Trước kia ông đã nói rằng ông sẵn lòng xuất một trăm vạn để vận-động cho các nghị-viên bầu cho ông.

« Còn một thượng-đẳng-đốc-quân nữa, hùng-cứ đất Mãn-châu bây giờ, là Trương (*Chang Tso-Lin*), quân cũng nhiều và tiền cũng lắm. Trương vừa bị Ngô đánh thua mới rồi., Có lẽ nay lại khởi quân đánh Ngô lần nữa, xưng là giữ cho hiến-pháp và bênh cho Lê Nguyên-Hồng chăng ?

« Còn lãnh-tụ đảng An-phúc là Đoàn Kỳ-Thụy (*Toan Ky-Joui*), hiện nay còn có thế-lực ở mấy tỉnh trung-ương, chắc cũng sẽ can-thiệp vào. Lại Tôn ở Quảng-đông, nhờ lúc này Bắc-kinh không còn chính-phủ nữa, không có lẽ ngồi yên mà không làm gì.

« Ấy là không kể những tỉnh độc-lập, như Vân-nam, Tứ-xuyên, v. v..

« Xem thế thì việc nước Tàu không biết rồi giải-quyết ra thế nào ... » (1)

Các Liệt-cường đối với Tàu cũng phân-vân không biết dùng chính-sách gì. Hội các người Mĩ kiều-cư ở Tàu thời điện về *Washington* xin Chính-phủ Mĩ hiệp-lực với nước Anh phái thêm quân-lính sang Tàu để giữ sinh-mệnh tài-sản cho người ngoại-quốc ở Tàu, phòng sự giặc-giã và sự nội-loạn sau này. — Nước Nhật là nước có thế-lực lớn và quyền-lợi to ở Tàu, không biết định đối-đãi ra thế nào ? Hiện nay thời Tàu đối với Nhật đương ác-cảm lắm, và ra sức đề-chế Nhật-hóa ; lại mới rồi dân Trảng-sa (*Chang-sha*) phạm đến người kiều-cư Nhật, Nhật có sai một chiếc tàu chiến đến đấy, lính thủy Nhật bắn mất mấy người dân Tàu, việc còn đương lôi-thôi lắm. Nhưng Tàu bây giờ hầu như không có chính-phủ nữa, thì Nhật cũng chẳng ngại gì.

Sự tiến-hóa của nước Nhật-bản về đường tinh-thần. — *Ý-kiến của một nhà văn-sĩ Nhật.* — Ai cũng biết rằng nước Nam ta bây giờ đương vào buổi giao-thời, hai cái văn-hóa Đông Tây tiếp-giáp nhau, chưa thành hẳn ra nền-nếp gì, nên lòng người như chống-chếnh, trí người như bấp-bông, kẻ có bụng về thời-thế như băn-khoăn lo-lắng, không biết sự tiến-hóa về đường tinh-thần của quốc-dân sau này ra thế nào. Những kẻ thượng-lưu trí-thức cùng một phần nhiều kẻ thanh-niên trong nước, thường tỏ ra cái dáng hoài-nghi, cái bụng chán đời, cũng là bởi duyên-cớ đó. Cho nên ta thường để ý xét các nước đồng-văn với ta ở cõi Á-Đông này xem có qua một cầu ấy như ta không, vì những nước ấy cũng là những nước văn-hiến cũ ngày nay phải theo đòi văn-minh mới của Âu-Tây. Trong các nước ấy thì nước Tàu chỉ những rối-loạn về đường chính-trị, không rõ sự tiến-hóa về đường tinh-thần ra thế nào ; nước Cao-li thời nhỏ bèo, không đủ làm gương cho ta ; duy có nước Nhật-bản là tựa-hồ như đã qua

(1) Lược-dịch báo *Courrier d'Haïphong*.

khỏi cái buổi giao-thời gian-trước kia và tới một thời-kỳ dung-hòa được hai cái văn-hóa Á-Âu. Ta nên xét xem đã tiến-hóa thế nào mà được như thế. Nhân có một nhà thanh-niên-văn-sĩ nước Nhật là ông SEICHI NAROUSÉ đăng trong tạp-chí nước MĨ *The Seven Arks* một bài đại-luận về vấn-đề ấy, báo *Courrier d'Haiphong* ở đây có trích-dịch một đoạn ra pháp-văn, ta theo đấy mà lược-dịch cái ý-kiến của ông như sau này.

Ông nói rằng: « Khi nào một cái văn-hiến cũ đã không được người ta giốc lòng tin theo nữa mà đem ra nghị-luận phẩm-bình, thời tất phải qua một buổi giao-thời bối-rối, mới dần-dần gây ra một cái văn-hiến mới. Hồi bọn tân-tiến ở Nhật-bản mới nhóm lên, nước Nhật cũng qua một buổi như thế. Bấy giờ kẻ tri-thức trong nước, về đường thực-học, chỉ mới biết mấy điều kinh-nghiệm tầm-thường của đời trước để lại. Về đường tinh-thần thì duy có cái Khổng-học cũng sơ-sài bôi-bác, mà Phật-học thì không ai chuyên-trị đến căn-đề. Về đường đạo-đức thời trong nước xưa nay vẫn lấy hai chữ *hiếu* và *trung* làm trọng, nên người ta cũng theo thói thường mà cố giữ lấy hiếu lấy trung, chứ cũng không từng xét đến cái uyên-nguyên nó thế nào, nghĩa là lòng đạo-đức chẳng qua là một sự tập-quán mà thôi. Văn-chương nước Nhật hồi bấy giờ là biểu-hiệu cái thái-độ về tri-thức, về tinh-thần, về đạo-đức đó. Cũng có những sách về luân-lý, về giáo-lý, nhưng chẳng qua là xét cái biểu-diện mà thôi, chứ không xét đến căn-đề. Song cũng không thể gọi là cái thực-tế-chủ-nghĩa » (*réalisme*) như Âu-châu được, vì nước Nhật hồi bấy giờ còn cách-biệt với thế-giới, đã biết những tư-tưởng của Âu-châu là gì đâu. Kịp đến khi Nhật-bản chịu ảnh-hưởng văn-hóa Âu-châu, thời văn-hóa ấy tất xung-đột với cái văn-hóa cũ trong nước, thành ra cái cựu-tinh-thần cũng mất đi một ít. Song các cổ-tục vẫn còn, bọn tân-tiến ham-mê cái văn-hóa của Tây-phương cố ý phản-đối những tục ấy, nhưng tự mình cũng chưa tuyên-bố rõ cái chủ-nghĩa của mình thế nào. — Bấy giờ mới bắt đầu dịch các cổ-văn của Âu-châu ra tiếng Nhật và thâu-nhập vào trong nước một cái tinh-thần mới. Bọn thanh-niên thì gặp sách gì đọc sách ấy, chưa định được một cái chủ-nghĩa chánh-đáng. Bấy giờ những phong-tục lễ-giáo cũ không ai tin nữa, mà tư-tưởng mới thì hãy còn hồng-lông, thành ra một cái phong-trào hoài-nghi và yếm-thế. Biết rằng cái chân-lý sâu-xa vô-cùng, không thể một bước mà tới được, lấy làm chán-nản; lại bị những cái cổ-phong-tục, cổ-chế-độ tựa-hồ như nó áp-chế mọi bề, mà lại càng thêm chán nữa, thành ra ai ai cũng có cái tư-tưởng chán đời. Bấy giờ là hồi người học-sinh trường Cao-đẳng tên là MISAO FOUJIMOURA vì chán đời mà đâm đầu xuống cái thác nước KEGON ở NIKKO để tự-tử, vạch vào gốc cây mấy câu rằng: « Thiên trường địa cửu, cổ vãng kim lai. Cơ huyền-diệu của tạo-hóa, người ta không thể hiểu được. Tôi nghĩ đến sự đời mà tôi chán, quyết tự-tử cho xong đời. Bi-quan với lạc-quan, yếm-thế với luyến-thế, cũng rứa cả mà thôi. » — Xem mấy câu đó thì biết cái tình-trạng bọn thanh-niên hồi bấy giờ thế nào. Cái sóng tây-học tràn vào dữ quá, trôi ngập mất cả cái nền cổ-học trong nước mà chưa gây được cái nền học khác để thay vào. Bấy giờ mới khởi ra hai cái tư-trào: một bên là cái lòng nhiệt-thành về tôn-giáo, về triết-học một bên là cái « ưu-du-chủ-nghĩa » (*dilettantisme*), cho sự đời là trò chơi cả và chỉ chủ lấy du-khoái cho mình. Nhất-diện thời những học-thuyết xúc-động đến cái lòng ai-hoài cảm-hận của người ta, thịnh-hành lắm. Những sách như sách của SCHOPENHAUER, NIETZSCHE, PASCAL, LEONARDI, sách Thánh-thư của đạo Thiên-chúa (*la Bible*), sách Thánh-thư của đạo Hồi-hồi (*le Coran*), cùng những kinh-tàng của đạo Phật, nhiều người ham đọc lắm. Hồi bấy giờ là hồi những sách của các văn-hào nước Nga thâu-nhập vào trong nước, người ta tranh nhau mà đọc, vì cái văn-chương chán đời ấy rất là hợp với tính-tình người Nhật lúc ấy. — Nhất-diện thời phái « Ưu-du » lại ưa những sách của OSCAR WILDE, d'ANNUNZIO, BAUDELAIRE cùng các văn-sĩ khác của nước Pháp. — Bấy nhiêu thứ sách-vở có ảnh-hưởng đến tư-tưởng người Nhật sâu lắm, làm cho thoát-li hẳn những học-thuyết cổ-truyền đời trước. Tôn-giáo, đạo-đức, văn-chương, không có xét theo cái phương-diện « khách-quan » như trước, mà xét theo cái phương-diện « chủ-quan », nghĩa là không xét theo sự lợi-ích cho xã-hội, mà xét theo sự cảm-động đến lòng người. Mấy nhà hát mở ra để diễn những kịch của IBSEN, HAUPTMANN,

MÆTERLINCK, SUDERMANN, BERNARD SHAW, Chính-phủ thấy cái khuynh-hướng của các rạp hát ấy có ý trái với phong-tục lễ-giáo trong nước, ra sức kiểm-duyệt các bản kịch. Lại mỗi đảng mỗi phái có một cái tùng-báo, một cái tạp-chí riêng, không những phản-đối với tiền-nhân, lại cãi-cọ công-kích lẫn nhau nữa. Bấy giờ thấy xuất-hiện ra một cái phong-trào cũng giống như phong-trào « mĩ-thuật độc-tôn » (*l'art pour l'art*) ở nước Pháp. Rồi xướng lên rằng ở đời cần phải có một phần tinh-thần, chứ không vật-chất cả được. Những người ham-mê sách TOLSTOÏ mỗi ngày một nhiều. Bọn thanh-niên Nhật-bản bấy giờ muốn đem cái chủ-nghĩa của mình thi-hành ra sự thực, nhưng lại gặp nhiều sự khó-khăn, thành ra trước kia phản-đối với sự chuyên-chế của tiền-nhân, đến nay lại phải chống đối với sự sinh-hoạt hằng ngày. Nhân đó mà sinh ra những sự như trốn việc binh, như cưỡng với quyền cha mẹ, v.v.. Cái lý-tưởng mới với cái đạo-đức cũ, lòng trung-hiếu với chí tự-do, thường xung-đột nhau luôn-luôn. Tự đó mới gây ra cái xã-hội-chủ-nghĩa và phụ-nữ-chủ-nghĩa. Bọn thanh-niên càng ngày càng khuynh-hướng về đường dân-chủ, đường quốc-tế. Những kẻ quyền-quí, trước người ta kính-sợ bao nhiêu, nay có kẻ khinh-bỉ bấy nhiêu. — Cái phụ-nữ-chủ-nghĩa ở Nhật có khác ở Âu-Mĩ, vì chỉ chủ giải phóng cho người đàn-bà được hoàn-toàn nhân-cách, chứ chưa chủ yêu-cầu những quyền-lợi về chính-trị, về kinh-tế. Muốn truyền-bá chủ-nghĩa ấy, phải cổ-động dữ lắm, vì phải chống-đối với cái tập-quán lâu đời của xã-hội bắt đàn-bà nhất-thiết phải phục-tòng đàn ông. Trong sự cổ-động ấy, cũng có nhiều người đàn-bà làm quá. công-nhiện ngao-mạn cả sự hôn-nhân, sự trinh-tiết. Kể cái phong-trào ấy cũng chửa thịnh-hành gì, nhưng mà cứ một sự gây ra được một cái phong-trào như thế cũng đủ chứng rằng trong tư-tưởng-giới nước Nhật đã xảy ra một cuộc cách-mệnh lớn vậy.

— Ấy cái tình-trạng buổi giao-thời ở nước Nhật như thế. Cái đặc-sắc của thời-kỳ ấy là người ta nhiệt-thành cố điều-hòa cái lý-tưởng mới với sự sinh-hoạt hằng ngày. Cái chủ-nghĩa thủ-cựu, chủ-nghĩa chuyên-chế bây giờ mỗi ngày một suy, bọn thanh-niên như tự-do muốn tin gì cũng được. Nhưng mà chẳng cần phải nói ai cũng hiểu rằng cái văn-hóa mới ở nước Nhật-bản, dù thế nào cũng không thể dời cái cổ văn-hóa của Đông-phương được; sắc da sắc tóc không thể đổi được theo Tây, thì tính-tình tư-tưởng cũng không thể đổi theo Tây được cả. Nước Nhật bây giờ đương mong đợi một bậc đại-hiền-triết xuất-hiện ra để điều-hòa hai cái văn-hóa Đông Tây. Hiện nay đã có nhiều người nghiên-cứu các cổ-học của Ấn-độ, của Chi-na, của Nhật-bản, và so-sánh với các học-thuyết của Thái-Tây. Dầu cái thế-giới-chủ-nghĩa có tiến-độ, mà cái quốc-gia-chủ-nghĩa cũng không thoái-bộ. Nay sắp đến một hồi tinh-thần phục-hưng, Á-Âu hòa-hợp đây, cái địa-vị của nước Nhật trong việc điều-hòa hai cái văn-hóa ấy sẽ lớn-lao quan-trọng lắm, tôi chỉ ước-ao được sống lâu mà xem kết-quả ».

Ấy cái nông-nỗi buổi giao-thời ở nước Nhật-bản về đường tinh-thần cũng đã từng khó-khăn như thế. Người Việt-Nam ta, tiếng rằng theo học Tây đã bốn năm mươi năm nay, nhưng từ trước đến nay chẳng qua là học để « làm thuê », học để « kiếm gạo », đã biết đâu cái mùi vị thâm-trầm của học-thuật Thái-Tây, nên hướng-lai sự xung-đột hai cái văn-hóa Đông Tây cũng không từng thấy xuất-hiện ra kịch-liệt gì cho lắm. Kịp đến ngày nay, cái trình-độ tây-học đã cao hơn trước được một chút, người ta đã biết học đến nghĩa-lý, chứ không học một thứ tiếng nói mà thôi, thì cái học cũ trong nước đã suy-đồi quá rồi, thành ra rút lại cũng không thấy hai cái học xung-đột nhau như ở nước Nhật-bản. Muốn có xung-đột thì phải có hai bên ngang-nhiên đối-trĩ nhau, chứ hồi nho-học còn thịnh thì tây-học không ra gì, hồi tây-học hơi kha-khá thời nho-học lại lụn rồi, như

thế thì xung-đột làm sao ? Gia-dĩ người mình lại có tính khiếp-nhu, dẫu về đường tinh-thần tri-thức cũng vậy, bên nào mạnh theo bên nấy, thấy tây-học mạnh cũng nhắm mắt theo liều, chứ vị-tất đã biết cái hay của người ta ở đâu. Hai cái học-thuật, hai cái văn-hóa đối nhau, một cái đã dành chịu ép một bề thì còn xung-đột gì nữa ? Mà có xung-đột mới có tiến-bộ. Cho nên cái nguy cho tiền-đồ sự học ở nước ta không phải ở sự xung-đột, sự cạnh-tranh hai cái văn-hóa Đông Tây với nhau như ở Nhật-bản, chính là ở không có xung-đột, không có cạnh-tranh vậy. Vì không những có cạnh-tranh mới có tiến-bộ, mà có cạnh-tranh rồi mới có ngày điều-hòa được. Nước Nhật còn mong có ngày điều-hòa được hai cái văn-minh Âu-Á, chư nước ta về đường tinh-thần thì mong cái gì bây giờ? Mong cho văn-minh được bằng nước Pháp chăng ? Khó lòng lắm, vì như lời văn-sĩ Nhật nói, ta không thể đổi được sắc da ta thì cũng không thể đổi được tâm-tình ta. Ta chỉ có thể làm người Pháp « giả cầy » mà thôi, chứ không thể làm được người Pháp thuần-túy. Còn như phong-tục, lễ-giáo, văn-chương, cổ-điển của nước nhà thì hiện nay trong bọn tân-tiến còn mấy người hồi-cố đến nữa, và mấy chục năm nữa thì sẽ mất tích hẳn ; đến tiếng nói của nước nhà rồi cũng không nói được sõi nữa ! Bấy giờ thời Tây không ra Tây, Nam không còn Nam nữa, ta sẽ thành giống gì ?...

Việc trong nước. — *Quan Toàn-quyền đã xuống tàu.* — Có điện rằng quan Toàn-quyền MERLIN ngày 13 tháng 7 xuống tàu sang phó-lị. Các quan văn-phòng ngài cũng cùng đi một chuyến ấy. Chánh Văn-phòng là quan cai-trị hạng nhất LE FOL hồi xưa đã làm đồng-lý Phủ Khâm-sứ ở kinh-đô Huế.

Quan Toàn-quyền MERLIN trong mấy tháng ở *Paris* đã thương-thuyết mọi việc với quan Thượng-thư SARRAUT và giao-tiếp với các yếu-nhân trong chính-giới thương-giới, cùng các hội có quan-hệ với bên ta, như hội *Comité du Commerce et de l'Industrie*, hội *Institut Colonial français*, hội *Foyer des Indochinois*, v. v... Ngài cũng đã từng diễn-thuyết nhiều lần và tuyên-bố cái chính-kiến của Ngài. Ngài có nói một câu rằng : « Cái chính-sách của tôi ở Đông-Pháp sẽ gồm trong một câu : là đãi người theo lối Pháp và trị đất theo lối Mĩ *(traiter les hommes à la française et la terre à l'américaine).* » Câu ấy nghĩa là cai-trị người dân thì lấy cách khoan-dung đại-độ là cái phép chính-trị của nước Pháp xưa nay, mà khai-khẩn đất thì dùng những cách doanh-nghiệp tối-tân như nước Mĩ bây giờ.

Quan MERLIN sẽ ở Sài-gòn một tháng, rồi mới đi đường bộ qua Huế mà lên Hà-nội. Vậy chừng cũng đến trung-tuần tháng 9 tây Ngài mới đến Hà-thành.

Giới-thiệu sách mới. — Mấy năm nay cái phong-trào cải-lương đã lan khắp trong xã-hội ta, không những là phong-tục ở chốn hương-thôn, ai cũng muốn cải-lương cho tốt, dẫu đến ca-nhạc ở nơi hí-viện, ai cũng muốn cải-lương cho hay. Song phải biết rằng cải-lương không phải là bỏ hết cả lối cũ đi mà theo ngay lối mới đâu, không phải là bỏ cả lối y-phục của ta đi mà mặc ngay lối Âu-trang đâu, không phải là bỏ cả văn-chương ca-nhạc của ta đi mà diễn theo ngay như tân-kịch Thái-Tây đâu, điều gì của mình hay, thì mình nên giữ lấy, điều gì của mình dở, thì mình mới nên sửa đổi đi, như thế mới hợp với trình-độ cải-lương được. Nếu muốn tả cái tình-trạng xã-hội của nước ta, hay là diễn những sự-tích trong lịch-sử nước ta, thì cần nhất là phải giữ lấy lối văn-chương ca-nhạc của ta. Huống-chi lối văn tuồng của ta thực là một lối văn-chương riêng trong nghề diễn-kịch. Người ta đi xem kịch xưa nay vẫn nghe quen những câu *nói lối* lưu-loát như nước chảy, những câu hát *nam* êm-ái như đàn ngọt hát hay, những câu hát *khách* hùng-dũng như mưa sa gió giật ; lại hòa thêm tiếng *tiêu* tiếng *sáo* dịu-dàng, tiếng *nhị* tiếng *hồ* đưa

đầy, thì câu ca giọng hát lại càng đưa nổi lên, có khác gì như văng-vẳng tai nghe tiếng nhạc Thiều tâu ở trên chín bệ.

Song ít lâu nay những vở tuồng cũ hay có tiếng, thì con hát không mấy người thuộc, mà những vở tuồng mới thì những nhà văn-nhân tài-tử không mấy người soạn ra, nên chi những con nhà nghề chỉ thuộc lòng mấy câu sáo cũ, bất cứ là tấn tuồng mới hay cũ, vở nào cũng chỉ hát mấy câu sáo thuộc lòng lẩm-nhẩm ấy thôi, khiến cho người nghe phải chán tai mà đứng dậy.

Mới đây ông Hoàng Hữu-Đôn, Tri-huyện Yên-phong muốn lợi-dụng lối văn tuồng để tả cái hiện-tình trong xã-hội, có soạn ra bản kịch *Si-tình mộng-tỉnh*, lối văn vẫn là lối văn cũ, mà câu truyện thật là câu truyện mới, tả ra một anh si-tình, chỉ ham chơi-bời hát xướng, đến nỗi mắc lừa mắc lận, có đủ các vai trò, nào là vai Bang-trưởng thì hát giọng khách-chú, vai công-tử Bột thì nói giọng bông-lơn, vai nghiện, vai bạc-lấu, vai nào ra giọng vai ấy cả ; nhất là vai Đào Thiên-nương lúc nhớ chồng ra ngồi thêu, hát lắm giọng than-vãn như rót vào tai. Lại những câu khuyên chồng rằng : « *Giáo hát bội sao đàm được giặc, trống hồng-lâu dễ phá nổi thành, làm trai hai chữ công-danh, nước có đứng thì nhà mới vững.* » Ấy những câu nói như thế, thì ý-vị là chừng nào, bổ-ích cho phong-hóa biết là chừng nào ! Lại khéo thay mở ngay cuộc diễn-thuyết ở trên sân khấu, diễn về vấn-đề vì chữ tình quên chữ hiếu trung, khiến cho những người xưa nay chỉ giả danh hai chữ ái-tình, trốn việc nước việc nhà, việc chồng việc con, mà mải-miệt trong những cuộc dâm-bôn, bàn cờ-bạc, nếu có nghe hồi diễn-thuyết ấy cũng phải hồi-tâm tỉnh-ngộ.

Ấy cái vở tuồng diễn ra như thế, thì thực là hợp cách cải-lương. Huống-chi lại lấy những tiếng tiêu tiếng sáo mà cải-lương bớt những tiếng phèng-phèng ầm-ỹ, lấy những câu nói đối-đáp ung-dung mà cải-lương bớt những câu hò reo mùa nhẩy, tặng kiếm mã thì có ngựa thật kiếm thật, chứ không phải như cái lối hát cũ chỉ cầm cái roi giả cách làm ngựa chạy vòng quanh trên sân khấu.

Ý ông là muốn đem vở tuồng ấy mà tả rõ cái hiện-tình xã-hội ra như thực, khiến cho người xem kịch lắm lúc phải buồn phải tức, phải than phải khóc, mà lại phải bựt cười !

Vở tuồng ấy hiện đã đem khai-diễn ở nhà hát tây lớn Hà-nội ngày 23, 24 Juin vừa rồi, để quyên vào phòng thí-nghiệm Pasteur ; các vai tuồng đều là những tay tài-tử đóng giúp, vai nào cũng học thuộc lòng những câu nói lối, câu nam, câu bắc ở trong vở, mà hát theo như lối nói chuyện đối-đáp với nhau, câu văn dã hay mà hát lên lại khoan-thai rành mạch, nghe ra như rót vào tai. Các vị quí-khách Tây Nam hôm ấy đến xem diễn bản-kịch ấy rất đông, đều ngợi khen ông Huyện Hoàng đã khéo soạn ra vở tuồng hay, nên mới khéo tổ-chức được cuộc hát cải-lương đích-đáng như vậy. Thế thì bản-kịch *Si-tình mộng-tỉnh* ấy cũng đáng gọi là bản tân-kịch cải-lương, đã in ra độ 36 trang, có bán tại các cửa hàng sách.

— Ông Nguyễn Văn-Ích thư-ký ngạch tòa sứ Bắc-kỳ, mới xuất-bản quyển *Chính-pháp yếu-lược* chia làm sáu thiên : Thiên thứ nhất: Dẫn các hòa-ước Bảo-hộ ; — thiên thứ hai : — Cách tổ-chức chính-phủ Đông-Pháp; — thiên thứ ba : Việc cai-trị các xứ ; — thiên thứ tư : Việc cai-trị các tỉnh ; — thiên thứ năm : Cách tổ-chức việc hành-chánh các tỉnh Bắc-kỳ ; — thiên thứ sáu ; Cách tổ-chức việc hình-án ở Bắc-kỳ. — Đó là ông tóm tắt cả các thể-lệ về chính-trị và pháp-luật mà biên-tập gồm cả làm một quyển, để tiện khi lâm-thời tra-xét cần-dùng. Sách làm có thứ tự, mà xếp đặt một cách rất minh-bạch, ý ông là muốn để giúp cho các hàng tổng-lý trong việc hành-chính.

Trong bài tựa ông lại tuyên-bá rằng : « *Sách bán được lãi thì ông để ra một phần lớn cúng vào cuộc Ấu-trĩ viện, và một phần nhỏ để giúp các làng bên Pháp bị tàn-phá trong khi chiến-tranh* ». Xem như lời tuyên-bá ấy thì ai cũng biết ông làm ra quyển sách ấy, không phải là hiếu-danh mà cũng không phải là cầu-lợi. Chắc rằng ông Ích sẵn lòng nhiệt-thành về việc công-ích cho cả quốc-dân xã-hội, ông không những lấy cái học-thức mà giúp cho hàng tổng-lý về đường hành-chánh cho khỏi

lầm-lỗi việc quan, mà lại lấy lòng từ-thiện muốn giúp cho dân con ấu-trĩ được nhờ ơn dưỡng-dục, thế thì quyển sách này mà bán được nhiều thời các chốn thôn-quê để thường cũng mở thêm được nhiều vườn ấu-trĩ nữa chăng ? Nếu các nhà làm sách mà ai cũng có lòng công-ích như ông, thì lo gì những công-nghiệp từ-thiện ở nước ta lại chẳng thừa tiền mà khuếch-trương cho đạt tới mục-đích. Vậy xin giới-thiệu cùng chư-độc-giả nên sẵn lòng mua sách mà giúp cho Ấu-trĩ-viện. — Giá sách mỗi quyển 1 đồng.

— Người Tây ở bên ta, hoặc sang du-lịch bên ta, thường có khi làm sách nói về xứ ta, như tiểu-thuyết, du-ký, nghị-luận, v. v. Những sách ấy kể cũng đã nhiều lắm, họp cả lại có thể thành một cái thư-viện nhỏ. Song những sách ấy, người Nam ta ít hay xem đến, hoặc là không biết mà xem, hoặc cũng có khi không lấy làm hứng-thú. Thiết-tưởng nếu có thì-giờ cũng nên đọc chơi cho biết, bất-luận là hay là dở, là phải là quấy, ta cũng nên biết người quí-quốc, nhất là những người đã ở bên ta lâu năm, quan-sát và phán-đoán về nước ta dân ta thế nào. — Mới đây hiệu *Imprimerie d'Extrême Orient* có xuất-bản một bộ tiểu-thuyết đề là *Rives lointaines* của ông JEAN JACNAL (là biệt-hiệu một quí-quan ở Trung-kỳ đã lâu năm) tả về cách ăn-ở của người Tây ở bên An-Nam. Bản-chí xin giới-thiệu sách ấy cho các ngài thích đọc văn tây.

—Ông CUCHEROUSSET, chủ-bút báo *Eveil économique*, mới xuất-bản một cuốn sách thuật về « Lễ khánh-thành công việc đào sông dẫn-thủy nhập-điền ở tỉnh Vĩnh-yên», ông TRẦN VĂN-QUANG dịch ra quốc-ngữ. Sách in ở Đông-Kinh-ấn-quán, có ảnh và bản-đồ về các đường sông máng ở Bắc-kỳ tường lắm.

—Ông Nguyễn Thượng-Huyền mới xuất-bản một quyển tiểu-thuyết, phần trên có sáu bài là : *Bên hiếu bên tình*, *Ngọn đèn canh khuya*, *Người với chó*, *Tình-nghiệt*, *Nhan-sắc giết người*, *Bỏ chồng*, những truyện đó là ông lựa theo sự thực mà đặt ra, lại điểm-nhiễm thêm lời văn cho vui truyện. Phần dưới có bốn truyện là : *Tình-hoặc*, *Không sợ vợ*, *Tình kia thù nọ*, *Cái trống*, đó là những truyện ông dịch ở các sách Tây Tàu, câu truyện đã ly-kỳ mà lời văn lại chải-chuốt, ai xem chẳng lấy làm vui.

Ấy cái nội-dung trong quyển sách có chừng ấy bài, chừng độ hơn 100 trang. Còn phần ngoài thì bìa trắng mà lại in chữ xanh chữ đỏ, trông rất là ngoạn-mục, ai cầm đến quyển truyện mà chẳng ưa. Vậy bản-chí cũng vui lòng giới-thiệu cùng độc-giả.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Tiệc tháng ngày 30 tháng 6 tây. — Tiệc tháng chiều ngày thứ bảy 30 tháng 6 vừa rồi cũng vui-vẻ như mấy lần trước. Dự tiệc chừng có 40 ông hội-viên. Việc sắp-đặt tiệc kỳ này mới bắt đầu do Hội-đồng coi việc nhà công-quán trông nom, chủ Hội-đồng là quan Thượng Lê Trung-Ngọc.

Khi tiệc xong, ông Nguyễn Quí-Toản diễn-thuyết về « Vấn-đề Thể-dục ». Ông nói hơn một giờ đồng-hồ ; bài diễn-thuyết khảo-cứu tinh-tường, sẽ đăng trong *Nam-Phong tạp-chí* kỳ tháng 7 tây.

∴

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này có giấy xin vào Hội, bạn trong hai tháng, trong hội-viên có ai dị-nghị, xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì

1° — Ông Đào Văn-Bình, thừa-phái phủ

Mĩ-đức, tỉnh Hà-đông *(Do ông Nghiêm Xuân-Lan giới-thiệu).*

2· — Ông Hoàng Văn-Nghi, 40 tuổi, thông-sự sở Hỏa-xa phía bắc (nhà Ga Hà-nội), ở số 14 phố Nam-ngư, Hà-nội *(Do ông Nguyễn Hữu-Qui giới thiệu).*

3·— Ông Lê Trọng-Trạc, 45 tuổi, thông-sự sở Hỏa-xa phía Bắc (nhà Ga Hà-nội) ở số 28 bis phố Hàng Đẫy, Hà-nội *(Do ông Nguyễn Hữu-Qui giới thiệu).*

4·— Ông Nguyễn Công-Tiễu, Phụ-giáo trường Cao-đẳng Nông-Lâm, ở trại Hàng-Hoa, Hà-nội.

5· — Ông Nguyễn Đình-Linh, 31 tuổi, thông-sự sở Hỏa-xa phía Bắc (nhà Ga Hà-nội) ở số 104 phố Hàng-Gai, Hà-nội *(Do ông Nguyễn Hữu-Qui giới thiệu).*

6· — Ông Nguyễn Đức-Nhuận, Hội-viên tỉnh Hà-đông, ở làng Đại-yên, tổng Nội, huyện Hoàn-long, Hà-đông *(Do ông Phạm Hoàng-Chung giới-thiệu).*

7· — Nguyễn Huy-Phức, 31 tuổi, thông-sự sở Hỏa-xa phía Bắc (nhà Ga Hà-nội), ở số 12 phố Hàng-Mành, Hà-nội *(Do ông Nguyễn Hữu-Qui giới-thiệu).*

8 — Ông Nguyễn Ngọc-Lan, 40 tuổi thông-sự sở Hỏa-xa phía Bắc (nhà Ga Hà-nội), ở số 23 phố Hàng-Đẫy *(Duvillier)* Hà nội *(Do ông Nguyễn Hữu-Qui giới-thiệu).*

9. — Ông Nguyễn Ngọc-Thành, giáo-học, quán làng Hoàng-mai, huyện Hoàn-long, Hà-đông.

10· — Ông Nguyễn Như-Ngọc, làm kế-toán ở sở Hỏa-xa, đường Vinh—Đông-hà, ở Quảng-bình.

11 — Ông Nguyễn Văn-Dzụng, Thông-phán ở phủ Thống-sứ, ở số 6 phố hàng Rươi *(Rue des Verres blancs)* Hà-nội *(do ông Nguyễn Hữu-Qui giới-thiệu).*

12 — Ông Nguyễn Văn-Minh, tức Tuệ, 39 tuổi, thông-sự sở Hỏa-xa phía Bắc, (nhà Ga Hà-nội), ở số 8 phố Nam-ngư, Hà-nội *(do ông Nguyễn Hữu-Qui giới-thiệu).*

13 — Ông Trần Bá-Gi, 37 tuổi, thông-sự ở sở Hỏa-xa phía Bắc (nhà Ga Hà-nội), ở số 53 đường Đồng-khánh, Hà-nội(*do ông Nguyễn Hữu-Qui giới-thiệu).*

14 — Ông Trần Nguyên-Anh, quán làng Hữu-dụng, tỉnh Nam-định (Ga Núi-Gôi), hiện trụ-cư tại nhà ông Ninh-Lãng, lục-sự phủ Mĩ-đức, Hà-đông *(do ông Nghiêm Xuân-Lan giới-thiệu).*

Hội viên Tây. — Tháng này Hội thêm được một ông danh-dự-hội-viên Tây là: M. CRAYSSAC, administrateur adjoint à Nam-định.

Hội viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 70 (Avril 1923), nay hết hạn hai tháng không ai đi-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1 tháng 7 tây năm 1923:

Vào chân chủ-trì

Ông Hoàng-Tương — Lê-văn-Tiêu — Nguyễn Đăng-Phát — Nguyễn Đức-Nhâm — Nguyễn Trọng-Nhiễm — Phạm Duy-Hàn — Phạm Văn-Khoa — Thân Trọng-Quế — Philippe Thược — Trần Đức-Gỹ — Trần Quang-Hiệu.

Vào Thường-hội-viên

Ông Ngô Từ-Liêm.

Ấu-trĩ viên. — Quan Nguyên-Khâm-sứ TISSOT là chánh hội-đồng quản-trị Ấu-trĩ-viên, quyên cho Ấu-trĩ-viên 30 đồng.

Việc điều-tra tục-ngữ phương-ngôn. — Trong các tỉnh bắc-kỳ Bản-hội nhờ điều-tra về tục-ngữ phương-ngôn, duy mới có tỉnh Bắc-giang là gửi về được một tập, như kỳ trước đã nói. tập này của ông trợ-giáo Phạm Hữu-Phong cóp nhặt kể cũng đã kỹ-lưỡng lắm, xin nói qua cách xếp đặt như sau này, để ngài nào có muốn giúp bản-hội về việc điều-tra châm-chước đấy mà làm cho tiện. Các câu ca-dao ông phân ra mấy mục như sau này: I. Lời khuyên-răn ; — II. Giọng nói xỉa-bỉu ; — III. Nói ví ; — IV.

Nói chua; — V. Riễu-mỉa ; — VI. Chế-nhạo ; — VII. Ước-ao ; — VIII. Than thân trách phận ; — IX. Tình trai gái ; — X. Lời nguyệt-hoa ; — XI. Vợ chồng ; — XII. Khí-hậu ; — XIII. Tướng người ; — XIV. Sơn-xuyên ; — XV. Tôn-giáo ; — XVI. Bói-toán ; — XVII. Những câu đố. (Đó là 17 mục ông chia ra như thế, nhưng ngài nào mà nhặt được nhiều câu thuộc về mục khác, như : Vua tôi, Cha con, Bạn bè, Thầy trò, v. v. đặt thêm mục ra cũng chẳng hề gì, càng phân-loại rõ-ràng càng hay. Song đó là thuộc về ca-dao, thì mới nên phân-loại như thế, nếu là tục-ngữ thì tưởng không cần, vì vụn-vặt và phiền quá, chỉ nên xếp theo thứ-tự A B C chữ đầu câu, hay là chữ có nghĩa quan-trọng nhất trong câu, thế là đủ. Các ngài biết câu gì, xin cứ chép cho, không ngại rằng trùng với những câu đã gửi về rồi, vì khi nào nhận được nhiều, chúng tôi sẽ họp cả lại mà lọc một lượt, câu nào trùng sẽ bỏ đi, câu nào cùng một câu mà hai ba cách nói thời cân nhắc cách nào đúng hơn sẽ giữ). — 17 mục trên là phần ca-dao ; phần dưới lại có những mục như sau này : I. Nói lái của phường buôn trâu và phường bán thịt lợn ; — II. Nói lối (theo phương-ngôn) : — III. Nói bông, nói đùa, nói bóng (theo phương-ngôn) ; — IV. Hát đò đưa ; — V. Hát giã gạo ; — VI. Hát tạp ; — VII. Các câu ca về nghề-nghiệp ; làm ruộng ; giồng dâu ; thợ mộc ; nghề đan ; — VIII. Những khí cụ về nghề làm ruộng ; — IX. Các thứ thóc ; — X. Những tiếng riêng về nghề giồng dâu ; nghề chở đò ; nghề dệt cửi ; nghề thợ mộc ; nghề kéo mật ; nghề vẽ ; nghề sơn ; nghề đánh cá ; — XI. Các cách đo lường, v.v....

Ước-ao rằng mỗi tỉnh gửi về cho được một vài tập góp-nhặt cẩn-thận và tinh-tường như thế, thì những tiếng «nôm lối» của ta, tưởng không có sót mấy nữa. — Xin các ngài có bụng về quốc-văn nên gia-công giúp cho. Có điều-tra sưu tập được nhiều thì việc làm tự-điển sau này mới bớt khó nhọc.

Cải-chính (về số 71)

Bài : Nói về vi-trùng

Trang 409 = loài *ngũ-cốc*, đọc là loài *mốc*.
» 410 = *Müller* phân-biệt, đọc là *ông Müller* phân-biệt...
» 413 = ông *Chanin*, đọc là ông *Charrin*...
» 414 = Nếu *được* thay đất khác, đọc là nếu *đem* thay đất...
» 415 = không *có* cái mỏ đạm-khí, đọc là không *ở* cái mỏ...
» 416 = ông *Van-Tirghem* đọc là *Van-Tieghem*...
» « = ông *Cohu* đọc là *Cohn*...
» 417 = ông *Needham* thì về sau *không tự sinh* ra được, đọc là về sau *không thấy vi-trùng tự sinh* ra được...
» « « những đồ ăn *dễ* hư-hỏng, đọc là *dễ* hư-hỏng.....

Ở Phụ-trương, bài : « Diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm »

Trang 74, bên quốc-ngữ, cuối cùng đoạn thứ nhất, câu : « *Tôi xin thâm-tạ của tôi nhận lấy chút lòng hạ-cố đây,* » đọc là : « *Tôi xin ngài hạ-cố nhận lấy chút lòng thâm-tạ của tôi đây.* » — Thợ sắp chữ nhiều khi sắp lẫn-lộn như thế, kỳ nào cũng có một vài chỗ sai-lầm, không sao khỏi được, xin các độc-giả cũng lượng biết cho.